

SỰ THẬT VỀ VIỆC GIÁO SĨ LẠM DỤNG TÌNH DỤC

Nguyên tác: The Truth about Clergy Sexual Abuse



của Bill Donohue
Nhà Xuất bản Ignatius, 2021
Vũ Văn An chuyển ngữ

Đôi dòng giới thiệu Bill Donohue

William Anthony Donohue, sinh ngày 18 tháng 7 năm 1947, là một giáo dân Công Giáo người Mỹ, giữ chức chủ tịch Liên đoàn Công Giáo tại Hoa Kỳ từ năm 1993.

Donohue sinh ra tại quận Manhattan, thành phố New York. Ông bắt đầu sự nghiệp giảng dạy vào những năm 1970 tại trường St. Lucy ở Spanish Harlem. Năm 1977, ông nhận vị trí giảng dạy tại trường Cao đẳng La Roche ở McCandless, Pennsylvania. Năm 1980, ông nhận bằng tiến sĩ xã hội học từ Đại học New York. Donohue đã ly hôn và có hai người con trưởng thành từ cuộc hôn nhân của mình.

Cuốn sách đầu tiên của ông là *The Politics of the American Civil Liberties Union*. Ông trở nên gắn bó với Heritage Foundation bảo thủ, nơi ông là một học giả cộng tác.

Trong khi Donohue còn học đại học ở New York, Virgil C. Blum, một tu sĩ Dòng Tên tại Đại học Marquette ở Milwaukee, Wisconsin, thành lập Liên đoàn Công Giáo để chống lại chủ nghĩa bài Công Giáo trong văn hóa Mỹ. Blum qua đời năm 1990; năm 1993, Donohue trở thành giám đốc của tổ chức này. Vào năm 1993, theo The New York Times, số hội viên của Liên đoàn là 11,000 người. Nhưng đến năm 1999, số hội viên đã tăng lên tới 350,000 người trong đó 2/3 là các hội viên có đóng niên liêm.

Donohue xuất bản *The Catalyst*, tạp chí của Liên đoàn Công Giáo. Trước đây ông từng là thành viên hội đồng quản trị của Hiệp hội Học giả Quốc gia. Ông là thành viên hội đồng cố vấn của

Quỹ Pháp lý Washington, Trung tâm Howard về Gia đình, Tôn giáo và Xã hội, Hiệp hội các nhà khoa học xã hội Công Giáo, Catholics United for the Faith, Viện Ave Maria, Ủy ban Phim và Truyền hình Ki-tô giáo và Cựu chiến binh Công Giáo. Ông đã nhận được Giải thưởng Thánh Thomas More năm 2005 về Công dân Công Giáo từ Catholic Citizens of Illinois.

Năm 2022, Donohue được trao bằng Tiến sĩ Luật danh dự từ Trường Luật Ave Maria. Ông cũng đã có bài phát biểu khai giảng cho lớp tốt nghiệp.

Ông nổi bật nhân biến cố “Lạm dụng tình dục bởi các linh mục”.

Năm 2009, sau khi báo cáo chính thức của Ủy ban Ryan được công bố, trong đó có những phát hiện bao gồm nhiều trường hợp hiếp dâm và bằng chứng thuyết phục về tình trạng lạm dụng tình dục, cảm xúc và thể chất tràn lan trong toàn bộ hệ thống trường học Công Giáo ở Ireland, Donohue đã công khai phủ nhận những cáo buộc hình sự này và mô tả phản ứng của giới truyền thông đối với Báo cáo Ryan là "cuồng loạn". Ông lập luận rằng hầu hết các hành vi phạm tội xảy ra trước năm 1970 khi "hình phạt thể xác", như Donohue gọi, không bị coi là không thể chấp nhận được, và gọi các nạn nhân là "những kẻ vô lại [miscreant]". Ông lưu ý các định nghĩa rộng về lạm dụng trong báo cáo, bao gồm cả sự bỏ bê và lạm dụng tình cảm. Vì đa số các linh mục không phải là những kẻ hiếp dâm, ông cho rằng các tiêu đề tin tức như của Reuters "Các linh mục Ireland đánh đập, hiếp dâm trẻ em" là "hoang dã và vô trách nhiệm", bất kể các tiêu đề đó có đúng hay không. Ông đổ lỗi cho báo cáo và các nhà báo.

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2010, Donohue xuất hiện trên chương trình Larry King Live của CNN trong một cuộc thảo luận về việc lạm dụng tình dục trẻ em bởi các linh mục. Donohue cho rằng vấn đề kéo dài hàng thập niên này chủ yếu bao gồm các hành vi phạm tội liên quan đến các bé trai đã dậy thì từ 12 tuổi trở lên, do đó, theo Donohue, các hành vi phạm tội này nên được coi là hành vi của các linh mục đồng tính luyến ái, chứ không phải là hành vi của những kẻ ấu dâm. Donohue cũng chỉ ra Báo cáo John Jay độc lập, trong đó nêu rõ rằng 81% nạn nhân là nam giới và 78% đã dậy thì.

Vào tháng 8 năm 2018, Donohue đã phản hồi lại một báo cáo của bồi thẩm đoàn Pennsylvania tiết lộ việc lạm dụng tình dục trẻ em tràn lan bởi khoảng 300 linh mục bằng cách tuyên bố rằng các nạn nhân không bị cưỡng hiếp vì họ chỉ bị sờ mó, chứ không bị xâm hại tình dục.

"Không có cuộc khủng hoảng nào đang diễn ra," ông tweet. "Trên thực tế, không có tổ chức nào, tư nhân hay công cộng, lại ít gặp vấn đề về lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên hơn Giáo Hội Công Giáo ngày nay." Một số cá nhân nhanh chóng lên án tuyên bố của ông; John Podhoretz, biên tập viên của tạp chí Commentary, nói rằng, "Linh hồn của Bill Donohue đã nhanh chóng rời khỏi cơ thể ông ta." Jim Lokay, người dẫn chương trình của đài WTTG-TV thuộc Fox ở Washington, D.C., đã tweet rằng tuyên bố của Liên đoàn Công Giáo là "Một trong những tweet đáng xấu hổ, ngu dốt, thiếu tế nhị và kiêu ngạo nhất mà tôi từng thấy."

Donohue đã rất tức giận trước những cuộc tấn công này đến nỗi ông đã viết một cuốn sách lập luận rằng đến năm 2018, Giáo Hội Công Giáo thực sự đã có thành tích tốt nhất trong việc xử lý các trường hợp lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên so với bất cứ tổ chức nào ở Hoa Kỳ. Ông đã tập hợp hơn 800 chú thích trong cuốn sách của mình, *Sự thật về lạm dụng tình dục của giáo sĩ: Làm rõ sự thật và nguyên nhân*, để chứng minh tính hợp lệ của lập trường của mình.

Nhận thấy tuy ngày nay vấn đề giáo sĩ lạm dụng tình dục đã thoát khỏi con mắt soi mói của

truyền thông thế tục, nhưng các định kiến về nó vẫn chưa được giải tỏa khỏi não trạng hiện đại, chúng tôi xin chuyển ngữ và cho phổ biến cuốn sách nói trên của Donohue.

LỜI NÓI ĐẦU

Trong nửa thế kỷ qua, Giáo Hội Công Giáo đã trải qua hai vụ tai tiếng: cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục bởi giáo sĩ, do các linh mục và giám mục gây ra, và việc lợi dụng nó, do những người chỉ trích gay gắt Giáo Hội Công Giáo và những người trục lợi từ các vụ kiện pháp lý gây ra. Cả hai đều gây thiệt hại lớn cho Giáo hội.

Vụ tai tiếng lạm dụng tình dục bởi giáo sĩ, vụ tai tiếng I, liên quan đến các vấn đề nội bộ của Giáo Hội Công Giáo và môi trường tạo điều kiện cho nó. Vụ việc chủ yếu diễn ra từ giữa những năm 1960 đến giữa những năm 1980, mặc dù hậu quả – xét về việc vụ tai tiếng bị phơi bày – mãi đến đầu thế kỷ này mới được công khai. Hai bên liên quan đến vụ tai tiếng – các linh mục lạm dụng tình dục và các giám mục dung túng – đã gây ra tổn hại to lớn cho những người yêu mến Giáo hội và cho hình ảnh công cộng của Giáo hội. Thiệt hại đối với các nạn nhân là không thể đo lường được.

Một ít thập niên qua không hề dễ dàng. Những câu chuyện kinh hoàng về lạm dụng tình dục bởi những người đàn ông mà chúng ta kính trọng đã khiến chúng ta đau lòng, thậm chí phẫn nộ. Điều khó hiểu không kém là các giám mục đã luân chuyển những người đàn ông này từ giáo xứ này sang giáo xứ khác.

Có một vụ tai tiếng khác, Vụ tai tiếng II, cũng đáng được chúng ta quan tâm. Nó là sản phẩm của nhiều bên, bao gồm giới truyền thông, ngành kỹ nghệ giải trí, các nhóm vận động, các nhà hoạt động vì nạn nhân và luật sư của họ, các tổng chương lý tiểu bang và những người khác. Họ quyết tâm thúc đẩy quan niệm sai lầm rằng không có tổ chức nào có lịch sử lạm dụng tình dục tồi tệ hơn Giáo Hội Công Giáo. Sự quan tâm thái quá của họ đối với Giáo hội, điều phần lớn vượt quá việc họ dò xét kỹ bất cứ tổ chức nào khác, dường như là hệ quả của lòng thù địch của họ đối với Giáo hội. Nói thẳng ra, họ đang lợi dụng chúng ta – họ đang lợi dụng công chúng bằng cách áp dụng một tiêu chuẩn cho Giáo hội và một tiêu chuẩn khác cho hầu hết các tổ chức khác. Và hãy thành thật mà nói, làm như vậy có thể kiếm được rất nhiều tiền.

Rồi đến những vị linh mục tốt. Họ là ai? Họ là phần lớn các linh mục trong hàng giáo sĩ của Giáo hội. Họ đã bị biến thành vật tế thần, bị bôi xấu, bị sỉ nhục, và trong một số trường hợp, bị bỏ mặc tự lo liệu. Quyền của họ ở đâu? Không có tổ chức ACLU nào đứng ra bảo vệ họ. Không, những người bảo vệ quyền tự do dân sự dường như quan tâm hơn đến việc bảo vệ quyền của những kẻ bị nghi ngờ là khủng bố.

Có tin tốt nào không? Có. Đã có những tiến bộ lớn. Thật vậy, trong số các tổ chức tôn giáo và thế tục, ngày nay không có nơi nào an toàn hơn cho giới trẻ ngoài Giáo Hội Công Giáo.

Tôi đã tham gia vào nhiều sự kiện được nêu chi tiết trong cuốn sách này. Tôi hy vọng rằng, với tư cách là một nhà xã hội học và một nhà lãnh đạo Công Giáo, tôi có thể phá bỏ nhiều lầm tưởng về vụ tai tiếng này. Chúng ta được kêu gọi nói lên sự thật, chứ không phải che đậy nó. Đó là điều tôi đã đặt ra mục tiêu thực hiện.

PHẦN I

Phân biệt sự thật và hư cấu

Chương 1. Người Công Giáo không phải là người chịu trách nhiệm vấn đề này

Việc gán mác tất cả các linh mục là kẻ sẵn mỗi tình dục có một lịch sử lâu dài và tồi tệ ở Hoa Kỳ. Vào giữa những năm 1830, cuốn sách "Những tiết lộ kinh khủng của Maria Monk" trở thành sách bán chạy nhất, chỉ đứng thứ hai sau Kinh thánh trong ngành xuất bản tôn giáo của Mỹ. Mặc dù hoàn toàn sai sự thật, cuốn sách này đã cổ vũ quan niệm cho rằng các nữ tu là nô lệ tình dục của các linh mục; những kẻ phạm tội được cho là đã vào tu viện thông qua các đường hầm dưới lòng đất. Tác giả chính của những điều vô lý này là Mục sư J.J. Slocum, một mục sư Thệ Phản. Sau khi bán được ba trăm nghìn bản trước Nội chiến, ông đã thành công trong việc đầu độc tâm trí của những người theo chủ nghĩa bản địa căm ghét Công Giáo. (1)

Trong thế kỷ XX, Hitler đã tiếp nối câu chuyện của Maria Monk. David Kertzer là tác giả của một cuốn sách được đón nhận nồng nhiệt về Giáo Hội Công Giáo. Ông đã được một phóng viên của Đài Phát thanh Quốc gia hỏi về một bình luận mà ông đã đưa ra, nói rằng Hitler đã đe dọa làm ô nhục Giáo Hội Công Giáo. Phản ứng của Kertzer thật đáng kinh ngạc:

[Hitler] đang nói về ấu dâm và các loại tai tiếng tình dục khác. Và trên thực tế, ông ta đã tạo ra một loạt các phiên tòa xét xử đạo đức cấp cao chống lại các linh mục, nhưng cũng chống lại các tu sĩ nam và nữ, trong đó họ bị buộc tội với đủ loại hành vi đồi trụy như thác loạn và lạm dụng trẻ em, v.v. Và ông ta đã coi đây—Hitler coi đây như một loại vũ khí mà ông ta có thể sử dụng để làm mất uy tín của Giáo Hội Công Giáo. (2)

Nếu Maria Monk và Hitler tìm cách làm mất uy tín của Giáo hội, thì kẻ thù ngày nay tìm cách làm suy yếu Giáo hội. Thay vì nói dối một cách ác ý, họ thích thuyết phục công chúng rằng Giáo Hội Công Giáo có một vấn đề đặc biệt với những kẻ phạm tội tình dục. Điều này rõ ràng là không đúng sự thật. Người Công Giáo không phải là người duy nhất có vấn đề này.

Ban biên tập của tờ Philadelphia Inquirer thừa nhận rằng “đã có những vụ tai tiếng lạm dụng tình dục tại các định chế khác, bao gồm các trường công lập, đại học, các tổ chức tôn giáo khác, giới truyền thông, chính trị và Hollywood. Nhưng không nơi nào lạm dụng lại lan rộng và trách nhiệm giải trình bị coi thường như trong Giáo Hội Công Giáo.” (3) Tờ Washington Post đồng ý, cho rằng Giáo hội có “lịch sử độc nhất vô nhị như một nơi trú ẩn cho những kẻ lạm dụng”. (4) Như sẽ được chứng minh, cả hai bài xã luận đều không chính xác về mặt sự kiện.

Trường Cao đẳng Tư pháp Hình sự John Jay ở Thành phố New York, nơi đã thực hiện hai nghiên cứu lớn về lạm dụng tình dục của giáo sĩ cho Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ (USCCB), đã đi đến một kết luận khác. “Nạn nhân hóa tình dục trẻ em là một vấn đề nghiêm trọng và phổ biến trong xã hội. Nó hiện diện trong các gia đình, và không phải là hiếm gặp trong các tổ chức nơi người lớn hình thành các mối quan hệ cố vấn và nuôi dưỡng với thanh thiếu niên, bao gồm các trường học và các tổ chức tôn giáo, thể thao và xã hội.” (5) Trường cao đẳng này cũng tuyên bố, trích dẫn hai nghiên cứu của mình, rằng “không có tổ chức nào tiến hành một nghiên cứu về chính mình theo cách thức của Giáo Hội Công Giáo”; Điều này vẫn đúng cho đến ngày nay. (6)

Các nhà nghiên cứu của Đại học John Jay đáng được ghi nhận vì đã đưa ra bản tóm tắt ngắn

gọn về nhiều tổ chức thế tục và tôn giáo đã bị vướng vào các vấn đề lạm dụng tình dục.(7) Tuy nhiên, vẫn có những điểm không nhất quán. Báo cáo đầu tiên ghi nhận rằng “rất ít trường hợp [lạm dụng] được báo cáo cho cảnh sát.” (8) Nhưng cùng một báo cáo lại nói rằng “khoảng 24% linh mục bị cáo buộc lạm dụng đã được báo cáo cho cảnh sát.” (9) Nhận xét về tổng số trên toàn quốc bao gồm mọi lĩnh vực của xã hội, báo cáo cho biết, “Chỉ có 5.7% các vụ việc được báo cáo cho cảnh sát.” (10) Ngược lại, Giáo Hội Công Giáo đã làm tốt hơn nhiều.

Năm 1985, một cuộc khảo sát của tờ Los Angeles Times cho thấy 27% nữ giới và 16% nam giới cho biết họ đã bị lạm dụng tình dục khi còn nhỏ.

Chỉ 3% trong số những trường hợp bị cáo buộc đó được báo cáo cho cảnh sát. (11) Năm 2010, Ernie Allen, chủ tịch Trung tâm Quốc gia về Trẻ em Mất tích và Bị Bóc lột, cho biết: “Chúng tôi không coi Giáo Hội Công Giáo là ổ chứa vấn nạn này [lạm dụng tình dục trẻ em] hay là nơi có vấn đề nghiêm trọng hơn bất cứ nơi nào khác.” (12) Năm 2019, người ta nói rằng “hơn 60,000 trẻ em được báo cáo là bị lạm dụng mỗi năm, nhiều hơn số trẻ em bị giết bằng súng hoặc xe hơi.” (13)

Lạm dụng tình dục trong các tổ chức tôn giáo không thuộc Công Giáo

Không có tổ chức tôn giáo nào khác thu thập dữ liệu về giáo sĩ của mình, và về rất nhiều biến số, theo cách mà Giáo Hội Công Giáo làm. Hầu hết các tôn giáo đều phi tập trung và thiếu các giao thức thống nhất để lưu trữ hồ sơ. Đó là điểm cộng và điểm trừ đối với Giáo hội. Đó là điểm cộng vì chúng ta có hồ sơ chính xác hơn nhiều về các linh mục và phó tế so với những người tương ứng trong các tôn giáo khác. Đó là một điểm trừ vì các luật sư muốn bòn rút tiền của Giáo hội có một nguồn dữ liệu đáng tin cậy và phong phú để sử dụng. Ngay cả khi cho phép so sánh không chính xác, từ những gì chúng ta biết, rõ ràng là Giáo Hội Công Giáo không độc quyền về vấn nạn lạm dụng tình dục.

Mục sư Jimmy Hinton chủ trì giáo đoàn Church of Christ ở Somerset, Pennsylvania. Nói về vấn nạn lạm dụng tình dục, ông viết, “Một số người cho rằng đây là vấn đề của riêng Giáo Hội Công Giáo. Không phải vậy, hoàn toàn không phải. Có rất nhiều trường hợp khác nữa. “Nhiều nhà thờ Thệ Phản và phi giáo phái che đậy hành vi lạm dụng và cố tình chuyển những kẻ lạm dụng từ nhà thờ này sang nhà thờ khác, hoặc âm thầm bác bỏ một kẻ lạm dụng đã biết và không buồn kiểm tra kẻ lạm dụng đó cũng như không biết họ định cư ở đâu.” (14) Basyle Tchividjian, giáo sư luật tại Đại học Liberty và là cháu trai của Billy Graham, đồng ý. Ông nói: “Người Thệ Phản có thể rất kiêu ngạo khi chỉ trích người Công Giáo. Tôi nghĩ chúng tôi còn tệ hơn.” (15)

Vào mùa xuân năm 2002, khi vụ tai tiếng lạm dụng tình dục trong Giáo Hội Công Giáo nhận được sự chú ý chưa từng có, tờ Christian Science Monitor đã đưa tin về kết quả các cuộc khảo sát quốc gia của Christian Ministry Resources. Kết luận thật đáng kinh ngạc. “Mặc dù các tiêu đề tập trung vào vấn đề linh mục ấu dâm trong Giáo Hội Công Giáo Rô-ma, hầu hết các nhà thờ Mỹ bị cáo buộc lạm dụng tình dục trẻ em đều là Thệ Phản, và hầu hết những kẻ bị cáo buộc lạm dụng không phải là giáo sĩ hay nhân viên, mà là các tình nguyện viên của nhà thờ.” (16) Giáo sư Philip Jenkins, tác giả của một cuốn sách về vụ tai tiếng Công Giáo, đã xác định rằng từ 0.2 đến 1.7% linh mục là những kẻ ấu dâm. Tỷ lệ này trong giới giáo sĩ Thệ Phản dao động từ 2 đến 3 phần trăm. (17)

Năm 2018, tờ Fort Worth Star-Telegram đã điều tra về lạm dụng tình dục tại các nhà thờ Baptist theo chủ nghĩa chính thống độc lập. Tờ báo này phát hiện 187 nhà thờ bị cáo buộc lạm dụng, liên quan đến 412 trường hợp hành vi sai trái tình dục. (18) Các nhà thờ hoạt động độc

lập, nhưng một số thống thuộc các trường đại học. “Bạn không báo cáo với cảnh sát vì mục sư là người có thẩm quyền tối cao, chứ không phải chính phủ”, một người đi nhà thờ cho biết. Một tín hữu khác, người đã hai lần thoát khỏi việc trở thành nạn nhân của hành vi lạm dụng tình dục, nói rằng, “Trong chủ nghĩa chính thống cực đoan, phương thức hành động là các mục sư, nhà thờ và các tổ chức tôn giáo thường che đậy và giấu nhem những chuyện nghiêm trọng đến mức kinh khủng”. Điều gì xảy ra cho các mục sư che đậy hành vi lạm dụng? Không những hậu quả “hiếm khi xảy ra”, mà trong một số trường hợp, “người bị lạm dụng thậm chí còn bị buộc phải xin lỗi trước toàn thể giáo đoàn.” (19)

Các phóng viên phát hiện ra rằng các nhà thờ này sử dụng ba chiến thuật chính: “Các mục sư chuyển những người bị nghi ngờ lạm dụng đến các nhà thờ khác hoặc các trường học liên kết với nhà thờ”; “các mục sư giới thiệu một người bị nghi ngờ lạm dụng cho một công việc mới mà không thông báo cho nhà thờ hoặc trường học về các cáo buộc”; “các mục sư gây áp lực buộc nạn nhân giữ im lặng, nói với họ rằng họ sẽ hủy hoại chức vụ của người bị cáo buộc lạm dụng hoặc các mục sư đơn giản là không tin vào những lời buộc tội.” (20) Một số thành viên của hàng giáo sĩ Công Giáo cũng làm chính những điều tương tự, nhưng sự phán đoán tồi tệ của họ đã được phát sóng khắp cả nước, và trong nhiều năm liền.

Hội thánh Baptist miền Nam là giáo phái Thệ Phản lớn nhất trong cả nước. Một cuộc khảo sát năm 1993 của Tạp chí Chăm sóc Mục vụ cho thấy 14% mục sư Baptist miền Nam cho biết họ đã tham gia vào “hành vi tình dục không phù hợp”, và 70% cho biết họ biết một mục sư đã có liên hệ như vậy với một thành viên nhà thờ. (21)

Năm 2019, một cuộc điều tra của Houston Chronicle và San Antonio Express News phát hiện ra rằng hơn bảy trăm người, hầu hết là trẻ em, đã bị lạm dụng tình dục bởi các mục sư, nhân viên nhà thờ hoặc tình nguyện viên của Hội Thánh Baptist miền Nam trong hai thập niên qua. (22) Các tờ báo cũng tiết lộ rằng gần bốn trăm nhà lãnh đạo Hội Thánh Baptist miền Nam đã nhận tội hoặc bị kết án về tội phạm tình dục. Các phóng viên cho biết một số nhà thờ này sử dụng các thỏa thuận bằng văn bản cung cấp sự bảo vệ pháp lý cho tổ chức và cấm các thành viên kiện nhà thờ. Tệ hơn nữa, một công ty phòng chống lạm dụng có tổ chức, MinistrySafe, được cho là người bênh vực nạn nhân, lại do các cố vấn pháp lý của một số nhà thờ điều hành. (23)

Nhân Chứng Giê-hô-va cũng có lịch sử lạm dụng tình dục. Tờ New York Times phát hiện ra rằng hầu hết các nạn nhân được báo cáo là nữ và “nhiều cáo buộc liên quan đến loạn luân”. (24) Một người đàn ông trưởng thành đã lên tiếng vào năm 2019 để kể về việc anh ta bị một trưởng lão nhà thờ lạm dụng tình dục khi anh ta hai hoặc ba tuổi. Điều này diễn ra, “khoảng bốn đến sáu lần một tuần”, trong bốn năm. Kẻ lạm dụng đã thụ án ba năm rưỡi trong tù và sau đó trở lại làm mục sư. Một “văn hóa bí mật” đã ngăn cản các tín hữu mới biết về quá khứ của ông ta. (25)

Không có nhiều thông tin về lạm dụng tình dục trong cộng đồng Hồi giáo, nhưng tình hình đủ tồi tệ để dẫn đến việc thành lập Facing Abuse in Community Environments (FACE). Tổ chức này được thành lập bởi các nhà hoạt động và luật sư nữ Hồi giáo để truy bắt những kẻ săn mồi.

Trong một trường hợp gây xôn xao dư luận năm 2019, một imam từ Texas bắt đầu tư vấn cho một cô gái mười ba tuổi, và năm năm sau, ông ta tự xưng là chồng tiềm năng của cô. Vào thời điểm đó, ông ta đã có hai vợ và không có ý định kết hôn với cô gái, “Jane Doe”. Ông ta bắt đầu “dụ dỗ Jane trở nên gợi cảm hơn và cuối cùng tham gia vào các hành vi tình dục bất hợp pháp với ông ta”. FACE chịu trách nhiệm đưa ông ta ra trước công lý. (26)

Năm 2020, Dự án Hurma được ra mắt để chống lại lạm dụng tình dục trong cộng đồng Hồi

giáo. Theo người sáng lập người Canada, Ingrid Mattson, thuật ngữ *hurma* có nghĩa là sự bất khả xâm phạm thiêng liêng khỏi sự bóc lột và lạm dụng. Mattson, người phụ nữ đầu tiên, người cải đạo đầu tiên và người Bắc Mỹ đầu tiên giữ chức chủ tịch của Hiệp hội Hồi giáo Bắc Mỹ, đã tổ chức một hội nghị tại Trường Cao đẳng Hồi giáo Hoa Kỳ vào năm 2020 để thu hút sự chú ý đến vấn nạn lạm dụng tình dục trong cộng đồng Hồi giáo. Họ được tổ chức để đưa “vấn nạn lạm dụng tình dục của các *sheikh* ra khỏi bóng tối”. (27)

Người Do Thái cũng gặp phải vấn đề lạm dụng tình dục. Năm 2019, gần một năm sau khi một cuộc điều tra độc lập kết luận giám đốc điều hành của tổ chức cắm trại lớn nhất Bắc Mỹ phạm tội lạm dụng hoặc quấy rối tình dục, toàn bộ hội đồng quản trị của NJY Camps, một hiệp hội Do Thái ở New Jersey, đã từ chức. Hội đồng gồm sáu mươi thành viên đã bỏ phiếu giải tán sau khi biết rằng ban lãnh đạo cấp cao đã biết về hành vi sai trái tình dục trong nhiều năm nhưng không làm gì cả. (28)

Khi một thành viên của giáo sĩ Công Giáo bị nghi ngờ lạm dụng tình dục, người đó sẽ bị đưa ra trước tòa án để điều tra. Nếu vụ việc được coi là đáng tin cậy, các nhà chức trách sẽ được liên hệ, trong khi chờ điều tra. Trong giới Do Thái Chính thống, một tòa án giáo sĩ, hay *beth din*, tiến hành điều tra, và chính quyền không bao giờ được thông báo. Ngay cả giới truyền thông cũng không được biết. “Không ai được phép cung cấp cho bất cứ phương tiện truyền thông nào thông tin về bất cứ cư dân nào mà nếu được công khai, có thể dẫn đến một cuộc điều tra hoặc truy tố mạnh hơn bởi bất cứ cơ quan thực thi pháp luật nào.” Đó là cách một *beth din* ở Brooklyn xử lý các vấn đề. (29)

David Zwiebel, một luật sư nổi tiếng ở New York chuyên xử lý các vụ lạm dụng tình dục cho người Do Thái Chính thống, nói rõ rằng theo luật tôn giáo, nếu một giáo sĩ nói với một trong những người theo ông ta không được báo cảnh sát, người này phải tuân theo phán quyết đó. Zwiebel, một lãnh đạo của Agudath Israel, không ngần ngại lên án những người bất đồng chính kiến Chính thống lên tiếng về lạm dụng tình dục. Ông cáo buộc họ buôn bán “tin đồn ác ý, lời lẽ xấu xa và lãng phí thời gian”, tất cả đều bị Tô-ra cấm. (30) Giới truyền thông xử lý những trường hợp như vậy một cách qua loa, như thể đó là một câu chuyện về con người. Tuy nhiên, nếu các giám mục Công Giáo nói với giáo dân rằng theo luật Giáo hội, họ không được phép liên hệ với chính quyền dân sự khi nghi ngờ có tội phạm, họ sẽ trở thành tâm điểm của những bài báo gây chấn động.

Lạm dụng tình dục trong các định chế thế tục

Sẽ cần một cuốn sách dày để liệt kê chi tiết tất cả các tổ chức và ngành nghề thế tục đã bị ảnh hưởng bởi hành vi sai trái về tình dục. Thật vậy, có đủ tài liệu để viết thành nhiều tập. Để ngắn gọn, dưới đây là một số ví dụ hiếm khi được đề cập trên truyền thông nhưng đáng chú ý. Điều này cho thấy, một lần nữa, người Công Giáo không phải là người duy nhất chịu trách nhiệm về vấn đề này.

Gia đình

- “Trẻ mẫu giáo sống với một cha mẹ ruột và một cha mẹ kế có nguy cơ trở thành nạn nhân bị lạm dụng trẻ em cao gấp 40 lần so với trẻ cùng độ tuổi sống với hai cha mẹ ruột.” (31)
- “Khoảng 85% thủ phạm [lạm dụng tình dục trẻ em] là thành viên gia đình, người giữ trẻ, hàng xóm, bạn bè hoặc họ hàng. Khoảng một phần sáu kẻ xâm hại trẻ em là trẻ em khác.” (32)
- “Trẻ em sống trong các hộ gia đình có người lớn không có quan hệ huyết thống có nguy cơ tử vong do thương tích gây ra cao gấp gần 50 lần so với trẻ em sống với 2 cha mẹ ruột.” (33)

■ “Trẻ em sống với cha mẹ ruột đã kết hôn có tỷ lệ [bị ngược đãi] thấp nhất, trong khi những trẻ sống với cha mẹ đơn thân có bạo hành sống chung trong nhà có tỷ lệ cao nhất trong tất cả các loại ngược đãi.” (34)

■ “Ước tính 60% thủ phạm lạm dụng tình dục được trẻ biết đến nhưng không phải là thành viên gia đình, ví dụ như bạn bè của gia đình, người giữ trẻ, người chăm sóc trẻ em, hàng xóm. Khoảng 30% thủ phạm lạm dụng tình dục trẻ em là thành viên gia đình. Chỉ khoảng 10% thủ phạm lạm dụng tình dục trẻ em là người lạ đối với trẻ. Không phải tất cả thủ phạm đều là người lớn—ước tính 23% các trường hợp lạm dụng tình dục trẻ em được báo cáo là do những cá nhân dưới 18 tuổi gây ra. (35)

Hội Hướng đạo sinh

■ Vào tháng 2 năm 2020, Hội Hướng đạo sinh Hoa Kỳ đã nộp đơn xin bảo hộ phá sản theo Chương II tại tòa án phá sản. Năm 1970, Hội Hướng đạo sinh có 5 triệu thành viên; đến năm 2020, con số đó đã giảm xuống còn một nửa. Năm 2020, tổ chức này có tài sản trị giá 1 tỷ đô la và nợ phải trả từ 500 triệu đến 1 tỷ đô la. Sự suy giảm này phần lớn là do hàng loạt vụ kiện lạm dụng tình dục. “Trong những năm gần đây, một chuyên gia được tổ chức này thuê đã xem xét hàng thập niên hồ sơ và báo cáo rằng có gần 8,000 ‘thủ phạm’.” (36)

■ Vào tháng 11 năm 2020, có thông tin cho rằng Hội Hướng đạo sinh sẽ phải đối diện với hơn 92,000 cáo buộc lạm dụng tình dục. “Số lượng cáo buộc và tổng số tiền bồi thường để giải quyết chúng sẽ dễ dàng vượt qua những vụ tai tiếng lạm dụng tình dục đã nhấn chìm Giáo Hội Công Giáo Hoa Kỳ hơn một thập niên trước, các luật sư của nguyên đơn cho biết.” (37)

Quân đội

■ “Hơn 100,000 người đàn ông đã bị tấn công tình dục trong quân đội trong những thập niên gần đây.”

■ “Phụ nữ phải đối diện với tỷ lệ tấn công tình dục cao hơn nhiều trong quân đội— khoảng gấp bảy lần so với nam giới.” (38)

Trẻ em di dân

■ “Hàng ngàn trẻ em di dân vượt biên vào Hoa Kỳ đã báo cáo rằng chúng bị lạm dụng tình dục khi đang bị chính phủ giam giữ.” (39)

Nhà dành cho người khuyết tật

■ “Hàng trăm trang hồ sơ kỷ luật từ năm 2015 đến năm 2017, do tờ [New York] Times thu được theo luật công khai hồ sơ của tiểu bang, cho thấy hơn một phần ba số nhân viên trên toàn tiểu bang bị phát hiện phạm tội liên quan đến lạm dụng tại các nhà ở tập thể và các cơ sở khác đã được cho trở lại làm việc, thường là sau khi hòa giải với công đoàn của người lao động.”

■ “Việc lạm dụng nhân viên trong các cơ sở tái chế từ lâu đã là một vấn đề nan giải. Tám năm trước, tờ Times đã xem xét hàng nghìn trang hồ sơ kỷ luật của 233 công nhân. Trong một phần tư các trường hợp lạm dụng được xác nhận, nhân viên đã được chuyển đến các cơ sở khác thay vì bị sa thải, kể cả trong các trường hợp liên quan đến tấn công tình dục.” (40)

Khu bảo tồn người da đỏ

■ “Các viên chức liên bang và tiểu bang cho biết họ đã ghi nhận những sai sót nghiêm trọng trong hệ thống phúc lợi trẻ em tại Khu bảo tồn người da đỏ Spirit Lake ở Bắc Dakota, cho rằng

mặc dù tình trạng lạm dụng trẻ em ở đó đang ở mức độ dịch bệnh, nhưng bộ lạc đã tìm cách che giấu nó.”

■ “Các vấn đề được các nhà quản lý dịch vụ y tế và xã hội phát hiện bao gồm trẻ em nuôi dưỡng trong khu bảo tồn đã được gửi đến những ngôi nhà nơi những người phạm tội tình dục đã đăng ký sinh sống và một nạn nhân nữ vị thành niên bị lạm dụng tình dục, người được đưa vào một ngôi nhà của bộ lạc, sau đó đã bị cưỡng hiếp.”

■ “Theo các viên chức liên bang, bộ lạc này cũng đã thuê một nhân viên xã hội chuyên trách về trẻ em từng bị kết án về tội lạm dụng trẻ em nghiêm trọng và thuê một nhân viên xã hội khác, người đã phát hiện một đứa trẻ 1 tuổi bị phủ đầy 100 con ve gỗ [wood ticks] nhưng không đưa đứa trẻ đến bệnh viện.”

■ “Theo các nhà quản lý liên bang và tiểu bang, bộ lạc này đã không tiến hành kiểm tra lý lịch bắt buộc trước khi đưa trẻ em vào diện chăm sóc nuôi dưỡng, không thực hiện các chuyến thăm hàng tháng bắt buộc đối với trẻ em được chăm sóc nuôi dưỡng và đã đưa trẻ em được chăm sóc nuôi dưỡng ra khỏi nhà một cách bất hợp pháp và đưa chúng đến nơi khác mà không xác định rằng những ngôi nhà mới sẽ an toàn.” (41)

Các bác sĩ tâm thần

■ Ủy ban Công dân về Nhân quyền cho biết rằng “trong cơ sở dữ liệu công khai về các hành vi phạm tội và kỷ luật do nhân viên ngành sức khỏe tâm thần thực hiện, gần một phần ba số bản án hình sự là về lạm dụng tình dục do các bác sĩ tâm thần, các nhà tâm lý học, nhà trị liệu và cố vấn gây ra, bao gồm cả việc lạm dụng tình dục trẻ em.” (42)

Các bác sĩ

■ Tờ Atlanta Journal-Constitution đã tiến hành một cuộc điều tra toàn quốc về các bác sĩ và phát hiện ra rằng trong số “2,400 bác sĩ bị kỷ luật công khai sau các cáo buộc về hành vi sai trái tình dục với bệnh nhân, một nửa vẫn còn giấy phép hành nghề y tế hợp lệ cho đến ngày nay”.

■ Cuộc điều tra “đã xem xét các tài liệu mô tả các hành vi lạm dụng tình dục đáng lo ngại của bác sĩ ở mọi tiểu bang. Các vụ cưỡng hiếp bởi bác sĩ sản phụ khoa, sự quyến rũ bởi bác sĩ tâm thần, sự sờ mó bởi bác sĩ gây mê và bác sĩ nhãn khoa, và sự quấy rối bởi bác sĩ nhi khoa và bác sĩ X quang. Nạn nhân là trẻ sơ sinh. Thanh thiếu niên. Phụ nữ ở độ tuổi 80. Người nghiện ma túy và tù nhân. Những người sống sót sau vụ lạm dụng tình dục thời thơ ấu.”

■ “Chỉ có 11 tiểu bang có luật yêu cầu các cơ quan y tế báo cáo cho cảnh sát hoặc công tố viên khi họ nghi ngờ một tội phạm tình dục đã được thực hiện đối với người lớn.” (43)

Trại hè

■ “CBS News đã xác định được hàng trăm báo cáo về lạm dụng tình dục xảy ra tại các trại hè dành cho trẻ em trên khắp Hoa Kỳ. Chúng tôi đã tìm thấy báo cáo của hơn 500 nạn nhân bị cáo buộc bị lạm dụng tình dục tại các trại hè dành cho trẻ em trong 55 năm qua.”

■ “Hơn 14 triệu người tham dự trại hè mỗi năm. Nhưng không có quy định quốc gia nào để các trại hè tuân theo. Tám tiểu bang không có yêu cầu cấp phép cho các trại hè qua đêm, và 18 tiểu bang không yêu cầu kiểm tra lý lịch nhân viên.” (44)

Thế vận hội

■ “Hơn 350 phụ nữ và trẻ em gái đã cáo buộc bác sĩ đội tuyển quốc gia Thể dục dụng cụ Hoa Kỳ [Larry Nassar] lạm dụng tình dục họ dưới vỏ bọc điều trị y tế.”

■ “Những khiếm khuyết về cấu trúc trong quản trị của cả ủy ban thể và các cơ quan quản lý thể

thao đã dẫn đến một cách tiếp cận không can thiệp, đặt ưu tiên vào việc giành huy chương chứ không phải bảo vệ các vận động viên.” (45)

Giáo sư

■ “Tỷ lệ lạm dụng và quấy rối tình dục trong khoa học học thuật chỉ đứng thứ hai sau quân đội. Ước tính rằng ít nhất một nửa số giảng viên và nhân viên nữ phải đối diện với quấy rối và lạm dụng, và từ 20 đến 50% sinh viên nữ trong các ngành khoa học, kỹ thuật và y học bị lạm dụng bởi giảng viên.”

■ Theo Julie Libarkin của Đại học Bang Michigan, “khoảng 30% số người quấy rối đã bị điều tra nhiều hơn một lần. Việc bị điều tra không ngăn cản họ quấy rối lần nữa.” (46)

Các tập đoàn

■ “Đối với nhiều công ty, việc trả tiền phạt vì quấy rối tình dục được coi là chi phí kinh doanh.” Chỉ trong bảy năm qua [2010—2017], các công ty Hoa Kỳ đã phải trả hơn 295 triệu đô la tiền phạt công khai liên quan đến các khiếu nại quấy rối tình dục.” (47)

■ “Hàng ngàn nhân viên Google đã đình công... tại các văn phòng trải dài từ California đến Dublin để phản đối cách xử lý các khiếu nại quấy rối tình dục của công ty.” Hơn 60% văn phòng của Google trên toàn thế giới đã tham gia cuộc đình công. (48)

Hollywood

■ “Tôi có thể nói với bạn rằng vấn đề số một ở Hollywood đã, đang và sẽ luôn là ấu dâm”, Corey Feldman nói. “Có một nhóm đàn ông lớn tuổi vây quanh nhóm trẻ em này, và tất cả họ đều có quyền lực riêng hoặc có mối quan hệ với những người có quyền lực lớn trong ngành giải trí.” (49)

■ Feldman “đề cập đến ‘mặt tối’ của người bạn Michael Jackson dẫn đến sự xa cách giữa họ, và cảnh báo về những nguy hiểm ‘ngày càng gia tăng chứ không phải giảm đi’ của những kẻ săn mồi trẻ em thời internet ở Hollywood, một nơi ‘người lớn có nhiều mối liên hệ trực tiếp và không phù hợp với trẻ em hơn có lẽ bất cứ nơi nào khác trên thế giới’”. (50)

■ “Có rất nhiều rắn độc trong ngành này”, Elijah Wood nói, “những người chỉ quan tâm đến lợi ích của riêng mình.” Có bóng tối ẩn sâu bên trong—nếu bạn có thể tưởng tượng ra, thì có lẽ nó đã xảy ra rồi.” (51)

Trường công lập

■ “[Một] cuộc điều tra kéo dài bảy tháng [của Associated Press] đã phát hiện ra 2,570 nhà giáo dục bị thu hồi, từ chối, tự nguyện giao nộp hoặc bị xử phạt chứng chỉ giảng dạy từ năm 2001 đến năm 2005 sau những cáo buộc về hành vi sai trái tình dục. Thanh thiếu niên là nạn nhân trong ít nhất 1,801 trường hợp, và hơn 80% trong số đó là học sinh. Ít nhất một nửa số nhà giáo dục bị trừng phạt bởi tiểu bang của họ cũng bị kết tội về các tội liên quan đến hành vi sai trái của họ.”

■ “Hầu hết các vụ lạm dụng không bao giờ được báo cáo. Những trường hợp được báo cáo thường kết thúc mà không có hành động nào. Các trường hợp được điều tra đôi khi không thể chứng minh được, và nhiều kẻ lạm dụng có nhiều nạn nhân.” (52)

■ “Một cuộc điều tra kéo dài một năm của USA Today Network đã phát hiện ra rằng các viên chức giáo dục đã đặt trẻ em vào tình thế nguy hiểm bằng cách che giấu bằng chứng lạm dụng, giữ bí mật các cáo buộc và tạo điều kiện dễ dàng cho các giáo viên lạm dụng tìm việc làm ở nơi

khác. Kết quả là, học sinh trên khắp cả nước tiếp tục bị đánh đập, cưỡng hiếp và quấy rối bởi giáo viên của mình trong khi các viên chức chính phủ ở mọi cấp độ đứng nhìn và không làm gì cả.”

■ “Quốc hội đã thông qua một đạo luật vào tháng 12 năm 2015 yêu cầu các tiểu bang cấm các học khu bí mật chuyển các giáo viên có vấn đề sang các khu vực pháp lý khác hoặc đối diện với việc mất quỹ liên bang. Nhưng 45 tiểu bang vẫn chưa thực hiện điều này. đã ban hành lệnh cấm.” (53)

■ Theo một báo cáo năm 2017 do Bộ Tư pháp Hoa Kỳ tài trợ, “Ước tính 10% học sinh từ lớp K-12 sẽ trải qua hành vi sai trái tình dục bởi một nhân viên nhà trường trước khi tốt nghiệp trung học.” (54)

■ Theo Terri Miller, giám đốc điều hành của tổ chức Stop Educator Sexual Abuse, Misconduct and Exploitation, “Trách nhiệm của các công đoàn giáo viên trong vấn đề cụ thể này rất lớn, sâu rộng và có tầm ảnh hưởng rộng lớn như bạn có thể tưởng tượng, từ chính trị học khu địa phương đến Quốc hội. Chúng tôi đã chứng kiến các công đoàn cản trở quá nhiều dự luật tốt về vấn đề này ở cấp tiểu bang, địa phương và liên bang.” (55)

Việc đọc về cách các công đoàn giáo viên đã cản trở công lý khiến tờ Washington Post trông yếu đuối khi ca ngợi các trường công lập vì “có trách nhiệm hơn” so với Giáo Hội Công Giáo trong việc chống lại lạm dụng tình dục. (56)

Lạm dụng tình dục trong các phương tiện truyền thông

Nhìn chung, giới truyền thông không có thành tích tốt trong việc xử lý các hành vi sai trái về tình dục. Charlie Rose, Matt Lauer, Glenn Thrush, Mark Halperin, Leon Wieseltier, Hamilton Fish và Michael Oreskes chỉ là một vài trong số những cái tên lớn đã bị cáo buộc.

Khi bốn nữ nhà báo cáo buộc phóng viên Glenn Thrush của tờ New York Times có hành vi sai trái về tình dục, không có cuộc điều tra độc lập nào được tiến hành; cuộc điều tra được thực hiện nội bộ. Dean Baquet, tổng biên tập của tờ New York Times, giải thích phản ứng của tờ báo: “Mặc dù chúng tôi tin rằng Glenn đã có hành vi xúc phạm, nhưng chúng tôi đã quyết định rằng anh ấy không đáng bị sa thải.” (57) Thay vào đó, Baquet cho phép Thrush tham gia tư vấn.

Đây không phải là một lập trường không thể biện minh, nhưng nó mang tính đạo đức giả khi chính tờ báo đó lại yêu cầu các giám mục liên hệ với chính quyền khi có cáo buộc lạm dụng tình dục đối với một linh mục. Tại sao tờ Times có thể tự xử lý các vụ việc sai trái về tình dục, nhưng Giáo Hội Công Giáo thì không? Tại sao tờ báo lại chỉ trích các giám mục vì dựa vào tư vấn trong khi chính tờ báo lại dựa vào tư vấn để giải quyết một trong những người phạm tội của mình?

Thật đáng xấu hổ khi chúng ta biết rằng cùng năm Glenn Thrush bị vướng vào rắc rối, ba người phụ nữ đã cáo buộc Michael Oreskes quấy rối tình dục. Hai trong số các vụ việc bị cáo buộc xảy ra vào những năm 1990, khi Oreskes là trưởng văn phòng Washington, D.C. của tờ New York Times. Vào thời điểm đó, Jill Abramson, người sau này trở thành tổng biên tập của tờ Times, là cấp phó của Oreskes. Bà nói rằng bà biết về những hành vi bị cáo buộc của ông ta nhưng không làm gì để ngăn chặn chúng. (58)

Tờ Boston Globe cũng có một trường hợp tương tự. Vào tháng 3 năm 2017, một nữ nhân viên trẻ đã nộp đơn khiếu nại lên bộ phận nhân sự chống lại một nhà báo nam. Cô nói rằng anh ta đã gạ gẫm cô quan hệ tình dục với vợ anh ta. Nhưng đơn khiếu nại của cô không đi đến đâu. Một năm trước đó, cô đã cáo buộc người đàn ông này yêu cầu cô ngủ với anh ta. Anh ta vẫn được

phép tiếp tục công việc cho đến khi có thêm những cáo buộc chống lại anh ta từ bên ngoài văn phòng. Anh ta là ai? Tờ Globe từ chối trả lời. Họ tuyên bố đây là “vấn đề nhân sự bí mật”. Biên tập viên Brian McGrory của tờ Globe thừa nhận ông sẽ bị buộc tội đạo đức giả, nhưng thì sao? “Tôi có thể chấp nhận điều đó dễ dàng hơn nhiều so với việc phải hy sinh các giá trị của chúng ta để thỏa mãn cơn khát của thời điểm này.” (59)

Sự trung thực, nhất quán, công bằng và minh bạch đã đi đâu rồi? Còn sự trung thành với pháp luật thì sao? Theo luật Massachusetts, quấy rối tình dục nơi làm việc bao gồm cả hành vi bằng lời nói và thể chất. Luật pháp nêu rõ rằng những lời tán tỉnh và yêu cầu quan hệ tình dục cấu thành hành vi quấy rối tình dục.

Trong khi tờ Globe tự tha thứ cho mình, họ lại là người chỉ trích gay gắt cách xử lý vấn nạn lạm dụng tình dục của Giáo Hội Công Giáo. Vào thời điểm đó, tôi đã nêu chi tiết mười hai trường hợp mà các bài xã luận của tờ báo chỉ trích Giáo hội vì “luật im lặng”, “bức màn bí mật” và “thiếu minh bạch”. (60) Tôi đã chỉ trích McGrory về điều này trên chương trình The Ingraham Angle của Laura Ingraham trên kênh Fox News. (61) Cuối cùng, ông đã đưa ra lời xin lỗi về cách xử lý vấn đề này. (62)

Trong nhiều trường hợp lạm dụng tình dục tại nơi làm việc, thủ phạm ít nhất cũng bị nhiều đồng nghiệp nghi ngờ, và trong một số trường hợp, hầu như mọi người đều biết chuyện gì đang xảy ra. Điều này đặc biệt đúng khi hành vi lạm dụng có tính chất liên tục. Trong trường hợp như vậy, thật vô lý khi nghĩ rằng chỉ một vài người biết chuyện gì đang xảy ra—điều này đúng với cả các linh mục lẫn các giám đốc điều hành truyền thông.

Les Moonves là cựu giám đốc CBS, người đã chứng kiến sự nghiệp của mình lao dốc khi hành vi lạm dụng tình dục của ông bị công khai. Nhà báo Kyle Smith khẳng định mọi người xung quanh Moonves đều biết ông ta đang làm gì: “Họ biết. Tất cả đều biết. Đàn ông biết. Phụ nữ biết. Ngay cả những chậu cây cũng chắc chắn biết. Không ai nói gì cả. Họ không muốn gây nguy hiểm cho công việc tiếp theo của mình.” (63)

Một báo cáo do các luật sư bên ngoài chuẩn bị cho CBS đã xác minh báo cáo của Smith và phát hiện ra rằng “nhiều nhân viên của công ty, bao gồm cả các giám đốc điều hành cấp cao và thậm chí cả các thành viên hội đồng quản trị, đều biết về hành vi sai trái tình dục bị cáo buộc của cựu giám đốc điều hành Les Moonves và những nỗ lực che giấu sau đó.” (64)

Tại sao chương trình 60 Minutes không hướng máy quay vào chính mình—chương trình này rất giỏi trong việc nhắm vào Giáo Hội Công Giáo—và làm một phân đoạn về Moonves? Có lẽ là vì nhà sản xuất điều hành lâu năm của chương trình, Jeff Fager, bản thân cũng là một kẻ săn mồi. Ông ta đã bị sa thải vào năm 2018, ngay sau khi Moonves bị sa thải. (65)

Fager có thể đã bị sa thải sớm hơn nếu tờ Washington Post làm đúng nhiệm vụ của mình. Năm 2019, tờ báo này đã đăng một bài xã luận gay gắt chống lại các giám mục, cáo buộc họ thực thi quyền lực “gần như tuyệt đối” đối với các cuộc điều tra lạm dụng. (66) Điều khiến bài xã luận này trở nên thiếu trung thực là nó được in cùng thời điểm mà biên tập viên Marty Baron của tờ Washington Post đang sử dụng quyền lực “gần như tuyệt đối” của mình để ngăn chặn một câu chuyện về hành vi quấy rối tình dục của Fager.

Amy Brittain, phóng viên điều tra của tờ báo, và Irin Carmon đã dành bốn tháng để thực hiện một câu chuyện về Fager; đó là bài báo này là phần tiếp theo của bài viết hồi tháng 11 năm 2017 về Charlie Rose, người đã bị CBS sa thải sau khi có cáo buộc quấy rối tình dục. Các phóng viên đã nói chuyện với một số phụ nữ cáo buộc rằng Fager đã lạm dụng tình dục họ. Họ

cho biết, Baron liên tục trì hoãn câu chuyện và từ chối nói chuyện với họ. Khi câu chuyện cuối cùng được đăng tải, tất cả các cáo buộc chống lại Fager đã bị xóa; chỉ có thêm các cáo buộc chống lại Rose được đưa vào bản in. (67) Tại sao tờ Washington Post lại ếm nhem câu chuyện về Fager? Theo một trong những phóng viên, Carmon, người đã viết về vụ việc tội tặc này trên tạp chí New York, một trong những lý do liên quan đến mối quan hệ giữa tờ báo và chương trình của Fager. Ông nói rằng "mối quan hệ thân thiết giữa tờ báo và 60 Minutes" có liên quan đến việc này. (68)

Nếu không phải vì việc Baron thực thi "quyền lực gần như tuyệt đối", thì rất có thể câu chuyện này đã được đăng tải. Hơn nữa, sự ưu ái dành cho các đồng nghiệp mà tờ báo thường xuyên cáo buộc các giám mục thực hiện cũng được phơi bày rõ ràng. Năm 2017, NBC đã sa thải người dẫn chương trình Today, Matt Lauer, sau khi có một đơn khiếu nại chi tiết về hành vi tình dục không phù hợp tại nơi làm việc nhắm vào ông. Sau đó, NBC đã tiến hành một cuộc điều tra về cáo buộc này và các cáo buộc khác, kết luận rằng mặc dù các cáo buộc là đáng tin cậy, nhưng không có "mô hình lan rộng hoặc có hệ thống" về lạm dụng tại NBC. (69) Linda Vester, một cựu người dẫn chương trình tin tức của đài, đã chỉ trích cuộc điều tra, nói rằng, "Họ có những chi tiết gây bất lợi về Lauer và những người khác trong ban quản lý được cho là đã bảo vệ ông ta. Nhưng chẳng có gì xảy ra cả." Bà nói rằng vấn đề nằm ngay ở cấp cao nhất của NBC. "Tại sao Andy Lack, Chủ tịch của NBC News, lại không để chuyện này bị phanh phui? Có phải vì bản thân ông ta từng có tiền sử bị cáo buộc về hành vi sai trái tình dục tại nơi làm việc trong quá khứ và do đó, chính ông ta cũng có tội? Hay là vì ông ta chỉ muốn bảo vệ và—bảo vệ những người đàn ông có địa vị cao khác trong công ty?" (70)

Tờ New York Times cũng đã bảo vệ những người đứng đầu của mình. Khi người đứng đầu BBC, Mark Thompson, được lên kế hoạch trở thành chủ tịch kiêm giám đốc điều hành mới của Công ty New York Times vào tháng 11 năm 2012, ông ngay lập tức bị nghi ngờ. Gần một năm trước đó, BBC đã quyết định đình chỉ cuộc điều tra của chương trình Newsnight về vụ tai tiếng lạm dụng tình dục gây chấn động nhất trong lịch sử Vương quốc Anh. Đối tượng bị điều tra là Jimmy Savile, một biểu tượng nổi tiếng từng làm việc tại BBC từ những năm 1960 đến giữa những năm 1990, bị cáo buộc hiếp dâm trẻ em và là kẻ săn mồi hàng loạt. Thompson, người từng là tổng giám đốc của BBC từ năm 2004 đến năm 2012, đã phủ nhận mọi hành vi sai trái. (71)

Savile là DJ đầu tiên của Anh. Ông cũng là người dẫn chương trình truyền hình, đô vật, quản lý vũ trường, vận động viên đua xe đạp, vận động viên chạy marathon, nhà phê bình sách, thành viên Mensa và là kẻ hiếp dâm trẻ em. Công việc nổi tiếng nhất của ông là dẫn chương trình Top of the Pops, chương trình âm nhạc huyền thoại của Vương quốc Anh. Chương trình riêng của ông, Jim'll Fix It, kéo dài gần hai mươi năm; nó cho phép ông đưa ra những lời hứa với trẻ em mà ông đã cố gắng thực hiện. Thật không may, đối với rất nhiều đứa trẻ này, Jimmy đã lợi dụng chúng để thỏa mãn dục vọng tình dục của mình. (72) Ông ta săn mồi là các bé trai và bé gái vị thành niên, cả trẻ em và thanh thiếu niên, và ông ta đã làm điều đó trong xe hơi, trong phòng thay đồ của BBC, trong các phòng bệnh viện và trong phòng ngủ của các nữ sinh tại một trường nội trú. (73) Ông ta đã làm điều này trong nhiều thập niên mà không bị trừng phạt.

Thompson bắt đầu làm việc tại BBC vào năm 1979, khi Savile đang cường hiếp trẻ vị thành niên trong khuôn viên của BBC. "Trong thời gian tôi làm tổng giám đốc của BBC," Thompson nói, "tôi chưa bao giờ nghe thấy bất cứ cáo buộc nào hoặc nhận được bất cứ khiếu nại nào về Jimmy Savile." (74) Điều đó chắc chắn sẽ khiến ông ta trở nên độc nhất vô nhị. Bill Oddie, cựu diễn viên, nói rằng "mọi người trong BBC đều biết" về việc Savile săn mồi trẻ em. Ông ta đã nói một cách mỉa mai về sự thiếu hiểu biết được cho là của Thompson. "Ông từng làm việc ở

BBC mà lại không biết gì về chuyện này sao? Đừng ngớ ngẩn thế.” (75) P. D. James, tiểu thuyết gia tội phạm nổi tiếng, cũng đồng ý: “Đường như ai cũng biết về Jimmy Savile.” (76)

Ngay sau khi Thompson tuyên bố mình không biết gì thì chính văn phòng báo chí của BBC đã mâu thuẫn với ông. Cùng ngày 7 tháng 10 năm 2012, có thông tin cho rằng vào tháng 12 năm trước, Thompson đã “được một nhà báo cấp cao giận dữ cảnh báo về những hậu quả tiềm tàng của việc hủy bỏ cuộc điều tra Newsnight”. Vào ngày 24 tháng 10, có thông tin cho rằng một phóng viên nước ngoài được kính trọng của BBC, Caroline Hawley, cũng đã nói chuyện với Thompson tại một bữa tiệc Giáng sinh về vấn đề này; bà nói rằng bà đã thông báo cho ông về “bối cảnh chung” của những gì đã xảy ra. Thompson nói rằng ông nhớ đã nghe nói về điều này nhưng không hỏi chi tiết. (77)

Vào ngày 16 tháng 11, có thông tin cho rằng mười ngày trước khi Thompson rời BBC vào tháng 9, luật sư của ông đã viết một lá thư cho tờ Sunday Times ở London, đe dọa sẽ kiện nếu họ quyết định tiếp tục đăng một bài báo chi tiết về vấn đề Savile. Không thể tránh khỏi, bức thư đã tóm tắt những cáo buộc chống lại biểu tượng của BBC, do đó làm suy yếu tuyên bố của Thompson rằng ông chưa bao giờ nghe về các tội ác tình dục hàng loạt của Savile khi ông ta điều hành BBC. (78)

Sau đó là lời bào chữa khó tin nhất của Thompson được một trong những trợ lý cũ của ông nêu lên. Cố vấn cá nhân cho biết mặc dù Thompson đã đích thân cho phép gửi bức thư, “không rõ liệu ông ấy có được xem nó hay không, nhưng ông ấy không nhớ đã đọc nó.” (79) Nhưng nếu ông ấy đã cho phép bức thư, ông ấy phải biết nội dung của nó, và đó là tất cả những gì quan trọng.

Những người giàu có và quyền lực trong giới truyền thông không chỉ bảo vệ bản thân mà đôi khi còn che chở cho những người bạn giàu có và quyền lực của họ. Nhà tài chính và kẻ săn mồi tình dục hàng loạt Jeffrey Epstein là một trường hợp khác mà mọi người xung quanh đều biết về hành vi của hắn—cụ thể là một đường dây buôn bán tình dục liên quan đến các bé gái vị thành niên. Theo nhà báo Vicky Ward, người đã viết bài chân dung về Epstein, “Toàn bộ giới xã hội của hắn đều biết về điều này và chỉ thờn nhớn bỏ qua nó.” (80) Ward cũng đã vạch trần Graydon Carter, biên tập viên của Vanity Fair, vì đã xóa khỏi bài báo của cô về những cáo buộc Epstein đã bóc lột tình dục các bé gái vị thành niên. Cô ấy nói rằng họ đã “thỏa thuận”, mặc dù những cáo buộc là đáng tin cậy. (81)

Hành vi sai trái tình dục trong chính trị

Cuối cùng, không có hồi kết cho các chính trị gia, cả đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ, những người đã dính líu đến hành vi sai trái tình dục hoặc bị cáo buộc nghiêm trọng. Tôi muốn chia sẻ cách mà sự can thiệp của tôi đã mang lại công lý cho một kẻ phạm tội.

Vào ngày 31 tháng 8 năm 2016, có một bài báo trang nhất trên tờ New York Post về Anthony Weiner, cựu nghị sĩ New York, người đã kết hôn với Huma Abedin, một người bạn thân và cố vấn của ứng cử viên tổng thống Hillary Clinton. Bài báo cho thấy một bức ảnh Weiner bị cáo buộc sử dụng con trai mình như một “nam châm thu hút phụ nữ” để dụ dỗ quan hệ tình dục. Tôi ngay lập tức đã nộp đơn khiếu nại chính thức lên Cơ quan Quản lý Dịch vụ Trẻ em Thành phố New York (ACS), chi nhánh New York của Văn phòng Dịch vụ Trẻ em và Gia đình Tiểu bang New York.

Cùng ngày hôm đó, Daily Mail Online, một hãng truyền thông của Anh, đưa tin rằng “Người

phát ngôn của ACS cho biết: ‘Để bảo vệ trẻ em và quyền riêng tư của chúng, ACS không bình luận về các trường hợp cụ thể hoặc cáo buộc ngược đãi trẻ em, bất kể cáo buộc đó đã được báo cáo, đang được điều tra hay chưa dẫn đến điều tra.’ Điều này xảy ra sau khi Bill Donohue, chủ tịch của Liên đoàn Công Giáo, kêu gọi Văn phòng Dịch vụ Gia đình và Trẻ em Tiểu bang New York điều tra Weiner vì tội lạm dụng tình dục con trai nhỏ của mình.” (82)

Vào ngày 26 tháng 9, tôi nhận được một cuộc gọi từ ACS. Tôi được thông báo rằng khiếu nại của tôi đã được chấp nhận và Weiner sẽ bị điều tra. Ngày hôm sau, cùng một viên chức ACS đã gọi điện để hỏi tôi thêm. Một tuần sau, vào ngày 3 tháng 10, các đặc vụ FBI đã tịch thu máy tính xách tay, điện thoại và máy tính bảng của Weiner. (83)

Trên máy tính xách tay, được vợ ông sử dụng chung, có các email giữa Abedin và Hillary Clinton (được tìm thấy trên máy chủ email cá nhân của bà). Những email đó đã được giám đốc FBI James Comey tiết lộ ngay trước cuộc bầu cử tháng 11, một sự kiện mà bà Clinton cho rằng đã làm thay đổi kết quả bầu cử nghiêng về phía Donald Trump. Nếu đúng như vậy, bà không có ai để đổ lỗi ngoài chính mình: nếu bà không có máy chủ cá nhân, FBI đã không có gì để điều tra. Rõ ràng là tôi không hề biết rằng vai trò của mình trong vở kịch này lại góp phần vào một kết quả chính trị trọng đại như vậy.

Thiên kiến truyền thông

Truyền thông thỉnh thoảng đưa tin về lạm dụng tình dục trong các tổ chức phi Công Giáo, mặc dù họ hiếm khi làm phim tài liệu hoặc loạt phóng sự về vấn đề này. Mục tiêu ưa thích của họ cho đến nay là Giáo Hội Công Giáo. Những gì họ sản xuất thường bị bóp méo. Đây là một ví dụ điển hình. Khi báo chí, tạp chí, chương trình truyền hình và các bài báo trên Internet đưa tin về lạm dụng tình dục bởi các linh mục, họ thường làm như vậy bằng những từ ngữ miêu tả rất trần trụi. Điều này cũng đúng với các báo cáo của bồi thẩm đoàn tiểu bang và tổng chưởng lý. Một số câu chuyện vô cùng giật gân, mặc dù khi đưa tin về lạm dụng tình dục bởi những người khác, độc giả và người xem thường được bỏ qua các chi tiết. Đây không phải là một sai lầm—mà là có chủ ý. Nó được gọi là bêu xấu.

Một số phương tiện truyền thông đã từ chối bán cho tôi không gian quảng cáo trên báo và tạp chí của họ mà tôi muốn sử dụng để bảo vệ Giáo Hội Công Giáo.

Năm 2011, khi tờ Kansas City Star liên tục đưa tin về lạm dụng tình dục của giáo sĩ, tôi đã tìm cách khắc phục: Tôi đề nghị tờ báo 25,000 đô la để trả cho một quảng cáo nhằm làm sáng tỏ sự thật, đặc biệt là về công việc của Mạng lưới những người sống sót bị lạm dụng bởi các linh mục (SNAP). Tôi đã bị từ chối mà không có lời giải thích. Liệu đó có phải là do thiên vị? Không phải là tờ báo không cần tiền: trong thập niên trước đó, họ đã sa thải một nghìn nhân viên. (84)

Năm 2013, tờ Philadelphia Inquirer đã công kích mạnh mẽ Tổng giáo phận Philadelphia, đưa ra rất nhiều thông tin sai lệch. Vào ngày 14 tháng 5, tôi đã gửi một bài phản hồi dài cho bài báo của tờ báo. Bài báo dài hai trang dự kiến sẽ được đăng dưới dạng quảng cáo vào ngày 20 tháng 5. Vào ngày 15 tháng 5, tôi được thông báo rằng những người “ở cấp cao” đã từ chối nó. Khi tôi hỏi lý do, tôi được cho biết sẽ không có lời giải thích nào. Họ đã từ chối 58,000 đô la. Mặc dù tờ báo đã nộp đơn phá sản vào năm 2009, nhưng những người “ở vị trí cao nhất” vẫn cho rằng việc từ chối số tiền đó là đáng giá. (85) Năm 2012, cả Hollywood Reporter và Variety đều từ chối đăng quảng cáo tôi viết về một chương trình truyền hình bôi nhọ các nữ tu.

Nói cách khác, đây không phải là chuyện hiếm gặp. Giới truyền thông nắm quyền kiểm soát: họ

có thể đưa câu chuyện theo quan điểm của mình đến công chúng, nhưng đối với những người muốn phản bác lại – ngay cả khi họ sẵn sàng trả tiền – thì rất khó.

Việc giới truyền thông thêu dệt một câu chuyện là một chuyện, nhưng việc bóp méo sự thật hoàn toàn lại là chuyện khác. Đó là điều đã xảy ra khi CBS Evening News thực hiện một chiến dịch công kích Giáo Hội Công Giáo vào năm 2003. Ngày 6 tháng 8, đài này đưa tin trên toàn quốc rằng Vatican đã ban hành một văn bản vào năm 1962, hướng dẫn về Cách thức tiến hành trong các trường hợp gạ gẫm, trong đó “quy định chính sách của Giáo hội yêu cầu giữ bí mật tuyệt đối khi nói đến lạm dụng tình dục bởi các linh mục – bất cứ ai lên tiếng đều có thể bị đuổi khỏi Giáo hội”. Phiên bản trực tuyến của CBS Evening News còn đi xa hơn, nói rằng mệnh lệnh che đậy việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên “đã được viết ở Rome ở cấp cao nhất của Vatican”. (86) Không điều nào trong số này là đúng. Vào ngày 7 tháng 8, tôi đã xuất hiện trên chương trình Paula Zahn Now của CNN để thảo luận về vấn đề này. Tôi đã giơ một bản sao của tài liệu lên TV và cáo buộc CBS nói dối về bản tin.

Tài liệu năm 1962 chỉ đề cập đến những lời gạ gẫm mà một linh mục có thể đưa ra đối với người xưng tội trong phòng xưng tội. Trái ngược với cách nó được đưa tin, tài liệu này nêu chi tiết các hình phạt đối với bất cứ linh mục nào, “cho dù bằng lời nói, dấu hiệu hay cái gậy đầu”, có thể có hành vi gạ gẫm tình dục đối với người xưng tội trong khi xưng tội. Hình phạt cao nhất—bị tước bỏ chức linh mục—là một khả thể. Nói cách khác, tài liệu này không những không phải là một kế hoạch “che đậy” mà hoàn toàn ngược lại: nó được thiết kế để ngăn chặn hành vi sai trái về tình dục bằng cách nêu rõ các hình phạt đối với bất cứ linh mục nào có hành vi gạ gẫm tình dục trong phòng xưng tội. (87)

Đây là một điều khác mà tài liệu này đã làm rõ nhưng CBS đã không đưa tin. Nếu người xưng tội kể với ai đó (có thể là một linh mục khác) về hành vi gạ gẫm tình dục trong phòng xưng tội, người đó có 30 ngày để báo cáo sự việc cho giám mục hoặc đối diện với việc bị tước thông. Nếu có điều gì, điều này chứng tỏ Vatican đã nghiêm túc đến mức nào về tội lỗi như vậy - họ đe dọa sẽ trừng phạt người xưng tội nếu không tố cáo linh mục phạm tội. (88)

Điều đáng chú ý là hầu hết các phương tiện truyền thông, bao gồm cả tờ New York Times, đã không nói một lời nào về tài liệu của Vatican năm 1962. Vậy thì, tại sao CBS lại đưa tin sai như vậy? Bởi vì họ đã dựa vào thông tin từ một số luật sư tham gia vào các vụ kiện chống lại Giáo hội. Thực tế, tôi đã xác định được ba người trong số họ. Họ là những người đầu tiên tung ra những cáo buộc sai sự thật chống lại Giáo Hội Công Giáo, và CBS đã mắc bẫy của họ. (89) Vì đó là một câu chuyện bịa đặt, nó nhanh chóng bị dập tắt, nhưng nhiều thiệt hại đã xảy ra.

CNN đã phát sóng một bộ phim tài liệu vào năm 2010, trong đó tràn ngập những cáo buộc vô căn cứ chống lại Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI. Người dẫn chương trình Gary Tuchman nói: “Trong nhiều thập niên trước khi trở thành giáo hoàng, Joseph Ratzinger là một viên chức cấp cao của Vatican, người mà hơn bất cứ ai khác ngoài Đức Giáo Hoàng John Paul II, có thể đã hành động quyết đoán để ngăn chặn cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục.” Điều này rõ ràng là không đúng sự thật. Ratzinger không những không phụ trách vấn đề này “trong nhiều thập niên”, mà ngài còn không được trao quyền để giải quyết vấn đề lạm dụng tình dục cho đến năm 2001 (đáng kinh ngạc là, sau đó trong chương trình, Tuchman cũng thừa nhận điều này). (90)

Cáo buộc nghiêm trọng nhất chống lại Ratzinger là việc ngài bị cáo buộc xử lý vụ việc của Cha Lawrence Murphy, người được cho là đã lạm dụng tình dục hai trăm cậu bé khiếm thánh ở Wisconsin vào những năm 1950. CNN không nói rằng các tội danh bị cáo buộc chống lại

Murphy kéo dài đến những năm 1950, rằng các nhà chức trách không được yêu cầu điều tra chính thức cho đến giữa những năm 1970, và rằng sau một cuộc điều tra, cảnh sát đã khép lại vụ án. Qua đến năm 1996, lần đầu tiên Vatican được thông báo. Vatican không quan tâm đến việc thời tiêu đã hết hạn: họ ra lệnh tổ chức một phiên tòa.

Cha Thomas Brundage là chánh án, người chủ trì vụ án từ năm 1996 đến năm 1998. Khi được hỏi về vai trò của Ratzinger, cha nói, “Trong suốt vụ án, tại các cuộc họp mà tôi đã tham dự ở Vatican, ở Washington, D.C. và ở Milwaukee, tên của Hồng Y Ratzinger chưa bao giờ được nhắc đến.” Cha nói rằng cha “bị sốc” khi giới truyền thông cố gắng liên kết Ratzinger với vụ án Murphy. (91)

Tại sao CNN không đưa tin về bất cứ sự thật nào trong số này? Có lẽ họ sẵn sàng chấp nhận mà không hề nghi ngờ những lời bình luận đầy ẩn ý của luật sư Jeff Anderson, người mà theo trang web của ông, “đã tiên phong trong việc sử dụng kiện tụng dân sự để tìm kiếm công lý cho những nạn nhân bị lạm dụng tình dục trẻ em”. Nếu CNN làm đúng với câu chuyện này, họ lẽ ra đã đào sâu hơn và nói lên sự thật về Đức Hồng Y Ratzinger.

Tờ Boston Globe là tờ báo đã phanh phui vụ tai tiếng lạm dụng tình dục trong Giáo hội. Tờ báo này chỉ trích mạnh mẽ Giáo hội vì thiếu minh bạch, nhưng nhiều năm sau, chính họ lại chứng minh rằng mình cũng gặp khó khăn trong việc minh bạch, theo cách mà tôi thấy như là bằng chứng về sự thiên vị chống lại Giáo hội. Vào ngày 4 tháng 11 năm 2018, có một bài báo trang nhất trên tờ Boston Globe cáo buộc hơn 130 giám mục, hoặc khoảng một phần ba số người còn sống đã bị cáo buộc “không phản ứng đầy đủ trước hành vi sai trái tình dục trong giáo phận của họ”. (92) Câu chuyện này, dựa trên một nghiên cứu của các phóng viên từ tờ Globe và Philadelphia Inquirer, đã thu hút sự chú ý của dư luận quốc gia; nó được công bố trước một hội nghị của các giám mục Hoa Kỳ đang họp tại Baltimore để thảo luận về vụ tai tiếng lạm dụng tình dục.

Với tư cách là một nhà xã hội học, tôi có một số vấn đề nghiêm trọng với phương pháp luận của nghiên cứu, vì vậy tôi đã gửi email cho tờ Globe về vấn đề này. Họ lịch sự nhưng không chịu nhượng bộ yêu cầu xem dữ liệu của tôi. Đúng vậy, cùng một tờ báo luôn nhấn mạnh sự minh bạch hoàn toàn từ phía các giám mục - yêu cầu họ công khai đầy đủ dữ liệu nội bộ của mình - lại không chịu công khai dữ liệu về các giám mục.

Điều khiến dữ liệu trở nên đáng ngờ là tuyên bố từ hai tờ báo rằng họ đã xem xét “hồ sơ tòa án, báo cáo truyền thông và các cuộc phỏng vấn với các viên chức nhà thờ, nạn nhân và luật sư”. (93) Điều khiến tôi nghi ngờ nhất là các cuộc phỏng vấn với “các viên chức nhà thờ, nạn nhân và luật sư”. Dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ, tôi nghi ngờ độ tin cậy của một số luật sư bào chữa, các nhóm giám sát nạn nhân và các phương tiện truyền thông. Tôi muốn đọc xem các phóng viên đã chọn ai để phỏng vấn và họ đã nói gì. Nhưng những người tự xưng là minh bạch đã đóng sầm cửa trước mặt tôi.

Vì tôi liên tục thúc giục Brian McGrory, biên tập viên của tờ Boston Globe, hỏi liệu ông ấy có cho phép tôi xác minh câu chuyện hay không, ông ấy đã chuyển yêu cầu của tôi cho Scott Allen, trợ lý biên tập viên quản lý dự án. Khi ông ấy từ chối cho tôi tiếp cận dữ liệu thô, tôi đã yêu cầu được phép ít nhất là đọc bản ghi chép các cuộc phỏng vấn đã được thực hiện. Một lần nữa, tôi bị từ chối. Allen nói, “Chúng tôi không lưu hành các cuộc phỏng vấn trừ khi chúng tôi có kế hoạch xuất bản chúng.” Điều đó có thể hiểu được, nhưng tác động của chính sách này trong trường hợp của tôi là sự kìm hãm những lời chỉ trích tiềm tàng.

Không thể nói quá lời rằng mặc dù nhiều người trong giới truyền thông đã không công bằng với Giáo hội và đạo đức giả trong việc lên án, nhưng sẽ không có Vụ tai tiếng II nếu không có Vụ tai tiếng I: các linh mục lạm dụng tình dục và các giám mục dung túng cho họ. Điều đó không bao giờ có thể bị xem nhẹ. Nhiều giám mục thiếu sự kiên cường, một trong những đức tính trọng yếu. Họ đáng lẽ phải có can đảm làm điều đúng đắn, chứ không phải điều có lợi.

Vụ tai tiếng I và Vụ tai tiếng II đều là kết quả của việc con người vi phạm một đức tính trọng yếu khác—công lý. Sự bất công do các linh mục lạm dụng tình dục (vi phạm đức tính trọng yếu về tiết chế) và các giám mục dung túng (vi phạm đức tính trọng yếu về thận trọng) gây ra đã để lại vết sẹo lớn cho các nạn nhân và cho Giáo hội, và họ cần phải chịu trách nhiệm.

Tuy nhiên, Giáo Hội Công Giáo là một lực lượng vì điều tốt đẹp vĩ đại, đó là lý do tại sao những người có ý định làm tổn hại đến Giáo hội—từ bên trong và bên ngoài—cũng cần phải chịu trách nhiệm. Có quá nhiều điều đang bị đe dọa nên không thể không làm như vậy.

Ghi chú

(1) Robert P. Lockwood, “Lời nói dối của Maria Monk vẫn còn tồn tại”, *Catalyst*, tháng 9 năm 2001, <https://www.catholicleague.org/the-lie-of-maria-monklives-on/>.

(2) “ ‘Giáo hoàng và Mussolini’ kể ‘lịch sử bí mật’ của chủ nghĩa phát xít và Giáo hội”, *Fresh Air*, Đài phát thanh quốc gia, ngày 24 tháng 4 năm 2015, <https://www.npr.org/2015/04/24/401967360/pope-and-mussolini-tells-these-secret-history-of-fascism-and-the-church>.

(3). Ban biên tập, “Một vụ tai tiếng khác của Giáo hội: Các giám mục họp mặt nhưng không giải quyết được vấn nạn lạm dụng”, *Philadelphia Inquirer*, ngày 19 tháng 11 năm 2018, <https://www.inquirer.com/philly/opinion/editorials/catholic-church-scandalbishops-meet-baltimore-sex-abuse-editorial-20181119.html>.

(4). “Lời nói hay, hành động hời hợt”, *Washington Post*, ngày 27 tháng 2 năm 2019, A20.

(5) Karen J. Terry, Trường Cao đẳng Tư pháp Hình sự John Jay (JJCCJ), và Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ (USCCB), *Nguyên nhân và bối cảnh lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các linh mục Công Giáo tại Hoa Kỳ, 1950—2010*: Báo cáo được trình bày trước Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ bởi Nhóm nghiên cứu của Trường Cao đẳng John Jay (Washington, D.C.: Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ, 2011), 5.

(6) *Như trên*, 16.

(7) *Như trên*, 16-23.

(8) Karen J. Terry, JJCCJ, và USCCB, *Bản chất và phạm vi lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các linh mục và phó tế Công Giáo tại Hoa Kỳ từ năm 1950 đến năm 2002: Một nghiên cứu được thực hiện bởi Trường Cao đẳng Tư pháp Hình sự John Jay* (Washington, D.C.: Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ, 2004), 39.

(9) *Như trên*, 60.

(10) *Như trên*, 24.

(11) Jason Berry, *Đừng dẫn chúng con vào cám dỗ: Các linh mục Công Giáo và việc lạm dụng tình dục trẻ em* (New York: Doubleday, 1992), 278.

(12) Pat Wingert, “Các linh mục không phạm tội lạm dụng nhiều hơn nam giới khác”, *Newsweek*, ngày 7 tháng 4 năm 2010, <https://www.newsweek.com/priests-commit-nomore-abuse-other-males-70625>.

(13) Julie Asher, “Lạm dụng tình dục trẻ em được gọi là vấn đề ‘nghiêm trọng và phổ biến’ trong xã hội Mỹ”, *National Catholic Reporter*, ngày 11 tháng 2 năm 2019, <http://www.ncronline.org/news/accountability/child-sex-abuse-called-serious-and-pervasive-issue-us-society..>

- (14) Peter Smith, “Những người bệnh vực nạn nhân: Lạm dụng không chỉ là ‘vấn đề của người Công Giáo’”, *Philadelphia Inquirer*, ngày 25 tháng 6 năm 2018, <https://www.inquirer.com/philly/news/victims-advocates-abuse-not-just-acatholic-problem-20180625.html>.
- (15) Sarah Pulliam Bailey, “Cháu trai của Billy Graham: Những người theo Thệ Phản ‘tệ hơn’ những người Công Giáo về vấn nạn lạm dụng tình dục”, *Religion News Service*, ngày 26 tháng 9 năm 2013, <https://religionnews.com/2013/09/26/billy-grahams-grandson-evangelicals-worse-catholic-church-sex-abuse/>.
- (16) Mark Clayton, “Lạm dụng tình dục lan rộng khắp các nhà thờ”, *Christian Science Monitor*, ngày 5 tháng 4 năm 2002, <https://www.csmonitor.com/2002/0405/p01s01-ussc.html>.
- (17) Philip Jenkins, *Áu dâm và các linh mục* (New York: Nhà xuất bản Đại học Oxford, 1996), 50, 81.
- (18) Sarah Smith, “Bên trong cuộc điều tra lạm dụng của Star-Telegram về Giáo hội Baptist Cơ bản”, *Fort Worth Star-Telegram*, ngày 9 tháng 12 năm 2018, 20A.
- (19) Neil Nakahodo, Shelly Yang và Sarah Smith, “Các mục sư của Giáo hội Baptist Cơ bản che đậy lạm dụng tình dục và hiệp dâm”, phần 1, *Fort Worth Star-Telegram*, ngày 9 tháng 12 năm 2018, A20—A22.
- (20) Neil Nakahodo, Sarah Smith và Steve Coffman, “Mối quan hệ trong nhà thờ và tình bạn giữa các mục sư cho phép kẻ lạm dụng trốn thoát”, *Fort Worth Star-Telegram*, phần 2, ngày 10 tháng 12 năm 2018, A1, A9—A11.
- (21) Teresa Watanabe, “Lạm dụng tình dục bởi các giáo sĩ—Một cuộc khủng hoảng của nhiều tín ngưỡng”, *Los Angeles Times*, ngày 25 tháng 3 năm 2002, A1.
- (22) John Tedesco, “Những người sống sót sau vụ lạm dụng kêu gọi các tín đồ Baptist miền Nam lắng nghe, rồi hành động”, *Houston Chronicle*, ngày 5 tháng 10 năm 2019, <https://www.houstonchronicle.com/news/houstontexas/houston/article/Abuse-survivors-urge-Southern-Baptists-to-listen14495451.php>.
- (23) Elizabeth Dias, “Đặt câu hỏi về đức tin và lòng trung thành trong các vụ lạm dụng”, *New York Times*, ngày 11 tháng 6 năm 2019, A1.
- (24) Laurie Goodstein, “Các thành viên bị khai trừ nói rằng chính sách của Nhân Chứng Giê-hô-va về lạm dụng che giấu các hành vi phạm tội”, *New York Times*, ngày 11 tháng 8 năm 2002, mục 1, 26.
- (25) Gabrielle Fonrouge, Alex Taylor và Jorge Fitz-Gibbon, “Các cựu Nhân Chứng Giê-hô-va kể lại nhiều năm bị lạm dụng tình dục trước vụ án mang tính bước ngoặt”, *New York Post*, ngày 12 tháng 8 năm 2019, <https://nypost.com/2019/08/12/former-jehovahs-witnesses-recount-yearsof-sex-abuse-ahead-of-landmark-case/>.
- (26) Aysha Khan, “Imam Texas bị yêu cầu trả 2.55 triệu đô la trong vụ án hành vi sai trái tình dục”, *Religious News Service*, ngày 15 tháng 8 năm 2019, <https://religionnews.com/2019/08/15/texas-imam-ordered-to-pay-2-55million-in-sexual-misconduct-case/>.
- (27) Aysha Khan, “‘Đã đến lúc’: Những người Hồi giáo này đang đưa vấn nạn lạm dụng tình dục của các Sheikh ra khỏi bóng tối”, *Religious News Service*, ngày 15 tháng 1 năm 2020, <https://religionnews.com/2020/01/15/a-long-time-coming-these-muslims-are-bringing-sex-abuse-by-sheikhs-out-of-the-shadows>.
- (28) Hannah Dreyfus, “Hội đồng quản trị trại hè NJY giải tán, dàn xếp với ít nhất một nạn nhân”, *Jewish Week*, ngày 10 tháng 2 năm 2019, <https://jewishweek.timesofisrael.com/njy-camps-board-disbands-settles-with-at-least-one-victim/>.
- (29) Simone Weichselbaum, “Tòa án Rabbinical gửi thông điệp tới người Lubavitcher: Hãy ngừng tố cáo cảnh sát và tội phạm với người ngoài”, *Daily News*, ngày 10 tháng 12 năm 2010, <https://www.nydailynews.com/new-york/brooklyn/rabbinical-court-lubavitchers-quit-yer->

snitchin-cops-crime-outsiders-article1.470554.

(30) Michael Powell, “De Blasio bỏ lỡ cơ hội lên tiếng”, *New York Times*, ngày 29 tháng 5 năm 2014, A28.

31 Martin Daly và Margo Wilson, “Lạm dụng trẻ em và những rủi ro khác khi không sống cùng cả cha lẫn mẹ”, *Ethology and Sociobiology* 6, số 4 (1985): 197.

32 Garth A. Rattray, “Thằng Trẻ em và Ấu dâm”, *Gleaner*, ngày 14 tháng 5 năm 2002.

(33) Patricia G. Schnitzer và Bernard G. Ewigman, “Cái chết của trẻ em do thương tích gây ra: Các yếu tố rủi ro trong gia đình và đặc điểm của thủ phạm”, *Pediatrics* 116, số 5 (tháng 11 năm 2005): 687.

(34) Andrea Sedlak và cộng sự, *Nghiên cứu Quốc gia lần thứ tư về Tỷ lệ Lạm dụng và Bỏ bê Trẻ em (NIS-4): Báo cáo gửi Quốc hội* (Washington, D.C.: Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh Hoa Kỳ, Cục Quản lý Trẻ em và Gia đình, 2010), 12.

(35) Blue Out Penn State, “Thông tin về Lạm dụng Tình dục Trẻ em”, <http://sites.psu.edu/blueout/child-abuse-information>.

(36) Mike Baker, “Phá sản đối với Hội Hướng đạo sinh khi các vụ lạm dụng gia tăng”, *New York Times*, ngày 19 tháng 2 năm 2020, A1.

(37) Kim Christensen, “Hội Hướng đạo sinh nhận được 92.700 đơn tố cáo lạm dụng tình dục, làm lu mờ con số của Giáo Hội Công Giáo Hoa Kỳ”, *Los Angeles Times*, ngày 16 tháng 11 năm 2020, <http://www.latimes.com/california/story/2020-11-16/boy-scouts-sexual-abuse-claims-top-88000-bankruptcy>.

(38) Mary F. Calvert và Dave Philipps, “Sáu người đàn ông kể câu chuyện về việc bị tấn công tình dục trong quân đội”, *New York Times*, ngày 10 tháng 9 năm 2019, <https://www.nytimes.com/interactive/2019/09/10/us/men-military-sexualassault.html>.

(39) Matthew Haag, “Hàng ngàn trẻ em nhập cư cho biết chúng bị lạm dụng tình dục tại các trung tâm giam giữ của Mỹ, theo báo cáo”, *New York Times*, ngày 27 tháng 2 năm 2019, <https://www.nytimes.com/2019/02/27/us/immigrantchildren-sexual-abuse.html>.

(40) Benjamin Weiser và Danny Hakim, “New York giữ những kẻ lạm dụng làm người chăm sóc như thế nào”, *New York Times*, ngày 10 tháng 6 năm 2019, A1.

(41) Timothy Williams, “Các quan chức nhìn thấy những nguy hiểm đối với phúc lợi trẻ em tại một khu bảo tồn người da đỏ ở Bắc Dakota”, *New York Times*, ngày 7 tháng 7 năm 2012, <https://www.nytimes.com/2012/07/08/us/child-welfare-dangers-seen-onspirit-lake-reservation.html>.

(42) CCHR International, “Đại dịch lạm dụng tình dục trong sức khỏe tâm thần: Bác sĩ tâm thần cưỡng hiếp phụ nữ và quấy rối trẻ em”, *Health Impact News*, ngày 10 tháng 11 năm 2017, <https://healthimpactnews.com/2017/sexualabuse-epidemic-in-mental-health-psychiatrists-raping-women-andmolesting-children>.

(43) Carrie Teegardin, Danny Robbins, Ariel Hart và Jeff Ernsthansen, “Điều tra quốc gia của AJC; Bác sĩ và lạm dụng tình dục; Giấy phép phản bội”, *Atlanta Journal-Constitution*, ngày 10 tháng 7 năm 2016, 1A.

(44) “Hàng trăm vụ lạm dụng tình dục được báo cáo tại các trại trẻ em trên khắp nước Mỹ”, *CBS News*, ngày 10 tháng 12 năm 2018, <https://www.cbsnews.com/news/hundreds-sexual-abuse-cases-childrenscamps-reported-across-us-cbs-thismorning/#:~:text=CBS%20News%20has%20identified%20hundreds,cases%20surfaced%20this%20year%20alone>.

(45) Nancy Armour, Rachel Axon và Brent Schrotenboer, “Điều tra của USA Today—Bị cấm vì hành vi sai trái tình dục nhưng vẫn tiếp tục huấn luyện”, *Knoxville News-Sentinel*, ngày 16 tháng 12 năm 2018, E3.

(46) Elsa Partan và Heather Goldstone, “Nhà khoa học công bố danh sách những kẻ quấy rối tình dục đã biết trong giới học thuật”, *WCAI*, ngày 10 tháng 9 năm 2018,

- <http://www.capeandislands.org/post/scientist-publishes-list-knownharassers-academia>.
- (47) Nathan Bomey và Marco della Cava, “Quấy rối tình dục không được kiểm soát trong nhiều thập kỷ khi các khoản bồi thường làm im lặng những người tố cáo”, *USA Today*, ngày 1 tháng 12 năm 2017, <https://www.usatoday.com/story/money/business/2017/12/01/sexualharassment-went-unchecked-decades-payouts-silencedaccusers/881070001/>.
- (48) Taylor Telford và Elizabeth Dwoskin, “Nhân viên Google trên toàn thế giới đình công vì cáo buộc quấy rối tình dục và bất bình đẳng trong công ty”, *Washington Post*, ngày 1 tháng 11 năm 2018.
- (49) Kathleen Gilbert, “Những cáo buộc ấu dâm gần đây ở Hollywood chỉ là phần nổi của tảng băng chìm: Cụm diễn viên nhí”, *LifeSiteNews*, ngày 6 tháng 12 năm 2011, <https://www.lifesitenews.com/news/recent-hollywood-pedophilia-charges-just-the-tip-of-the-iceberg-former-chil>.
- (50) Seth Abramovitch, “Corey Feldman về vụ tai tiếng ấu dâm của Elijah Wood ở Hollywood: ‘Tôi rất muốn nêu tên những người liên quan’”, *Hollywood Reporter*, ngày 25 tháng 5 năm 2016, <http://www.hollywoodreporter.com/news/coreyfeldman-elijah-wood-hollywood>.
- (51) Adam Carlson, “Elijah Wood lên tiếng về nạn lạm dụng trẻ em ở Hollywood: ‘Có rất nhiều rắc rối’”, “Những kẻ lạm dụng tình dục trong ngành công nghiệp này”, *People*, ngày 22 tháng 5 năm 2016, <http://people.com/celebrity/elijah-wood-speaks-out-on-child-abuse-in-hollywood>.
- (52) Martha Irvine và Robert Tanner, “AP: Hành vi sai trái tình dục hoành hành các trường học ở Mỹ”, *Washington Post*, ngày 21 tháng 10 năm 2007, <https://www.washingtonpost.com/wpdyn/content/article/2007/10/21/AR2007102100144.html>.
- (53) Steve Reilly, “Những giáo viên lạm dụng tình dục học sinh vẫn tìm được việc làm trong lớp học”, *USA Today*, ngày 22 tháng 12 năm 2016.
- (54) Billie-Jo Grant, Stephanie B. Wilkerson, deKoven Pelton, Anne Cosby và Molly Henschel, *Nghiên cứu trường hợp về hành vi sai trái tình dục của nhân viên trường học K-12: Những bài học kinh nghiệm từ Thực hiện Chính sách Title IX* (Charlottesville, Va.: Magnolia Consulting, 2017), ii, Dịch vụ Tham khảo Tư pháp Hình sự Quốc gia, <https://www.ncjrs.gov/pdffiles1/nij/grants/252484.pdf>.
- (55) Joe Nelson và Scott Schwebke, “Chống lại dịch bệnh kẻ săn mồi trong trường học; ‘Văn hóa quản lý phần lớn là nguyên nhân khiến không loại bỏ được hành vi quấy rối tình dục của giáo viên, các chuyên gia cho biết’”, *Daily News of California*, ngày 23 tháng 11 năm 2018, A1.
- (56) “Ngày ra tòa của họ”, bài xã luận của *Washington Post*, ngày 20 tháng 3 năm 2019, A20.
- (57) Sydney Ember, “Glenn Thrush, phóng viên bị đình chỉ của Times, sẽ tiếp tục làm việc nhưng sẽ không đưa tin về Nhà Trắng”, *New York Times*, ngày 20 tháng 12 năm 2017, <https://www.nytimes.com/2017/12/20/business/media/glenn-thrushsuspension-white-house.html>.
- (58) Sydney Ember, “Biên tập viên hàng đầu của NPR bị cáo buộc quấy rối tình dục khi còn làm việc tại New York Times”, *New York Times*, ngày 31 tháng 10 năm 2017, <https://www.nytimes.com/2017/10/31/business/npr-michael-oreskes-newyork-times.html>.
- (59) Mark Arsenault, “Truyền thông, bao gồm cả Globe, đi sai đường trong thời đại ‘MeToo’”, *Boston Globe*, ngày 8 tháng 12 năm 2017, A1.
- (60) Bill Donohue, “Boston Globe từ chối nêu tên những kẻ lạm dụng”, *Catholic League*, ngày 18 tháng 12 năm 2017, <https://www.catholicleague.org/boston-globerefuses-to-name-abusers/>.
- (61) Bill Donohue, “Truyền thông che đậy cho Boston Globe”, *Catholic League*, ngày 3 tháng 1 năm 2018, <https://www.cnsnews.com/commentary/billdonohue/bill-donohue-media-provide-cover-boston-globe>.
- (62) Don Seiffert, “Biên tập viên tờ Globe xin lỗi về việc đưa tin về quấy rối tình dục của một phóng viên”, *Boston Business Journal*, ngày 22 tháng 12 năm 2017.

- (63) Kyle Smith, “Hollywood là một băng đảng dụ dỗ tình dục”, *National Review*, ngày 30 tháng 11 năm 2018, <http://www.nationalreview.com/2018/11/hollywoodsex-grooming-gang-les-moonves-harvey-weinstein>.
- (64) James B. Stewart, “Báo cáo của CBS về Moonves chỉ ra sự thiếu sót trong giám sát”, *New York Times*, ngày 5 tháng 12 năm 2018, Bi.
- (65) Sara Nathan, “Nhân viên CBS ‘muốn có câu trả lời’ sau cuộc điều tra kéo dài một năm về Charlie Rose”, *Page Six*, ngày 24 tháng 11, 2018, <https://pagesix.com/2018/11/24/cbs-staffers-want-answers-after-year-longcharlie-rose-investigation>.
- (66) “Hai bước tiến và một bước lùi sẽ không thanh tẩy được Giáo Hội Công Giáo”, *Washington Post*, ngày 11 tháng 5 năm 2019..
- (67) Amber Athey, “Washington Post bị cáo buộc ém nhem câu chuyện về hành vi quấy rối tình dục của nhà sản xuất chương trình ‘60 Minutes’”, *Daily Caller*, ngày 2 tháng 4 năm 2019, <http://www.dailycaller.com/2019/04/02/washington-post-jeff-fagerharassment-story>.
- (68) Irin Carmon, “Washington Post sợ điều gì?”, *New York Magazine*, ngày 1 tháng 4 năm 2019, <https://nymag.com/intelligencer/2019/04/what-was-thewashington-post-afraid-of.html>.
- (69) Camila Domonoske, “Cuộc điều tra của NBC cho thấy những người tố cáo Matt Lauer đáng tin cậy, các giám đốc điều hành không biết”, *Đài Phát thanh Quốc gia*, ngày 9 tháng 5 năm 2018, <https://www.npr.org/sections/thetwo-way/2018/05/09/609734430/nbcinvestigation-finds-matt-lauers-accusers-credible-executives-unaware>.
- (70) Vester đã đưa ra nhận xét của mình trên chương trình *Tucker Carlson Tonight* của Fox News Network, ngày 28 tháng 11 năm 2018.
- (71) Sarah Lyall, “Sự im lặng về lạm dụng đầy BBC vào tai tiếng”, *New York Times*, ngày 14 tháng 10 năm 2012, A12.
- (72) “Trên giường với Jimmy”, *Guardian*, ngày 11 tháng 4 năm 2000, trang 6.
- (73) Sam Greenhill, Chris Greenhill và Martin Robinson, “Bị xé toạc, đập vỡ và vứt vào thùng rác đến bãi rác: Bia mộ của Jimmy Savile bị gia đình dỡ bỏ lúc 1 giờ sáng ‘vì tôn trọng dư luận’—khi cảnh sát bắt đầu cuộc truy lùng những kẻ đồng phạm lạm dụng trẻ em của BBC”, *Daily Mail*, ngày 10 tháng 10 năm 2012, <https://www.dailymail.co.uk/news/article-2215324/Jimmy-Savilegravestone-removed-family-police-launch-hunt-BBC-child-abuseaccomplices.html>.
- (74) Adam Taylor, “Vụ tai tiếng lạm dụng tình dục lớn làm rung chuyển BBC có thể là một vấn đề đau đầu lớn đối với CEO mới của NYT”, *Business Insider*, ngày 15 tháng 10 năm 2012, <https://www.businessinsider.com/jimmy-savile-scandal-nyt-ceotrouble-2012-10>.
- (75) Gordon Rayner, “Vụ tai tiếng Savile phơi bày nạn lạm dụng trẻ em trên quy mô chưa từng có”, *Daily Telegraph* (ấn bản quốc gia), ngày 20 tháng 10 năm 2012, trang 11.
- (76) Tim Walker, “P D James, kẻ gây rối của BBC, vẫn còn việc chưa giải quyết với Thompson”, *Daily Telegraph* (ấn bản quốc gia), ngày 23 tháng 10 năm 2012, trang 6.
- (77) Raphael Satter, “Vụ tai tiếng BBC đặt ra câu hỏi cho người sắp nhậm chức CEO của NYT”, *Thông tấn xã Associated Press*, ngày 24 tháng 10 năm 2012.
- (78) Matthew Purdy, “Bức thư đặt ra câu hỏi về thời điểm cựu giám đốc BBC biết về các vụ lạm dụng”, *New York Times*, ngày 16 tháng 11 năm 2012, A9.
- (79) *Như trên*.
- (80) Michelle Goldberg, “Jeffrey Epstein là biểu tượng cuối cùng của sự mục nát của giới tài phiệt”, *New York Times*, ngày 8 tháng 7 năm 2019, <https://www.nytimes.com/2019/07/08/opinion/jeffrey-epsteintrump.html>.
- (81) Morgan Phillips, “Nhà văn tuyên bố Graydon Carter ‘đã thỏa thuận’ với Jeffrey Epstein để xóa bỏ các cáo buộc khỏi bài báo trên Vanity Fair”, *Mediaite*, ngày 8 tháng 7 năm 2019, <http://www.mediaite.com/news/writer-accuses-graydon-carterof-cutting-a-deal-with-jeffrey-epstein-to-remove-allegations-from-vanityfair-piece>.

- (82) Bill Donohue, “Vai trò của Donohue trong cuộc điều tra FBI—Weiner”, *Catholic League*, ngày 31 tháng 10 năm 2016, <https://www.catholicleague.org/donohues-rolein-fbi-weiner-probe/>.
- (83) *Như trên*.
- (84) Bill Donohue, “Nhắm vào Giám mục Finn”, *Catholic League*, ngày 31 tháng 10 năm 2011.
- (85) Bill Donohue, “Hai vụ tai tiếng ở Philadelphia”, *Catholic League*, ngày 20 tháng 5 năm 2013, <https://www.catholicleague.org/twin-philly-scandals/>. Tiêu đề của quảng cáo là “Bốn người đàn ông Công Giáo bị gài bẫy”.
- (86) Bill Donohue, “CBS: Hệ thống công kích người Công Giáo”, *Catalyst*, tháng 9 năm 2003, <https://www.catholicleague.org/cbs-catholic-bashing-system/>.
- (87) Bill Donohue, “CBS mắc bẫy của luật sư nạn nhân”, ngày 8 tháng 8 năm 2003, <https://www.catholicleague.org/cbs-takes-the-bait-of-victimslawyers/>.
- (88) Bill Donohue, “CBS phạm tội vu khống Vatican một cách bất công”, ngày 7 tháng 8 năm 2003, <https://www.catholicleague.org/cbs-guilty-of-unfairly-maligningvatican/>.
- (89) *Như trên* Xem thêm “CBS mắc bẫy của luật sư các nạn nhân”.
- (90) Bill Donohue, “Phản hồi về phim tài liệu của CNN về Giáo hoàng”, *Catholic League*, ngày 28 tháng 9 năm 2010, <https://www.catholicleague.org/response-to-cnn-documentary-on-the-pope2/>.
- (91) *Như trên*
- (92) Jenn Abelson và Thomas Farragher, “Trong vụ tai tiếng lạm dụng, tâm điểm chú ý đổ dồn vào các Giám mục: Một cuộc đánh giá chung của tờ Globe và tờ Philadelphia Inquirer cho thấy những hành vi sai trái tràn lan trong hệ thống phẩm trật của Giáo hội nhưng trách nhiệm giải trình hầu như vắng bóng bất chấp những lời thề năm 2002”, *Boston Globe*, ngày 4 tháng 11 năm 2018, A1.
- (93) *Như trên*

Chương 2. Giáo Hội Đối Diện Với Vụ Tai Tiếng

Vị linh mục lạm dụng tình dục đầu tiên thu hút sự chú ý của công chúng là một giáo sĩ ở Louisiana, Gilbert Gauthe. Đó là vào năm 1985. Trớ trêu thay, đó là thời điểm mà nạn lạm dụng tình dục của giáo sĩ đang giảm dần, mặc dù lúc đó ít người biết điều đó. Gauthe đã nhận 11 tội danh lạm dụng tình dục và bị tổng vào tù. Một linh mục khác, James Porter, đã gây xôn xao dư luận khi hành vi sấn mồi của ông ta ở Fall River, Massachusetts, bị phơi bày vào đầu những năm 1990. Vào cuối những năm 1990, Rudolph Kos trở thành nhân vật của công chúng khi Giáo phận Dallas bị buộc phải trả hơn 31 triệu đô la cho các nạn nhân của ông ta. Ngay sau khi vụ việc này được tiết lộ là cáo trạng của John Geoghan ở Boston, một kẻ hiếp dâm trẻ em hàng loạt, người đã bị giết trong tù.

Gauthe bị kết án 20 năm tù vì tội lạm dụng tình dục hơn 30 bé trai; các nạn nhân của ông ta có độ tuổi từ 7 đến 15. Như Mary Eberstadt đã nói, ông ta là “một người đàn ông đồng tính hoạt động tình dục mạnh mẽ, có sở thích với trẻ em và thanh thiếu niên”. (1) Làm thế nào mà một kẻ lạm dụng tình dục hàng loạt lại không bị các linh mục, nữ tu, giáo dân và giám mục của mình phát hiện? Điều đó bất khả. Cấp trên của Gauthe đã biết việc ông ta làm trong mười năm. Sau khi lạm dụng nạn nhân đầu tiên, ông ta nhanh chóng nhận ra rằng sẽ không có chuyện gì xảy ra với mình. Giám mục của ông ta bảo ông ta xưng tội. Chỉ vậy thôi. Giám mục không bao giờ nhắc đến chuyện đó nữa. Sau khi Gauthe được chuyển đến một giáo xứ khác, việc lạm dụng vẫn tiếp diễn, và các khiếu nại cũng vậy. (2)

Đây là kiểu phản ứng khiến người Công Giáo phẫn nộ. Dù Gauthe tồi tệ đến mức nào, thì việc giám mục của ông ta cho phép ông ta tiếp tục phạm tội chống lại trẻ em mà không bị trừng phạt còn tồi tệ hơn. Tòa Thánh có biết chuyện gì đang xảy ra không? Không phải trong khi ông ta đang sấn mồi các nạn nhân. Nhưng đến năm 1984, tin tức về Gauthe đã đến tai Tòa Sứ thần Vatican, và họ đã chỉ định một trong những luật sư giáo luật của mình, Cha Thomas Doyle, để giải quyết vụ việc của ông ta. Cha Doyle đã công bố một loạt báo cáo, cung cấp bằng chứng cho thấy Gauthe không phải là linh mục lạm dụng tình dục duy nhất đang hoạt động trong giáo hội.

Năm 1985, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã giao cho Đức Giám Mục A.J. Quinn của Cleveland điều tra vụ tai tiếng ở Louisiana. Theo Cha Doyle, ngoài một cuộc họp báo công bố thành lập một ủy ban để nghiên cứu tình hình, không có hành động nào khác được thực hiện. Trên thực tế, ủy ban này chưa bao giờ được thành lập. (3)

Luật sư của cha Doyle và Gauthe, Ray Mouton, đã chuẩn bị một báo cáo về lạm dụng tình dục của các linh mục và tìm cách trình bày báo cáo này cho các giám mục vào mùa xuân năm 1985. Họ cảnh báo về nhiều vụ tai tiếng hơn nữa, nhưng những nỗ lực của họ cũng không đi đến đâu. Giám mục William Levada của Los Angeles đã bày tỏ sự ủng hộ đối với Doyle và Mouton, nhưng cuối cùng, ngài nói với Doyle rằng công việc của họ sẽ không được trình bày cho các giám mục tại cuộc họp sắp tới của các ngài ở Collegeville, Minnesota. Sau cuộc họp của các giám mục, một thư mục vụ đã được ban hành, nhưng nó không phải về lạm dụng tình dục của giáo sĩ; mà là về nghèo đói. Bài viết này được viết bởi Tổng Giám mục Milwaukee Rembert Weakland, người sau này bị buộc phải từ chức vì hành vi sai trái về tình dục và tài chính. (4)

Trong hơn ba mươi năm tiếp theo, Cha Doyle đã làm việc trong các vụ án lạm dụng tình dục của giáo sĩ, giúp đỡ những người tố cáo các linh mục Công Giáo và các luật sư bào chữa cho họ, và dường như vai trò này đã gây ra những ảnh hưởng—cả đối với ngài và đối với Giáo hội. Năm 2019, ngài nói: “Hầu hết cuộc đời trưởng thành của tôi đều liên quan đến vấn đề này. Nó

đã thay đổi tôi một cách đáng kể. Nó đã thay đổi hệ thống niềm tin của tôi. Tôi không còn tin tưởng vào Giáo hội định chế nữa.” (5) Cũng có thể nói rằng cảm giác này là có qua có lại. Ngài bị cách chức vào năm 2003 khỏi vị trí tuyên úy tại Tổng giáo phận Quân đội, một chức vụ ngài nắm giữ từ năm 1986. Người đứng đầu tổng giáo phận, Tổng giám mục Edwin F. O’Brien, cáo buộc Doyle không tuân theo mệnh lệnh, chẳng hạn như yêu cầu dâng Thánh lễ hàng ngày cho người Công Giáo tại các căn cứ quân sự. (6) Doyle hiện được biết đến là một “linh mục không hoạt động và cựu thành viên của dòng Đa Minh”. (7)

Báo Boston Globe đăng tải thông tin gây chấn động

Chỉ chưa đầy một tuần sau khi bước sang năm 2002, báo Boston Globe đã đăng tải loạt bài về lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên trong Giáo Hội Công Giáo. Điều này đã gây chấn động cả nước và làm phẫn nộ người Công Giáo. Vào thời điểm đó, người ta chưa nhận ra rằng giới truyền thông sẽ lợi dụng vụ tai tiếng để bán những tiêu đề giật gân và có lẽ để làm suy yếu một định chế mà họ bác bỏ giáo lý của nó.

Năm 2002, việc đọc một bài báo về vụ tai tiếng mà rõ ràng là không công bằng, chứ đừng nói đến việc chống Công Giáo, là một sự kiện hiếm hoi. Báo Boston Globe, Boston Herald và New York Times đã đưa tin về câu chuyện này một cách cẩn thận và chuyên nghiệp. Các phát thanh viên thời sự buổi tối trên truyền hình cũng làm đúng nhiệm vụ của họ—đưa tin, chứ không bình luận. Peter Jennings đã thực hiện một chương trình đặc biệt kéo dài một giờ về vụ tai tiếng, được xử lý rất xuất sắc. Các vấn đề chúng tôi gặp phải với giới truyền thông chủ yếu giới hạn ở các nhà bình luận, họa sĩ biếm họa và người viết kịch bản cho các chương trình truyền hình. (8)

Tôi đã viết điều đó trong Báo cáo thường niên năm 2002 của Liên đoàn Công Giáo về chủ nghĩa chống Công Giáo.

Sự tức giận và phẫn nộ làm rung chuyển người Công Giáo hướng vào Giáo hội, chứ không phải vào giới truyền thông. Một bài báo trang nhất trên tờ New York Times Chúa nhật tháng 3 năm 2002 đã trích dẫn lời tôi nói rằng, “Tôi không phải là người hầu của nhà thờ. Tôi không ở đây để bảo vệ điều không thể bảo vệ.” (9) Đó không phải là điều tôi muốn nói—tôi nổi tiếng là người kiên quyết bảo vệ Giáo hội—nhưng sự thiếu trung thực về mặt trí tuệ là điều tôi khinh ghét.

Bài báo của tờ Times đã mô tả chính xác lập trường của tôi: “Ông ấy cũng nêu lên điều đã trở thành chủ đề nổi bật trong phản ứng của phe bảo thủ đối với vụ tai tiếng: rằng các nạn nhân của lạm dụng tình dục chủ yếu là các cậu bé vị thành niên—chứ không phải trẻ nhỏ hơn—và có mối liên hệ giữa lạm dụng và số lượng người đồng tính nam trong hàng giáo sĩ.” Tôi nói với tờ báo rằng chức tư tế đã “trở nên mềm yếu”, cho phép “một cuộc nổi loạn công khai chống lại đạo đức tình dục của Giáo hội”. Tôi cũng lưu ý rằng “một sự thiếu nam tính nhất định đã diễn ra”. (10) Điều này không được những người Công Giáo được gọi là tiến bộ đón nhận tốt.

Vào tháng 4 năm 2002, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã triệu tập các Hồng Y người Mỹ và các nhà lãnh đạo hội đồng giám mục đến gặp ngài trong cái gọi là “Hội nghị thượng đỉnh Vatican”. Đức Thánh Cha nói rằng “không có chỗ trong đời sống tu sĩ cho những kẻ lạm dụng”. (11) Lời nói của ngài không chỉ mang trọng lượng của người đứng đầu Giáo Hội Công Giáo, mà còn được đưa ra chỉ hai tháng trước cuộc họp thường niên của các giám mục Hoa Kỳ, những người đã hội họp năm đó tại Dallas.

Những gì Đức Giáo Hoàng nói đã được người Công Giáo đánh giá cao. Tuy nhiên, khi được hỏi

vào thời điểm đó tôi nghĩ gì về tình trạng của Giáo hội, tôi không thể thừa nhận mình đã được xoa dịu. “Tôi không biết một linh mục hay giáo dân Công Giáo nào không phần nộ về vụ tai tiếng lạm dụng tình dục xét về sự dung thứ mà họ [hàng giáo phẩm] đã dành cho những hành vi không thể chấp nhận được, và cái cách họ chơi trò "giành ghế [music chairs]" với những linh mục bất hảo này. Tôi chưa từng thấy sự giận dữ nào lớn đến thế.” (12)

Khi hội nghị Dallas đến gần, người Công Giáo tỏ ra thận trọng. Tôi đã nói điều đó khi được tờ New York Times hỏi về niềm tin của tôi vào hàng giáo phẩm của Giáo hội trong việc khắc phục vấn đề: “Tôi không biết liệu họ có thể giải quyết ổn thỏa hay không. Vấn đề nằm ở những gì mà những người này đã thiếu từ trước đến nay—lẽ thường và lòng can đảm. Giờ đây, họ đang mất kiên nhẫn.” Người Công Giáo Mỹ sẽ không chờ đợi mãi mãi để Giáo hội này thay đổi.” (13) Tôi không phải là người duy nhất cảm thấy bất an. Những người theo chủ nghĩa tự do như Cha Richard McBrien và những người theo chủ nghĩa bảo thủ như Phil Lawler đều viện dẫn sự cần thiết của việc các giám mục phải thiết lập lại niềm tin của người Công Giáo; họ hoài nghi về triển vọng này. (14) Vài ngày trước cuộc họp, Ủy ban Đặc biệt về Lạm dụng Tình dục của các giám mục Hoa Kỳ đã công bố bản dự thảo tài liệu đề xuất sẽ được bỏ phiếu tại hội nghị. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm và nói vào thời điểm đó, “Bản dự thảo là một tài liệu hợp lý, có thể xoa dịu những nỗi sợ hãi tột cùng nhất của giáo dân hoài nghi. Nó chu đáo, thẳng thắn và công bằng với tất cả các bên.” (15)

Ba ngày sau, tôi cảnh báo về một vấn đề mới sắp xảy ra: việc lợi dụng vụ tai tiếng bởi “các luật sư chạy đua vượt chướng ngại vật”. Cho dù được thúc đẩy bởi tiềm năng kiếm được lợi nhuận khổng lồ, sự khinh miệt đối với Giáo Hội Công Giáo, hay cả hai, những luật sư như vậy có thể gây tổn hại nghiêm trọng đến sứ mệnh của Giáo hội. Vào thời điểm đó, tôi đặt câu hỏi tại sao chỉ có các linh mục Công Giáo bị các luật sư nhắm đến, trong khi các mục sư, giáo sĩ Do Thái, giáo viên, nhân viên xã hội và nhà trị liệu lại được bỏ qua. Những luật sư này, cùng với các nhóm nạn nhân, muốn bãi bỏ thời tiêu trong các trường hợp lạm dụng tình dục của linh mục nhưng lại không quan tâm đến việc áp dụng điều này cho tất cả những người khác. Tôi nói: “Không có hành vi sai trái nào của Giáo hội biện minh cho những nỗ lực cướp bóc nguồn lực của Giáo hội bằng cách viết lại luật. Đây là việc làm của những tên cướp đội lốt luật sư.” (16)

Vào ngày 7 tháng 6 năm 2002, tờ New York Times đã đăng một bài bình luận mà tôi đã viết, “Tất cả mọi ánh mắt đều đổ dồn về Dallas”. Tôi bày tỏ mối lo ngại rằng “ngay cả những hướng dẫn được viết tốt nhất cũng không thể chấm dứt vụ tai tiếng.” Tôi nói rằng điều cần thiết chính là điều mà Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã kêu gọi tại “Hội nghị thượng đỉnh Vatican” hồi tháng Tư – cụ thể là, “các mục tử của Giáo hội cần phải công khai thúc đẩy giáo huấn đạo đức đúng đắn của Giáo hội và khiển trách những cá nhân gieo rắc sự bất đồng chính kiến.” Tôi nói thêm rằng, “Không ngoa khi nói rằng không gì tạo điều kiện cho sự lệch lạc về hành vi hơn là sự bất đồng về thần học.” (17)

Quá trình chuẩn bị cho sự kiện Dallas kết thúc với một điểm báo chẳng lành. Chính vào đêm trước hội nghị các giám mục, chương trình 60 Minutes của đài CBS đã giới thiệu cho người Mỹ về những hành vi kinh hoàng của Gilbert Gauthe và về sự phạm tội kinh hoàng không kém của các viên chức Giáo hội. Các giám mục đã bị dồn vào chân tường. Phần chương trình 60 Minutes về Gauthe đã đặt nền móng cho những gì sắp xảy ra.

Các Cải cách Dallas và các Linh mục Bị buộc tội

Hiến chương Dallas (Hiến chương Bảo vệ Trẻ em và Thanh thiếu niên) là một danh sách toàn diện các cải cách đã làm giảm bớt sự phần nộ của hầu hết người Công Giáo. Nó thành lập một

Hội đồng Đánh giá Quốc gia để tiến hành đánh giá hàng năm về cách các giáo phận và giáo phận Đông phương giải quyết vấn nạn lạm dụng tình dục của giáo sĩ. Văn phòng Bảo vệ Trẻ em và Thanh thiếu niên cũng được thành lập để theo dõi vấn đề này. Nó đã phát triển các chuẩn mực cho các giáo phận và giáo phận Đông phương, bao gồm các hội đồng đánh giá sẽ điều tra các cáo buộc lạm dụng ở cấp địa phương. Điều quan trọng cần lưu ý là các điều khoản bảo mật trong thỏa thuận dàn xếp với nạn nhân bị cấm (trừ khi nạn nhân yêu cầu). Giáo Hội Công Giáo không được ghi nhận xứng đáng về việc cấm các thỏa thuận bảo mật. Điều này hoàn toàn trái ngược với thông lệ phổ biến ở những nơi khác. Ví dụ, các ngôi sao Hollywood bị cáo buộc hành vi sai trái tình dục thường xuyên sử dụng các thỏa thuận bảo mật. Những thỏa thuận bí mật như vậy đã cho phép Bill Cosby và Harvey Weinstein thoát tội với hành vi săn mồi của họ trong nhiều thập niên. (18) Một trong những người giúp Weinstein đàm phán các thỏa thuận bí mật là luật sư nữ quyền Gloria Allred. (19) Có vẻ như trong nhiều năm, nhiều phụ nữ chuyên nghiệp tự coi mình là người theo chủ nghĩa nữ quyền đã im lặng hoặc thậm chí đồng lõa với hành vi sai trái tình dục ở cấp cao nhất của xã hội, cho đến khi phong trào Me Too bắt đầu.

Có lẽ cải cách gây tranh cãi nhất được thực hiện tại hội nghị Dallas là việc áp dụng chính sách “không khoan dung”: nó cho phép loại bỏ vĩnh viễn một linh mục hoặc phó tế khỏi chức vụ nếu người đó thừa nhận lạm dụng tình dục hoặc bị kết tội. Tuy nhiên, chính sách này không áp dụng cho các giám mục (sau đó Vatican đã áp dụng). Việc “không khoan dung” đối với bất cứ ai lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên, thoát nhìn, nghe có vẻ là một phản ứng hoàn toàn chính đáng đối với một tội ác kinh hoàng. Tuy nhiên, vẫn có nguy cơ đẩy con lắc đi quá xa, và điều này khiến một số người Công Giáo ngần ngại. “Nhưng có một vấn đề liên quan đến quyền của người bị buộc tội”, tôi nói. “Có vẻ như hiến chương có thể bỏ qua một số quyền tố tụng công bằng.” (20)

Không ai chỉ trích mạnh mẽ hơn Hồng Y Avery Dulles về việc thiếu thủ tục tố tụng công bằng đối với các linh mục bị buộc tội. Ngài nói rằng văn kiện của các giám mục “đặt một mối quan hệ rất đối kháng giữa giám mục và linh mục. Linh mục không còn có thể tâm sự với giám mục của mình về vấn đề mà ông gặp phải nữa. Ông phải rất cẩn thận với những gì mình nói với giám mục vì giám mục có thể đuổi ông ra khỏi chức vụ suốt đời.” (21)

Dulles đã nêu ra những lo ngại của mình về Hiến chương Dallas trên các trang của America, tạp chí Dòng Tên có ảnh hưởng. Đề cập đến “quy tắc không khoan dung”, ngài viết, “Các giám mục đã áp dụng chính những nguyên tắc mà họ đã lên án trong lời chỉ trích của họ đối với hệ thống tư pháp thế tục.” Ngài đau lòng trước viễn cảnh một linh mục bị buộc tội bị loại khỏi chức vụ mà không quan tâm đến các quyền tố tụng công bằng của ông; ngoài sự bất công đối với vị linh mục, động thái này sẽ khiến các tín hữu tin rằng ông ta có tội, mà không cần phải chứng minh điều đó. Dulles cũng lo ngại về sự mơ hồ trong ngôn ngữ của hiến chương và việc nó không phân biệt giữa các tội nhẹ và các tội nghiêm trọng hơn. Sau đó là vấn đề xét xử các vụ án cũ. Điều này không dễ thực hiện khi người ta xem xét rằng “ký ức phai nhạt hoặc bị bóp méo, nhân chứng chết hoặc rời khỏi khu vực, và bằng chứng vật lý trở nên khó thu thập hơn”. Ngài đặc biệt phẫn nộ vì các giám mục đã không đưa vào hiến chương điều mà Giáo hoàng đã khẩn cầu họ xem xét: “sức mạnh của sự hoán cải Kitô giáo”. (22)

Dulles không phải là người duy nhất bày tỏ sự dè dặt về chính sách “không khoan dung”. Trên thực tế, bốn tháng trước khi Hiến chương Dallas được ban hành, Học viện Giáo hoàng về Sự sống của Vatican đã công bố một báo cáo của các bác sĩ tâm thần và nhà tâm lý học không phải người Công Giáo, những người nói rằng chính sách “không khoan dung” là sai lầm. (23) Ngay cả tờ New York Times cũng thừa nhận rằng mặc dù họ ủng hộ “không khoan dung”, nhưng họ vẫn cảnh báo chống lại việc phản ứng thái quá. “Chúng tôi không ủng hộ việc tước bỏ chức vụ

của những người phạm tội một lần đã tự cải tạo”, một bài xã luận viết. “Giống như các giám mục, chúng tôi tin vào sự phục hồi và chuộc tội.” Quan điểm của tờ báo được công bố ngay trước khi hội nghị Dallas triệu tập. (24)

Vào tháng 10 năm 2002, Vatican đã bổ nhiệm một ủy ban chung gồm các giám mục, bốn từ Hoa Kỳ và bốn từ Tòa Thánh, để sửa đổi một số điều khoản của Hiến chương Dallas; những thay đổi đã được trình lên các giám mục Hoa Kỳ tại cuộc họp tiếp theo của họ vào tháng 11. Vatican đã phản đối một cách chính đáng một số điểm mơ hồ trong hiến chương và việc thiếu các quyền tố tụng công bằng cho các linh mục bị cáo buộc. Một số người đã chỉ trích ủy ban chung, nhưng không ai chỉ trích hơn Cha Andrew Greeley. Không có bất cứ bằng chứng nào, ông nói rằng các Hồng Y xem xét hiến chương “tin chắc rằng cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục được tạo ra bởi các phương tiện truyền thông do người Do Thái kiểm soát để trừng phạt nhà thờ vì sự ủng hộ của nhà thờ đối với một nhà nước Palestine”. (25)

Cha Thomas G. Guarino, một giáo sư thần học tại Đại học Seton Hall, là một người bảo vệ xuất sắc các quyền của các linh mục. Cha lập luận rằng “hầu như mọi cáo buộc đều được coi là ‘đáng tin cậy’ trừ khi người bị cáo buộc có thể chứng minh rằng ba mươi năm trước (và hầu hết các cáo buộc đều từ nhiều thập niên trước) ngài đang ở một lục địa khác khi vụ lạm dụng bị cáo buộc xảy ra. Nói cách khác, ‘đáng tin cậy’ giờ đây có nghĩa là ‘không hoàn toàn bất khả hữu.’” (26) Nhìn lại những gì đã xảy ra ở Dallas, Guarino không hài lòng. “Các giám mục đã bị lừa trong Hiến chương, do các chuyên viên quan hệ công chúng và luật sư bịa đặt ra nhưng không có nền tảng thần học Công Giáo vững chắc. Và giờ đây họ quá bị khiếp sợ—bởi các tổng chưởng lý, giới truyền thông, luật sư, các nhóm vận động và giáo dân bất mãn—đến không thể tìm kiếm công lý.” (27)

Thật đáng buồn khi lưu ý rằng gần hai thập niên sau khi vụ tai tiếng được công khai, Hồng Y Daniel DiNardo, người lúc đó là chủ tịch hội đồng giám mục, thừa nhận rằng các luật sư vẫn đang nghiên cứu xem thế nào là bị “buộc tội một cách đáng tin cậy”. (28) Điều đáng lo ngại hơn nữa là gánh nặng chứng minh đã bị đảo ngược: thay vì một linh mục vô tội cho đến khi được chứng minh là có tội, thì giờ đây ngài bị coi là có tội cho đến khi được chứng minh là vô tội. Không ai hiểu điều này rõ hơn Hồng Y George Pell, người đã bị bỏ tù vì một tội ác mà ngài không phạm phải. Mặc dù cuối cùng ngài đã được minh oan, nhưng trong nhiều năm, ngài đã phải chịu đựng sự lên án của các nhà hoạt động, luật gia và chuyên gia, những người chấp nhận các cáo buộc chống lại ngài mà không có bằng chứng khi họ tiến hành các thủ tục pháp lý thông qua hệ thống tư pháp Úc. (29)

Tình hình thật đáng ngại. Tôi nhận được thư từ các linh mục, bao gồm cả các giám mục, lo ngại về cách thức xác định tội lỗi đang được thực hiện—ở một số giáo phận, chỉ cần rất ít bằng chứng là đủ để bồi thường cho các nạn nhân bị cáo buộc, ngay cả những người có câu chuyện rất mơ hồ. Một linh mục 85 tuổi đã liên hệ với tôi vì ngài bị một người nghiện ma túy cáo buộc về một tội danh được cho là đã xảy ra cách đây 40 năm, và lời bào chữa vô tội của ngài chẳng có ý nghĩa gì—tên ngài bị đăng trên báo của giáo phận với tư cách là một linh mục bị cáo buộc. Người đàn ông này đang bị tước đoạt quyền được coi là vô tội; danh tiếng của ngài đang bị hủy hoại trước khi tội lỗi của ngài được chứng minh. Ngay cả khi ngài có tội, cách đối xử này cũng vi phạm các nguyên tắc công lý của đất nước chúng ta. Nếu ngài vô tội, đây là một sự bất công. Và ngài không phải là người duy nhất. Ngay cả những linh mục bị cáo buộc và được tuyên bố vô tội vẫn có tên được đăng trên các trang web của giáo phận trong số những người bị cáo buộc.

Tổn thương về mặt tinh thần trong những trường hợp như thế này không chỉ giới hạn ở các linh mục. “Tên chú tôi xuất hiện trong danh sách các linh mục bị cáo buộc lạm dụng tình dục do

Tổng giáo phận Baltimore công bố tuần trước. Tôi muốn gọi cho chú ấy và hỏi tôi nên nghĩ gì về điều này, nhưng chú ấy đã mất năm 1981. Công bằng ở đâu khi tôi nhờ những người không còn ở đây để tự bào chữa?" Tuyên bố này được đăng tải trong một bức thư gửi cho tờ Washington Post vào năm 2019. (30)

Điều đáng lo ngại hơn nữa là những yêu cầu công khai cho rằng các linh mục không được hưởng bất cứ quyền tố tụng nào. Một số người muốn các linh mục bị loại bỏ khỏi chức vụ ngay lập tức khi có cáo buộc. "Chúng tôi hiểu rằng đó là sự vi phạm quyền tố tụng của linh mục – bạn vô tội cho đến khi bị chứng minh là có tội – nhưng chúng ta đang nói về những người dễ bị tổn thương nhất trong xã hội của chúng ta và đó là trẻ em." (31) Nếu đây chỉ là những suy nghĩ của một blogger, nó sẽ không có ý nghĩa gì nhiều. Nhưng đây là quan điểm của Anne Burke, người từng đứng đầu Hội đồng Đánh giá Quốc gia đầu tiên được các giám mục ủy nhiệm để giải quyết vấn nạn lạm dụng tình dục của giáo sĩ. Vào thời điểm đó, bà là thẩm phán Tòa phúc thẩm Illinois; sau đó bà được thăng chức lên chánh án của tòa án.

Trong một cuộc phỏng vấn tôi đã thực hiện tại văn phòng với một nữ phóng viên của CNN, cô ấy đã chỉ trích gay gắt Giáo hội vì không đăng tên các linh mục bị cáo buộc trên các trang web của giáo phận. Tôi nhắc điện thoại lên và, cầm nó trong tay, hỏi cô ấy tên và số điện thoại của sếp cô ấy. Khi cô ấy hỏi Tôi nói rằng tôi sẽ tố cáo cô ta tội quấy rối tình dục. Tôi nói thêm rằng tôi muốn xem CNN có đăng tên cô ta lên trang web của họ hay không. Cô ta nói, "Tôi hiểu rồi." Tôi cúp điện thoại.

Không một tổ chức nào ở Hoa Kỳ được yêu cầu công bố tên của các nhân viên bị cáo buộc có hành vi sai trái về tình dục, ngoại trừ Giáo Hội Công Giáo. Yêu cầu này thật vô lý và không công bằng, và không thuyết phục được ai. Giáo hội không nên làm điều này. Thay vào đó, Giáo hội nên kiên quyết đòi hỏi sự công bằng và bảo vệ quyền lợi của các linh mục bị cáo buộc, giống như mọi tổ chức khác trong nước bảo vệ nhân viên của mình.

Phạm vi của vụ tai tiếng

Vào tháng 2 năm 2004, các nhà nghiên cứu tại Trường Cao đẳng Tư pháp Hình sự John Jay đã công bố báo cáo "Bản chất và phạm vi lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các linh mục và phó tế Công Giáo ở Hoa Kỳ từ năm 1950 đến năm 2002". Theo báo cáo này, khoảng 4% giáo sĩ Công Giáo trong giai đoạn nghiên cứu đã bị cáo buộc lạm dụng tình dục trẻ em dưới 18 tuổi. Người ta phát hiện ra rằng 75% các vụ lạm dụng xảy ra từ năm 1960 đến năm 1984. (32) Những người khác đã xem xét dữ liệu, chẳng hạn như tờ New York Times, kết luận rằng "hầu hết các vụ lạm dụng xảy ra vào những năm 1970 và 1980" và rằng con số linh mục bị cáo buộc "giảm mạnh vào những năm 1990". (33) Mọi người đều đồng ý rằng những năm 1970 là thập niên tồi tệ nhất.

Có bao nhiêu trẻ vị thành niên bị cáo buộc lạm dụng? Năm 1993, Cha Andrew Greeley, một nhà xã hội học, đã suy đoán rằng có "hơn 100,000" nạn nhân. (34) Tuy nhiên, các nhà khoa học xã hội của Đại học John Jay lại đưa ra con số là 10,667. (35) Tại sao Greeley lại sai lệch nhiều như vậy? Bởi vì ngài cho rằng trung bình cứ mỗi linh mục lạm dụng thì có 50 nạn nhân. (36) Con số chính xác là một. (37)

Các nạn nhân là ai? "Đa số nạn nhân (81%) là nam giới, trái ngược với sự phân bố theo giới tính nạn nhân của các tội phạm tình dục ở Hoa Kỳ." Điều quan trọng là, nghiên cứu của Đại học John Jay đã phát hiện ra rằng ấu dâm không phải là vấn đề, mặc dù giới truyền thông liên tục nhắc đến "các linh mục ấu dâm". Thật vậy, nghiên cứu này cho thấy 78% nạn nhân đã qua tuổi

dậy thì. (38) Khoảng một nửa số nạn nhân tố cáo bị lạm dụng đã giao tiếp với các linh mục bên ngoài nhà thờ, và các linh mục thường được mời đến nhà của gia đình họ. (39)

Có bao nhiêu lời tố cáo được chứng thực? Một bản dự thảo báo cáo của nghiên cứu John Jay được gửi cho các giám mục ước tính rằng 61% lời tố cáo đã được chứng thực. (40) Vì một lý do không rõ, khi báo cáo được công bố, con số này đã tăng lên 80%. (41) Ấn tượng mà công chúng có được là hầu như tất cả các linh mục bị buộc tội đều có tội.

Theo một cuộc khảo sát của tờ Washington Post được công bố năm 2002, chưa đến 1.5% trong số khoảng 60,000 người đàn ông trở lên phục vụ trong hàng giáo sĩ Công Giáo bị cáo buộc lạm dụng tình dục trẻ em. (42) Một cuộc khảo sát của tờ New York Times báo cáo rằng 1.8% trong số tất cả các linh mục được thụ phong từ năm 2002 đến nay đã phạm tội ấu dâm. Từ năm 1950 đến năm 2001, một số linh mục bị cáo buộc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên. (43) Thomas Kane, tác giả của cuốn sách "Linh mục cũng là con người", ước tính vào năm 2002 rằng có từ 1 đến 1.5% linh mục bị buộc tội. (44) Cũng trong năm 2002, hãng thông tấn AP (Associated Press) phát hiện ra rằng khoảng 0.67% linh mục đương thời đang bị điều tra. (45)

Mọi người đều đồng ý rằng không một linh mục nào được phép lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên. Nhưng cũng cần phải nhấn mạnh rằng bằng chứng cho thấy hầu hết các linh mục chưa bao giờ bị buộc tội lạm dụng người trẻ tuổi. Sự thật này không nhận được sự chú ý xứng đáng. Tại sao? Bởi vì nó không phù hợp với câu chuyện mà nhiều phương tiện truyền thông đã chấp nhận. Cha Greeley đã rất bức xúc với giới truyền thông vì không nhấn mạnh rằng hầu hết các linh mục đều là "những người đàn ông trưởng thành, hạnh phúc" đến nỗi ngài kết luận, "Cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục đã trở thành dịp để chỉ trích người Công Giáo và những người sống độc thân." Ngài vô cùng phẫn nộ với tờ New York Times vì những bài báo tiêu cực, nói rằng tờ báo đã "vượt qua ranh giới thù địch và xâm phạm lãnh địa của chủ nghĩa bài Công Giáo cực đoan". (46)

Hành vi phổ biến nhất mà các linh mục bị cáo buộc là sờ mó qua quần áo của nạn nhân (52.6%). Tuy nhiên, tương đối ít linh mục bị cáo buộc chỉ thực hiện hành vi này. (47) Mặt khác, hầu hết những kẻ lạm dụng không có hàng trăm nạn nhân, như một số người đã cáo buộc.

"Đa số linh mục (56%) bị cáo buộc lạm dụng một nạn nhân, gần 27% bị cáo buộc lạm dụng hai hoặc ba nạn nhân, gần 14% bị cáo buộc lạm dụng từ bốn đến chín nạn nhân và 3.4% bị cáo buộc lạm dụng hơn mười nạn nhân." Thống kê tiếp theo này hiếm khi được báo cáo: "149 linh mục (3.5%) có hơn mười cáo buộc lạm dụng được cho là chịu trách nhiệm lạm dụng 2,960 nạn nhân, do đó chiếm 26% số cáo buộc. Do đó, chỉ một tỷ lệ rất nhỏ các linh mục bị buộc tội chịu trách nhiệm cho một tỷ lệ đáng kể các cáo buộc" (tôi nhấn mạnh). (48)

Điều này thật đáng kinh ngạc. Trong số 4,393 linh mục bị cáo buộc từ năm 1950 đến năm 2002 (không phải tất cả đều được chứng minh), chỉ có 149 người trong số họ chiếm hơn một phần tư số cáo buộc. Dữ liệu như vậy bác bỏ quan niệm thông thường rằng hầu hết các linh mục đều là những kẻ săn mồi. Đó là một lời nói dối độc ác.

Các cuộc cải cách có hiệu quả không?

Một lời nói dối lớn khác về Giáo Hội Công Giáo là vụ tai tiếng lạm dụng tình dục vẫn tiếp diễn không ngừng. Điều này hoàn toàn vô lý. Chắc chắn, vẫn còn những vấn đề nghiêm trọng—chẳng hạn như việc Vatican không giải thích kịp thời ai biết gì và khi nào về Theodore McCarrick, cựu Hồng Y bị thất sủng—nhưng xét về phạm vi của vụ tai tiếng, nó từ lâu đã

không còn là một cuộc khủng hoảng.

Theo Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng Tông đồ của Đại học Georgetown, số lượng cáo buộc trung bình chống lại các thành viên giáo sĩ hiện tại trong bất cứ năm nào đã giảm mạnh. Vào những năm 1970, có 6,155 trường hợp; con số của những năm 1980 là 3,594; có 777 trường hợp vào những năm 1990 và 351 trường hợp vào những năm 2000. Hiện nay, con số này chỉ còn ở mức một chữ số. (49)

Đây là biểu đồ về số lượng cáo buộc đáng tin cậy được đưa ra kể từ khi Hội đồng Đánh giá Quốc gia bắt đầu thu thập dữ liệu. (50)

2004:	22
2005:	9
2006:	14
2007:	4
2008:	10
2009:	8
2010:	7
2011:	7
2012:	6
2013:	7
2014:	6
2015:	7
2016:	2
2017:	6
2018:	3
2019:	8

Hội đồng Đánh giá Quốc gia đã làm rất tốt công việc thu thập dữ liệu. Tuy nhiên, họ đã làm không tốt việc quảng bá Tin tốt. Những người chịu trách nhiệm về các báo cáo luôn nhắc nhở chúng ta rằng một nạn nhân cũng là quá nhiều, điều này dĩ nhiên là đúng. Nhưng điều đó không nên ngăn cản họ làm một vài phép tính. Ví dụ, hãy xem báo cáo năm 2018. Báo cáo này nêu chi tiết 26 cáo buộc mới liên quan đến trẻ vị thành niên hiện tại, trong đó 3 cáo buộc được chứng thực (ba người đàn ông này đã bị loại khỏi chức vụ mục tử). Điều này có nghĩa là 0.006% trong số 50,648 thành viên của giới giáo sĩ đã bị cáo buộc có căn cứ trong khoảng thời gian một năm đó. Báo cáo năm 2019 đã tìm thấy 37 cáo buộc mới, trong đó chỉ có 8 cáo buộc, tương đương 0.016% (trong số 49,972 giáo sĩ), được chứng thực.

Không cần Liên đoàn Công Giáo phải tính toán và ca ngợi sự tiến bộ đáng kinh ngạc này. Nhưng họ đã làm vậy. Khi tiết lộ rằng chỉ có ba trường hợp được chứng thực, chủ tịch Hội đồng Đánh giá Quốc gia, Francesco C. Cesareo, đã nắm lấy cơ hội để nói: “Những cáo buộc hiện tại chỉ ra thực tại này: việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các giáo sĩ không nên được các giám mục coi là chuyện của quá khứ hay một ký ức xa vời.” (51) Đó là một phản ứng đáng thương. Anne Burke, người đứng đầu Hội đồng Đánh giá Quốc gia đầu tiên, đã liên tục phủ nhận việc đã có bất cứ tiến bộ nào, và vào cuối năm 2019, bà nói rằng vấn đề lạm dụng tình dục

của giáo sĩ “tồi tệ hơn” so với trước đây. (52) Bà không đưa ra bằng chứng nào. Thực tế là không có bằng chứng nào cả. Không ai kêu gọi ăn mừng chiến thắng, nhưng việc không thừa nhận sự tiến bộ đáng kinh ngạc đã đạt được là không công bằng. Hơn nữa, điều đó chẳng làm gì để ngăn chặn giả định sai lầm cho rằng nhiều linh mục vẫn tiếp tục lạm dụng trẻ vị thành niên.

Không một tổ chức nào khác, dù tôn giáo hay thế tục, có thành tích ấn tượng hơn trong việc chống lại lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên ngày nay hơn Giáo Hội Công Giáo (sẽ nói thêm về điều này sau). Liệu sự tiến bộ có hoàn toàn là nhờ vào các cải cách ở Dallas? Không, nhưng phần lớn là như vậy. Thực tế là số lượng cáo buộc đã giảm trước khi cải cách được tiến hành là bằng chứng cho thấy sự tiến bộ không thể chỉ được quy cho các chuẩn mực mới. Thứ nhất, cuộc cách mạng tình dục bắt đầu suy yếu. Cũng đúng là nhiều giám mục bắt đầu đứng lên, một số vì nghĩa vụ và một số khác vì sợ hãi. Dù sao đi nữa, những người phản đối vẫn còn đó, từ chối thừa nhận sự tiến bộ.

Tiến sĩ Mary Gail Frawley-O’Dea, một nhà tâm lý học, đã được mời phát biểu trước các giám mục ở Dallas. Vào tháng 1 năm 2003, bà dự đoán rằng cuộc khủng hoảng sẽ sớm tái xuất hiện. “Các vị sẽ thấy một loại bong bóng nào đó vào năm 2005, khi những người bị lạm dụng vào những năm 1990 lên tiếng.” (53) Bà đã sai. Điều đó chưa bao giờ xảy ra. Chính xác hơn là Gregory Erlandson và Matthew Bunson, những người đã lưu ý vào năm 2010 rằng “Giáo hội Hoa Kỳ, vốn trong vài năm là tâm điểm của các vụ tai tiếng, hiện đang dẫn đầu trong việc thiết lập các chuẩn mực và cung cấp hướng dẫn để đối phó với các linh mục lạm dụng, hỗ trợ các nạn nhân và ngăn chặn các tội ác tiếp theo.” (54)

Tin tốt về những tiến bộ đã đạt được không được đón nhận tốt bởi những người thích chìm đắm trong tin xấu. Họ có thể được tìm thấy ở cả cực hữu lẫn cực tả. Cánh hữu nói rằng Công đồng Vatican II đã thực hiện quá nhiều cải cách; cánh tả nói rằng nó chưa đủ. Cả hai bên đều thích khi tin xấu xuất hiện — họ chuyển sang chế độ tự chúc mừng.

Khi Tổng Giám mục New York Timothy Dolan được phỏng vấn trên chương trình 60 Minutes vào năm 2011, ngài nói rằng vụ tai tiếng lạm dụng tình dục đã “kết thúc”. Điều đó đã khiến Jamie Manson của National Catholic Reporter nổi giận. Bà đã tấn công Dolan vì nhận xét của ngài, không đưa ra bằng chứng nào cho thấy ngài đã sai. (55) Ngài không sai. Một năm sau, vào dịp kỷ niệm 10 năm loạt bài của tờ Boston Globe về vụ tai tiếng, điều tốt nhất mà tờ báo có thể làm là đăng một câu ngắn gọn, không đáng kể. (56) Nếu tình hình trong Giáo hội xấu đi, tờ báo hẳn đã đăng một bài báo dài trên trang nhất; nhưng với những tin tốt lành, đơn giản là không đáng để nói nhiều về điều đó.

Những cáo buộc vô căn cứ cho rằng Giáo hội không thay đổi được đưa ra liên tục, và từ những nguồn tin nổi tiếng. Vào tháng 10 năm 2019, có một bài xã luận giận dữ trên tờ Washington Post về việc Vatican không xử lý thẳng thắn vụ việc của cựu Hồng Y Theodore McCarrick. Bài xã luận đã đúng về điều đó - lẽ ra phải có một sự giải trình đầy đủ vào thời điểm đó - nhưng những người ở tờ báo đã để cảm xúc chi phối suy nghĩ của họ về những vấn đề gần gũi hơn. Bài xã luận đề cập đến “những cáo buộc mới... về hiếp dâm, hành hung, quấy rối và những hành vi tàn bạo khác”. (57) Điều này khiến người đọc nghĩ rằng vụ tai tiếng vẫn đang tiếp diễn. Điều này đơn giản là không đúng sự thật.

Đức ông Stephen Rossetti, người am hiểu vấn đề này, đã lưu ý vào năm 2018 rằng nghiên cứu đầu tiên của Đại học John Jay cho thấy 4% linh mục bị cáo buộc lạm dụng trẻ vị thành niên. “Con số này đã giảm mạnh và hiện được ước tính là dưới 1%.” (58) Bằng chứng rõ ràng hơn về sự tiến bộ vượt bậc có thể được tìm thấy bằng cách đọc các báo cáo khác nhau do các giáo phận

và tổng chương lý tiểu bang công bố.

Vào tháng 3 năm 2019, luật sư kiện Giáo hội Jeff Anderson đã ban hành một báo cáo về các linh mục bị cáo buộc ở Illinois trong nửa thế kỷ qua. Có nhiều bài báo trên phương tiện truyền thông về 395 linh mục được nêu tên trong báo cáo, nhưng hầu hết đều không đầy đủ. Không phải tất cả đều là linh mục: báo cáo bao gồm cả phó tế, chủng sinh, tu sĩ và nữ tu. Một số linh mục đến từ các dòng tu, không thuộc quyền tài phán của giám mục. Trong các trường hợp khác, các linh mục của dòng tu không đến từ Illinois, và các hành vi phạm tội bị cáo buộc của họ, nếu có xảy ra, có thể không diễn ra ở đó. Hơn nữa, đây chỉ là những cáo buộc, hầu hết trong số đó chưa bao giờ được chứng minh tại tòa án. Điều thực sự quan trọng là: trong số 395 người được đề cập, 394 người hoặc đã chết hoặc bị đuổi khỏi chức vụ! (59) Điều đó chỉ còn lại một người. Điều này không phải cho thấy rằng vụ tai tiếng không còn là một cuộc khủng hoảng ở Hoa Kỳ nữa sao?

Vào tháng 4 năm 2019, Giáo phận Sacramento đã công bố một báo cáo về 1,500 thành viên giáo sĩ đã phục vụ trong giáo phận trong bảy mươi năm qua. Có 44 linh mục bị cáo buộc, chiếm khoảng 3% tổng số. Quan trọng là, 3 linh mục đã gây ra khoảng một nửa số vụ lạm dụng. (60) Nói cách khác, hầu hết các linh mục chưa bao giờ tham gia vào việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên.

Vào tháng 9 năm 2019, tổng chương lý Missouri Eric Schmitt đã ban hành một báo cáo về lạm dụng tình dục do các linh mục, phó tế, chủng sinh và nữ tu gây ra. Người ta xác định rằng 163 linh mục trong số hơn 2,000 người làm việc tại Missouri kể từ Thế chiến II đã bị cáo buộc. Hơn một nửa trong số họ đã chết. Trong số 154 linh mục có cung cấp ngày tháng, tất cả trừ 15 cáo buộc xảy ra trước năm 1990 (chỉ có ba cáo buộc trong những năm 2010); 117 vụ việc xảy ra trong những năm 1960, 1970 và 1980. (61) Tóm lại, cuộc khủng hoảng không còn tồn tại nữa.

Vào tháng 10 năm 2019, tổng chương lý Colorado đã công bố một báo cáo về lạm dụng tình dục trong Giáo Hội Công Giáo trong bảy mươi năm qua. Báo cáo cho thấy trong số 166 linh mục được nêu tên, 5 người đã lạm dụng 102 trẻ vị thành niên, chiếm 61% tổng số. Trên thực tế, 2 người chịu trách nhiệm cho 82 vụ việc. Có tới 84% nạn nhân là nam giới, và hầu hết đều đã qua tuổi dậy thì, có nghĩa là những kẻ gây hại cho họ là người đồng tính. (62) Một lần nữa, chúng ta thấy rằng một vài linh mục xấu đã gây ra hầu hết các hành vi phạm tội.

Tình hình tương tự ở New York. Năm 2019, Hồng Y Timothy Dolan, tổng giám mục New York, tuyên bố rằng hầu hết các vụ lạm dụng đều xảy ra trong thế kỷ trước và trong số 120 linh mục được nêu tên trong báo cáo, nhiều người đã chết và không ai còn đang phục vụ trong giáo hội. (63)

Nhận thức của công chúng có nhiều sai lệch

“Ở Hoa Kỳ không có quá một trăm người ghét Giáo Hội Công Giáo. Tuy nhiên, có hàng triệu người ghét những gì họ tin tưởng một cách sai lầm là Giáo Hội Công Giáo—tất nhiên, đó là một điều hoàn toàn khác.” Những lời đó vẫn đúng cho đến ngày nay như năm 1938, khi Fulton J. Sheen, khi đó là một giám mục, viết chúng. (64)

Khi vụ tai tiếng lên trang nhất các tờ báo vào năm 2002, một cuộc thăm dò của Wall Street Journal-NBC News cho thấy 64% tin rằng các linh mục Công Giáo “thường xuyên” lạm dụng trẻ em. (65) Mười năm sau, người ta thấy rằng chỉ có 21% người Công Giáo có thể xác định chính xác rằng các vụ lạm dụng phổ biến hơn trước năm 1985 so với sau đó. (66) Các giám mục

và linh mục quản xứ cũng phải chịu trách nhiệm phần lớn về sự thiếu hiểu biết này; nhiệm vụ của họ là giáo dục các tín hữu, nhưng ít người giảng giải đề cập đến bất cứ điều gì về những tiến bộ đã đạt được.

Năm 2018, một cuộc thăm dò của CBS đã hỏi những người được hỏi về mức độ nghiêm trọng của việc lạm dụng tình dục của các linh mục. Đây là kết quả: rất nghiêm trọng, 69%; hơi nghiêm trọng, 21%; không quá nghiêm trọng, 7%; không biết hoặc không trả lời, 4%. (67) Nếu câu hỏi này được đặt ra trong khoảng thời gian từ giữa những năm 1960 đến giữa những năm 1980, kết quả có thể sẽ ngược lại: chúng ta sẽ kỳ vọng rằng khoảng 7% sẽ nói rằng có một vấn đề “rất nghiêm trọng”, và khoảng 69% sẽ nói rằng vấn đề đó “không quá nghiêm trọng”. Nghịch lý ở đây là: mốc thời gian vừa nêu chính xác là giai đoạn mà hầu hết các vụ lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên diễn ra, nhưng ít người biết đến điều đó. Ngày nay, hầu như không có vụ lạm dụng nào xảy ra, nhưng chuông cảnh báo vẫn vang lên.

Vào mùa xuân năm 2019, một cuộc khảo sát của Trung tâm Nghiên cứu Pew cho thấy tám trong mười người Mỹ tin rằng lạm dụng tình dục của giáo sĩ Công Giáo là một “vấn đề đang diễn ra”, trong khi chỉ có 12% nói rằng những vấn đề này “đã xảy ra trong quá khứ và hầu như không còn xảy ra nữa”; Một phần tư số người Công Giáo, tức 24%, có quan điểm thứ hai. (68)

Sự hiểu sai này đáng lo ngại đến mức nào, điều tồi tệ hơn nữa là nhiều nhà lãnh đạo Công Giáo nổi tiếng lại từ chối thách thức quan điểm méo mó này. Tại một hội nghị lãnh đạo giáo dân được tổ chức vào năm 2019 tại Đại học Georgetown, dữ liệu của Pew đã được thảo luận, nhưng không ai bận tâm đến việc đính chính lại: dữ liệu bác bỏ nhận thức bất lợi rằng vụ tai tiếng vẫn đang tiếp diễn.

Vào tháng 11 năm 2019, NBC đã công bố một cuộc khảo sát thú vị về những người Công Giáo làm việc cho Giáo hội ở một cương vị nào đó. Kết quả cho thấy gần bốn trong mười người (39%) nói rằng vụ tai tiếng lạm dụng tình dục “vẫn là một vấn đề lớn”; 14% nói rằng nó “không còn là một vấn đề lớn nữa”; và 46% nói rằng điều này chưa bao giờ là vấn đề lớn hơn đối với Giáo Hội Công Giáo so với các định chế khác tham gia chăm sóc trẻ vị thành niên. Các nữ tu là những người lo ngại nhất và thiếu thông tin nhất, với 56% tin rằng nó vẫn là một vấn đề lớn hiện nay. Trong bộ phim tài liệu truyền hình về cuộc khảo sát này, đài NBC đã cho tôi cơ hội để làm rõ vấn đề. Tôi nói: “Đây là kết quả của việc đầu độc tâm trí công chúng. Hầu hết những kẻ xấu, hầu hết các linh mục lạm dụng tình dục, đều đã chết hoặc không còn phục vụ trong giáo hội nữa. Đó không phải là ý kiến. Đó là sự kiện.” (69)

Ghi chú

(1) Mary Eberstadt, “Con voi trong phòng thánh”, *Weekly Standard*, ngày 17 tháng 6 năm 2002. Xem thêm bài báo của Eberstadt “Con voi trong phòng thánh, xem xét lại”, *Weekly Standard*, ngày 24 tháng 9 năm 2018.

(2) *60 Minutes II*, bản ghi chép của CBS News, ngày 12 tháng 6 năm 2002.

(3) Đã dẫn.

(4) Michael D’Antonio, *Tội trọng: Tình dục, tội ác và kỷ nguyên tai tiếng Công Giáo* (New York: Nhà xuất bản St. Martin’s Press, 2013), 37-39.

(5) Jeremy Rogalski và Tina Macias, “Linh mục Công Giáo từ bỏ áo choàng để đấu tranh cho nạn nhân bị lạm dụng tình dục bởi giáo sĩ”, *WUSA9*, ngày 10 tháng 1 năm 2019, <https://www.wusa9.com/article/news/investigations/unforgivable/catholicpriest-shuns-collar-to-fight-for-survivors-of-clergy-sexual-abuse/2851d16e66d-5a17-4f14-a074-7793c8cac10d>.

(6) Daniel J. Wakin, “Linh mục Công Giáo giúp đỡ nạn nhân bị lạm dụng tình dục trong nhà

- thờ mất việc”, *New York Times*, ngày 29 tháng 4 năm 2004, <https://www.nytimes.com/2004/04/29/us/catholic-priest-who-aids-churchsexual-abuse-victims-loses-job-military-chaplain.html>.
- (7) Tom Roberts, “Thomas Doyle theo dõi sự tan rã của Văn hóa giáo sĩ/phân cấp”, *National Catholic Reporter*, ngày 27 tháng 11 năm 2018, <http://www.ncronline.org/news/accountability/ncr-connections/thomas-doyle-traces-disintegration-clericalhierarchicalculture>.
- (8) Nhận xét của tôi có thể được tìm thấy trên trang web của Liên đoàn Công Giáo, <http://www.catholicleague.org>, trong bản tóm tắt báo cáo thường niên năm 2002.
- (9) Dan Barry và Robin Toner, “Người Công Giáo Hoa Kỳ, Buồn bã và Tức giận, Nhưng vẫn Giữ vững Đức tin”, *New York Times*, ngày 24 tháng 3 năm 2002, A1.
- (10) Đã dẫn.
- (11) Victor L. Simpson, “Đức Giáo Hoàng: Lạm dụng trong vụ tai tiếng tình dục là một tội ác”, *Associated Press*, ngày 23 tháng 4 năm 2002.
- (12) Nhóm điều tra của tờ Boston Globe, *Sự phản bội: Cuộc khủng hoảng trong Giáo Hội Công Giáo* (Boston: Little Brown and Company, 2002), 112.
- (13) Laurie Goodstein, “Vụ tai tiếng trong Giáo hội: Các Hồng Y; Nhiệm vụ khôi phục uy tín”, *New York Times*, ngày 21 tháng 4 năm 2002, A1.
- (14) Matt Stearns và Scott Canon, “Các Giám mục sẽ giải quyết ‘khủng hoảng lãnh đạo’ tại Hội nghị”, *Knight Ridder / Tribune News Service*, ngày 9 tháng 6 năm 2002.
- (15) Bill Donohue, “Các Giám mục soạn thảo văn bản hợp lý”, ngày 4 tháng 6 năm 2002, <http://www.catholicleague.org>.
- (16) Bill Donohue, “Luật pháp được áp dụng—ngay cả đối với Giáo hội”, ngày 7 tháng 6 năm 2002, <https://www.catholicleague.org/rule-of-law-applies-even-to-thechurch-2/>.
- (17) Bill Donohue, “Mọi ánh mắt đều đổ dồn về Dallas”, *New York Times*, quảng cáo trang xã luận, ngày 7 tháng 6 năm 2002, A27, đăng trên *Catholic League*, <http://70.40.202.97/wpcontent/uploads/2011/09/ALL-EYES-ARE-ON-DALLAS.pdf>.
- (18) “Các thỏa thuận bí mật Pr “Bảo vệ những kẻ săn mồi tình dục”, *USA Today*, ngày 12 tháng 11 năm 2017, <http://www.usatoday.com/story/opinion/2017/ii/12/secretsettlements-protect-sexual-predators-weinstein-assault/833861001/>.
- (19) Alexandra Alter, “Cuốn sách mới về Weinstein nêu tên những nguồn tin chưa từng được biết đến trước đây”, *New York Times*, ngày 10 tháng 9 năm 2019, B4.
- (20) Bill Donohue, “Các Giám mục đạt được tiến bộ nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm”, ngày 14 tháng 6 năm 2002, <http://www.catholicleague.org>.
- (21) Laurie Goodstein và Sam Dillon, “Những vụ tai tiếng trong Giáo hội: Hội nghị Giám mục; “Các Giám mục Đặt Chính sách Loại bỏ Linh mục trong Các Vụ Lạm dụng Tình dục”, *New York Times*, ngày 15 tháng 6 năm 2002, A1.
- (22) Avery Dulles, “Quyền của các Linh mục Bị buộc tội: Hướng tới việc sửa đổi Hiến chương Dallas và các Chuẩn mực Thiết yếu”, *America*, ngày 21 tháng 6 năm 2004, <https://www.americamagazine.org/issue/488/article/rights-accusedpriests>.
- (23) Nicole Winfield, “Vatican Ban hành Báo cáo Chỉ trích Chính sách”, *Associated Press*, ngày 23 tháng 2 năm 2004.
- (24) “Các Giám mục ở Ngã ba Đường”, *New York Times*, ngày 9 tháng 6 năm 2002, A14.
- (25) Andrew Greeley, “Giáo triều thiếu hiểu biết không lắng nghe sự tức giận của Hoa Kỳ”, *Chicago Sun-Times*, ngày 25 tháng 10 năm 2002, 47.
- (26) Thomas G. Guarino, “Betsy DeVos và các Giám mục”, *First Things*, ngày 8 tháng 12 năm 2017, <https://www.firstthings.com/webexclusives/2017/12/betsy-devos-and-the-bishops>.
- (27) Thomas G. Guarino, “Mặt tối của Hiến chương Dallas”, *First Things*, ngày 2 tháng 10 năm 2019, <https://www.firstthings.com/webexclusives/2019/10/the-dark-side-of-the-dallas-charter>.
- (28) Christopher White, “Hai thập kỷ khủng hoảng, vẫn chưa có sự đồng thuận về ý nghĩa của

- cụm từ ‘Bị cáo buộc một cách đáng tin cậy’”, *Crux*, ngày 19 tháng 12, 2018, <https://cruxnow.com/church-in-the-usa/2018/12/two-decades-into-crisis-noconsensus-on-what-credibly-accused-means/>.
- (29) George Pell, *Nhật ký nhà tù: Hồng Y đưa ra lời kêu gọi của mình* (San Francisco: Ignatius Press, 2020).
- (30) Maureen Loftus Hogel, “Người chết không thể tự bào chữa”, *Washington Post*, ngày 29 tháng 4 năm 2019, A20.
- (31) Cathleen Falsani và Stefano Esposito, “Cảnh sát muốn buộc tội linh mục sớm hơn: Nguồn tin cho biết Tổng giám mục khuyến khích McCormick nên im lặng”, *Chicago Sun-Times*, ngày 25 tháng 1 năm 2006, 3.
- (32) Karen J. Terry, *Trường Cao đẳng Tư pháp Hình sự John Jay* (JJCCJ), và Hoa Kỳ Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ (USCCB), *Bản chất và phạm vi lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các linh mục và phó tế Công Giáo tại Hoa Kỳ giai đoạn 1950-2002: Một nghiên cứu do Trường Cao đẳng Tư pháp Hình sự John Jay thực hiện* (Washington, D.C.: Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ, 2004), 27.
- (33) Laurie Goodstein, “Những thập kỷ tổn hại; “Dấu vết đau thương trong cuộc khủng hoảng Giáo hội Dẫn đến hầu hết mọi giáo phận”, *New York Times*, ngày 12 tháng 1 năm 2003, 1.
- (34) Andrew Greeley, “Vấn đề lạm dụng tình dục bởi giáo sĩ nghiêm trọng đến mức nào?”, *America*, ngày 20 tháng 3 năm 1993, 7.
- (35) Terry, JJCC J, và USCCB, *Bản chất và phạm vi*, 4.
- (36) Greeley, “Vấn đề nghiêm trọng đến mức nào?”, 7.
- (37) Terry, JJCC J, và USCCB, *Bản chất và phạm vi*, 6.
- (38) Đã dẫn, 9-10.
- 39 Đã dẫn, 7.
- (40) Michael Paulson, “Nghiên cứu về lạm dụng cho thấy 4% linh mục ở Mỹ bị cáo buộc”, *Boston Globe*, ngày 17 tháng 2, 2004, http://archive.boston.com/news/nation/articles/2004/02/17/abuse_study_says_4_of_priests_in_us_accused/.
- (41) Terry, JJCCJ, và USCCB, *Bản chất và Phạm vi*, 94.
- (42) Alan Cooperman, “Hàng trăm linh mục bị cách chức kể từ những năm 60; “Khảo sát cho thấy phạm vi rộng hơn so với những gì đã được tiết lộ”, *Washington Post*, ngày 9 tháng 6 năm 2002, A1.
- (43) Goodstein, “Thập kỷ thiệt hại”.
- (44) Phỏng vấn Bill O’Reilly, *The O’Reilly Factor*, phát sóng ngày 3 tháng 5 năm 2002 trên Fox News.
- (45) Bob von Sternberg, “Bảo hiểm không đủ trong các vụ lạm dụng trong nhà thờ; Các giáo phận Công Giáo buộc phải tìm các nguồn khác để trả tiền bồi thường”, *Star Tribune*, ngày 27 tháng 7 năm 2002, 1A.
- (46) Andrew M. Greeley, “Thời đại và lạm dụng tình dục bởi các linh mục”, *America*, ngày 10 tháng 2 năm 2003, 17.
- (47) Terry, JJCCJ và USCCB, *Bản chất và phạm vi*, 6.
- (48) Đã dẫn.
- (49) Bart Jones và Craig Schneider, “Giáo Hội Công Giáo tại ‘Bước ngoặt’”, *Newsday*, ngày 7 tháng 3 năm 2019, <https://www.newsday.com/longisland/catholic-church-sex-abuse-scandal-1.28150439>.
- (50) Các số liệu được lấy từ các cuộc kiểm toán của Hội đồng Đánh giá Quốc gia trong Báo cáo Thường niên về Việc Thực hiện Hiến chương Bảo vệ Trẻ em và Thanh thiếu niên, được tìm thấy trên trang web của Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ (USCCB). Sau đây là số trang cho mỗi năm được trích dẫn: 2004, 7; 2005, 29; 2006, 8; 2007, 28; 2008, 28; 2009, 35; 2010, 35; 2011, 3; 2012, 4; 2013, 9; 2014, vii; 2015, vii; 2016, vii; 2017, vii; 2018, vi; 2019, 28. Lưu

- ý: các báo cáo kiểm toán cho các năm 2004-2010 liệt kê số lượng cáo buộc đáng tin cậy; các số liệu cho năm 2011-2012 là số lượng được cơ quan thực thi pháp luật đánh giá là đáng tin cậy; các số liệu cho năm 2013-2019 là số lượng cáo buộc đã được chứng thực..
- (51) Francesco C. Cesareo, *Thư gửi Hồng Y Daniel DiNardo*, ngày 27 tháng 2 năm 2019. Xem trang vi của báo cáo thường niên năm 2018 trên trang web của USCCB.
- (52) Claudia Lauer và Meghan Hoyer (AP), “Hàng trăm giáo sĩ bị cáo buộc bị loại khỏi danh sách lạm dụng tình dục của Giáo hội”, *Time, Salt Lake Tribune*, ngày 30 tháng 12 năm 2019, <https://www.sltrib.com/news/nation-world/2019/12/28/hundredsaccused-clergy/>.
- (53) Goodstein, “Hàng thập kỷ tổn hại”.
- (54) Gregory Erlandson và Matthew Bunson, *Giáo hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI và cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục: Nỗ lực chuộc lỗi và đổi mới* (Huntington, Ind.: Our Sunday Visitor, 2010), 13.
- (55) Jamie Manson, “Dolan trên chương trình 60 Minutes: ‘Người quyền rũ’ hay ‘Kẻ quả trách gay gắt?’”, *National Catholic Reporter*, ngày 22 tháng 3 năm 2011, <http://www.ncronline.org/blogs/grace-margins/dolan-60-minutes-charmeror-shrill-scold>.
- (56) “Ngày này trong lịch sử”, *bài xã luận của Boston Globe*, ngày 13 tháng 6 năm 2012, G34.
- (57) “Ông McCarrick ‘bất khả xâm phạm’”, *Washington Post*, ngày 26 tháng 10 năm 2019, A16.
- (58) Stephen Rossetti, “Năm cách để bảo vệ trẻ em ở khắp mọi nơi”, *America*, ngày 20 tháng 9 năm 2018, <http://www.americamagazine.org/politicssociety/2018/09/20/five-ways-safeguard-children-everywhere>.
- (59) Corky Siemaszko, “Khoảng 390 linh mục Công Giáo và 6 nữ tu ở Illinois bị nêu tên là những kẻ bị cáo buộc lạm dụng tình dục trong một danh sách khổng lồ”, *NBC News*, ngày 20 tháng 3 năm 2019, <https://www.nbcnews.com/news/us-news/about-390-catholic-priests-6nuns-ill-named-alleged-sexual-n985581>.
- (60) Marcus Bretón và Alexandra Yoon-Hendricks, “Danh tính của hơn 40 linh mục khu vực Sacramento bị cáo buộc lạm dụng tình dục được tiết lộ”, *Sacramento Bee*, ngày 30 tháng 4 năm 2019, <https://www.sacbee.com/news/local/article229815334.html>.
- (61) Eric Schmitt, *Báo cáo Điều tra Lạm dụng Tình dục của Giáo sĩ Giáo Hội Công Giáo*, Ngày 13 tháng 9 năm 2019, Văn phòng Tổng chương lý Missouri, <https://ago.mo.gov/docs/default-source/pressreleases/2019/catholicchurchclergyabuseinvestigationreport.pdf>.
- (62) Lạm dụng tình dục trẻ em của Giáo sĩ Công Giáo Rô-ma ở Colorado từ năm 1950 đến năm 2019, Báo cáo của Chuyên gia Đặc biệt, ngày 22 tháng 10 năm 2019, *Văn phòng Tổng chương lý Colorado*, https://coag.gov/app/uploads/2019/10/Special-MastersReport_10.22.19_FINAL.pdf.
- (63) Jennifer Peltz, “Tổng giáo phận New York nêu tên 120 linh mục bị cáo buộc lạm dụng tình dục”, *Associated Press*, ngày 26 tháng 4 năm 2019, <https://apnews.com/c2d572976fdc4e1fb2aa2e9903cb3a2f>.
- (64) Tod Worner, “Cha Fulton Sheen và hàng triệu người căm ghét Giáo Hội Công Giáo”, *Aleteia*, ngày 20 tháng 6 năm 2016, <https://aleteia.org/2016/06/20/father-fulton-sheen-the-millions-who-hatethe-catholic-church/>.
- (65) Pat Wingert, “Các linh mục không phạm tội lạm dụng nhiều hơn những người đàn ông khác”, *Newsweek*, ngày 7 tháng 4 năm 2010, <https://www.newsweek.com/priests-commit-nomore-abuse-other-males-70625>.
- (66) Mark M. Gray, “Nỗi đau không bao giờ biến mất khỏi những vết thương chưa lành”, *1964* (blog), ngày 8 tháng 8 năm 2018, <http://nineteensixty-four.blogspot.com/2018/08/pain-never-disappears-fromunhealed.html>.
- (67) Fred Backus và Jennifer De Pinto, “Người Mỹ Công Giáo đánh giá thấp Giáo hoàng về cách xử lý vụ tai tiếng lạm dụng tình dục – Khảo sát của CBS News”, *CBS News*, ngày 17 tháng

10 năm 2018, <http://www.cbsnews.com/news/catholicamericans-give-pope-poor-marks-on-handling-sex-abuse-scandal-cbs-newspoll>.

(68) “Người Mỹ coi lạm dụng tình dục của giáo sĩ Công Giáo là một vấn đề đang diễn ra”, *Trung tâm Nghiên cứu Pew*, ngày 11 tháng 6 năm 2019,

<https://www.pewforum.org/2019/06/11/americans-see-catholic-clergy-sexabuse-as-an-ongoing-problem/>.

(69) Chris Glorioso và Evan Stulberger, “Khảo sát tiết lộ nhân viên Giáo Hội Công Giáo chia rẽ về vấn nạn lạm dụng tình dục của giáo sĩ và cải cách”, *NBC*, cập nhật ngày 6 tháng 12 năm 2019, <https://www.nbcsandiego.com/news/nationalinternational/survey-reveals-employees-of-catholic-church-divided-onclergy-abuse-and-reforms/2194308/>.

Chương 3. Sự đầu độc đầu óc công chúng

Năm 2018, tôi đã có một cuộc phỏng vấn trên đài phát thanh với John Steigerwald, một nhân vật nổi tiếng ở Pittsburgh, về vấn nạn lạm dụng tình dục của giáo sĩ. Ông nói rằng trong suốt những năm làm việc tại các trường Công Giáo, ông chưa từng nghe nói đến bất cứ trường hợp lạm dụng tình dục nào của linh mục. Điều đó không có gì lạ; số lượng linh mục phạm tội rất nhỏ. Tuy nhiên, ông đã nhận được một loạt chỉ trích vì những gì ông nói. (1) Điều này rất đáng chú ý. Nó cho thấy rằng nhiều người tin, bất chấp sự thật, rằng số lượng linh mục phạm tội là rất lớn.

Điều gì gây ra sự đầu độc nhận thức công chúng này? Bốn yếu tố giải thích tại sao nhận thức của công chúng về vụ tai tiếng bị bóp méo: vai trò của truyền thông, vai trò của Hollywood, vai trò của báo cáo của bồi thẩm đoàn Pennsylvania và vai trò của luật sư và người bào chữa cho nạn nhân.

Vai trò của các phương tiện truyền thông

Khi nói đến Giáo hội, một số phương tiện truyền thông dường như không bao giờ ghi nhận những đóng góp xứng đáng. Ví dụ, hãy xem một bài xã luận đáng chú ý năm 2019 trên tờ Washington Post cáo buộc Giáo hội đã không báo cáo những kẻ lạm dụng tình dục. Bài báo nói rằng “những hành vi lạm dụng và che đậy trong quá khứ thường bị các nhà báo, chính quyền hoặc nạn nhân và những người bên vực họ phớt lờ, nhưng hiếm khi do chính Giáo hội làm vậy.” (2) Bài báo đưa ra ví dụ về việc cựu Hồng Y Theodore McCarrick là một kẻ lạm dụng tình dục trẻ em. Đó là một ví dụ tồi tệ.

Chính Hồng Y Timothy Dolan đã vạch trần McCarrick—chứ không phải giới truyền thông. Chính Chương trình Hòa giải và Bồi thường Độc lập của ngài đã thu thập được thông tin từ một nạn nhân của McCarrick, và chính Dolan là người đã công khai thông tin đó. (3) Có bao nhiêu kẻ hiếp dâm làm việc trong giới truyền thông—hãy nghĩ đến CBS và NBC—đã bị một trong những viên chức cấp cao của họ tố cáo? Không có ai cả.

Giới truyền thông nhận thức được rằng số lượng linh mục lạm dụng tình dục trẻ em là rất nhỏ so với nhiều thập niên trước, nhưng thay vì thừa nhận điều này, nhiều phóng viên và nhà bình luận lại tìm cách mới để bôi nhọ Giáo hội. Đây là cách trò chơi được diễn ra.

Năm 2019, một công ty luật, Seeger Weiss, đã thống kê số tiền mà Giáo hội chi cho các nhà vận động hành lang ở các tiểu bang, (4) và những phát hiện này đã được giới truyền thông đưa tin. Câu chuyện gây phẫn nộ nhất trong số đó được đăng trên tờ USA Today. Theo hai phóng viên viết bài này, việc các giám mục chống lại luật pháp nhắm vào Giáo Hội Công Giáo theo một đạo luật đình chỉ thời tiêu trong các vụ án lạm dụng tình dục là vô cảm, nếu không muốn nói là tàn nhẫn. (5)

Mỗi khi một tổ chức bị tấn công, các nhà lãnh đạo đều thuê các chuyên gia quan hệ công chúng, luật sư và nhà vận động hành lang để giảm thiểu thiệt hại—điều này càng đúng hơn khi cuộc tấn công là không công bằng. Sẽ thật sốc nếu họ không làm vậy. Giới truyền thông chắc chắn cũng làm điều này khi họ bị vướng vào một vụ tai tiếng. Vậy thì tại sao họ lại tỏ ra kinh hoàng khi biết rằng Giáo Hội Công Giáo cũng thuê những người này? Thông điệp không thể nhầm lẫn là Giáo hội không có quyền tự vệ. Điều khiến bài báo của USA Today gây kinh ngạc là, mãi đến tháng 12 năm 2016, tờ báo này đã làm rất tốt việc phớt lờ nạn lạm dụng tình dục trong các

trường công lập, thế nhưng lại không hề nhắc đến các trường công lập trong bài viết về Giáo Hội Công Giáo. Nếu công bằng, tờ báo lẽ ra phải nói rằng những thay đổi về thời hạn khởi kiện hầu như không bao giờ áp dụng cho các trường công lập.

Hãy thử nghĩ điều gì sẽ xảy ra nếu điều ngược lại là đúng. Điều gì sẽ xảy ra nếu các trường công lập bị soi xét kỹ lưỡng còn các tổ chức tôn giáo lại được bỏ qua? Các trường công lập sẽ làm mọi cách, và ai sẽ trách họ? Điều này đặt ra một câu hỏi liên quan: Tại sao các trường công lập lại được miễn trừ khi thời hạn khởi kiện được kéo dài?

Trừ khi có quy định rõ ràng khác, khu vực công được bảo vệ bởi cái gọi là học thuyết miễn trừ chủ quyền. Điều này có nghĩa là nạn nhân bị cáo buộc lạm dụng tình dục trong các trường công lập chỉ có 90 ngày để nộp đơn khiếu nại. Sau đó, không còn cách nào để khắc phục. Quy tắc này là kết quả của quyền lực mà các công đoàn trường công lập và các nhà lập pháp thân thiện của họ tại các thủ phủ tiểu bang nắm giữ. Đoán xem ai nhận được tiền của công đoàn vào thời điểm bầu cử?

Khi luật về thời tiêu được sửa đổi để cho phép một khoảng thời gian “xem xét lại” – cho phép các nạn nhân bị cáo buộc khởi kiện về các hành vi phạm tội xảy ra hàng thập niên trước – điều khoản này không áp dụng cho khu vực công. Nói cách khác, luật pháp cố tình phân biệt đối xử với khu vực tư nhân, và thường là chỉ nhắm vào Giáo Hội Công Giáo.

Ngay cả khi điều khoản “xem xét lại” bao gồm cả các trường công lập, khiến chúng dễ bị kiện tụng, như trường hợp ở New York với Đạo luật Nạn nhân Trẻ em, hầu hết các vụ kiện vẫn nhắm vào Giáo Hội Công Giáo. Tại sao? Bởi vì hồ sơ của giáo viên thường không ghi rõ lý do tại sao một giáo viên có vấn đề lại bị chuyển đến một học khu khác hoặc bị sa thải. Hơn nữa, nhiều tầng lớp quan liêu của trường công lập mà các luật sư phải vượt qua để tìm kiếm thông tin gây bất lợi khiến Giáo Hội Công Giáo trở thành mục tiêu dễ dàng hơn nhiều. Thêm vào đó là yếu tố tư tưởng – thành kiến chống Công Giáo là định kiến cuối cùng được xã hội chấp nhận.

Các phương tiện truyền thông có xu hướng kể lại những câu chuyện cũ về lạm dụng trong khi tạo ấn tượng rằng việc lạm dụng vẫn đang tiếp diễn. Đài phát thanh công cộng Wisconsin đã làm điều này vào tháng 11 năm 2019. (6) Tháng sau, CNN cũng vậy. Cả Đài phát thanh công cộng Wisconsin lẫn CNN đều không đề cập đến việc số lượng các vụ việc hiện tại được chứng thực chống lại giới giáo sĩ gần như không tồn tại; điều đó sẽ cản trở việc họ lên án Giáo hội. Câu chuyện của CNN thiếu chính xác đến mức khiến tôi đặt câu hỏi: “Tại sao CNN lại ghét Giáo Hội Công Giáo?” (7)

Tất nhiên, các hãng tin có thể đăng tải hàng loạt câu chuyện về lạm dụng tình dục trong các định chế khác, nhưng họ hiếm khi làm vậy. USA Today đã gần như làm được điều đó khi chấm điểm F cho các trường công lập Wisconsin về cách họ chia sẻ thông tin về các giáo viên lạm dụng được chuyển đến trường khác, nhưng lại không đăng một bài báo riêng về chính các giáo viên đó. (8) Tháng sau, CNN tiếp tục với một câu chuyện riêng về các vụ việc cũ trong Giáo Hội Công Giáo.

Công chúng không đánh giá cao giới truyền thông. Một lý do cho điều này là xu hướng của các phóng viên viết những câu chuyện giật gân hoặc phiến diện. Năm 2019, AP đã phỏng vấn những người Công Giáo xuất hiện trước một trong những hội đồng xem xét của giáo phận được giao nhiệm vụ đánh giá các cáo buộc lạm dụng tình dục. Mỗi người được phỏng vấn đều có điều gì đó tiêu cực để nói. Hơn nữa, không có dữ liệu tóm tắt; toàn bộ bài báo dựa trên những giai thoại. Bài báo cũng cố gắng biến những người tố cáo thành nạn nhân, chỉ đơn giản vì họ bị

các luật sư đại diện cho Giáo hội thẩm vấn. Những người tố cáo nên bị thẩm vấn. Khi ai đó đưa ra cáo buộc nghiêm trọng về một linh mục (người thậm chí có thể không còn sống) hoặc bất cứ ai khác, gánh nặng chứng minh thuộc về người tố cáo để đưa ra một vụ việc đáng tin cậy. Điều đó đòi hỏi phải thẩm vấn kỹ lưỡng. Đương nhiên, AP chưa bao giờ chỉ ra rằng việc các linh mục bị cáo buộc có quyền được xét xử công bằng cần được tôn trọng. (9)

Ngoài việc lên án Giáo hội vì tự vệ, giới truyền thông cũng lên án Giáo hội vì không giám sát các linh mục mà họ đã đuổi ra. Không có định chế nào khác bị ràng buộc bởi tiêu chuẩn này. Tuy nhiên, trong quý cuối năm 2019, đã có một số câu chuyện như vậy.

AP đã mở đầu vào tháng 10 với kết quả cuộc điều tra kéo dài chín tháng về các cựu linh mục bị cáo buộc có hành vi sai trái tình dục một cách đáng tin cậy. Họ kết luận rằng khi một linh mục bị giải thoát khỏi thừa tác vụ, Giáo hội không theo dõi người đó. (10) Đúng vậy. Cũng không có định chế nào khác làm vậy: không có định chế nào giám sát những nhân viên bị sa thải vì hành vi sai trái tình dục.

AP cũng chỉ trích Giáo hội vì một số linh mục bị tước chức đã nhận việc ở các trường công lập hoặc các ngành nghề khác làm việc với thanh thiếu niên. Tại sao lại là lỗi của Giáo hội? Lẽ ra lỗi phải thuộc về những người tuyển dụng chứ? Họ không chịu trách nhiệm kiểm tra lý lịch sao? Lỗi chỉ trích đáng kinh ngạc nhất là việc chỉ trích Giáo hội vì không liệt kê những linh mục bị cách chức vì hành vi sai trái bị cáo buộc nhưng chưa được chứng minh là tội phạm tình dục. (11) Các phóng viên có biết rằng không có người bị cáo buộc nào được liệt kê là tội phạm tình dục trừ khi người đó đã bị kết án không? Không chắc chắn liệu đây là do sự thiếu hiểu biết hay là thành kiến chống Công Giáo.

Vào tháng 11 năm 2019, USA Today đã công bố kết quả cuộc điều tra kéo dài chín tháng về cùng chủ đề này. (12) Họ đã thuê 39 phóng viên để viết về một linh mục 85 tuổi bị cáo buộc lạm dụng vào những năm 1970. Câu chuyện này còn gì nữa không? Không, chỉ có vậy thôi. Bài báo cũng trích dẫn lời một người tố ra khó chịu khi biết rằng một linh mục bị buộc tội sống gần nhà ông ở Florida lại không có tên trong danh sách tội phạm tình dục. Rõ ràng là các phóng viên không hề nghĩ đến việc vì ông ta chưa bao giờ bị kết tội, nên ông ta không cần phải đăng ký là tội phạm tình dục. Cũng như trường hợp của các phóng viên AP, không rõ liệu sự thiếu hiểu biết hay sự cố chấp là nguyên nhân.

Khi đài WCPO-TV Cincinnati (một chi nhánh của ABC) đưa tin về việc Giáo hội không “giám sát” các cựu linh mục bị cáo buộc hành vi sai trái tình dục, tôi đã lên tiếng chỉ ra những thiếu sót của nó. (13) May mắn thay, một cư dân Cincinnati đã đọc những gì tôi nói và báo cho tôi biết điều mà tôi không biết. WCPO đã sa thải một trong những phóng viên điều tra của mình, Stephen Hill, vì hành vi sai trái tình dục. Cuộc điều tra của riêng tôi cho thấy rằng khi ông ta được thả khỏi tù năm 2009, tổng giám đốc lúc đó đã từ chối nói chuyện với tờ Cincinnati Enquirer về bất cứ cơ hội việc làm tiềm năng nào mà Hill có thể có. (14) Đài truyền hình đã không làm gì để “giám sát” ông ta.

Năm 2020, ProPublica, một tổ chức điều tra phi lợi nhuận theo khuynh hướng tự do trên Internet, được tài trợ bởi các quỹ nổi tiếng, đã hợp tác với tờ Houston Chronicle để thực hiện một bài báo khác về các linh mục bị cáo buộc đã rời bỏ Giáo hội. Liệu các phương tiện truyền thông này có mong đợi Giáo Hội Công Giáo nên gắn thiết bị theo dõi lên các linh mục bị cáo buộc trước đây để truyền thông có thể giám sát họ? ProPublica thậm chí còn khoe khoang rằng họ đã phát triển một cơ sở dữ liệu tương tác để tìm kiếm các linh mục bị cáo buộc. (15) Họ không cho chúng ta biết lý do tại sao họ không phát triển một cơ sở dữ liệu tương tự cho các

cực nhân viên trường công lập bị cáo buộc.

Không phải tất cả các phóng viên đều tệ như đã đề cập ở đây, nhưng thật không may là có quá nhiều người hoặc là thiếu năng lực, hoặc là thiên vị, hoặc cả hai. Những nhà báo này góp phần tạo nên nhận thức rằng vụ tai tiếng vẫn đang tiếp diễn, do đó làm sai lệch sự thật.

Vai trò của Hollywood

Năm 2013, sau khi hai anh em Hồi giáo đánh bom Boston, tất cả mọi người từ tổng giám mục Boston Seán O'Malley đến ngoại trưởng John Kerry đều khẩn cầu người Mỹ đừng đổ lỗi cho tất cả người Hồi giáo. Đó là lời khuyên tốt. Những người khác còn đi xa hơn, nói rằng Hồi giáo không liên quan gì đến vụ việc. Trung tâm Luật Nghèo Đối Phương Nam còn chế giễu ý tưởng cho rằng những người Hồi giáo cực đoan có liên quan đến vụ thảm sát, cáo buộc những người đưa ra nhận xét như vậy là đang đổ lỗi cho “ông ngáo ộp”. (16) Hơn nữa, không có bất cứ lời nói đùa hay nhận xét mỉa mai nào về người Hồi giáo trên bất cứ chương trình trò chuyện đêm khuya nào. Mọi người đều làm theo sự dẫn dắt của Tổng thống George W. Bush sau vụ 11/9: đừng đưa ra những khái quát hóa bừa bãi đổ lỗi cho người Hồi giáo về hành vi của một vài kẻ khủng bố.

Loại phản ứng này trái ngược hoàn toàn với cách người ta nói về các linh mục sau vụ tai tiếng. Những lời chế giễu tội tệ nhất được đưa ra về các linh mục nói chung, đổ lỗi cho toàn bộ giáo sĩ về tội lỗi của một số ít người. Không có gì đáng ngạc nhiên, điều này khiến công chúng có cảm giác rằng chẳng có gì thay đổi. Cảm nhận này sai lầm, nhưng như nhà xã hội học W. I. Thomas đã nói, “Nếu con người định nghĩa các tình huống là có thật, thì chúng sẽ có thật trong hậu quả của chúng.” (17)

Hollywood chắc chắn đã góp phần tạo nên những miêu tả và định kiến tàn bạo nhất về Giáo Hội Công Giáo. Phần lớn điều đó liên quan đến sự thù địch của ngành kỹ nghệ giải trí đối với Kitô giáo nói chung. Michael Medved đã theo dõi sự thù địch này tốt hơn bất cứ ai, và ông chỉ ra một “bong bóng” thế tục ở Hollywood. Ông nói: “Vấn đề ở đây là phương tiện truyền thông phản ánh cuộc sống của một phần nhỏ người Mỹ, và sau đó phát sóng sự phản ánh đó cho tất cả mọi người”. Mang Kitô giáo đến Hollywood giống như mang nó đến “những vùng xa xôi nhất của Ecuador, nơi người dân chưa bao giờ, chưa bao giờ gặp bất cứ điều gì như thế này trước đây”. (18)

Tình trạng này đã kéo dài từ lâu. Năm 1997, John Dart viết một bài báo cho tờ Los Angeles Times nói rằng “Hollywood và các tôn giáo có tổ chức đã nhìn nhau với sự nghi ngờ sâu sắc, và đôi khi là thù địch công khai, kể từ những ngày phim câm chập chờn.” (19) Nữ diễn viên Jennifer O'Neill đã nói ngắn gọn khi bà nói, “Nếu bạn nhắc đến Chúa Giê-su Ki-tô ở Hollywood, mọi chuyện sẽ trở nên hỗn loạn.” (20) Năm 2021, diễn viên Kevin Sorbo nhận xét rằng “là một người theo đạo Kitô và là một người bảo thủ ở Hollywood, điều đó giống như bị mắc bệnh hủi kép vậy.” (21) Mel Gibson đã học được bài học này khi ông cố gắng tìm một hãng phim cho bộ phim *The Passion of the Christ*.

Các nhà sản xuất truyền hình rất cẩn thận để không tạo ra những định kiến về người thiểu số và người đồng tính, nhưng khi nói đến các linh mục, họ không ngừng quảng bá những hình ảnh tục tĩu nhất. *South Park* có thể rất thú vị để xem, nhưng khi nó miêu tả các linh mục như những kẻ săn mồi, nó cho thấy mặt tối của mình. Trong nhiều năm, các nữ MC của chương trình *The View*, đặc biệt là Joy Behar, Whoopi Goldberg và Elisabeth Hasselbeck, đã công kích Giáo hội một cách không kiềm chế, tất cả đều dưới sự chấp thuận của nhà sản xuất Barbara Walters.

Trong nhiều thập niên, David Letterman, Jay Leno, Jon Stewart và Trevor Noah đã sử dụng các chương trình trò chuyện đêm khuya của họ để bôi nhọ các linh mục.

Nhưng không ai có thể vượt qua Bill Maher, người có những lời lẽ thô tục đã trở thành huyền thoại. (22) Trong số các nhà làm phim, Harvey Weinstein và anh trai Bob là một trong những người công kích Công Giáo mạnh mẽ nhất ở Hollywood. *Priest*, *Dogma*, *40 Days and 40 Nights*, *The Magdalene Sisters* và *Philomena*—những bộ phim này đều khắc họa hình ảnh rập khuôn về các linh mục hoặc người tu hành và chế giễu Công Giáo.

The Magdalene Sisters cổ tình xuyên tạc các nhà giặt Magdalene ở Ireland, vốn là những ngôi nhà do các nữ tu điều hành dành cho những cô gái và phụ nữ bị tước đoạt quyền lợi, thường là những người hư hỏng. Hầu hết cư dân đều được đối xử tốt: không ai bị giết, bị bỏ tù hoặc bị ép buộc ở lại. Không có lao động nô lệ. Không một người phụ nữ nào bị nữ tu lạm dụng tình dục. Sự đối xử khắc nghiệt được miêu tả trong phim *The Magdalene Sisters* là một lời nói dối. Làm sao chúng ta biết điều đó? Bởi vì bằng chứng đã được ghi chép đầy đủ trong cái gọi là Báo cáo McAleese, một nỗ lực của chính phủ nhằm tìm ra sự thật. (23)

Tương tự, bộ phim *Philomena* cũng là một sự bịa đặt. Bộ phim khẳng định rằng *Philomena Lee* đã bị các nữ tu tham lam ép buộc phải từ bỏ con trai mình và cuối cùng bà đã tìm thấy con trai ở Hoa Kỳ. Trên thực tế, bà đã tự nguyện từ bỏ con trai khi cả bà và gia đình đều không thể chu cấp cho con, và bà đã ký một hợp đồng giao quyền nuôi dưỡng cho các nữ tu khi bà 22 tuổi. Bà chưa bao giờ tìm thấy con trai mình: cậu bé mất năm 1995 và được chôn cất trong khuôn viên của chính tu viện đã chào đón bà khi bà cần giúp đỡ. Bà không hề tìm kiếm con trai mình suốt 50 năm như bộ phim tuyên bố. Thật vậy, lần đầu tiên bà đặt chân đến Hoa Kỳ là vào tháng 11 năm 2013, khi bà đến Los Angeles để quảng bá bộ phim của mình. (24)

Điều có lẽ gây phẫn nộ nhất về cách Hollywood miêu tả các linh mục lạm dụng tình dục là việc họ từ chối làm một bộ phim như *Spotlight* về vấn nạn lạm dụng tình dục ở kinh đô điện ảnh. Nhà sản xuất Matthew Valentinas đến từ Boston muốn thu hút sự chú ý đến các đường dây âm mưu tràn lan ở Hollywood, và vì mục đích đó, ông đã mời Amy Berg thực hiện bộ phim. Cô ấy là một người kỳ cựu: cô ấy đã được đề cử giải Oscar cho bộ phim tài liệu của mình về các linh mục lạm dụng tình dục, *Deliver Us from Evil* (xin cứu chúng con khỏi mọi sự dữ).

Bộ phim *An Open Secret* của Berg là một cái nhìn tàn khốc về cách những kẻ săn mồi ở Hollywood thao túng, đe dọa và cưỡng hiếp các diễn viên nhí đầy triển vọng. Những kẻ hiếp dâm không phải là người lạ—chúng là những người hướng dẫn. Cụ thể hơn, chúng là những người quản lý, người phụ trách quan hệ công chúng và người đại diện, những người được mọi người kính trọng, kể cả các diễn viên nhí và người mẫu mà chúng đã xâm hại.

Valentinas cho rằng sẽ không khó để tìm được nhà phân phối quan tâm đến bộ phim của mình. Anh đã nhầm. “Chúng tôi đã tiếp cận hầu hết các hãng phim và tất cả đều từ chối. Chúng tôi nghĩ, chúng tôi có một đạo diễn tuyệt vời, mọi thứ đã được phê duyệt và kiểm tra pháp lý—tại sao lại là một mạo hiểm cho một công ty nhận nó?” (25) Không ai chịu nhận. Điều này kéo dài nhiều năm; cuối cùng, bộ phim được công chiếu ở một vài thành phố, nhưng nó chưa bao giờ được phát hành rộng rãi. Sự phản đối rất mạnh mẽ và trên diện rộng. Giới thượng lưu Hollywood không hề quan tâm đến việc phơi bày sự suy đồi của chính họ. (26)

Vai trò của Đại bồi thẩm đoàn Pennsylvania

Những phát hiện trong báo cáo của đại bồi thẩm đoàn Pennsylvania năm 2018 đã nhận được sự

chú ý chưa từng có, và báo cáo này đã góp phần củng cố nhận thức sai lầm rằng không có gì thay đổi hơn bất cứ yếu tố nào trong thời gian gần đây. Thật khó để sự thật được phơi bày giữa tất cả những lời bàn tán tiêu cực.

Vào ngày 14 tháng 8 năm 2018, tổng chưởng lý Pennsylvania Josh Shapiro đã công bố báo cáo của đại bồi thẩm đoàn về sáu trong số tám giáo phận Công Giáo trong tiểu bang. Các bài báo cho biết ông đã tìm thấy bằng chứng về 301 linh mục lạm dụng hơn 1,000 trẻ em trong khoảng thời gian bảy mươi năm. Như tôi đã nói vào thời điểm đó, những câu chuyện đó sai ba lần: (1) không phải tất cả những người bị cáo buộc phạm tội đều là linh mục; (2) hầu hết các nạn nhân bị cáo buộc là thanh thiếu niên, không phải trẻ em; và (3) báo cáo không mang tính bằng chứng—nó mang tính điều tra—có nghĩa là các linh mục bị cáo buộc không bao giờ có cơ hội để bác bỏ các cáo buộc. Hơn nữa, khoảng 3% các cáo buộc xảy ra sau khi các cải cách Dallas năm 2002 được thông qua. (27) Dù cho thấy chuyện tai tiếng vẫn đang tiếp diễn.

Điều quan trọng là, không thể làm gì được đối với hầu hết những người thực sự có tội. Gần như tất cả những người bị buộc tội đều đã chết hoặc bị đuổi khỏi chức linh mục, như tôi đã lưu ý vào thời điểm đó. (28) Điều này hiếm khi được thừa nhận. Không có gì lạ khi Shapiro chỉ có thể truy tố được hai linh mục. (29) Ông biết điều này ngay từ đầu, nhưng ông đã sử dụng báo cáo để thúc đẩy việc đình chỉ thời tiêu truy tố. Ông chưa bao giờ nhấn mạnh rằng các trường công lập cũng phải được đối xử theo cách tương tự.

Việc tập trung hẹp hòi vào Giáo Hội Công Giáo ở Pennsylvania bắt đầu hơn một thập niên trước nỗ lực của Shapiro. Nó bắt đầu khi luật sư quận Philadelphia, Lynne M. Abraham, trở thành công tố viên đầu tiên ở Pennsylvania sử dụng hệ thống bồi thẩm đoàn để phơi bày các vụ lạm dụng tình dục của giáo sĩ kéo dài hàng thập niên. Bà bắt đầu cuộc điều tra vào năm 2001 và ban hành báo cáo vào năm 2005. Bà được giao nhiệm vụ cụ thể điều tra việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên trong tất cả các tổ chức tôn giáo, nhưng bà chỉ điều tra Giáo Hội Công Giáo. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2011, tôi đã gửi cho Abraham một lá thư qua đường bưu điện chuyển phát nhanh. Tôi đã viết khá cụ thể: “Trong báo cáo của Đại bồi thẩm đoàn ngày 26 tháng 9 năm 2001 (Khu vực Tư pháp thứ nhất, Phân khu Xét xử Hình sự), có ghi rằng Đại bồi thẩm đoàn được giao nhiệm vụ ‘điều tra việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các cá nhân có liên quan đến các tổ chức và giáo phái tôn giáo.’ Bà là Công tố viên Quận vào thời điểm đó. Bà có thể xác định những ‘tổ chức và giáo phái tôn giáo’ nào mà bà đã theo đuổi, ngoài Giáo Hội Công Giáo La Mã không? Việc xác định thông tin chính xác rất quan trọng đối với quá trình này.” (30) Bà ấy không bao giờ trả lời.

Abraham chưa bao giờ truy tố một linh mục nào. Bà ấy biết ngay từ đầu rằng mình bị ràng buộc bởi luật thời tiêu, nhưng bà ấy đã có thể sử dụng báo cáo của đại bồi thẩm đoàn để bôi nhọ Giáo hội trên báo chí (được tờ Philadelphia Inquirer hoan nghênh), bỏ qua tất cả các tôn giáo khác, vi phạm rõ ràng nhiệm vụ của bà.

Năm 2011, người kế nhiệm của Abraham, Seth Williams, tiếp tục công việc dang dở của bà, cố gắng hạ bệ tổng giám mục Philadelphia. Ông ta cũng thất bại trong việc hạ bệ Giáo hội. Nhưng tòa án thì không thất bại trong việc kết tội ông ta. Năm 2017, ông ta bị kết án 5 năm tù vì nhận hối lộ. (31) Quan trọng hơn là thiệt hại mà ông ta gây ra cho những người đàn ông vô tội bằng cách dựa vào những câu chuyện bịa đặt của Danny Gallagher, tức “Billy Doe”, người tự nhận mình là nạn nhân. Nhà báo Ralph Cipriano mô tả Gallagher là “một cựu người nghiện ma túy, buôn bán heroin, kẻ nói dối kinh niên, kẻ lừa đảo và trộm cắp hạng ba [người] đã bịa đặt toàn bộ câu chuyện. Và cả bốn người đàn ông vào tù—bao gồm cả một linh mục đã chết ở đó—đều vô tội.” (32) Cipriano đã nói sự thật. Trên thực tế, ông ấy xứng đáng nhận giải Pulitzer cho

công việc tận tụy của mình.

Một trong những khía cạnh kỳ quặc nhất trong việc đưa tin của giới truyền thông về báo cáo của đại bồi thẩm đoàn năm 2018 là việc họ không giải thích được điều gì đã dẫn đến báo cáo ngay từ đầu. Không phải cơ quan thực thi pháp luật tìm ra thủ phạm: mà chính là một giám mục đã khởi xướng tất cả.

Vào tháng 11 năm 2011, Giám mục Mark Bartchak, người đứng đầu Giáo phận Altoona-Johnstown, đã biết về những hành vi phạm tội do Thầy Stephen Baker gây ra vào những năm 1990 tại trường Bishop McCort Ca. Trường Trung học Công Giáo ở Johnstown. Ngài lập tức thông báo cho chính quyền. Cảnh sát không bao giờ liên hệ với công tố viên quận Cambria, Kathleen Callihan. Nhưng khi biết về vụ việc này, bà quyết định không bắt đầu cuộc điều tra của bồi thẩm đoàn. Thay vào đó, bà yêu cầu một cuộc điều tra cấp tiểu bang, giao vấn đề cho Tổng chưởng lý Kathleen Kane.

Bây giờ hãy tưởng tượng nếu một hiệu trưởng trường công lập ở miền trung Pennsylvania tố cáo một giáo viên bị cho là đã lạm dụng tình dục một học sinh. Hãy tưởng tượng thêm rằng công tố viên địa phương quyết định liên hệ với tổng chưởng lý tiểu bang—thay vì tự mình tiến hành cuộc điều tra—và điều này dẫn đến một cuộc điều tra đối với mọi học khu trong tiểu bang. Và điều đó, đến lượt nó, kích hoạt các cuộc điều tra cấp tiểu bang đối với các trường công lập trên toàn quốc. Điều đó sẽ không xảy ra, dù trong mơ cũng không bao giờ. Cần lưu ý rằng Shapiro đã can thiệp sau khi Kane bị kết án tù vào năm 2016 vì làm rò rỉ các tài liệu bí mật, được niêm phong của bồi thẩm đoàn, không liên quan đến Giáo Hội Công Giáo, cho giới truyền thông và sau đó khai man dưới lời thề. (33)

Shapiro nhận được gì cho những nỗ lực của mình? Ông biết rằng thời tiêu khởi tố đã ngăn cản ông truy tố hầu hết những người có tội, nhưng mục tiêu của ông dường như là làm nhục Giáo hội, (34) đặc biệt là vì ông đã bỏ qua mọi định chế khác.

Phản ứng của nhiều người bảo thủ, những người vốn là những nhà văn có tư duy sâu sắc, đối với báo cáo của bồi thẩm đoàn thật đáng kinh ngạc. George Will bắt đầu bài công kích của mình chống lại Giáo Hội Công Giáo bằng cách đưa ra những cáo buộc sai sự thật: “‘Trò đùa’, một thuật ngữ để chỉ hành vi hiếp dâm trẻ em, theo Tổng chưởng lý Pennsylvania Josh Shapiro, là một phần của từ điển uyển ngữ nham hiểm mà bộ máy quan liêu của Giáo Hội Công Giáo sử dụng để che đậy ‘mô hình lạm dụng’ và âm mưu im lặng của Giáo hội.” (35) Nhưng hầu hết các nạn nhân bị cáo buộc không phải là trẻ em, và hầu hết không bị hiếp dâm: hành vi đụng chạm không phù hợp—điều không thể bào chữa—là tội danh điển hình. Ngoài ra, từ “đùa giỡn” không phải là một phần trong từ vựng của các viên chức Giáo hội: nó chỉ xuất hiện một lần trong hơn 1,300 trang của báo cáo, và được sử dụng để mô tả hành vi của một chủng sinh. (36)

Việc phân biệt giữa các hành vi vi phạm tình dục nhỏ và hiếp dâm là một thông lệ khá phổ biến trên các phương tiện truyền thông. Nhà báo Leslie Stahl của CBS nhấn mạnh điều này, lập luận rằng những người phạm tội nhẹ không nên bị hủy hoại cuộc sống vì hậu quả đó. (37) Tuy nhiên, khi tôi đưa ra sự phân biệt đó, lưu ý rằng hầu hết các nạn nhân bị cáo buộc không bị hiếp dâm, nhà báo Andrew Ferguson đã nổi giận, tuyên bố rằng báo cáo của bồi thẩm đoàn “chứa đầy những tuyên bố thực tế”. (38) Trên thực tế, không có điều gì trong báo cáo của bồi thẩm đoàn nên được coi là sự thật.

Cựu giáo sư Luật Harvard Alan Dershowitz hiểu rõ hơn: “Đại bồi thẩm đoàn có một chức năng cụ thể. Chức năng của nó chỉ là truy tố hoặc không truy tố. Thực tế, các công tố viên thường

không đưa ra báo cáo vì lý do đó, bởi vì họ chỉ nghe một phía của vụ án. Họ không nghe phía còn lại. Không có sự thăm vấn chéo các nhân chứng. Đó là lý do tại sao việc các công tố viên đưa ra báo cáo được coi là sai trái.” (39)

Chính vì báo cáo của đại bồi thẩm đoàn không mang tính khách quan mà Liên đoàn Công Giáo đã đệ trình bản kiến nghị ủng hộ thách thức quyền của báo cáo đại bồi thẩm đoàn Pennsylvania trong việc công khai tên của mười một linh mục, những người cho rằng việc làm như vậy sẽ vi phạm quyền về danh tiếng của họ được hiến pháp tiểu bang đảm bảo. Vào ngày 3 tháng 12 năm 2018, vụ kiện của chúng tôi, do các luật sư của Jones Day tại Pittsburgh xử lý, đã thắng: Tòa án Tối cao Pennsylvania đã phán quyết 6-1 có lợi cho chúng tôi. (40) Vào tháng 11 năm 2019, một nhóm đặc nhiệm của Tòa án Tối cao Pennsylvania, được thành lập hai năm trước đó, đã chứng minh nỗ lực của chúng tôi là đúng đắn: họ khuyến nghị bãi bỏ các báo cáo của đại bồi thẩm đoàn. (41)

Ngay cả một số người Công Giáo có khuynh hướng tự do hơn cũng đã nhìn thấu báo cáo của đại bồi thẩm đoàn. Cựu phóng viên tôn giáo của tờ New York Times, Peter Steinfels, đã mở xẻ nó từng phần. Việc tuyên bố, như báo cáo đã nói, rằng “tất cả các nạn nhân đều bị bỏ qua, ở mọi nơi trong tiểu bang, bởi các viên chức giáo hội, những người thích bảo vệ những kẻ lạm dụng và các tổ chức của họ hơn tất cả” là không thể chấp nhận được. Ông gọi nó là “sai lệch nghiêm trọng, vô trách nhiệm, không chính xác và bất công”. Ông cũng coi báo cáo “như một vũ khí trong cuộc tranh luận về vấn đề này”, trích dẫn lời lẽ “xấu xí, bừa bãi và kích động” và những cáo buộc vô căn cứ, “chưa kể đến bằng chứng mà báo cáo bỏ qua”. Ông kết luận rằng điều này “thực sự không xứng đáng với một cơ quan tư pháp” vốn “chịu trách nhiệm về công lý vô tư”. (42)

Steinfels đã nhận thấy một cách chính xác rằng việc sử dụng đại bồi thẩm đoàn như một vũ khí đã được một số tiểu bang áp dụng, một số trong đó thậm chí còn vượt xa việc sửa đổi luật về thời tiêu: họ tìm cách phá vỡ sự kín đáo của lời thú tội. Các nhà lập pháp ở Kentucky, Maryland, Kansas, Nevada và Mississippi đã theo đuổi các nỗ lực nhằm chấm dứt đặc quyền giữa linh mục và người xưng tội, tất cả đều nhân danh việc tìm hiểu về các trường hợp lạm dụng tình dục. Sự đạo đức giả đã được thể hiện rõ ràng ở New Hampshire, khi hội đồng lập pháp tiểu bang bỏ phiếu chấm dứt đặc quyền giữa linh mục và người xưng tội trong khi vẫn giữ nguyên các biện pháp bảo vệ cho đặc quyền luật sư-khách hàng. (43)

Cuộc đối đầu kéo dài nhất xảy ra khi cơ quan lập pháp California tìm cách phá vỡ ấn tín tòa giải tội. Nỗ lực ngăn chặn dự luật này do Tổng giám mục Los Angeles José Gomez dẫn đầu. Liên đoàn Công Giáo cũng đóng một vai trò bằng cách huy động hàng chục nghìn người Công Giáo gửi email cho các nhà lập pháp tiểu bang. Cá nhân tôi đã yêu cầu Thượng nghị sĩ tiểu bang California Jerry Hill, người bảo trợ dự luật, “cung cấp cho văn phòng của tôi tài liệu để hỗ trợ tuyên bố” rằng “đặc quyền giáo sĩ-người xưng tội đã bị lạm dụng trên quy mô lớn, dẫn đến việc lạm dụng trẻ em có hệ thống và không được báo cáo đầy đủ trên nhiều giáo phái và tín ngưỡng khác nhau”. Ông ấy không thể, và cuối cùng, ông ấy đã bỏ cuộc và rút lại dự luật của mình. (44)

Vai trò của luật sư nạn nhân

Một thế lực lớn làm sai lệch nhận thức của công chúng về Giáo hội là những người bào chữa chuyên nghiệp cho nạn nhân và các luật sư kiện Giáo hội làm việc với họ. Một số người trong số những người sau này viết ngân phiếu cho một số tổ chức này, những tổ chức cung cấp khách hàng cho họ. Tất nhiên, nạn nhân có quyền, nhưng nhiều người hành nghề luật sư bào chữa cho họ dường như có một mục đích, hoặc ít nhất là một lợi ích, vượt xa phúc lợi của nạn nhân.

Hầu hết các vụ lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên xảy ra trong gia đình; bạn trai của mẹ và cha dượng của các em thường là thủ phạm của tội ác này. Nhưng họ không có nhiều tiền, vì vậy nhiều luật sư theo đuổi các vụ kiện dân sự không quan tâm đến họ. Tại sao phải bận tâm đến họ khi việc nhắm vào "con cá lớn" - Giáo Hội Công Giáo - hứa hẹn sẽ sinh lợi hơn?

Khi Đạo luật Nạn nhân Trẻ em được thông qua tại New York vào năm 2019, nó đã thiết lập một điều khoản "xem xét lại" trong vòng một năm cho phép nạn nhân khởi kiện bất kể hành vi phạm tội được cho là đã xảy ra bao lâu. Mặc dù luật này áp dụng cho cả khu vực tư nhân và công cộng, nhưng rõ ràng từ các nội dung quảng cáo trên trang web của nhiều luật sư và công ty luật rằng nhiều người đang cố gắng thu hút những nạn nhân của các linh mục Công Giáo. Không ai sốt sắng tập trung vào họ hơn công ty luật của Jeff Anderson. Anderson đã trở nên vô cùng giàu có nhờ "kiện tụng" Giáo Hội Công Giáo, như ông ta thường nói. (45) Ông ta đã ba lần kiện Vatican, và đều thua. Dường như đầy lòng căm thù Giáo hội, ông ta nổi tiếng vì công bố tên của các linh mục bị cáo buộc mà các vụ án của họ chưa bao giờ được đánh giá và không có chi tiết nào được cung cấp. Điều này đã khiến Ed Forbes, giám đốc cấp cao về tin tức và tương tác của Mạng lưới USA Today khu vực Đông Bắc, lên án ông ta vì "buôn bán những cáo buộc thiếu bất cứ tiêu chuẩn rõ ràng nào để được công khai". Nhà báo này cho biết ông sẽ không công bố những cái tên mà Anderson đã liệt kê. (46)

Khi Anderson, người từng tự gọi mình là một "người vô thần tận tụy", (47) đưa ra báo cáo của mình về các giáo phận ở Illinois, ông ta đã cáo buộc họ giữ bí mật hồ sơ về các linh mục bị cáo buộc. Nhưng như cố vấn đặc biệt của Tổng giáo phận Chicago đã nói, điều này là sai sự thật. Tất cả các tên đều đã được báo cáo cho các nhà chức trách. (48) Luật sư John O'Malley càng phần nộ hơn với Anderson vì đã miêu tả những người đã được điều tra và minh oan là thủ phạm. Dẫn chứng một trường hợp, O'Malley nói, "Cảnh sát không quyết định ông ta là thủ phạm. Tổng giáo phận cũng không. Jeff Anderson mới là người quyết định. Mọi người có quyền giữ gìn danh tiếng của mình cho đến khi được chứng minh là có tội." (49) Các luật sư của các giáo phận khác cũng đưa ra những lời chỉ trích tương tự về cách Anderson tiến hành vụ việc. (50) Anderson không phải là người duy nhất thể hiện sự coi thường đối với danh tiếng của các linh mục bị cáo buộc nhưng chưa bao giờ bị kết tội. Mitchell Garabedian, người xuất hiện trong bộ phim Spotlight, về Tổng giáo phận Boston, đã bị Brian McGrory của tờ Boston Globe chỉ trích gay gắt vì những gì ông ta đã làm với Cha Charles Murphy, một linh mục mà Garabedian đã hai lần kiện.

Năm 2006, Cha Murphy bị kiện vì hành vi sờ mó trẻ vị thành niên không đúng mực; một người phụ nữ tuyên bố rằng vụ việc đã xảy ra 25 năm trước đó. Vị linh mục khẳng định mình vô tội, và vào đêm trước phiên tòa, người phụ nữ đã rút đơn kiện. Năm 2010, Cha Murphy bị một người đàn ông kiện vì cáo buộc rằng vị linh mục đã sờ mó ông ta 40 năm trước đó. Hóa ra, người tố cáo đang nợ nần chồng chất, và uy tín của ông ta bị chính các thành viên trong gia đình nghi ngờ. Vị linh mục được minh oan sau khi một hội đồng xét duyệt của tổng giáo phận mất sáu tháng để xem xét các cáo buộc. Cha Murphy qua đời năm 2011, một người đàn ông suy sụp. McGrory nói rằng những gì Garabedian đã làm là "một sự ô nhục". (51)

Khi tôi đọc câu chuyện này, tôi đã gọi cho Garabedian để hỏi ông ấy về điều đó. Tôi chỉ đơn giản hỏi liệu ông ấy có hối tiếc vì đã khởi tố Cha Murphy hay không. Vị luật sư nổi tiếng đã nổi cơn thịnh nộ, hét lên hết cỡ. Ông ta gào lên rằng ông ta đã thua kiện vì "tòa án kangaroo" của tổng giáo phận. Tôi yêu cầu ông ta bình tĩnh lại và nói chuyện một cách có lý trí, nhưng thay vào đó, ông ta đã đưa ra những lời lên án gay gắt đối với các linh mục ở Boston. (52)

Năm 2013, một người đàn ông ở Missouri đã đưa ra cáo buộc chống lại một linh mục bị cáo buộc lạm dụng tình dục anh ta và ba cậu bé giúp lễ khác vào đầu những năm 1980. Hai trong số ba cậu bé giúp lễ kia đã chết, và người còn sống nói rằng không có hành vi lạm dụng nào từng xảy ra. Tôi đã điều tra các cáo buộc này. Tôi đã tìm kiếm thông tin về người dùng và phát hiện ra rằng người này có liên quan đến một vụ giết người. Mặc dù một người đàn ông khác đã bị kết án, nhưng hồ sơ công khai cho thấy người tố cáo linh mục có “động cơ gây án mạng và cơ hội thực hiện hành vi đó”. Tôi lấy thông tin này từ hồ sơ tòa án tìm thấy trên Internet, nhưng người tố cáo đã thuê luật sư Rebecca Randles (người thường làm việc với Jeff Anderson) chuyên kiện Giáo hội và kiện tôi tội phỉ báng.

Bốn năm sau, sau khi vụ án trải qua nhiều giai đoạn tại tòa án, Tòa phúc thẩm Liên bang Khu vực 8 đã phán quyết ủng hộ tôi và Liên đoàn Công Giáo bằng cách bác bỏ tất cả các yêu cầu trong vụ kiện, bao gồm cả yêu cầu bồi thường vì tội phỉ báng. (53) Ngay từ đầu, đây đã là một vụ kiện quấy rối; tôi chưa bao giờ phỉ báng ai cả. Tôi đã được luật sư Erin Mersino đại diện một cách xuất sắc, người lúc đó làm việc cho Trung tâm Luật Thomas More và hiện đang là thành viên hội đồng quản trị của Liên đoàn Công Giáo.

Vai trò của những người bênh vực nạn nhân

BishopAccountability.org theo dõi các vụ lạm dụng tình dục của giáo sĩ bằng cách tổng hợp các bài báo và báo cáo đã được công bố. Vào tháng 8 năm 2019, trang web này đã đăng bốn bài viết về Cha Joe Townsend ở Tulsa, Oklahoma; và đăng thêm một bài nữa vào tháng 10.

Cha Townsend đã bị tạm đình chỉ công tác vào tháng 7 khi bị cáo buộc có hành vi không đúng mực trong thời gian làm cha phó tại Nhà thờ Công Giáo St. Pius X từ năm 1988 đến năm 1991. Ngài phủ nhận cáo buộc về hành vi sai trái tình dục, và không có cáo buộc hình sự nào được đưa ra. Vào tháng 12, giáo phận đã hoàn toàn minh oan cho ngài. Sau khi truyền thông đăng tải các báo cáo rằng Cha Townsend đã được minh oan, BishopAccountability.org cũng đã làm như vậy, mặc dù không phải trước khi Liên đoàn Công Giáo thông qua. Nhưng thiệt hại đối với danh tiếng của vị linh mục đã xảy ra rồi.

BishopAccountability.org cho biết họ chỉ đơn giản là công bố tên của các linh mục bị cáo buộc mà vụ việc đang được xem xét và không xác nhận tính xác thực của các cáo buộc. (54) Nhưng trách nhiệm giải trình đối với những tổn hại gây ra cho các giáo sĩ vô tội ở đâu? Nhóm này cũng lên án các giáo phận không công bố tên của các linh mục bị cáo buộc (mặc dù không có định chế nào liệt kê các nhân viên bị cáo buộc) (55) và yêu cầu công bố tên của các linh mục đã khuất bị cáo buộc. (56) Họ đang cố gắng đạt được điều gì?

Người ta chỉ có thể đoán khi nào BishopAccountability.org chỉ trích báo cáo thứ hai trong hai báo cáo của John Jay về lạm dụng tình dục của giáo sĩ trước khi nó được công bố. (57)

Tệ hơn nữa, Terence McKiernan, người sáng lập và chủ tịch của BishopAccountability.org, đã cáo buộc Hồng Y Timothy Dolan “giữ kín” (55) cái tên của các linh mục lạm dụng mà không cung cấp bằng chứng. Tất cả các email của tôi gửi cho McKiernan yêu cầu ông ấy xác định danh tính các linh mục đều không được trả lời. (58)

Vào tháng 12 năm 2013, Cha Michael O’Connell đã từ chức sau khi có cáo buộc rằng ngài đã lạm dụng một trẻ vị thành niên 20 năm trước đó. Vị linh mục ở Chicago cho biết ngài thậm chí chưa từng gặp người tố cáo. Vào tháng 4 năm 2014, một cuộc điều tra của cảnh sát không thể chứng thực cáo buộc, và Cha O’Connell đã được phục chức. Cả sở cảnh sát trưởng hạt Cook và

hội đồng xem xét độc lập của Tổng giáo phận Chicago đều kết luận rằng cáo buộc chống lại ngài là vô căn cứ. Mọi người đều vui mừng cho Cha O’Connell ngoại trừ Mạng lưới những người sống sót bị lạm dụng bởi các linh mục (SNAP). “Chúng tôi đã gặp nạn nhân này và thấy ông ấy rất đáng tin cậy”, các nhà vận động bảo vệ nạn nhân chuyên nghiệp cho biết. Barbara Blaine, người sáng lập và chủ tịch, nói rằng việc Cha O’Connell trở lại chức vụ linh mục “khiến trẻ em gặp nguy hiểm”. (59) Bà không có bằng chứng nào cho thấy cảnh sát hoặc hội đồng xem xét đã sai. Bà hoàn toàn dựa vào ấn tượng của mình về người tố cáo.

Đây là quy trình hoạt động tiêu chuẩn của hiệp hội lỏng lẻo gồm những người vận động bảo vệ nạn nhân này. Đối với họ, rõ ràng là các linh mục bị cáo buộc không đáng được coi là vô tội cho đến khi được chứng minh là có tội, giống như những người khác bị nghi ngờ phạm tội, nếu người tố cáo dường như đang nói sự thật. Họ dường như không xem xét điều gì sẽ xảy ra với hệ thống tư pháp của chúng ta nếu giả định vô tội bị loại bỏ khỏi tất cả mọi người và mọi người bị trừng phạt chỉ dựa trên những lời cáo buộc. Không ai có thể biết chắc chắn điều gì thúc đẩy người khác, nhưng dường như một số người bên vực nạn nhân là những người bị tổn thương và bối rối, không chỉ đơn thuần quan tâm đến việc đưa những kẻ lạm dụng ra trước công lý. Cho đến khi bị mất uy tín, David Clohessy là gương mặt đại diện của SNAP. Trong vai trò đó, ông là người chỉ trích không ngừng cách Giáo hội xử lý các vụ lạm dụng tình dục của giáo sĩ, nhưng ông lại từ chối tố cáo một linh mục bị cáo buộc cụ thể cho chính quyền: anh trai của ông, Kevin Clohessy.

“Ngay từ đầu,” Clohessy nói, “cuộc tranh luận dữ dội trong tôi là: anh ấy là anh trai tôi; anh ấy là kẻ lạm dụng. Tôi có nên đối xử với anh ấy như anh trai tôi không? Hay tôi nên đối xử với anh ấy như một kẻ lạm dụng?” (60) Ông dường như không nhận thức được rằng một số giám mục có thể đã bị giằng xé tương tự khi đối diện với cáo buộc chống lại một trong những linh mục anh em của họ. Tất nhiên, đây cũng có thể là một ví dụ về sự ưu ái người trong nhóm, một hiện tượng phổ biến.

Cha Clohessy được thụ phong linh mục năm 1985, và không lâu sau những câu chuyện về hành vi của ông lan truyền khắp Giáo phận Jefferson City, Missouri. Ông nổi tiếng vì thường xuyên chuốc rượu cho các nam thanh niên vị thành niên và lạm dụng tình dục họ. David Clohessy đã được cảnh báo về hành vi lạm dụng đồng tính của anh trai mình từ sớm nhưng đã giữ kín chuyện đó. Một phóng viên của tờ Boston Globe hỏi ông có biết người tố cáo nào không, và ông đã nêu tên Donna Cox. Điều này rất mạo hiểm. Xét cho cùng, với tư cách là một thừa tác viên phụ trách tuổi trẻ vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990 tại nơi anh trai ông làm việc, bà đã biết về hành vi của Cha Clohessy. Vì vậy, David Clohessy nói với phóng viên rằng Cox có thể nhắc đến anh trai mình và yêu cầu không nêu tên ông. Phóng viên nói rằng tên ông khó có thể được công bố; nhưng một tháng sau, khi giáo phận nêu tên Cha Clohessy, tờ Globe cũng đã làm vậy, trong một bài báo khác.

Những rắc rối của David Clohessy với Giáo hội bắt đầu vào năm 1991 khi ông đệ đơn kiện Giáo phận Jefferson City, tuyên bố rằng ông bị một linh mục lạm dụng tình dục từ năm 1969 đến năm 1973, từ 12 đến 16 tuổi (vụ kiện đã bị bác bỏ vì nằm ngoài thời tiêu). Tại sao ông ta lại mất nhiều thời gian đến vậy để đệ đơn kiện? Ông ta nói rằng ông ta không nhớ gì về những gì đã xảy ra cho đến năm 1988. Vậy chuyện gì đã xảy ra lúc đó? Ông ta nói rằng ông ta và vị hôn thê của mình đang xem một bộ phim của Barbra Streisand, *Nuts*, thì ký ức của ông ta bị chặn động. (61)

Sau nhiều năm theo dõi SNAP và có những nghi ngờ nghiêm trọng về tính xác thực của nó, tôi quyết định tiến hành một số cuộc điều tra. Năm 2011, tôi đã yêu cầu một cựu đặc vụ CIA và

chồng của bà tham dự một hội nghị SNAP được tổ chức gần Sân bay Quốc gia Reagan ở Washington, D.C. Tôi đã viết về lời kể của bà ấy, và nó rất hấp dẫn. (62)

Có khoảng 110 đến 130 người tham dự. Tất cả đều là người da trắng, và hầu hết là phụ nữ ở độ tuổi 50 và 60. Chủ đề lặp đi lặp lại của hội nghị là bản chất xấu xa của Giáo Hội Công Giáo. Từ “xấu xa” được sử dụng nhiều lần để mô tả “định chế”. Garabedian nói, “Thực thể vô đạo đức này, Giáo Hội Công Giáo, cần phải bị đánh bại. Chúng ta phải đứng lên và đánh bại cái ác này.” Cha Thomas Doyle, luật sư giáo luật từng tham gia nhiều vụ lạm dụng tình dục của giáo sĩ, nói rằng Giáo Hội Công Giáo được thành lập bởi Constantine, chứ không phải Chúa Giêsu. Ông nói rằng “Thánh lễ tương đương với những lời thần chú” và gọi phẩm phục của linh mục là “váy”.

Rồi đến màn tổng tiền. Mặc dù Anderson nói rằng các vụ kiện chống lại Giáo hội không phải vì tiền, ông đã kêu gọi quyên góp cho SNAP, sẽ đóng góp số tiền tương đương với bất cứ khoản quyên góp nào. Nhưng ông đã từ chối khi một luật sư đề nghị quyên góp 10,000 đô la.

David Clohessy hướng dẫn đám đông cách thao túng truyền thông. Ông nói với những người tham dự rằng nếu họ kiện Giáo hội, họ nên tổ chức một cuộc họp báo bên ngoài văn phòng giám mục hoặc đồn cảnh sát. Tổ chức bên ngoài văn phòng giám mục sẽ dễ dàng hơn cho các phóng viên vì họ chỉ cần đến một địa điểm để phỏng vấn cả người khiếu nại và người phụ trách quan hệ công chúng của giáo phận.

Nhưng nói suông là chưa đủ, Clohessy nói thêm. “Hãy trưng bày những bức ảnh thời thơ ấu thánh thiện!” ông nói. “Nếu bạn không có những bức ảnh thời thơ ấu thuyết phục, chúng tôi có thể cung cấp cho bạn những bức ảnh của những đứa trẻ khác có thể được giơ lên trước ông kính.” Trong các cuộc phỏng vấn, “hãy dùng những từ ngữ diễn tả cảm xúc” như “Tôi đã rất sợ hãi. Tôi đã có ý định tự tử” và “hãy dùng từ ‘trẻ em’ càng thường xuyên càng tốt”. Ông khuyên, “Hãy buồn chứ đừng tức giận.” (63)

Clohessy đã nắm quyền lãnh đạo SNAP trong một thời gian dài, bởi vì những gì ông nói rất dễ nghe đối với những người chỉ trích Giáo hội và nhiều người, bao gồm cả nhiều người Công Giáo, nghĩ rằng ông là người bạn tốt nhất của các nạn nhân.

SNAP bắt đầu xuống dốc vào năm 2012; năm năm sau, nó sụp đổ. Cuối năm 2011, một thẩm phán ở Missouri đã ra lệnh triệu tập Clohessy ra làm chứng trong một vụ án liên quan đến Cha Michael Tierney, một linh mục thuộc Giáo phận Kansas City— St. Joseph, Missouri. Ông bị cáo buộc vào năm 2010 về tội lạm dụng tình dục một nam giới vào năm 1971. Các luật sư của ông đã yêu cầu các tài liệu nội bộ của SNAP, và thẩm phán đã ra lệnh cho Clohessy phải cung cấp các tài liệu có giá trị 23 năm. Các luật sư muốn xem liệu SNAP có hướng dẫn các nạn nhân và nguyên đơn bị cáo buộc nói rằng họ đã kìm nén ký ức về việc bị lạm dụng hay không. Thẩm phán nói rằng Clohessy “gần như chắc chắn” có biết vụ án của Cha Tierney. (64) Luật sư của người tố cáo là Rebecca Randles.

Vào ngày 2 tháng 1 năm 2012, Clohessy ra làm chứng. (65) Khi được hỏi liệu ông có tự nhận mình là một nhà huấn đạo về khủng hoảng hiếp dâm hay không, ông nói, “Tôi không biết.” Khi được hỏi liệu ông có được đào tạo nào với tư cách là một nhà huấn đạo về khủng hoảng hiếp dâm hay không, ông nói là không. Tuy nhiên, ông đã huấn đạo cho các nạn nhân bị cáo buộc để kiếm sống, mặc dù ông không có bằng cấp về huấn đạo và chưa bao giờ tham gia bất cứ lớp học chính thức nào trong lĩnh vực này. Khi được hỏi liệu đồng nghiệp của ông, Barbara Blaine, có phải là một nhà huấn đạo được cấp phép hay không, ông nói rằng ông không biết (cô ấy có bằng thạc sĩ về công tác xã hội). Trên thực tế, không ai ở SNAP là một nhà huấn đạo được cấp phép,

nhưng đó lại là dịch vụ mà họ cung cấp. Khi được hỏi về địa điểm diễn ra các buổi huấn đạo, Clohessy nói, “Chúng tôi gặp mọi người ở bất cứ nơi nào họ muốn, ở Starbucks, ở đâu đó, bạn biết đấy—bất cứ nơi nào mọi người cảm thấy thoải mái, đó là nơi chúng tôi gặp nhau.” Khi được hỏi bao nhiêu trong ngân sách 3 triệu đô la của họ được chi cho huấn đạo, ông nói ông không biết.

Clohessy nói rằng SNAP có địa chỉ kinh doanh nhưng ông không biết mã bưu điện. Vì không có văn phòng riêng nên họ không thể làm việc tại đó. —Ông làm việc tại nhà riêng ở khu vực Saint Louis—ông trực tiếp nhận các cuộc gọi từ những người bị cáo buộc là nạn nhân. “Mọi người gọi cho tôi và chia sẻ nỗi đau của họ với tôi”, ông nói. “Tôi an ủi họ và có thể nói chuyện điện thoại với họ cả tiếng đồng hồ.”

Sau đó, các luật sư hỏi Clohessy, “Ông sẽ không cho chúng tôi biết nguồn tài trợ của ông; đúng không?” Clohessy đồng ý là đúng. Câu hỏi được đặt ra vì SNAP đã bị cáo buộc nhận hối lộ từ các luật sư như Anderson và Garabedian trong nhiều năm. SNAP làm gì với số tiền đó? Năm 2007, họ đã chi tổng cộng 593 đô la cho việc “hỗ trợ người sống sót”. Năm sau đó, họ đã chi 92,000 đô la cho việc du hành.

Rõ ràng, Clohessy hầu như không biết gì về nhân viên của mình. Ngoài Blaine, ông nói, “chúng tôi có một người phụ trách hành chính mới.” Ông nói ông chỉ nhớ được tên riêng của cô ấy. Ông cũng nói ông có một người phụ trách gây quỹ nhưng thú nhận, “Tôi không biết cách viết tên họ của cô ấy.” Khi được hỏi ai chịu trách nhiệm về trang web của SNAP, ông ta nói, “Tôi không biết.”

Bình luận tiết lộ nhất mà Clohessy đưa ra là để trả lời câu hỏi sau: “Theo hiểu biết của ông, SNAP có bao giờ phát hành thông cáo báo chí nào chứa thông tin sai sự thật chưa?” Ông ta trả lời: “Chắc chắn có.”

Hai tháng sau khi Clohessy bị thẩm vấn, Laurie Goodstein của tờ New York Times đã gọi cho tôi để hỏi về những bình luận của ông ta. Tôi tập trung vào lời thú nhận của ông ta rằng ông ta nói dối với giới truyền thông. Bà ấy nói rằng bà ấy không biết về điều đó. Tôi hỏi bà ấy có bản sao biên bản thẩm vấn không, và bà ấy có. Khi tôi chỉ ra số trang và nơi tìm thấy nhận xét của ông ta, bà ấy tỏ ra ngạc nhiên, như thể nhận xét đó là một sai lầm đáng tiếc. Trong bài báo của mình, bà ấy đề cập rằng Clohessy đã được hỏi về những thông tin sai sự thật trong các thông cáo báo chí của SNAP và câu trả lời của ông ta là “chắc chắn có”. Nhưng sau đó bà ấy cho phép ông ta rút lại lời nói của mình. Bà ấy đã gọi điện cho ông ấy về việc này, và “ông ấy nói rằng phản hồi của ông ấy là sự thừa nhận rằng chắc hẳn đã có một số sai sót trong hàng ngàn thông cáo báo chí và cảnh báo mà nhóm đã gửi đi trong những năm qua.” Bà ấy trích dẫn lời ông ấy nói, “Nhưng không bao giờ cố ý, và không bao giờ là những sai sót nghiêm trọng.” (66)

Nhưng vấn đề không phải là về “sai sót” hay “lỗi lầm”; mà là về thông tin ông ấy đưa ra cho giới truyền thông mà ông ấy biết là sai sự thật. Tôi nghi ngờ Goodstein sẽ cho phép một người bảo vệ Giáo hội rút lại một bình luận khiến ông ta trông tệ. Bằng chứng thêm cho thấy bà ấy không phải là người trung lập trong vấn đề này đã được đưa ra sau đó cùng năm khi HBO phát hành bộ phim tài liệu *Mea Maxima Culpa: Silence in the House of God*. Goodstein không chỉ xuất hiện trong bộ phim, điều này ít nhất là không công bằng với Giáo hội, mà còn là nhà sản xuất liên kết cùng với Jeff Anderson. (67)

Sau khi khen ngợi bài báo của Goodstein, trong đó bà trích dẫn Clohessy, tờ New York Times đã miêu tả ông là nạn nhân của “chiến thuật pháp lý hung hăng”, nói rằng nhiệm vụ của thẩm

phán là “bác bỏ các yêu cầu khám phá gây gánh nặng không công bằng”. Sự trơ tráo của tờ báo thật đáng kinh ngạc. Nó chưa bao giờ cáo buộc các luật sư kiện Giáo hội như Anderson, Randles hoặc Garabedian sử dụng “chiến thuật pháp lý hung hăng”.

Vào tháng 1 năm 2017, một cựu nhân viên SNAP, Gretchen Rachel Hammond, một người chuyển giới, đã kiện Clohessy, Blaine và Barbara Dorris (giám đốc phụ trách quan hệ cộng đồng), đưa ra lời khai mà nếu đúng sự thật, sẽ chứng minh tất cả những gì tôi đã nói về sự tham nhũng và thiếu trung thực của tổ chức này trong nhiều thập niên. (68) Thật vậy, khi Hammond gặp Bernadette Brady-Egan, phó chủ tịch của Liên đoàn Công Giáo, và nhà phân tích chính sách Don Lauer tại trụ sở chính của chúng tôi ở Thành phố New York (tôi không chắc liệu bà ấy có mục đích nào khác hay không, vì vậy tôi đã từ chối gặp bà ấy), bà ấy nói rằng bà ấy đã biết về những lời chỉ trích của tôi đối với SNAP khi bà ấy nhận công việc nhưng không bị thuyết phục. Bà ấy đã thay đổi suy nghĩ sau khi tận mắt chứng kiến hoạt động của họ.

Hammond, người từng là giám đốc phát triển của SNAP, tuyên bố trong đơn kiện rằng “SNAP thường xuyên nhận hối lộ tài chính từ các luật sư dưới hình thức ‘quyên góp’”, và đổi lại, SNAP “giới thiệu những người sống sót làm khách hàng tiềm năng cho các luật sư, những người sau đó đệ đơn kiện thay mặt những người sống sót chống lại Giáo Hội Công Giáo. Các vụ kiện thường được dàn xếp có lợi về mặt tài chính cho các luật sư và đôi khi, có lợi cho tình hình tài chính của SNAP, tổ chức này đã nhận được các khoản thanh toán trực tiếp từ các khoản bồi thường của những người sống sót.”

Đơn kiện liệt kê hết “quyên góp” này đến “quyên góp” khác do các luật sư nguyên đơn thực hiện cho SNAP, chiếm phần lớn số tiền mà Clohessy và cộng sự thu được trong bất cứ năm nào. Ví dụ, năm 2008, “một luật sư ở Minnesota”, có thể là Anderson, đã đóng góp 55%—414,140 đô la—tổng số tiền quyên góp của SNAP trong năm đó; ba năm sau, ông ta đóng góp hơn 40% tổng doanh thu của tổ chức này.

Đơn kiện cũng cáo buộc rằng SNAP đã chuyển tiền cho chính mình thông qua các tổ chức ma. “Đáng chú ý là, vào một thời điểm nào đó trong năm 2011 và 2012”, báo cáo cho biết, “SNAP thậm chí còn dàn dựng một kế hoạch để các luật sư quyên góp cho một quỹ bình phong, có tên là ‘Trung tâm Từ thiện Minnesota’, và sau đó để Trung tâm Từ thiện Minnesota cấp một khoản tài trợ cho SNAP nhằm tạo vỏ bọc và che giấu các khoản hoa hồng mà các luật sư của nguyên đơn nhận được từ SNAP.”

Hammond cho rằng các viên chức SNAP quan tâm đến việc kiếm tiền hơn là phục vụ lợi ích của người được SNAP hỗ trợ. Vụ kiện trích dẫn một đoạn trao đổi email giữa các viên chức SNAP thảo luận về trát triệu tập đã được gửi đến họ. Một người trong số họ hỏi liệu anh ta có nên đề cập đến trát triệu tập trong bản tin của họ hay không. Người trả lời cho biết điều đó “có thể thúc đẩy nhiều khoản quyên góp hơn”, mặc dù “mặt khác, nó cũng sẽ làm nhiều nạn nhân khó chịu hơn”. Blaine trả lời, “Phản hồi ban đầu của tôi là chúng tôi nghiêng về phía sử dụng nó để gây quỹ.”

Vụ kiện của Hammond cáo buộc rằng “SNAP không tập trung vào việc bảo vệ hoặc giúp đỡ các nạn nhân—mà là lợi dụng họ.” Vụ kiện còn tuyên bố rằng SNAP “vô tâm bỏ qua lợi ích thực sự của các nạn nhân, thay vào đó sử dụng họ như những đạo cụ và công cụ để thúc đẩy các mục tiêu gây quỹ thương mại của riêng SNAP. Thay vì khuyên các nạn nhân theo đuổi những gì tốt nhất cho lợi ích cá nhân, tình cảm và tài chính của họ, SNAP gây áp lực buộc các nạn nhân theo đuổi các vụ kiện tốn kém và căng thẳng chống lại Giáo Hội Công Giáo, tất cả chỉ để thúc đẩy lợi ích quảng bá và gây quỹ của riêng SNAP.”

Theo đơn kiện, những người liên quan đến chương trình SNAP bị thúc đẩy bởi sự thù địch đối với Giáo Hội Công Giáo. "Mặc dù SNAP tuyên bố rằng động cơ của họ là vì lợi ích của những người sống sót," đơn kiện nêu rõ, "trên thực tế, SNAP chủ yếu bị thúc đẩy bởi sự thù hận cá nhân của các giám đốc và viên chức của họ đối với Giáo Hội Công Giáo." Ví dụ, Clohessy khuyên một nạn nhân bị cáo buộc nên theo đuổi vụ kiện chống lại Tổng giáo phận Milwaukee, nói rằng mỗi đồng xu mà tổng giáo phận không có là tiền không thể chi cho 'luật sư bào chữa, nhân viên quan hệ công chúng, kỳ thị người đồng tính, đấu tranh chống lại biện pháp tránh thai, v.v.'"

Hammond cho biết khi bà đối chất với các viên chức SNAP về các hoạt động của tổ chức này, bà đã bị trả thù, điều này gây ra căng thẳng và trầm cảm, dẫn đến các vấn đề về sức khỏe. Đó là lý do bà kiện, bà nói, và cũng vì mất thu nhập sau khi SNAP sa thải bà vào năm 2013.

Hammond đã nêu tên Clohessy trong vụ kiện, và ông đã từ chức giám đốc của SNAP. Trong một cuộc phỏng vấn với National Catholic Reporter, ông nói rằng ông đã thông báo cho hội đồng quản trị của tổ chức về quyết định của mình nhiều tháng trước khi vụ kiện được đệ trình, ngụ ý rằng hai sự kiện này không liên quan đến nhau, nhưng SNAP chỉ thông báo về sự ra đi của ông sau đó. (69) Blaine, người sáng lập SNAP, cũng đã từ chức.

Road to Recovery là một nhóm nạn nhân khác gặp phải vấn đề. Vào mùa hè năm 2019, Catholic News Agency (CNA) đã thực hiện một loạt bài gồm hai phần về một người đàn ông mà họ chọn để gọi là "Michael" (đó không phải là tên thật của ông; người đàn ông trung niên này đã chọn giấu tên). (70) Ông kể một câu chuyện về việc bị lạm dụng và về những giao dịch của ông với cả SNAP và Road to Recovery.

Vào mùa thu năm 2019, tôi đã gặp ông ấy, cùng với Bernadette Brady-Egan và Rick Hinshaw, giám đốc truyền thông của chúng tôi vào thời điểm đó, và hỏi ông ấy về một số vấn đề. Ông ấy là một người đàn ông có học thức và thành công trong sự nghiệp. Những gì ông ấy trải qua thật đáng kinh ngạc. Tôi đã mời ông ấy chia sẻ câu chuyện của mình bằng cách xuất bản nó trên tạp chí Catalyst của Liên đoàn Công Giáo, và ông ấy đã làm như vậy. (71) Những điều sau đây được trích từ câu chuyện đó, loạt bài của CNA và cuộc phỏng vấn của tôi với ông ấy.

Các vấn đề của Michael bắt đầu khi ông mười lăm tuổi, khi ông tuyên bố rằng mình đã bị Cha James Rapp lạm dụng tình dục tại trường trung học Công Giáo của mình. Bảy năm sau, ông nói, khi ông hai mươi hai tuổi, ông đã nói với một linh mục trong Bí tích Giải tội rằng mình đã bị lạm dụng. "Vấn đề là Tôi không hề biết rằng vị linh mục phía sau tấm bình phong phòng xưng tội là một người đồng tính luyến ái. Vì vậy, khi tôi xưng tội với ông ấy, và ông ấy đề nghị giúp đỡ tôi, tôi không biết mình đang bị gạ gẫm." Trong mười tám tháng, vị linh mục đã khuyên bảo anh, nhưng cũng có những cuộc trò chuyện và quấy rối đồng tính luyến ái tục tĩu đối với Michael. Anh thừa nhận tình huống của mình rất phức tạp: sự khuyên bảo của vị linh mục đã giúp ích, và vì anh đang chuẩn bị vào trường y, anh nghĩ mình có thể vượt qua những lời gạ gẫm đó.

"Tôi đã tập trung vào đức tin của mình hơn bao giờ hết," Michael nói, "tham dự Thánh lễ và cầu nguyện quỳ gối mỗi đêm. Tôi dường như đang hồi phục. Nhưng tất cả đã kết thúc vào một đêm khi ông ấy gọi điện cho tôi, rõ ràng là say rượu, buột miệng nói ra những lời đề nghị tình dục kinh khủng nhất. Điều đó thực sự tàn phá tôi. Sau đêm đó, tôi không thể ngồi dự Thánh lễ được nữa. Tôi rời bỏ Giáo hội, thề rằng tôi sẽ không bao giờ nói về việc bị lạm dụng nữa." Nhiều thập niên sau, anh được huấn đạo chuyên nghiệp. Anh mắc chứng rối loạn căng thẳng

sau chấn thương và bị lo âu nghiêm trọng. Tin tốt là anh đã hồi phục và trở lại với Giáo hội.

Năm 2010, khi Michael ở độ tuổi bốn mươi, anh biết về SNAP và Road to Recovery và tìm cách tìm hiểu thêm về vị linh mục đã lạm dụng mình. Anh đã liên hệ với Robert Hoatson, cựu linh mục và người sáng lập Road to Recovery. Khi họ trao đổi qua email, điều đầu tiên Hoatson hỏi anh là liệu anh có cần luật sư không. Michael rất ngạc nhiên, nhưng cả hai rất hợp nhau, và dưới sự ảnh hưởng của Hoatson, Michael đã đệ đơn kiện Giáo hội và đã thu hồi được một phần số tiền chi cho việc huấn đạo. Ông cũng rời bỏ Giáo hội lần thứ hai. “Tôi đã vạch ra ranh giới khi Hoatson khuyến khích tôi đưa con cái mình ra khỏi Giáo hội,” ông nói.

Hoatson giới thiệu Michael với Garabedian tại một hội nghị SNAP ở Chicago. Khi Michael hỏi về mối quan hệ của họ, Hoatson nói, “Mitch chăm sóc tôi rất tốt.” Đó là một trong nhiều khoảnh khắc đáng nhớ mà Michael gặp phải tại hội nghị. Anh chia sẻ một câu chuyện khiến tôi mỉm cười. Anh nói rằng anh biết được tại hội nghị rằng tôi bị đám đông SNAP ghét đến mức nào.

“SNAP tự xưng là một nhóm hỗ trợ cho những người sống sót,” Michael nói, “nhưng những gì tôi trải nghiệm thì hoàn toàn trái ngược với sự hỗ trợ cho những người sống sót. SNAP đã mời luật sư “cá mập”, sử dụng các nạn nhân như mồi nhử, và chứng kiến sự hỗn loạn diễn ra. Tôi đã thấy Jeff Anderson, luật sư chuyên kiện các vụ lạm dụng tình dục, cười khúc khích và hào hứng đi lại quanh hội nghị để chuyển tiền cho SNAP.” Anh cũng gặp Patrick Wall, một cựu linh mục khác, người đã cam kết giúp đỡ các nạn nhân. Ông nói với Michael rằng ông là một luật sư làm việc cho Anderson. “Tôi cảm thấy như tim mình thất lại,” Michael nói, “nước mắt tôi trào ra. Tôi đến hội nghị SNAP để được chữa lành, và tôi đã hy vọng họ sẽ giúp đỡ, nhưng tất cả những gì tôi thấy là SNAP đang kết nối các nạn nhân với các luật sư để kiếm tiền và biến các nạn nhân thành vũ khí chống lại Giáo hội.”

Michael gặp Clohessy ở sảnh khách sạn. Anh biết rằng Clohessy đã viết một bài báo về kẻ lạm dụng mình và muốn biết thêm về ông ta. “Khi được hỏi,” Michael viết, “ông ta không nhớ mình đã viết bài báo đó. Ông ta không thể cung cấp cho tôi bất cứ thông tin nào về kẻ lạm dụng tôi. Tôi nghĩ, ‘Làm sao một người có thể viết một bài báo mà lại không nhớ một chút gì về nó?’ ” Clohessy đã xin lỗi nhưng không bao giờ đề nghị giúp đỡ anh.

Sau hội nghị, Gretchen Rachel Hammond đã kiện SNAP thành công, và Michael rất vui mừng. Anh càng thêm tự tin khi vào ngày 23 tháng 12 năm 2017, anh trải qua một sự trở lại đáng chú ý và bất ngờ với đức tin Công Giáo. Người ta có thể nghĩ rằng mọi người sẽ vui mừng với điều đó, nhưng Hoatson thì không. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên vì trước đó vị linh mục đã nói với Michael rằng việc cả gia đình anh rời bỏ Giáo hội sẽ tốt cho họ.

Hai người không liên lạc nhiều sau đó, nhưng đã có một cuộc trao đổi quan trọng diễn ra khi báo cáo của bồi thẩm đoàn Pennsylvania được công bố vào tháng 8 năm 2018. Hoatson đã gửi cho Michael thông cáo báo chí của ông về vấn đề này. Thông cáo nói rằng “người đồng tính không hiếp dâm trẻ vị thành niên, mà những kẻ săn mồi mới hiếp dâm trẻ vị thành niên”. Sau đó, ông tiếp tục nói rằng người Công Giáo nên “chấp nhận các linh mục đồng tính và chuyển giới”. Điều này không phù hợp với Michael, dựa trên kinh nghiệm của anh. Anh đi đến kết luận rằng “có một âm mưu đang diễn ra nhằm che đậy bản chất đồng tính luyến ái của cuộc khủng hoảng lạm dụng”. Như chúng ta sẽ thấy, nhận định của anh được chứng minh bằng bằng chứng.

Ghi chú

- (1) Bill Donohue, “Cựu luật sư Hoa Kỳ truy tố các linh mục”, *Catholic League*, ngày 30 tháng 11 năm 2018, <https://www.catholicleague.org/former-u-s-attorneyindicts-priests/>.
- (2) “Ông McCarrick ‘bất khả xâm phạm’”, *Washington Post*, ngày 26 tháng 10 năm 2019, A16.
- (3) “Tuyên bố về Hồng Y McCarrick, của Hồng Y Dolan,” *Zenit*, ngày 20 tháng 6 năm 2018, <http://www.zenit.org/articles/statement-on-cardinal-mccarrick-by-cardinal-dolan>.
- (4) Seeger Weiss, *Giáo hội ảnh hưởng đến Nhà nước: Giáo Hội Công Giáo đã chi hàng triệu đô la như thế nào để chống lại những nạn nhân bị lạm dụng bởi giáo sĩ*, Williams Cedar, tháng 6 năm 2019, <https://www.williamscedar.com/wpcontent/uploads/2020/09/ChurchInfluencingStateCatholic.pdf>.
- (5) Marisa Kwiatkowski và John Kelly, “Giáo Hội Công Giáo và Hội Hướng đạo sinh đang vận động chống lại các đạo luật về lạm dụng trẻ em”, *USA Today*, ngày 2 tháng 10 năm 2019, <https://www.usatoday.com/in-depth/news/investigations/2019/10/02/catholic-church-boy-scouts-fight-child-sex-abuse-statutes/2345778001/>.
- (6) Bill Donohue, “Đài phát thanh công cộng Wisconsin tấn Công Giáo hội”, *Catholic League*, ngày 18 tháng 11 năm 2019, <https://www.catholicleague.org/wisconsin-public-radios-hit-job-on-the-church/>.
- (7) Bill Donohue, “Tại sao CNN lại ghét Giáo Hội Công Giáo?”, *Catholic League*, ngày 2 tháng 12 năm 2019, <https://www.catholicleague.org/why-does-cnn-hate-the-catholic-church/>.
- (8) John Kelly, “USA TODAY đánh giá các tiểu bang về việc kiểm tra lý lịch giáo viên như thế nào”, *USA Today*, ngày 14 tháng 2 năm 2016, <http://www.usatoday.com/story/news/2016/02/14/how-we-graded-state-teacher-background-checks/80214540/>. Xem biểu đồ cho các tiểu bang.
- (9) Reese Dunklin, Matt Sedensky và Mitch Weiss, “AP: Các Hội đồng Giáo Hội Công Giáo xem xét các vụ lạm dụng tình dục đã thất bại trong việc bảo vệ nạn nhân”, *660 News*, ngày 20 tháng 11 năm 2019, <https://www.660citynews.com/2019/11/20/ap-catholic-churchboards-reviewing-sex-abuse-fail-victims/>.
- (10) Nhiều tờ báo và đài truyền hình đã đưa tin về câu chuyện này. Xem Claudia Lauer và Meghan Hoyer, “AP: Hàng trăm linh mục bị cáo buộc lạm dụng tình dục trẻ em sống mà không bị giám sát,” *WFAA-TV*, ngày 4 tháng 10 năm 2019, <https://www.wfaa.com/article/news/nation-world/priests-accused-sex-abuse-living-no-oversight/507-230fb190-d880-4057-a29391f2b4b8375f>.
- (11) Đã dẫn.
- (12) Lindsay Schnell và Sam Ruland, “Hàng ngàn linh mục Công Giáo bị cáo buộc lạm dụng tình dục, vậy điều gì đã xảy ra? Một cuộc điều tra tiết lộ hầu hết đã trở thành linh mục hàng xóm”, *USA Today*, cập nhật ngày 13 tháng 11 năm 2019, <https://www.usatoday.com/in-depth/news/nation/2019/11/11/catholic-sexual-abuse-accused-priests-arent-sex-offender-registry/4012206002/>.
- (13) Bill Donohue, “Cuộc điều tra của WCPO về Giáo hội có dấu hiệu thiên vị”, *Catholic League*, ngày 19 tháng 11 năm 2019, <https://www.catholicleague.org/wcpo-churchprobe-smacks-of-bias/>.
- (14) Bill Donohue, “WCPO Cincinnati là một trò lừa đảo đã được chứng minh”, *Catholic League*, ngày 21 tháng 11 năm 2019, <https://www.catholicleague.org/wcpocincinnati-is-a-proven-fraud/>.
- (15) Katie Zavadski, Topher Sanders, ProPublica, và Nicole Hensley, *Houston Chronicle*, “Hàng chục linh mục Công Giáo bị cáo buộc lạm dụng một cách đáng tin cậy đã tìm được việc làm ở nước ngoài, một số được Giáo hội chúc phúc”, *ProPublica*, ngày 6 tháng 3 năm 2020, <https://www.propublica.org/article/dozens-of-catholic-priests-credibly-accused-of-abuse-found->

work-abroad-some-with-the-churchsblissing.

(16) Bill Donohue, “Giá như các linh mục là khủng bố”, *Catholic League*, ngày 7 tháng 6 năm 2013, <https://www.catholicleague.org/if-only-priests-were-terrorists-2/>. Tuyên bố của Trung tâm Luật Nghèo Miền Nam được đưa ra cùng ngày. Xem Marilyn Elias, “Những kẻ cực đoan đổ lỗi cho những kẻ thù quen thuộc về vụ đánh bom Boston”, *Southern Poverty Law Center*, ngày 17 tháng 4 năm 2013,

<https://www.splcenter.org/hatewatch/2013/04/17/extremists-blame-favoritebogeymen-boston-bombings>.

(17) William I. Thomas và Dorothy Thomas, *Đứa trẻ ở Mỹ*, ấn bản thứ 2 (New York: Knopf, 1929), 572.

(18) Erik Tryggestad, “Tờ Christian Chronicle phỏng vấn Michael Medved”, *Christian Chronicle*, ngày 21 tháng 4 năm 2005,

<http://www.christianchronicle.org/the-christian-chronicle-interviewsmichael-medved>.

(19) John Dart, “Ánh sáng! Máy quay! Tâm linh! Thể hiện niềm tin tôn giáo không còn là điều cấm kỵ ở Hollywood, dẫn đến nhiều bộ phim có chủ đề nâng cao đạo đức hơn”, *Toronto Star*, ngày 4 tháng 4 năm 1997, Di.

(20) James Hirson, “Những người nổi tiếng Hollywood thích Castro hơn Chúa Kitô”, *Newsmax*, ngày 14 tháng 7 năm 2003, <http://www.newsmax.com>.

(21) Craig Bannister, “Kevin Sorbo: ‘Vừa là một Kitô hữu vừa là một người bảo thủ ở Hollywood’ ‘Giống như bị mắc bệnh phong kép’”, *CNSNews*, ngày 19 tháng 2 năm 2021, <http://www.cnsnews.com/blog/craig-bannister/kevin-sorbo-beingchristian-and-conservative-hollywood-being-double-leper>.

(22) Nhập tên của họ vào công cụ tìm kiếm trên trang web của Liên đoàn Công Giáo để đọc một số ví dụ về nhận xét của họ.

(23) Bill Donohue, “Những huyền thoại về các nhà giặt Magdalene”, *Catholic League*, 2013, <https://www.catholicleague.org/myths-of-the-magdalenelaundries/>.

(24) Bill Donohue, “Bóc trần ‘Philomena’”, *Catholic League*, 2014, <https://www.catholicleague.org/wpcontent/uploads/2014/01/DEBUNKING-PHILOMENA-cover.pdf>.

(25) Peter Keough, “Một vấn đề của Hollywood được phơi bày”, *Boston Globe*, ngày 31 tháng 5 năm 2015, N9.

(26) Bill Donohue, “Bộ phim về nạn hiếp dâm trẻ em ở Hollywood bị bỏ qua”, *Newsmax*, ngày 6 tháng 11 năm 2015,

<https://www.newsmax.com/billdonohue/hollywood/2015/11/06/id/700940/>.

(27) “Phân tích thống kê tìm kiếm bối cảnh cho báo cáo của bồi thẩm đoàn Pennsylvania”, *Catholicnewsagency*, ngày 6 tháng 12 năm 2018,

<https://www.catholicnewsagency.com/news/philadelphia-archdiocesecommissions-analysis-of-grand-jury-report-98000>.

(28) Bill Donohue, “Báo cáo của bồi thẩm đoàn Pennsylvania bị bác bỏ”, *Catalyst*, tháng 9 năm 2018, <https://www.catholicleague.org/pennsylvania-grand-juryreport-debunked-3/>.

(29) Jacey Fortin, “Nạn nhân bị lạm dụng bởi giáo sĩ nhận được 2 triệu đô la trong một thỏa thuận dàn xếp”, *New York Times*, ngày 27 tháng 3 năm 2019, A15.

(30). Lá thư này được trích dẫn trong một thông cáo báo chí do tôi viết, “Rolling Stone chỉ trích gay gắt: Lời công kích ác ý nhằm vào Tổng giáo phận Philadelphia”, *Catholic League*, ngày 20 tháng 9 năm 2011, <https://www.catholicleague.org/rolling-stone-gets-ugly-vile-hi-t-on-phillyarchdiocese/>.

(31) Associated Press, “Cựu Công tố viên Quận Philadelphia Seth Williams Bị kết án 5 năm tù”, *Action News*, <https://6abc.com/philadelphia-seth-williams-districtattorney/2561107/>.

(32) Ralph Cipriano, “Di sản của ‘Billy Doe’”, *Catalyst* (tháng 1/tháng 2 năm 2019), <https://www.catholicleague.org/the-legacy-ofbilly-doe/>.

- (33) Max Blau và Darran Simon, “Cựu Tổng Chương lý PA Kathleen Kane nhận án tù”, *CNN*, ngày 24 tháng 10 năm 2016, <https://www.cnn.com/2016/10/24/politics/pennsylvania-attorney-general-sentencing/index.html>.
- (34) Fortin, “Nạn nhân của lạm dụng tình dục bởi giáo sĩ”.
- (35) George Will, “Liệu Giáo Hội Công Giáo có phạm tội ác tồi tệ nhất trong lịch sử nước Mỹ?”, *TribLIVE*, ngày 13 tháng 3 năm 2019, <http://www.triblive.com/opinion/george-will-has-catholic-church-committed-worst-crime-in-american-history/>.
- (36) Bill Donohue, “George Will cả tin”, *Catalyst* (tháng 4 năm 2019), <https://www.catholicleague.org/the-gullible-george-will-2/>.
- (37) Dawn C. Chmielewski, “Lesley Stahl của chương trình ‘60 Minutes’ bàn về vụ tai tiếng quấy rối tình dục của CBS”, *Deadline*, ngày 3 tháng 10 năm 2018, <https://deadline.com/2018/10/60-minutes-lesley-stahl-on-cbs-sexual-harassment-scandal-it-has-been-very-painful>.
- (38) Andrew Ferguson, “Với những người bạn như Bill Donohue”, *Washington Examiner*, ngày 21 tháng 8 năm 2018 <http://www.washingtonexaminer.com/weeklystandard/with-friends-like-bill-donohue>.
- (39) Alan Dershowitz, Tucker Carlson Tonight, Fox News Network, ngày 7 tháng 12 năm 2018.
- (40) *Rice v. Diocese of Altoona-Johnstown et al.* (Số 325 WAL 2019). Xem thêm Bill Donohue, “Chiến thắng cho quyền của các linh mục; Bản kiến nghị của bên thứ ba thắng thế”, *Catalyst* (tháng 1/tháng 2 năm 2019), <https://www.catholicleague.org/victory-for-priests-rights-amicus-brief-prevails/>.
- (41) Julie Shaw, “Nhóm đặc nhiệm Tòa án Tối cao Pennsylvania đề xuất bãi bỏ báo cáo của đại bồi thẩm đoàn”, *Philadelphia Inquirer*, cập nhật ngày 24 tháng 11 năm 2019, <https://fusion.inquirer.com/news/investigating-grand-juries-supreme-court-task-force-report-20191122.html>.
- (42) Peter Steinfelds, “Báo cáo của đại bồi thẩm đoàn Pennsylvania: Không như vẻ ngoài”, *Commonweal*, ngày 25 tháng 1 năm 2019, <https://www.commonwealmagazine.org/pa-grand-jury-report-not-what-it-seems>.
- (43) Ellen K. Boegel, “Bí mật xung tội và việc báo cáo bắt buộc: Một Khảo sát về luật pháp của các tiểu bang”, *America*, ngày 1 tháng 7 năm 2019, <https://www.americamagazine.org/2019/07/01/mandatory-reporting-seal-confession-state-laws>.
- (44) Bill Donohue, “Chiến thắng ở California; Dự luật xung tội bị rút lại”, *Catalyst* (tháng 9 năm 2019), <https://www.catholicleague.org/victory-in-california-confessional-bill-withdrawn/>.
- (45) David Schimke, “Người Tín Đồ Chân Chính”, *Citypages* (Minneapolis—Saint Paul), ngày 16 tháng 4 năm 2003, đăng trên BishopAccountability.org, http://www.bishopaccountability.org/news2003_01_06/2003_04_16_Schimke_TrueBeliever.htm.
- (46) Ed Forbes, “Tại Sao Chúng Tôi Không Công Bố Tên Trong Danh Sách Khiếu Nại Lạm Dụng Tình Dục”, *The Record* (Bergen County, New Jersey), ngày 7 tháng 5 năm 2019, L8.
- (47) Monica Davey, “Tốc Độ Điên cuồng của Luật Sư Đứng Sau Các Vụ Kiện Vatican”, *New York Times*, ngày 28 tháng 4 năm 2010, <https://www.nytimes.com/2010/04/28/us/28lawyer.html>.
- (48) “Luật sư công bố danh sách các giáo sĩ Công Giáo Illinois bị cáo buộc hành vi tình dục sai trái”, *ABC7 Chicago*, ngày 20 tháng 3 năm 2019, <https://abc7chicago.com/religion/lawyers-release-list-of-illinois-catholic-clergy-accused-of-sexual-misconduct/5208420/>.
- (49) Nader Issa và Mitch Dudek, “Báo cáo làm sáng tỏ 395 linh mục Công Giáo và nhân viên nhà thờ bị cáo buộc lạm dụng tình dục”, *Chicago Sun-Times*, ngày 21 tháng 3 năm 2019,

chicago.suntimes.com/2019/3/21/18425127/report-shines-lighton-395-catholic-priests-church-staff-accused-of-sex-abuse..

(50) Bill Donohue, “Đánh giá Báo cáo Lạm dụng của các Linh mục Illinois”, *Catholic League*, ngày 22 tháng 3 năm 2019, <https://www.catholicleague.org/assessing-the-abuse-report-on-illinoispriests/>.

(51) Brian McGrory, “Thiệt hại ngoài dự kiến”, *Boston Globe*, ngày 15 tháng 6 năm 2011, trang 1..

(52) Bill Donohue, “Linh mục Boston - Luật sư kiện tụng trở nên điên cuồng”, *Catholic League*, ngày 15 tháng 6 năm 2011, <https://www.catholicleague.org/boston-priest-suinglawyer-goes-bonkers/>..

(53) “Chương cuối cùng trong vụ kiện kết thúc với chiến thắng cuối cùng cho Bill Donohue”, *Trung tâm Luật Thomas More*, ngày 17 tháng 8 năm 2017, <http://www.thomasmore.org/news/closing-chapter-lawsuit-ends-finalvictory-bill-donohue..>

(54) Xem <https://www.bishop-accountability.org/accused-dboverview/>.

(55) Keith Kountz, “Nạn nhân bị lạm dụng đối mặt với Tổng giáo phận Bridgeport”, *WTNH News 8*, ngày 28 tháng 3 năm 2011, đăng trên BishopAccountability.org, http://www.bishopaccountability.org/news2011/03_04/2011_03_29_Kountz_AbuseVictims.htm.

(56) “Thư gửi Tiến sĩ Mary Jane Doherty, Chủ tịch Hội đồng Xét duyệt của Tổng Giáo phận Boston”, ngày 27 tháng 7 năm 2011, được đăng trên *BishopAccountability.org*, http://www.bishopaccountability.org/BA_Letters/2011_07_27_Letter_to_Dr_Mary_Jane_Doherty.htm..

(57) Laurie Goodstein, “Văn hóa những năm 1960 được cho là nguyên nhân gây ra lạm dụng của linh mục”, *New York Times*, ngày 18 tháng 5 năm 2011, A1.

(58) Bill Donohue, “SNAP bị phơi bày: Hé lộ mạng lưới những người sống sót sau khi bị lạm dụng bởi các linh mục”, báo cáo đặc biệt, *Catholic League*, ngày 22 tháng 8 năm 2011, <https://www.catholicleague.org/snap-exposed-unmasking-the-survivorsnetwork-of-those-abused-by-priests-2/>. Một trong những email của tôi có ngày 7 tháng 3 năm 2014.

(59) Michelle Manchir, “Được minh oan về hành vi sai trái, linh mục chuẩn bị trở lại giáo xứ”, *Chicago Tribune*, ngày 16 tháng 4 năm 2014, C7.

(60) Frank Bruni, “Tôi có phải là người bảo vệ anh em mình không?”, *Tạp chí New York Times*, ngày 12 tháng 5 năm 2002, mục 6, 42.

(61) Đã dẫn.

(62) Donohue, “SNAP bị phơi bày”.

(63) Đã dẫn.

(64) “Thẩm phán ra lệnh cho SNAP giao nộp hồ sơ lạm dụng”, *Catholic NewsAgency*, ngày 25 tháng 4 năm 2012, <https://www.catholicnewsagency.com/news/judgeorders-snap-to-turn-over-abuse-records>.

(65) Toàn bộ lời khai có thể được tìm thấy trong “Tòa phúc thẩm Quận Jackson, Tiểu bang Missouri, *John Doe, B.P. kiện Cha Michael Tierney, et al.*”, ngày 2 tháng 1 năm 2012, Vụ án số 1016-CV-29995. Xem phân tích của tôi, trong đó liệt kê số trang của lời khai được trích dẫn ở đây: Bill Donohue, “SNAP Unravels”, *Catalyst* (tháng 4 năm 2012), <https://www.catholicleague.org/snap-unravels-catalyst/>.

(66) Laurie Goodstein, “Church Using Priests’ Cases to Pressure Victims’ Network”, *New York Times*, ngày 13 tháng 3 năm 2012, A1.

(67) Justin Chang, “Mea Maxima Culpa: Silence in the House of God”, *Daily Variety*, ngày 14 tháng 9 năm 2012, 55.

(68) Tất cả các bằng chứng được trích dẫn trong phần này đều có thể tìm thấy trong vụ kiện tại Tòa án Quận Cook, Illinois, *Gretchen Rachel Hammond kiện Mạng lưới những người sống sót bị lạm dụng bởi các linh mục*, ngày 17 tháng 1 năm 2017. Xem thêm bài viết của tôi “SNAP

sụp đổ”, *Catholic League*, ngày 30 tháng 1 năm 2017, <https://www.catholicleague.org/snap-implodes/>..

(69) Brian Roewe, “Năm mới của SNAP bắt đầu bằng sự ra đi và vụ kiện”, *National Catholic Register*, ngày 30 tháng 1 năm 2017,

<https://www.ncronline.org/news/accountability/snaps-new-year-startsdeparture-lawsuit..>

(70) Ed Condon, “ ‘Tự do tha thứ’—Làm thế nào một người đàn ông bị một linh mục lạm dụng tìm thấy sự chữa lành”, *Catholic News Agency*, ngày 1 tháng 8 năm 2019,

<https://www.catholicnewsagency.com/news/41933/freedom-to-forgive-howone-man-abused-by-a-priest-found-healing>

Ed Condon, “Nạn nhân bị lạm dụng: Một số nhóm ‘ủng hộ nạn nhân’ ‘có chương trình nghị sự riêng của họ’”, *Catholic News Agency*, ngày 2 tháng 8 năm 2019, <https://www.catholicnewsagency.com/news/abuse-survivor-some-victimadvocacy-groups-have-their-own-agendas-70588..>

(71) Bill Donohue, “Luật sư và người ủng hộ nạn nhân bị vạch trần”, *Catalyst* (tháng 4 năm 2020), <http://www.catholicleague.org..>

Chương 4. Những lầm tưởng về nguồn gốc vụ tai tiếng bị vạch trần

Có rất nhiều lầm tưởng về nguồn gốc của vụ lạm dụng tình dục trong giới giáo sĩ cần được vạch trần. Trước khi làm vậy, sẽ hữu ích nếu thảo luận về một quan niệm chính xác về chủ đề này.

Không ai hiểu rõ hơn Đức Giáo Hoàng hưu trí Bê-nê-đíc-tô XVI về lý do tại sao vụ tai tiếng lạm dụng tình dục trong giới giáo sĩ lại xảy ra. Tiểu luận dài năm 2019 của ngài về nguồn gốc của vụ lạm dụng tình dục trong giới giáo sĩ rất sáng suốt và dũng cảm. (1) Ngài đã chỉ ra cách các thể lực bên trong và bên ngoài Giáo hội cùng nhau tạo ra vấn đề, và ngài đã dũng cảm nói lên sự thật về những vấn đề mà ít người dám nói.

Ngài bắt đầu bằng cách đặt vụ tai tiếng trong bối cảnh xã hội. Ngài lưu ý rằng không thể hiểu tại sao vụ tai tiếng lại xảy ra nếu không đề cập đến ảnh hưởng của cuộc cách mạng tình dục, vốn đã tác động mạnh mẽ đến nền văn hóa thống trị và Giáo Hội Công Giáo như một cơn bão. Không phải ngẫu nhiên mà nạn lạm dụng tình dục phát triển mạnh bên trong Giáo hội khi các lễ hội tự do tình dục phát triển mạnh bên ngoài Giáo hội. Điều sau đã góp phần tạo tiền đề cho điều trước. Chính sự thắng thế của chủ nghĩa tương đối đạo đức—sự phủ nhận các giá trị đạo đức tuyệt đối—đã góp phần làm suy yếu Giáo hội.

Đức Bê-nê-đíc-tô đã chỉ ra một thực tế khắc nghiệt: sự bất đồng chính kiến trong Giáo hội lên đến đỉnh điểm cùng lúc vụ tai tiếng nổ ra. Thần học luân lý Công Giáo, vốn dựa trên luật tự nhiên, đã bị bỏ rơi để thay thế bằng một cách tiếp cận tương đối hơn, một cách tiếp cận phủ nhận sự tồn tại của cái ác nội tại. Điều này đã được giảng dạy trong các chủng viện vào thời điểm đó. Không chỉ vậy, sách của Đức Bê-nê-đíc-tô còn bị kiểm duyệt.

Khi phim khiêu dâm được chiếu cho các chủng sinh, và một nền văn hóa đồng tính không chỉ được dung thứ mà còn được khuyến khích, Đức Bê-nê-đíc-tô lưu ý, không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng hành vi sai trái về tình dục gia tăng chóng mặt. Ngài viết: “Trong nhiều chủng viện, các nhóm đồng tính luyến ái đã được thành lập, hoạt động ít nhiều công khai và đã thay đổi đáng kể bầu không khí trong các chủng viện.” (2) Bầu không khí xuất hiện rất độc hại.

Về cơ bản, Đức Bê-nê-đíc-tô nhấn mạnh, vụ tai tiếng bắt nguồn từ một cuộc khủng hoảng đức tin. Khi sự tồn tại của Thiên Chúa bị nghi ngờ, và khi sự chắc chắn về mặt đạo đức tan biến—ngay cả đối với các nguyên tắc nền tảng—thì ý kiến đơn thuần trở thành chuẩn mực mới. Đây là một cơn độc nguy hiểm; nó đã dẫn đến nhiều tội lỗi, bao gồm cả lạm dụng tình dục của các linh mục.

Đức Bê-nê-đíc-tô thừa nhận rằng Giáo hội ngày nay tốt hơn nhiều so với thời điểm đỉnh điểm của vụ tai tiếng. Cải cách có thể và nên được thực hiện, nhưng ngài cảnh báo chúng ta không nên sa vào sự đại dốt khi cố gắng tái tạo lại Giáo hội. Thật vậy, ngài coi những đề xuất như vậy là công việc của ma quỷ. Ngài nói: “Ý tưởng về một Giáo hội tốt hơn, do chính chúng ta tạo ra, thực chất là một đề xuất của ma quỷ, mà nó muốn dùng để đưa chúng ta ra khỏi Thiên Chúa hằng sống.” (3)

Điều chúng ta cần, Đức Bê-nê-đíc-tô lập luận, là sự tôn trọng lớn hơn đối với Thánh Thể và

việc thiết lập “môi trường sống của Đức Tin”. (4) Biện pháp khắc phục thích hợp đối với lạm dụng tình dục, hoặc bất cứ tai họa nào khác trong Giáo hội, không thể đạt được nếu thiếu sự đổi mới đức tin, dựa trên các chân lý đạo đức vĩnh cửu. Bất cứ điều gì khác đều sẽ không đạt được mục tiêu.

Đây không phải là lần đầu tiên Đức Bê-nê-đíc-tô nói về các mối đe dọa đối với Giáo hội đến từ bên trong. Ngày 11 tháng 5 năm 2010, sau chuyến bay đến Fatima, ngài đã nói với các nhà báo đi cùng điều chắc hẳn đã khiến họ kinh ngạc:

Chúa đã nói với chúng ta rằng Giáo hội sẽ liên tục chịu đau khổ, bằng nhiều cách khác nhau, cho đến tận cùng thế giới... Còn về những điều mới mẻ mà chúng ta có thể tìm thấy trong thông điệp [Fatima] ngày nay, đó là sự thật rằng các cuộc tấn công vào Đức Giáo Hoàng và Giáo hội không chỉ đến từ bên ngoài, mà những đau khổ của Giáo hội lại đến chính từ bên trong Giáo hội, từ tội lỗi tồn tại trong Giáo hội. Đây cũng là điều mà chúng ta luôn biết, nhưng ngày nay chúng ta đang thấy nó một cách thực sự đáng sợ: rằng sự bách hại lớn nhất đối với Giáo hội không đến từ kẻ thù bên ngoài, mà phát sinh từ tội lỗi bên trong Giáo hội, và do đó Giáo hội cần phải học lại sự sám hối, chấp nhận sự thanh tẩy, học cách tha thứ một mặt, nhưng cũng cần công lý mặt khác. Tha thứ không thay thế công lý. Nói tóm lại, chúng ta cần học lại chính xác điều thiết yếu này: sự hoán cải, cầu nguyện, sám hối và các nhân đức đối thần. (5)

Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI đã từ chức vào ngày 17 tháng 2 năm 2013, ngày ngài nhận được một hồ sơ dày ba trăm trang, gồm hai tập, được mô tả là “bản đồ chính xác về những hành vi sai trái và những kẻ xấu xa” bên trong Tòa Thánh. Báo cáo này, kết quả của cuộc điều tra kéo dài chín tháng do Hồng Y người Tây Ban Nha Julián Herranz tiến hành, với sự hỗ trợ của Hồng Y Salvatore De Giorgi, cựu tổng giám mục Palermo, và Hồng Y người Slovakia Jozef Tomko, đã nêu chi tiết về tổng tiền, tham nhũng và quan hệ tình dục đồng tính tại Vatican. (6)

Những huyền thoại về các linh mục lạm dụng tình dục trẻ em

Không một phân tích nào về nguyên nhân của vụ tai tiếng lại bỏ qua cách giải thích được đưa ra bởi chính các linh mục lạm dụng tình dục.

David Finkelhor là một học giả được kính trọng về vấn nạn lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên. Ông nói rằng nhiều kẻ bạo hành trải qua "sự bất hòa nhận thức", một hiện tượng trong đó những suy nghĩ mâu thuẫn tạo ra một trạng thái khó chịu: nó đòi hỏi một kết quả vượt quá giới hạn cho phép. Nó làm giảm bớt căng thẳng, bằng cách này hay cách khác. Ví dụ, một số linh mục lạm dụng tình dục, biết rằng những gì họ đang làm là sai, có thể sẽ dừng lại. Những người khác có thể hợp lý hóa hành vi của họ, tự thuyết phục bản thân rằng họ đang thể hiện tình cảm, nếu không phải là tình yêu, đối với nạn nhân của họ. (7) Trên thực tế, những kẻ lạm dụng vô hiệu hóa hành vi sai trái của họ bằng những lời bào chữa và biện minh cho phép họ tiếp tục. (8) Finkelhor tin chắc rằng nhiều kẻ lạm dụng “có hệ thống phủ nhận rất lớn” khiến việc điều trị trở nên khó khăn.

Ông khuyến nghị bỏ tù họ. (9)

Các nhà nghiên cứu của Đại học John Jay, trong nghiên cứu thứ hai về lạm dụng tình dục của

giáo sĩ, đã phát hiện ra rằng các linh mục lạm dụng đã hợp lý hóa hành vi của họ bằng cách nói rằng họ đang tham gia vào một “mối quan hệ”, chứ không phải là một cuộc gặp gỡ tình dục. “Họ coi hành vi tình dục là có sự đồng thuận, không gây hại, và họ coi bất cứ hành vi nào không phải là giao hợp đều không sai vì đó không phải là tình dục.” (10) Một số kẻ lạm dụng nói rằng nạn nhân của họ “sẵn lòng” hoặc “sớm trưởng thành”, do đó làm chệch hướng trách nhiệm. Những người khác tự coi mình là nạn nhân vì những cáo buộc về sự không đứng đắn. (11) Tôi đã biết những linh mục như vậy, và họ để lại ấn tượng khá mạnh mẽ.

Những kẻ lạm dụng cũng thích đổ lỗi cho hành vi của mình là do rối loạn phát triển. Họ viện dẫn sự chưa trưởng thành về tình dục là nguyên nhân gây ra. (12) Như chúng ta sẽ thấy sau này, họ không sai khi đưa ra nhận xét này; chỉ là nó không thể được viện dẫn như một lời bào chữa cho hành vi của họ. Tương tự, việc viện dẫn lạm dụng rượu và ma túy là một thủ đoạn khác; hai vấn đề này đã gây rắc rối cho nhiều linh mục lạm dụng tình dục, nhưng chúng không phải là lý do để bào chữa. (13) Một cách phổ biến khác để chấm dứt sự bất hòa nhận thức là lên án hệ thống phẩm trật của Giáo hội—nói rằng các nhà lãnh đạo đã không giáo dục họ một cách đầy đủ. Nhưng điều này cũng né tránh trách nhiệm cá nhân đối với hành vi lạm dụng tình dục. (14)

Chức linh mục độc thân, nam giới

Nhiều người cả trong và ngoài Giáo hội đổ lỗi cho vấn đề lạm dụng tình dục của giáo sĩ là do chế độ độc thân. Nếu chế độ độc thân là nguyên nhân, tại sao hầu hết các linh mục không phải là những kẻ lạm dụng? Cha Greeley đã nắm bắt được điều này, nói rằng nếu 4% linh mục bị thúc đẩy đến lạm dụng tình dục vì luật độc thân, tại sao 96% còn lại không bị ảnh hưởng bởi quy định này của Giáo hội? (15) Các nhà nghiên cứu của Đại học John Jay cũng nhận thấy lỗ hổng trong lập luận về luật độc thân. “Từ thế kỷ thứ mười một đến nay, những người đàn ông được thụ phong trong chức linh mục Công Giáo Rô-ma đã từ bỏ hôn nhân và kiêng cử mọi tiếp xúc tình dục với người khác.” Vì yêu cầu này không phải là mới, các nhà nghiên cứu đặt câu hỏi, tại sao luật độc thân lại được coi là nguyên nhân gây ra lạm dụng tình dục trong những năm mà nó phát triển mạnh?(16)

Những người ủng hộ lời giải thích về luật độc thân tin rằng nếu các linh mục có thể kết hôn, sẽ có ít lạm dụng tình dục hơn. Maggie Gallagher, một người am hiểu về hôn nhân và gia đình, đã thẳng thắn chỉ ra điểm yếu của lập trường này. “Như thể vợ là câu trả lời cho những ham muốn tình dục của những người đàn ông thích thú với các cậu bé vị thành niên.” (17) Bà ấy nói đúng. Hơn nữa, các linh mục dị tính cũng được kỳ vọng tuân thủ hạn chế độc thân, nhưng vai trò của họ trong vụ tai tiếng là rất nhỏ so với các linh mục đồng tính.

Một luận điểm liên quan cho rằng việc loại trừ phụ nữ khỏi chức linh mục giải thích vấn đề này. Vậy thì tại sao hầu hết các linh mục không phải là những kẻ lạm dụng? Jamie Manson, một nhà bất đồng chính kiến Công Giáo và nhà hoạt động vì quyền của người đồng tính, đã chỉ trích Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI vì đã phê phán văn hóa đồng tính trong các chủng viện, nói rằng “ông ấy chưa bao giờ nghĩ rằng việc loại trừ phụ nữ một cách triệt để khỏi chức vụ và thần học cực kỳ bài trừ đồng tính của ông ấy có thể đã góp phần vào hiện tượng đó.” (18) Nói cách khác, lệnh cấm của Giáo hội (không phải của Đức Bê-nê-đíc-tô) đối với nữ linh mục và giáo lý của Giáo hội về đồng tính luyến ái đã tạo ra một văn hóa đồng tính trong các chủng viện. Vậy thì tại sao văn hóa đồng tính lại phát triển mạnh khi các chuẩn mực tình dục không được thực thi? Tại sao nó không được chú ý vào những năm 1950? Và

tại sao nó lại giảm đi bây giờ khi các chuẩn mực được tuân thủ trở lại? Việc thiếu vắng nữ linh mục không liên quan gì đến lý do tại sao nam giới đồng tính xuất hiện trong chức linh mục trong cuộc cách mạng tình dục.

Hơn nữa, có nhiều tôn giáo có giáo sĩ toàn nam giới—Giáo hội Mormon, các Giáo hội Chính thống giáo, Do Thái giáo Chính thống, thượng hội đồng Missouri của Giáo hội Lutherô, Hội giáo và Hội nghị Baptist miền Nam—nhưng không ai đổ lỗi cho những vấn đề họ gặp phải là do những quy định nghiêm ngặt của việc thụ phong linh mục.

Cuộc tranh luận về vai trò được cho là của chế độ độc thân trong việc tạo ra vụ tai tiếng có tác dụng không may là làm giảm nhẹ lý do hiện hữu của nó. Hồng Y Robert Sarah nhắc nhở chúng ta lý do tại sao Giáo hội lại áp dụng chế độ này. Ngài viết: “Qua đời sống độc thân, một linh mục từ bỏ sự viên mãn về khả năng làm chồng và làm cha theo xác thịt. Vì tình yêu thương, ông chọn từ bỏ điều đó để sống hoàn toàn với tư cách là người phối ngẫu của Giáo hội, hiến dâng trọn vẹn cho Chúa Cha.” Ngài nói thêm rằng ngài rất đau lòng khi thấy chế độ độc thân bị coi thường trong những ngày này. Ngài nói rằng chức linh mục không phải là một chức vụ: đó là một bậc sống. (19)

Cơ hội và sự đào tạo kém

Đức Hồng Y Blase Cupich, tổng giám mục Chicago, đã được hỏi vào năm 2019 về vai trò của đồng tính luyến ái trong vụ tai tiếng. Ngài thừa nhận rằng một tỷ lệ cao các vụ lạm dụng liên quan đến “vấn nạn lạm dụng tình dục nam giới”, nhưng ngài cũng nói rằng “đồng tính luyến ái tự nó không phải là nguyên nhân.” Ngài đã giải quyết vấn đề này bằng cách nói rằng đó là vấn đề “cơ hội và cũng là vấn đề đào tạo kém từ phía mọi người”. (20)

Không thể phủ nhận rằng người lớn thường xuyên tiếp xúc với trẻ vị thành niên có nhiều cơ hội lạm dụng chúng hơn. Nhưng luận điểm về cơ hội, khi áp dụng cho các linh mục, thường cho rằng vì các linh mục theo truyền thống có nhiều cơ hội tiếp xúc với các bé trai hơn các bé gái—ví dụ điển hình là các cậu bé giúp lễ—nên đó là lý do tại sao số lượng bé trai bị lạm dụng nhiều hơn bé gái. Tuy nhiên, định chế cậu bé giúp lễ đã hiện hữu trước khi vụ tai tiếng bùng nổ vào những năm 1960, nhưng trước thời điểm đó, tương đối ít linh mục lạm dụng bé trai. Hơn nữa, nếu luận điểm này có giá trị, chúng ta lẽ ra phải thấy sự gia tăng đột biến số lượng linh mục quấy rối bé gái trong những năm gần đây, nhưng chúng ta đã không thấy. Việc các bé gái giúp lễ xuất hiện từ năm 1983, sau khi luật giáo hội được thay đổi. Các việc này trở nên phổ biến hơn nữa vào năm 1994, khi Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II ra phán quyết rằng các bé gái có thể làm người giúp lễ. (21) Tuy nhiên, dữ liệu cho thấy trong thập niên qua, tám trong mười nạn nhân bị lạm dụng tình dục bởi linh mục là bé trai, tỷ lệ tương tự như tỷ lệ mà các nhà nghiên cứu của Đại học John Jay đã tìm thấy trước đó.

Có điều gì đó lệch lạc trong "luận điểm cơ hội" cần được giải quyết. Tôi đã trải qua năm năm trong trại hè Công Giáo với các cậu bé, bốn năm ở trường trung học nội trú quân sự Công Giáo và bốn năm trong Không quân Hoa Kỳ. Tôi chưa bao giờ nghe nói về việc đàn ông dị tính quan hệ tình dục với đàn ông khác vì họ không có cơ hội tiếp xúc với phụ nữ. Ý tưởng như vậy cho rằng đàn ông dị tính có bản năng tình dục mạnh mẽ đến mức họ sẽ nắm bắt bất cứ cơ hội nào để quan hệ tình dục với bất cứ ai có sẵn. Có lẽ điều này đúng với một số người đàn ông, nhưng đó là một lời buộc tội phân biệt giới tính và phi báng đối với đàn ông nói chung.

Bác sĩ tâm thần Richard Fitzgibbons, người đã điều trị cho nhiều linh mục, và tác giả Dale O'Leary đặt câu hỏi về luận điểm cơ hội: "Cơ hội và sự sẵn có", họ viết, "chỉ ảnh hưởng đến hành vi nếu sự cảm dỗ đã được cảm nhận. Nếu thứ hoặc người có sẵn không cảm dỗ một người, thì sự sẵn có là không liên quan. Một người đàn ông cảm thấy hành vi đồng tính luyến ái ghê tởm sẽ không bị cảm dỗ bởi sự sẵn có của những nam thanh niên dễ bị tổn thương." Các linh mục phạm tội với các bé trai vị thành niên rõ ràng đang trải qua những cảm dỗ đồng tính luyến ái." (22)

Còn luận điểm về "đào tạo kém" thì sao? Chắc chắn, các khóa học về đào tạo nhân cách trong chủng viện đã giúp ích, và chúng không phổ biến cho đến thời gian gần đây. Nhưng sự thật vẫn là hầu hết những linh mục lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên đều trải qua "đào tạo kém" giống như những người không lạm dụng khác. Vậy thì tại sao "đào tạo kém" lại không ảnh hưởng đến 96% linh mục chưa từng bị buộc tội?

Đổ lỗi cho giáo lý về tình dục của Giáo hội về vụ tai tiếng là một lời giải thích phổ biến được đưa ra bởi những người Công Giáo bất đồng chính kiến. Điều này giống như đổ lỗi cho giáo viên khăng khăng đòi hỏi sự trung thực vì học sinh gian lận của họ. Làm thế nào mà đạo đức tình dục của Giáo hội, vốn cấm sự phóng túng, lại có thể chịu trách nhiệm cho các linh mục phóng túng? Điều đó cho thấy rằng biện pháp khắc phục có thể được tìm thấy bằng cách thay đổi giáo lý hoặc nói lỏng việc thực thi chúng. Điều thứ hai là những gì đã xảy ra, và đó là điều đã châm ngòi cho vụ tai tiếng. Nói cách khác, luận điểm giáo huấn đã đi ngược lại: đó là trong thời điểm mà các giáo lý về đạo đức tình dục bị suy yếu, cả trong và ngoài Giáo hội, người ta đều cho rằng các linh mục có vấn đề về kiểm soát xung động đã nhận được thông điệp và hành động theo đó. Do đó, mới có vụ tai tiếng. Nhưng đừng nói điều đó với những người bác bỏ đạo đức tình dục Công Giáo.

Đạo đức tình dục Công Giáo

Cha Thomas Doyle, cùng với những người khác, đã tuyên bố rằng "sự phán xét cực đoan trong các vấn đề tình dục" đã góp phần vào vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ. (23) Giáo Hội Công Giáo lấy giáo huấn về tình dục từ Chúa Kitô, người đã xây dựng trên nền tảng Mười Điều Răn của Do Thái giáo, cấm ngoại tình (Mt 5:27-28). Đối với những người có thể nói rằng điều đó chỉ áp dụng cho người đã kết hôn, Chúa Giêsu cũng lên án tội tà dâm (Mt 15:19). Và sau đó là lời cảnh báo của Chúa Kitô đối với những kẻ dụ dỗ trẻ em: "Ai làm cho một trong những đứa trẻ nhỏ tin Ta phạm tội, thì thà rằng người ấy bị buộc một tảng đá lớn vào cổ và bị ném xuống biển sâu còn hơn" (Mt 18:6).

Thay vì Giáo hội, Doyle nghĩ ai có câu trả lời? Tiên sĩ Ruth. Sau khi nghe Tiên sĩ Ruth Westheimer, nhà tình dục học nổi tiếng, Doyle nói, "Bà ấy nói trong năm phút còn hợp lý hơn cả trăm giám mục nói chuyện trong một giờ." (24)

Nhà thần học Massimo Faggioli của Đại học Villanova tin rằng "việc bỏ nhiệm một thể hệ giám mục bảo thủ" thường dẫn đến "cuộc sống hai mặt trong một số chủng viện, dòng tu và phong trào giáo hội". Ông đổ lỗi cho điều mà ông gọi là "sự nghiêm khắc" của các giám mục bảo thủ gây ra vụ tai tiếng. (25) Tuy nhiên, nếu chúng ta phỏng vấn các linh mục sống trinh khiết, liệu chúng ta có thấy rằng giáo huấn của Giáo hội đã khuyến khích sự trinh khiết của họ không? Các linh mục sống cuộc sống hai mặt là do họ đã không sắp xếp hành vi của mình

theo những lời thề mà họ tự nguyện cam kết.

Tại nhiều chủng viện vào những năm 1970 và 1980, sinh viên được giao một cuốn sách của Cha Anthony Kosnik có nhiều điểm chung với Tiến sĩ Ruth hơn là với Giáo hoàng. “Vô tình,” Kosnik nhẹ nhàng viết, “thực tiễn mục vụ Công Giáo đã thúc đẩy tình trạng quan hệ tình dục bừa bãi ở những người đồng tính luyến ái chính bằng cách khuyên họ không nên hình thành những tình bạn thân thiết hoặc độc quyền.” (26) Hãy xem điều này hoạt động như thế nào nếu áp dụng cho người dị tính: các linh mục tán tỉnh phụ nữ có thể đã không làm như vậy nếu họ được khuyên nên có những mối quan hệ thân thiết, độc quyền với những người bạn nữ của họ. Có ai tin điều này là đúng không?

Cha Edward Beck là một người ủng hộ quyền của người đồng tính và là một nhà bình luận trên CNN. Ngài chia sẻ quan điểm của Kosnik, cho rằng “giáo hội hiếm khi giải quyết tốt các vấn đề về tình dục của con người.” Vậy chúng ta nên làm gì? “Các linh mục, cũng như mọi người khác, đều muốn quan hệ tình dục. Chúng tôi muốn được chạm vào. Chúng tôi muốn được khao khát. Để từ bỏ những xung động tự nhiên này, chúng tôi sử dụng các cơ chế đối phó để bù đắp cho những ham muốn tình dục. Chúng tôi làm như vậy vì một ‘điều tốt đẹp hơn’, nhưng đừng tự lừa dối mình rằng điều đó là tự nhiên hay dễ dàng—hoặc rằng đôi khi chúng tôi không thất bại.” (27)

Không nghi ngờ gì nữa, sống độc thân không hề dễ dàng. Nhưng nếu đó là gánh nặng quá lớn đối với một người đàn ông, có lẽ tốt nhất là anh ta nên rời bỏ chức linh mục hoặc không nên gia nhập ngay từ đầu. Hơn nữa, thật vô lý khi cho rằng sự dè dặt về tình dục của Giáo hội đã gây ra lạm dụng tình dục. Nếu đúng như vậy, thì thời kỳ đỉnh cao của lạm dụng tình dục trong giới giáo sĩ sẽ là vào những năm 1950, khi các chuẩn mực nghiêm ngặt hơn được tuân thủ. Tuy nhiên, rất ít hành vi sai trái về tình dục được báo cáo vào thời điểm đó.

Tuy nhiên, trước khi có thể thảo luận về các phương pháp tốt để đào tạo linh mục về sự trong sạch, trước hết chúng ta phải thấy được vẻ đẹp của giáo huấn của Chúa Kitô, điều đã được giao phó cho Giáo hội. Thần học về Thân thể của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II có thể giúp chúng ta làm được điều đó. Quan điểm của ngài về đạo đức tình dục Công Giáo rất tích cực: nó bao hàm sự hiến dâng. Trái ngược với khuynh hướng khoái lạc trong nền văn hóa chủ đạo của phương Tây, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II khẳng định rằng biểu hiện tình dục duy nhất xứng đáng với con người là biểu hiện dựa trên tình yêu hiến dâng, chứ không phải sự nuông chiều bản thân.

Việc khao khát noi theo giáo huấn như vậy, bắt chước Chúa Kitô, không thể bị đổ lỗi cho vụ tai tiếng tình dục. Năm 2002, chỉ vài tháng sau khi loạt bài báo của tờ Boston Globe xuất hiện, và trước hội nghị Dallas, Michael Novak đã bác bỏ huyền thoại cho rằng giáo lý chính thống của Giáo hội là nguyên nhân gây ra vụ tai tiếng. Ông lưu ý rằng “chủ nghĩa chính thống đã được chứng minh là đúng và chủ nghĩa tiến bộ đã bị phát hiện hoàn toàn phá sản. Không có linh mục nào trung thành với giáo lý tình dục truyền thống của Giáo hội, và với lời thề đã được thực hiện một cách trưởng thành và tự nguyện của họ, gây ra bất cứ vụ tai tiếng nào được đưa ra ánh sáng vào năm 2002. Giáo lý truyền thống không hề thất bại. Nếu nó được tuân theo một cách nghiêm ngặt và với tinh thần yêu thương trọn vẹn, thì sẽ không có vụ tai tiếng nào. Hoàn toàn không phải vậy.” (28)

Kỳ thị đồng tính (homophobia)

Thật buồn cười khi đọc cách một số nhà phê bình gay gắt về đạo đức tình dục của Giáo hội lại có thể thừa nhận vai trò của đồng tính luyến ái trong vụ tai tiếng nhưng lại đổ lỗi cho hành vi săn mồi của người đồng tính là do chứng sợ đồng tính, chứ không phải do chính những người đồng tính đã phạm tội. Năm 2018, Robert Mickens đã đăng một bài viết trên tờ Washington Post thừa nhận rằng những người đồng tính, chứ không phải những kẻ ấu dâm, chịu trách nhiệm cho vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ. Ông cũng lưu ý rằng “những người đàn ông đồng tính khỏe mạnh về mặt tâm lý không cưỡng hiếp trẻ em trai hoặc ép buộc bản thân lên những người đàn ông khác mà họ có một mức độ quyền lực hoặc thẩm quyền nào đó.” (29) Nhưng sau đó ông lại lập luận rằng “chứng sợ đồng tính” đã khiến những người đàn ông đồng tính trở thành những kẻ săn mồi. Mickens đổ lỗi cho Giáo hội vì đã áp dụng các chính sách “thực sự trừng phạt các chủng sinh và linh mục tìm cách đối xử cởi mở, trung thực và lành mạnh với xu hướng tình dục của họ”. Chính “chủ nghĩa kỳ thị đồng tính” đang thúc đẩy vấn đề này, bởi vì nó “khiến những người đồng tính nam phải che giấu giới tính thật của mình”. (30)

Lý luận của ông ta có nhiều sai sót và không phù hợp với bằng chứng. Chính khi những người đồng tính luyến ái che giấu giới tính thật của mình—ví dụ như vào những năm 1940 và 1950—thì họ mới gây ra ít thiệt hại nhất. Người đồng tính luyến ái công khai giới tính của mình vào những năm 1960, khi các chuẩn mực được nới lỏng. Đổ lỗi cho “chủ nghĩa kỳ thị đồng tính” là một sự né tránh. Nó được sử dụng như một sự biện minh cho việc tái tạo chính môi trường đã tạo ra vấn đề ngay từ đầu (sẽ nói thêm về điều này sau). Chúng ta không bao giờ nên muốn quay trở lại thời điểm mà những người đàn ông dị tính rời khỏi chủng viện vì họ bị bao quanh bởi những người đàn ông đồng tính hành xử một cách trắng trợn mà không bị trừng phạt.

Chủ nghĩa giáo sĩ trị

Chủ nghĩa giáo sĩ trị (clericalism) là một lý do khác được đưa ra cho việc lạm dụng tình dục của giáo sĩ. Trên thực tế, nó đã trở nên phổ biến đến mức hiện nay được cả Vatican chấp nhận. Nếu “chủ nghĩa giáo sĩ trị” được hiểu là chủ nghĩa duy tinh hoa, một cảm giác tự cao tự đại xuất phát từ sự kiêu ngạo, thì đây là một cách hữu ích để mô tả một số giám mục dung túng, những người đã không lắng nghe các khiếu nại về hành vi sai trái tình dục hoặc không làm bất cứ điều gì có ý nghĩa để giải quyết vấn đề. Thuật ngữ này cũng hữu ích để hiểu cách các giáo sĩ thoát tội khi lạm dụng quyền lực của họ—bằng cách đe dọa bất cứ ai dám đặt câu hỏi về hành vi của họ để buộc họ im lặng.

Nhưng chỉ một mình chủ nghĩa giáo sĩ trị không có giá trị giải thích nào trong việc hiểu tại sao các linh mục lạm dụng tình dục lại hành động như vậy ngay từ đầu. Có rất nhiều lý do khác nữa. Loại giáo sĩ đáng ghét tự đặt mình lên bệ cao và nổi tiếng là lạm dụng quyền lực, nhưng lại không bao giờ phạm tội lạm dụng tình dục. George Weigel nói đúng: “Chủ nghĩa giáo sĩ trị là yếu tố tạo điều kiện cho hành vi lạm dụng; nó không phải là nguyên nhân.” (31)

Lập luận về chủ nghĩa giáo sĩ trị phù hợp một cách hoàn hảo với hệ tư tưởng cánh tả cổ điển, có nguồn gốc từ chủ nghĩa Mác. Cánh tả nhìn thế giới qua lăng kính quyền lực. Như Marx đã dạy, xã hội bao gồm những người cấp trên và cấp dưới và được duy trì bởi sự cưỡng chế, chứ không phải sự đồng thuận. Tầm nhìn này đã được chứng minh là hữu ích trong việc phân tích

vụ tai tiếng vì nó tập trung vào các giám mục, những người cấp trên đã lạm dụng quyền lực của họ. Cảnh tá luôn đổ lỗi cho những người nắm quyền, bỏ qua cho tất cả những người khác, bất kể họ vô trách nhiệm đến mức nào. Nếu những người bị điều khiển hành xử tồi tệ, họ lập luận, đó chỉ là do những điều kiện do chủ nhân của họ tạo ra. Nói cách khác, vụ tai tiếng có thể được đổ lỗi hoàn toàn cho các giám mục, chứ không phải các linh mục lạm dụng.

Việc giảm lược vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ thành chủ nghĩa giáo sĩ trị là nông cạn về mặt trí tuệ. Xét cho cùng, sẽ không có các giám mục dung túng nếu không có các linh mục lạm dụng tình dục.

Tại sao các Giám mục lại dung túng cho những kẻ lạm dụng tình dục

Để đánh giá chính xác hơn lý do tại sao một số giám mục lại dung túng cho các linh mục lạm dụng tình dục, chúng ta cần xem xét một số nguyên nhân không nằm trong quan điểm thông thường về vấn đề này. Có một số lý do dẫn đến điều này: sợ làm mất uy tín của Giáo hội, sự thiên vị cho người trong nhóm, chủ nghĩa tinh hoa, sự thiếu năng lực, vai trò của các nhà trị liệu và việc không tuân thủ các quy định của Vatican. Những yếu tố này là lời giải thích, chứ không phải lời bào chữa. Thật không may, chúng không được thừa nhận rộng rãi.

Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô, trong một bài giảng năm 2014, đã nhắc lại những lời mạnh mẽ của Chúa Giêsu về “cối xay đá” dành cho những người phạm tội chống lại trẻ em. Đức Thánh Cha cảnh báo chúng ta rằng “sự tai tiếng hủy hoại đức tin” và tất cả các Kitô hữu đều “có khả năng làm mất uy tín” người khác bằng hành động của mình. (32)

Chính nỗi sợ làm mất uy tín của các tín hữu đã thúc đẩy một số giám mục che đậy hành vi lạm dụng tình dục của các linh mục của họ. Thật trớ trêu khi việc họ từ chối thú nhận sự thật—ngay cả với những động cơ tốt đẹp nhất—lại dẫn đến tai tiếng: một khi sự thật được phơi bày, nó đã khiến một số người Công Giáo nghi ngờ đức tin của họ. Đức Giáo Hoàng Bênê-đíc-tô XVI hiểu điều gì đã xảy ra. Ngài viện dẫn “mối lo ngại sai lầm về danh tiếng của Giáo hội và việc tránh tai tiếng” là động lực chính đằng sau những vụ che đậy. (33)

Sự ưu ái người trong nhóm có lẽ là lý do phổ biến nhất khiến các vụ che đậy trở nên phổ biến đến vậy. Chẳng phải cha mẹ của một cậu con trai tuổi teen hay đánh nhau trên đường phố cố gắng bảo vệ con mình khỏi bị pháp luật trừng phạt, vì sợ những hậu quả mà hồ sơ về hành vi của con mình sẽ gây ra sao? Các ông chủ là bạn của những đồng nghiệp phạm lỗi thường xuyên che đậy cho họ. Họ làm điều đó trong thế giới doanh nghiệp. Cảnh sát làm điều đó. Bác sĩ làm điều đó. Luật sư làm điều đó. Giáo sĩ làm điều đó. Ai mà không cố gắng che chở cho bạn bè hoặc người thân yêu khỏi bị đưa vào danh sách đen vĩnh viễn? Muốn giữ những câu chuyện xấu ra khỏi giới truyền thông là một bản năng tự nhiên. Nói cách khác, không có gì đáng chú ý về một “người yêu” che giấu những điều xấu xa về bạn bè hoặc người tình của mình.

Tất nhiên, khi hành vi đó là một tội phạm, sự thiên vị trong nhóm không thể được dùng làm lý do bào chữa. Tuy nhiên, chúng ta cần thừa nhận điều mà các nhà khoa học xã hội đã biết từ lâu: thể hiện sự thiên vị đối với nhóm của mình là một đặc điểm phổ biến; không có xã hội nào mà đặc điểm này không hiện hữu. (34) Nói cách khác, việc có thành kiến đối với nhóm của mình thể hiện bản chất con người. Do đó, không có gì đáng ngạc nhiên khi nhiều giám mục có khuynh hướng bảo vệ các linh mục phạm tội của họ khỏi sự khiển trách của công

chúng. Sai lầm của họ là coi hành vi của họ chỉ đơn thuần là một hành vi tội lỗi, trong khi trên thực tế, những vi phạm nghiêm trọng hơn là tội ác. Sai lầm khác của họ là đánh giá thấp nỗi đau và sự đau khổ mà các nạn nhân và cha mẹ của họ phải trải qua, những người nếu có cơ hội sẽ trả thù Giáo hội một cách quyết liệt.

Một số giám mục thể hiện thái độ thượng lưu rõ rệt trong việc giải quyết vấn đề. Thái độ “giám mục biết rõ nhất” đã khiến nhiều người trong số họ gặp rắc rối. Khi Giám mục Thomas V. Daily còn làm việc tại Tổng giáo phận Boston (ngài từng là phó giám mục chính của Hồng Y Humberto Medeiros và Hồng Y Bernard Law), ngài thường xuyên gạt bỏ những cáo buộc đáng tin cậy về việc các linh mục lạm dụng tình dục. “Tôi không phải là cảnh sát. Tôi là người chăn chiên.” Đó là câu trả lời gây sốc của ngài dành cho một người phụ nữ nói rằng các con trai và cháu trai của bà đã bị lạm dụng bởi Cha John Geoghan khét tiếng. (35) Khi Jackie Gauvreau, một giáo dân tích cực tại Nhà thờ Saint Jean ở Newton, liên tục gọi điện đến tổng giáo phận để phàn nàn về một kẻ lạm dụng đồng tính luyến ái hàng loạt, Cha Paul Shanley, Đ.C. Daily đã bảo nhân viên tiếp tân bảo bà chờ; ngài bảo cô nên để bà ấy chờ hàng giờ cho đến khi bà ấy bỏ cuộc. (36) Giám mục Boston John McCormack, phó giám mục của Hồng Y Law, cũng kiêu ngạo không kém. Vào những năm 1990, một nữ tu đã đưa ra những cáo buộc chi tiết chống lại hơn một trăm linh mục ở Boston, nhưng ngài liên tục bác bỏ lời yêu cầu của bà về việc giải quyết vấn đề này. (37)

Nỗi sợ hãi gây tai tiếng và sự thiên vị đối với người trong nhóm giúp giải thích tại sao các giám mục tốt lại đưa ra một số quyết định sai lầm, nhưng những người mang thái độ thượng lưu “giám mục biết rõ nhất” thì không hành động một cách trung thực. Họ đã lơ là nhiệm vụ của mình. Không chỉ ở Boston mà các giám mục ở khắp mọi nơi đều thể hiện thái độ này, mà không có giáo phận nào tệ hơn.

Đôi khi lý do không hành động siêng năng là do sự thiếu năng lực. Điều này xảy ra khi các dấu hiệu cảnh báo bị bỏ qua hoặc khi có tâm lý “tôi không muốn dính líu”. Đây là một trong những lý do nổi bật nhất khiến các giám mục dung túng cho các linh mục lạm dụng tình dục trẻ em. Tuy nhiên, việc đổ lỗi hoàn toàn cho các giám mục là quá dễ dàng.

Nhờ việc đọc các báo cáo về lạm dụng tình dục của linh mục, điều trở nên hiển nhiên là trong nhiều trường hợp, có một số – đôi khi là hàng chục – người biết rằng một linh mục đang lạm dụng trẻ vị thành niên hoặc có lý do chính đáng để tin rằng ông ta có thể đã làm như vậy nhưng hầu hết không làm gì cả. Điều này bao gồm các phó tế, nữ tu, tu sĩ và giáo dân. Về điểm thứ hai, nó khiến cho đề xuất cần có sự tham gia nhiều hơn của giáo dân để ngăn chặn lạm dụng tình dục của giáo sĩ trở nên sai trái, nếu không muốn nói là nực cười. Việc giáo dân không chủ động tham gia hầu như không bao giờ được đề cập đến, mặc dù điều đó rất cần thiết.

Từ kinh nghiệm cá nhân của tôi, tôi có thể chứng thực sự miễn cưỡng của một số người có thẩm quyền trong việc can thiệp. Vào giữa những năm 1970, một trong những học sinh lớp ba của tôi tại trường St. Lucy's, một trường tiểu học Công Giáo nay đã đóng cửa ở Spanish Harlem, đã đến gặp tôi vào sáng sớm và khóc nức nở. Em ấy nói rằng mẹ đã đánh em. Mặc dù tôi không thấy bất cứ dấu vết nào trên người em, nhưng tôi tin rằng em ấy đang nói sự thật. Tôi đã nghĩ đến việc báo cáo với hiệu trưởng nhưng chắc chắn rằng ông ấy sẽ không làm gì cả. Ông ấy là một người tốt, một người anh em cũ, nhưng ông ấy quá chán nản trước những điều kiện khủng khiếp tồn tại trong khu ổ chuột nội thành này đến nỗi tôi biết ông ấy

sẽ chỉ khoanh tay đứng nhìn và nói rằng cuộc sống ở Spanish Harlem là như vậy. Vì vậy, tôi đã bỏ qua ông ấy và liên hệ với cơ quan của Thành phố New York chuyên xử lý các trường hợp trẻ em bị lạm dụng. Ngay sau đó, tôi được triệu đến văn phòng hiệu trưởng. Đứng đó là hiệu trưởng, người mẹ, nhân viên phụ trách vụ việc và cố vấn học đường. Người mẹ hỏi: “Chuyện này là sao vậy?” Ba người có thẩm quyền không nói gì và nhìn xuống sàn nhà. Tôi nói với người mẹ: “Con gái bà nói bà không yêu con bé.” Người mẹ im lặng một lúc rồi bật khóc. Bà được một tổ chức Công Giáo giúp đỡ, và tình hình ở nhà đã được cải thiện. Hiệu trưởng không vui vì tôi đã vượt quyền ông ấy, nhưng ông cũng nhẹ nhõm vì linh cảm của tôi là đúng và sự giúp đỡ đã được cung cấp.

Mười năm sau, khi tôi là một giáo sư, một trong những đồng nghiệp của tôi, một người đồng tính và cũng là bạn tôi, bắt đầu có dấu hiệu suy sụp. Anh ấy uống rượu nhiều hơn bình thường, không còn sống trong căn hộ của mình nữa và có những hành động khiếm nhã với sinh viên nam. Khi tôi biết anh ấy đang bán những mô hình tàu hỏa của mình, một vật sở hữu quý giá của anh ấy, tôi biết mọi chuyện đang xấu đi nhanh chóng, vì vậy tôi đã gặp chủ tịch và trưởng khoa học thuật, hai người theo chủ nghĩa nữ quyền nhiệt thành; chủ tịch là một nữ tu. Khi tôi kể cho họ nghe về vị giáo sư đó, họ gạt đi, nói rằng ông ta vốn đã lập dị. Rồi tôi đã cho họ một lời cảnh tỉnh.

“Vậy đó là những gì các ông định nói với báo chí sao? Chỉ là vấn đề thời gian trước khi họ đến, với máy quay trên tay. Và các ông định nói với họ rằng các ông biết một giáo sư đang ngủ trên sàn nhà thi đấu, xung quanh là những bức ảnh đàn ông khỏa thân và những chai vodka rỗng – và rằng ông ta đang cố gắng quyến rũ các sinh viên nam – và các ông kết luận rằng ông ta chỉ hơi lập dị một chút?” Khi họ hỏi, “Chúng tôi nên làm gì?”, tôi nói, “Đưa ông ta vào Bệnh viện Saint Phan-xi-cô và gọi luật sư của các ông.” Họ đã làm vậy. Ông ta nhận được một số sự giúp đỡ ban đầu, rời khỏi trường đại học và chuyển đi nơi khác. Sau đó, ông ta qua đời vì AIDS.

Hai ví dụ này không khác gì những kịch bản diễn ra thường xuyên, trong mọi tổ chức. Việc đề xuất cải cách thì rất dễ, nhưng những biện pháp khắc phục cần thiết không phải lúc nào cũng phù hợp với một bộ hướng dẫn mới. Không ai đưa cho tôi bất cứ hướng dẫn nào. Lễ thường và lòng can đảm để hành động dựa trên nó là những phẩm chất không thể thiếu trong cuộc chiến chống lại hành vi sai trái tình dục. Thật không may, những người như vậy lại rất khan hiếm.

Thật khó để đọc về một số trường hợp mà các giám mục đã bỏ qua những dấu hiệu cảnh báo và thái độ “Tôi không muốn dính líu” lại chiếm ưu thế. Trong một số trường hợp, thật dễ dàng để nói rằng sự thiếu năng lực là nguyên nhân. Hãy lấy trường hợp của một linh mục ở Illinois đã lạm dụng tình dục ít nhất một trăm nam sinh trung học. Khi các nhà điều tra khám xét phòng của ông ta, họ đã tìm thấy hàng trăm ấn phẩm khiêu dâm đồng tính. Người giúp việc nói với chính quyền rằng vị linh mục có một bức tượng một người đàn ông và một cậu bé đang ôm nhau đặt công khai trong nhà xứ. Liệu chúng ta có tin rằng không ai nhìn thấy nó, ngoài người giúp việc? Thật đáng tiếc là không ai can thiệp sớm hơn. (38) Còn Cha Gilbert Gauthier, kẻ lạm dụng hàng loạt khất tiếng thì sao? Các linh mục biết ông ta đưa trẻ em đến ngủ cùng, nhưng họ không bao giờ nói một lời nào về điều đó. (39) Một kẻ lạm dụng tình dục hàng loạt khác từ những năm 1980 đã được phong chức linh mục mặc dù cấp trên của ông biết ông là một kẻ bệnh hoạn. (40)

Một trong những kẻ lạm dụng tình dục tồi tệ nhất là Cha Rudolph “Rudy” Kos. Ông ta đã kết hôn trước khi gia nhập hàng giáo sĩ, và các chức sắc Giáo hội biết từ người vợ đã ly hôn của ông ta rằng ông ta “là người đồng tính và bị thu hút bởi các cậu bé”; ông ta đã xin hủy hôn để có thể trở thành linh mục. Các chức sắc Giáo hội ở Dallas cũng biết rằng ông ta đã lạm dụng tình dục em trai mình khi cả hai còn nhỏ. Tuy nhiên, họ vẫn phong chức cho ông ta. Sau đó, ông ta tiếp tục cưỡng hiếp hết cậu bé này đến cậu bé khác. (41) Không rõ liệu những người có thẩm quyền cũng là những kẻ bệnh hoạn, che đậy cho nhau, hay chỉ đơn giản là vô tâm. Nhưng họ phải chịu trách nhiệm về hành vi của ông ta. Đây không chỉ là sự bất tài mà còn là điều không thể chấp nhận được. Không có chỗ trong hàng giáo sĩ Công Giáo cho những kẻ tiếp tay này, cũng như không có chỗ cho những kẻ lạm dụng tình dục.

Tình hình đã được cải thiện rất nhiều đến nỗi khó có thể hình dung được những gì đã xảy ra chỉ vài thập niên trước. Khi chúng ta đọc rằng cả năm linh mục của tòa án trong một giáo phận đều là người đồng tính luyến ái hoặc có vấn đề nghiêm trọng về đồng tính luyến ái, thì không thể nói rằng không ai biết chuyện gì đang xảy ra. (42) Tất nhiên là họ biết.

Vai trò của các nhà trị liệu

Trách nhiệm cuối cùng thuộc về người đứng đầu, vì vậy ngay cả khi các giám mục nhận được lời khuyên tồi tệ từ các “chuyên gia”, họ cũng phải chấp nhận lỗi lầm. Tuy nhiên, không công bằng khi hạ thấp vai trò của các nhà trị liệu trong việc biến các giám mục thành người tiếp tay cho các linh mục lạm dụng tình dục. Vai trò của họ rất quan trọng.

Một lý do khiến các nhà trị liệu không bị quy trách nhiệm về lời khuyên của họ—phần lớn trong số đó rất tệ—là những người chỉ trích vụ tai tiếng không bao giờ muốn chuyển hướng sự chú ý khỏi trách nhiệm của giám mục. Một lý do khác là những người chỉ trích trong khoa học hành vi và xã hội không muốn đổ lỗi cho đồng nghiệp của họ hoặc thừa nhận những hạn chế trong chuyên môn của họ. Điều trước là biểu hiện của sự ưu ái người trong nhóm và có thể hiểu được; điều sau xuất phát từ sự kiêu ngạo và không thể tha thứ.

Khi vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ lên đến tuyệt đỉnh—from giữa những năm 1960 đến giữa những năm 1980—niềm tin vào sự phục hồi nhân phẩm là tinh thần chủ đạo trong giới khoa học xã hội và trị liệu. Không ai, dù ngoan cố đến đâu, lại không thể được cải tạo. Từ từ nhân cứng rắn nhất đến tội phạm tào bạo nhất, không ai là không thể “sửa chữa”. Niềm tin này mạnh mẽ đến nỗi bất cứ ai bày tỏ nghi ngờ về sự phục hồi nhân phẩm đều nhanh chóng bị gạt ra ngoài lề. Đây là bối cảnh xã hội đã làm cho các nhà trị liệu trở nên kiêu ngạo và thu hút mạnh mẽ các giám mục.

Một giám mục sẽ không phải là giám mục nếu ngài không tin rằng mọi người, kể cả các linh mục phạm tội, đều có khả năng được chuộc lỗi. Nhiều người chân thành tin rằng sẽ là trái với Ki-tô giáo nếu không giúp đỡ các linh mục đang gặp khó khăn của họ phục hồi. Đối với các linh mục, đặc biệt là các giám mục, thôi thúc tha thứ và đổi mới rất mạnh mẽ; điều này chắc chắn đóng một vai trò quan trọng trong việc giải thích những gì đã xảy ra.

Đáng tiếc là, khi đối phó với những kẻ phạm tội hàng loạt, các giám mục lẽ ra nên hành động thận trọng hơn: họ nên chuyển hướng và tìm kiếm các biện pháp trừng phạt nghiêm khắc hơn.

Không phải tất cả các linh mục bị buộc tội đều được điều trị, nhưng một số lượng đáng kể, 37%, đã được điều trị. (43) Nghiên cứu thứ hai trong hai nghiên cứu của Đại học John Jay cho thấy rằng “đa số các nhà lãnh đạo giáo phận đã có những hành động giúp ‘phục hồi’ các linh mục lạm dụng.” Tại sao họ không tìm cách loại bỏ họ khỏi chức linh mục? “Các thủ tục cho các phản ứng giáo luật chính thức như tước bỏ chức vụ linh mục, hoặc bãi nhiệm khỏi hàng giáo sĩ, rất phức tạp, tốn thời gian và thường bị né tránh.” (44)

Cũng đúng là các nhà khoa học xã hội không thực sự hiểu được động lực của lạm dụng tình dục khi nó gia tăng trong Giáo Hội Công Giáo. Các nhà nghiên cứu của Đại học John Jay kết luận: “Việc nạn nhân hóa ít được hiểu rõ”. (45) Trên thực tế, mãi đến năm 1952, Sổ tay Chẩn đoán và Thống kê, cuốn sách nguồn chính thức về bệnh tâm thần, mới đề cập đến chứng âu dâm; phải đến năm 1980, nó mới được nâng từ một tiểu mục của “lệch lạc tình dục” lên mức chẩn đoán chính. (46)

Một thống kê mà các nhà nghiên cứu của John Jay đáng lẽ nên chú ý hơn là phát hiện rằng “đa số các linh mục được điều trị nội trú sau cáo buộc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên cũng báo cáo có hành vi tình dục với bạn tình trưởng thành.” (47) Điều này thật đáng kinh ngạc. Chúng ta biết rằng hầu hết những kẻ lạm dụng là người đồng tính, chứ không phải là âu dâm, vì vậy kết luận này có nghĩa là hầu hết các linh mục đồng tính không chỉ lạm dụng trẻ vị thành niên mà còn quan hệ tình dục với đàn ông trưởng thành. Khi họ không sẵn lòng những thiếu niên trẻ tuổi, họ lại ngủ với những người đàn ông khác. Sẽ không công bằng nếu đổ lỗi cho các nhà trị liệu về những linh mục này—they không có ý định thay đổi. Họ cũng không nên làm linh mục.

Những nhà trị liệu đáng bị đổ lỗi bao gồm những người đã đưa ra luận điểm “kỷ ức bị kìm nén”. Họ lập luận rằng việc bị lạm dụng tình dục quá kinh khủng đến nỗi nạn nhân thường kìm nén nó khỏi trí nhớ của mình, ít nhất là tạm thời. Quan trọng hơn, họ cho rằng, nạn nhân có thể nhớ lại những gì đã xảy ra sau này. Điều này đã được những người được coi là nạn nhân sử dụng rất hiệu quả để kiện Giáo hội.

Vào tháng 11 năm 1993, vài tháng sau khi tôi nhậm chức chủ tịch Liên đoàn Công Giáo, Đức Hồng Y Joseph Bernardin, tổng giám mục Chicago, bị Steven Cook cáo buộc về “kỷ ức bị kìm nén”. Tôi đã hoài nghi ngay từ đầu. Đây là một cựu bệnh nhân tâm thần và thừa nhận nghiện rượu, tình dục và ma túy đang đưa ra những cáo buộc nghiêm trọng chống lại một Hồng Y đương nhiệm. Tệ hơn nữa, Cook, người đang hấp hối vì AIDS, tuyên bố rằng cáo buộc của ông ta dựa trên một “kỷ ức nhìn thấy và cảm nhận” mà ông ta đã kìm nén trong mười bảy năm. Với sự giúp đỡ của một nhà thôi miên, Cook nói rằng ông ta đã có thể khôi phục lại kỷ ức của mình. Tuy nhiên, ông ta sớm thay đổi ý kiến, nói rằng ông ta không còn tin tưởng vào trí nhớ của mình nữa, và ông ta đã rút lại các cáo buộc.

Vào ngày 24 tháng 3 năm 1994, Hồng Y Bernardin đã viết cho tôi một bức thư tử tế cảm ơn tôi vì đã viết một thông cáo báo chí, “Bernardin được minh oan”, giúp làm sáng tỏ tên tuổi của ngài. (48) Thật không may, việc tôi bênh vực vị giám mục tự do đã khiến một số người bạn Công Giáo bảo thủ của tôi xa lánh tôi: phải mất một năm trước khi một trong số họ chịu nói chuyện lại với tôi. Sự công bằng không nên bị chi phối bởi hệ tư tưởng.

Năm 1993, một bài báo quan trọng về “kỷ ức bị kìm nén” xuất hiện trên tạp chí Society, tạp chí hàng đầu của Transaction Press, ấn phẩm khoa học xã hội nổi tiếng do Irving Louis

Horowitz biên tập. Bài báo “Making Monsters”, của nhà xã hội học Richard Ofshe và nhà báo Ethan Watters, cho rằng ký ức bị kìm nén “chưa bao giờ được chứng minh bằng thực nghiệm”. Họ tiếc nuối lưu ý rằng “những người thực hành liệu pháp này đã phát triển sự kìm nén thành một hiện tượng tâm lý mạnh mẽ hơn nhiều so với những gì Freud hay bất cứ ai khác từng nghi ngờ cho đến gần đây”. Sau khi xem xét bằng chứng, họ kết luận rằng quan niệm này “chưa bao giờ hơn là sự suy đoán vô căn cứ gắn liền với các khái niệm khác của Freud và các cơ chế suy đoán”. (49)

Ofshe và Watters không phải là những người duy nhất đặt câu hỏi về ký ức bị kìm nén. Tiến sĩ Paul McHugh, giáo sư tâm thần học tại Trường Y Đại học Johns Hopkins và cố vấn cho các giám mục, từ lâu đã bác bỏ ý tưởng này như một quan niệm nguy hiểm, thực chất là tạo ra nạn nhân. (50) Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ đã nghiên cứu vấn đề này và kết luận rằng “hầu hết những người bị lạm dụng tình dục khi còn nhỏ đều nhớ toàn bộ hoặc một phần những gì đã xảy ra với họ.” (51) Các nhà nghiên cứu tại Trường Y Harvard kết luận rằng “ký ức bị kìm nén” là một “sáng tạo văn hóa không có cơ sở khoa học”. (52) Các nhà tâm lý học lâm sàng từ Đại học Nevada, Reno, do William O’Donohue dẫn đầu, đã nghiên cứu tài liệu về chủ đề này và kết luận rằng “có rất nhiều bằng chứng khoa học cho thấy rõ ràng rằng ký ức bị kìm nén đơn giản là không hiện hữu. Hơn nữa, các nghiên cứu liên quan đến các sự kiện chấn thương đã được xác minh cho thấy rằng mọi người không quên chấn thương của họ. Thực tế, các sự kiện chấn thương thực sự khá dễ nhớ.” (53)

Có bao nhiêu linh mục đã bị hoen ố danh tiếng, hoặc tệ hơn, dựa trên lý thuyết “ký ức bị kìm nén”? Thật khó để nói. Nhưng rõ ràng là ý tưởng bị bác bỏ này đã gây ra tai họa trong cuộc sống của nhiều người vô tội, do niềm tin vô căn cứ của một số nhà trị liệu.

Những niềm tin như vậy cũng là nguyên nhân dẫn đến một số phương pháp điều trị không hiệu quả dành cho các linh mục lạm dụng. Cha John Geoghan đã tuyệt vọng đến mức không nhà trị liệu nào có thể cứu ông, nhưng ban đầu ông không được điều trị bởi một bác sĩ tâm thần: nhà trị liệu của ông là bác sĩ gia đình. (54) Geoghan đã được điều trị bởi một bác sĩ tâm thần có giấy phép vào một thời điểm khác, nhưng bác sĩ tâm thần đó không có kinh nghiệm trong việc điều trị tội phạm tình dục. (55) Cả hai bác sĩ này, Robert Mullins, bác sĩ gia đình, và John Brennan, bác sĩ tâm thần, đều báo cáo rằng Geoghan đã “hoàn toàn bình phục” vào năm 1984. (56)

Chẩn đoán sai này đã đánh lừa Hồng Y Law, cũng như tuyên bố của hội đồng xem xét của tổng giám phận rằng kẻ hiếp dâm hàng loạt Paul Shanley không có “bằng chứng về một rối loạn tình dục có thể chẩn đoán được”. (57)

Sẽ là một sai lầm nếu nghĩ rằng những ý kiến và lời khuyên dành cho Hồng Y Law là những trường hợp ngoại lệ. Không, phần lớn lỗi thuộc về giáo dân và giáo sĩ, những người đã khuyên các giám mục nên chọn những “chuyên gia” nào để tư vấn cho họ về vấn nạn lạm dụng tình dục khi họ gặp nhau ở Dallas năm 2002. Ví dụ, không ai từ Hiệp hội Y tế Công Giáo đáng kính được chọn, mặc dù các bác sĩ tâm thần của hiệp hội này nổi tiếng về năng lực và sự trung thành với giáo lý của Giáo hội về tình dục. (58) Thay vào đó, Tiến sĩ Fred Berlin của Đại học Johns Hopkins đã được chọn.

Tiến sĩ Judith Reisman, một giáo sư luật tại Đại học Liberty, đã mô tả Berlin là một “người biện hộ cho ấu dâm” vì ông ta “bảo vệ những kẻ săn mồi dưới sự chăm sóc của mình trong

khi phốt lò những nạn nhân trẻ em được thừa nhận của họ”. (59) Không chỉ ý kiến của bà ấy về ông ta mới quan trọng. Phòng khám lệch lạc tình dục của Berlin tại Johns Hopkins có tiếng xấu vì chứa chấp những kẻ lạm dụng. Vào giữa những năm 1980, tờ Baltimore Sun tiết lộ rằng một người đàn ông dưới sự chăm sóc của Berlin thường ghé qua khu trò chơi điện tử ở trung tâm thành phố để gặp gỡ các cậu bé trước khi đến phòng khám. Không chỉ vậy; người đàn ông đó là một cựu tù nhân bị kết tội xâm hại tình dục trẻ em. (60) Những người khuyên các giám mục nên chọn Berlin hẳn đã biết tất cả những điều này. Họ cũng nên biết rằng Berlin cho rằng các nhà trị liệu không cần phải báo cáo những kẻ xâm hại trẻ em cho chính quyền. Michael D’Antonio viết: “Berlin là một trong nhiều nhà nghiên cứu lập luận rằng với phương pháp điều trị tâm lý, nhiều, nếu không muốn nói là hầu hết, những kẻ phạm tội tình dục có thể kiểm soát được sự thôi thúc của mình.” (61) Họ đã sai. Quan trọng hơn, họ đã đánh lừa các giám mục.

Nếu chỉ có một “chuyên gia” làm các giám mục thất vọng, đó sẽ là một chuyện khác; nhưng trên thực tế, có rất nhiều. Số lượng các nhà trị liệu điều trị cho các linh mục lạm dụng nhưng lại không chấp nhận đạo đức tình dục của Công Giáo là điều khó tin. Cha Jerry Pokorsky đã đọc bản đánh giá rủi ro lâm sàng về mặt tâm linh và tâm lý của Cha Geoghan được chuẩn bị tại Viện Saint Luke ở Maryland và đã rất kinh hoàng. Ngài nói rằng “những câu hỏi cơ bản nhất về đạo đức Công Giáo” chưa bao giờ được xem xét, nó hoàn toàn mang tính thể tục. (62) Tương tự, Dòng Tôi Tớ của Chúa Thánh Thần, một dòng tu dành riêng cho các linh mục gặp khó khăn, đã thuê Jay Feierman làm bác sĩ tâm thần trưởng, người phản nản rằng một linh mục “không được phép thể hiện tình cảm, không được phép yêu, không được phép là một người có đời sống tình dục”. (63) Cha John J. McNeill, S.J., người công khai là người đồng tính và là người ủng hộ quyền của người đồng tính, từng phụ trách tư vấn cho các linh mục đồng tính trong cộng đồng Dòng Tên của mình ở Thành phố New York trước khi bị trục xuất khỏi Dòng Tên vào năm 1987 theo yêu cầu của Vatican. (64) Ông kết hôn với người bạn đời lâu năm của mình vào năm 2008.

Linh mục đồng tính nổi tiếng nhất từng tư vấn cho người đồng tính Công Giáo là Tiên sĩ Michael Peterson. Ông phản đối giáo lý của Giáo hội về tình dục khi điều hành một phòng khám dành cho các giáo sĩ và tu sĩ gặp khó khăn về lạm dụng chất gây nghiện và các vấn đề tình dục tại Viện Thánh Luca. Ông là một trong những người “không phán xét”, không thể tự mình nhìn thấy rắc rối ngay cả khi nó đang ở trước mắt. Ông nói: “Tôi biết một nhà truyền giáo nghiện rượu suốt 35 năm. Ông ta tìm những cậu bé nghèo khổ và ôm chúng trong 5 phút. Khi ông ta đạt cực khoái, đứa trẻ sẽ bỏ đi. Đó có phải là lạm dụng trẻ em không? Tôi không biết.” Không có gì lạ khi ông ta mơ về “Công viên Peterson”, một sân chơi nơi các hoạt động tình dục đủ loại được chấp nhận. Ông ta gây xôn xao dư luận khi qua đời vì AIDS ở tuổi 44, nhưng trước đó đã đưa ra những lời khuyên sai lầm cho các linh mục có vấn đề tình dục nghiêm trọng và các giám mục của họ. (65)

Điều khiến phần này của câu chuyện về lạm dụng tình dục của giáo sĩ trở nên đau lòng là nhận ra rằng các giám mục có trong tay một số nhà trị liệu xuất sắc liên kết với Hiệp hội Y tế Công Giáo. Nhưng họ đã không được trao vai trò xứng đáng. Có lẽ đạo đức của họ quá truyền thống đối với những người thông thái đã cố vấn cho các giám mục. Năm 2002, vào thời điểm diễn ra hội nghị Dallas, tạp chí Linacre Quarterly, ấn phẩm học thuật của Hiệp hội Y khoa Công Giáo, đã công bố một báo cáo của nhóm chuyên trách về các loại hình hỗ trợ mà các nhà trị liệu đang cung cấp cho các linh mục lạm dụng. (66) Sẽ thật đáng ngạc nhiên nếu nhiều người đọc báo cáo này hơn. Báo cáo được viết bởi tám bác sĩ, trong đó có bốn bác

sĩ tâm thần, một số nhà tâm lý học tư vấn và một nhà thần học luân lý. Dưới đây là ba trong số những phát hiện quan trọng hơn của họ.

■ “Nhiều bệnh nhân cũ của các chương trình điều trị liên quan đến Giáo hội đã nói rằng nhân viên tại các trung tâm dành cho linh mục và tu sĩ này không ủng hộ giáo huấn của Giáo hội về đồng tính luyến ái và các lĩnh vực khác của tình dục, như đã được nêu chi tiết trong Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo và bởi Huấn quyền Giáo hội. Trên thực tế, họ thường chỉ trích những bệnh nhân tuân thủ các giáo huấn luân lý của Giáo hội.”

■ “Các chuyên gia tại các cơ sở được đánh giá được cho là đã nói với bệnh nhân rằng đồng tính luyến ái là không thể thay đổi và không thể chữa trị. Những bệnh nhân nói rằng sự hấp dẫn và hành vi đồng tính luyến ái của họ là kết quả của những tổn thương cụ thể, ví dụ, với một người cha xa cách hoặc hay chỉ trích hoặc với những người bạn khắc nghiệt hoặc không chấp nhận, thường xuyên bị nói rằng họ đang phủ nhận đồng tính luyến ái của mình hoặc rằng họ là những người kỳ thị đồng tính.”

■ “Bệnh nhân không bao giờ được giới thiệu đến Courage, chương trình phục hồi duy nhất trong Giáo hội được Học viện Giáo hoàng về Gia đình hỗ trợ.” (67)

Việc không tuân thủ Giáo luật và Chỉ thị của Vatican

Như chúng ta sẽ thấy trong phần 2, kiểu phá hoại này—và đó chính là điều này—đã đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ. Đúng là nhiều giám mục đã đưa ra những phán đoán sai lầm. Điều đúng hơn nữa là nhiều người cố vấn cho các ngài có mục đích riêng, đưa ra kiểu điều trị khiến bệnh nhân của họ không thể phát triển đức tính trinh khiết. Nếu các giám mục có thể được thông cảm phần nào vì đã gửi các linh mục bị cáo buộc đi trị liệu—một phương pháp thường thất bại—thì họ không thể được thông cảm vì đã từ chối tuân theo các sắc lệnh của luật giáo hội.

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2010, Nữ tu Dòng Thương Xót Sharon Euart đã phát biểu tại một hội nghị luật giáo hội kéo dài một ngày ở Washington, D.C. Bà bắt đầu bằng cách nói rằng “luật của Giáo hội đã dự liệu việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên là một tội trọng kể từ thời Trung Cổ”. Bà nói: Luật giáo hội không phải là vấn đề. “Vấn đề là các giám mục miễn cưỡng sử dụng các điều khoản hiện hành của luật giáo hội để cách chức các linh mục khỏi chức vụ. Các công cụ giáo luật đã có sẵn.” (68)

Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI cũng nói điều tương tự trong cùng năm khi ngài ban hành thư mục vụ gửi cho các tín hữu Công Giáo Ireland. “Không thể phủ nhận rằng một số người trong số anh em và những người tiền nhiệm của anh em đã thất bại, đôi khi một cách nghiêm trọng, trong việc áp dụng các chuẩn mực lâu đời của luật giáo hội đối với tội lạm dụng trẻ em.” Ngài nói rằng, sự thiếu sót trong phán đoán này “đã làm suy yếu nghiêm trọng uy tín và hiệu quả của anh em”. (69)

Bộ luật Giáo luật năm 1917 không hề mơ hồ trong việc quy định một loạt hình phạt nghiêm khắc đối với các linh mục lạm dụng cũng như các linh mục đồng tính luyến ái; tài liệu của Vatican năm 1961 về chủ đề này, Tuyển chọn và Đào tạo cẩn thận các ứng viên cho các Bậc sống Hoàn thiện và chức thánh, cũng không hề mơ hồ: nó cảnh báo về những linh mục không thể thực hành sự trong sạch. Tài liệu về việc tuyển chọn và đào tạo chức linh mục nói với mọi giám mục “rằng ngài không nên phong chức thánh cho bất cứ ai trừ khi ngài chắc chắn về mặt đạo đức, bằng những lập luận tích cực, về sự phù hợp theo giáo luật của ứng viên; nếu

không, ngài không những phạm tội nghiêm trọng nhất mà còn tự đặt mình vào nguy cơ chia sẻ tội lỗi của người khác”. Tài liệu cũng khá rõ ràng về người đồng tính. “Việc tiến tới khấn nguyện và thụ phong linh mục nên bị cấm đối với những người bị ảnh hưởng bởi khuynh hướng xấu xa về đồng tính luyến ái hoặc ấu dâm, vì đối với họ, đời sống chung và chức vụ linh mục sẽ tạo ra những nguy hiểm nghiêm trọng.” (70)

Tôi đã từng hỏi Cha Mitch Pacwa, S.J., tại sao các giám mục lại giữ những người đàn ông đáng lẽ phải bị đuổi khỏi chức vụ linh mục. Ngài nói các ngài “sợ mất họ”. Cha rất đúng. Thật đáng tiếc các ngài đã không chú ý đến những gì tài liệu của Vatican năm 1961 đã nói. Trong khi ơn gọi linh mục nên được thúc đẩy mạnh mẽ, “vẫn phải cẩn thận để tránh việc mong muốn quá mức tăng số lượng ảnh hưởng đến chất lượng và sự lựa chọn.” (71)

Thật không may, một số thay đổi được thực hiện trong luật giáo hội năm 1983 đã không hữu ích cho việc kỷ luật các linh mục lạm dụng. Hồng Y Gerhard Müller, cựu Bộ trưởng của Bộ Giáo lý Đức tin cho rằng những thay đổi này là một “sai lầm tai hại”. Bộ Giáo luật mới đã giảm nhẹ hình phạt đối với các linh mục lạm dụng và loại bỏ mọi đề cập đến đồng tính luyến ái. Müller gọi hệ tư tưởng LGBT trong Giáo hội là “vô thần” và cảnh báo chống lại việc hạ thấp tiêu chuẩn đối với các hành vi vi phạm. (72) Một số chỉ thị quan trọng về vấn đề này đã được Vatican ban hành vào đầu những năm 2000. Bộ Giáo dục Công Giáo đã giải quyết câu hỏi liệu những người đàn ông có khuynh hướng đồng tính luyến ái có nên được nhận vào chức linh mục hay không. Bộ này tái khẳng định giáo huấn của Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo rằng trong khi hành vi đồng tính luyến ái là tội trọng, những người có sự hấp dẫn đồng giới phải được chấp nhận với sự tôn trọng. Tuy nhiên, “Giáo hội, trong khi hết sức tôn trọng những người được đề cập, không thể nhận vào chủng viện hoặc chức thánh những người thực hành đồng tính luyến ái, có khuynh hướng đồng tính luyến ái sâu sắc hoặc ủng hộ cái gọi là ‘văn hóa đồng tính’.” (73) Tài liệu này đã được Cha James Martin, S.J., và giới truyền thông đọc như thể nói rằng Giáo hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI đã cấm người đồng tính luyến ái khỏi chức linh mục. Như tôi đã trả lời Cha Martin trên CNN, điều này không đúng: lệnh cấm chỉ giới hạn ở những người có “xu hướng đồng tính luyến ái sâu sắc”. (74) Sự khác biệt rất quan trọng. Điều này đã được nhắc lại vào năm 2016 khi Bộ Giáo sĩ của Vatican ban hành một văn bản về chủ đề này. (75) Năm 2018, Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô cũng nói rõ ràng rằng những người đàn ông có xu hướng đồng tính luyến ái “ăn sâu”, hoặc những người “thực hành các hành vi đồng tính luyến ái”, không nên được phép vào chủng viện. (76) Luật Giáo hội và các chỉ thị của Vatican rất quan trọng, nhưng chỉ khi chúng được tuân thủ. Chúng không phải lúc nào cũng được tuân thủ, và đó là một phần lớn của vấn đề. Cũng phải nói rằng tất cả các tuyên bố giáo luật và văn kiện của Vatican trên thế giới không bao giờ có thể thay thế cho lẽ thường và sự can đảm để tuân theo nó.

Ghi chú

(1) Đức Bê-nê-đíc-tô XVI, “Toàn văn bài phát biểu của Đức Bê-nê-đíc-tô XVI: Giáo hội và vụ tai tiếng lạm dụng tình dục”, *Catholic News Agency*, ngày 10 tháng 4 năm 2019, <https://www.catholicnewsagency.com/news/full-text-of-Bê-nê-đíc-tô-xvi-thechurch-and-the-scandal-of-sexual-abuse-59639>.

(2) Ibid.

(3) Ibid.

(4) Ibid.

(50) *Cuộc phỏng vấn của Đức Bê-nê-đíc-tô XVI với các nhà báo trong chuyến bay đến Bồ*

- Đào Nha, ngày 11 tháng 5 năm 2010, trang web của Vatican, http://www.vatican.va/content/Bê-nê-đíc-tôxvi/en/speeches/2010/may/documents/hf_benxvi_spe_20100511_portogallo-interview.html.
- (6) Doug Stanglin, “Báo cáo: Giáo hoàng từ chức sau vụ tai tiếng linh mục đồng tính”, *USA Today*, ngày 22 tháng 2 năm 2013, <https://www.usatoday.com/story/news/world/2013/02/22/pope-leaksfallout/1938321/>.
- (7) Karen J. Terry, Trường Cao đẳng Tư pháp Hình sự John Jay (JJCCJ), và Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ (USCCB), *Nguyên nhân và bối cảnh lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các linh mục Công Giáo tại Hoa Kỳ, 1950—2010: Báo cáo được trình bày trước Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ bởi Nhóm Nghiên cứu Trường Cao đẳng John Jay* (Washington, D.C.: Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ, 2011), 68-69.
- (8) Ibid., 115.
- (9) Jason Berry, *Đừng để chúng con sa vào cám dỗ* (New York: Doubleday, 1992), 71.
- (10) Terry, JJCCJ, và USCCB, *Nguyên nhân và bối cảnh*, 112-113.
- (11) Ibid., 107.
- (12) Ibid., 105.
- (13) Karen J. Terry, JJCCJ, và USCCB, *Bản chất và phạm vi lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các linh mục và phó tế Công Giáo tại Hoa Kỳ từ năm 1950 đến năm 2002: Một nghiên cứu được thực hiện bởi Trường Cao đẳng Tư pháp Hình sự John Jay* (Washington, D.C.: Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ, 2004), 47, 76-77, 105.
- (14) Terry, JJCCJ, và USCCB, *Nguyên nhân và Bối cảnh*, 113.
- (15) Andrew Greeley, “Đối với các linh mục, độc thân không phải là vấn đề”, *New York Times*, ngày 3 tháng 3 năm 2004, <https://www.nytimes.com/2004/03/03/opinion/forpriests-celibacy-is-not-the-problem.html>.
- (16) Terry, JJCCJ, và USCCB, *Nguyên nhân và Bối cảnh*, 34-35.
- (17) Trích dẫn trong Mary Eberstadt, “Con voi trong phòng thánh”, *Weekly Standard*, ngày 17 tháng 6 năm 2002, 22.
- (18) Jamie Manson, “Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô giải thích mọi việc với tôi”, *National Catholic Reporter*, ngày 12 tháng 4 năm 2019, <http://www.ncronline.org/print/news/accountability/grace-margins/popeBê-nê-đíc-tô-explains-things-me>.
- (19) Hồng Y Robert Sarah, *Ngày đã qua* (San Francisco: Ignatius Press, 2019), 64.
- (20) Courtney Grogan, “Trước thềm Hội nghị thượng đỉnh, Cupich thảo luận về lạm dụng tình dục, đồng tính luyến ái và đào tạo linh mục”, *Catholic News Agency*, ngày 18 tháng 2 năm 2019, <https://www.catholicnewsagency.com/news/ahead-of-summit-cupichdiscusses-sex-abuse-homosexuality-priestly-formation-36025>.
- (21) Charles W. Hall, “Giáo phận giới hạn hầu hết các người giúp lễ là nam; Arlington đưa ra quyết định bất chấp phán quyết của Giáo hoàng mở rộng vai trò cho nữ”, *Washington Post*, ngày 1 tháng 12 năm 1994, A1.
- (22) Richard Fitzgibbons và Dale O’Leary, “Lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các giáo sĩ Công Giáo”, *Linacre Quarterly*, 78, số 3 (tháng 8 năm 2011): 266.
- (23) Michael D’Antonio, *Tội trọng* (New York: St. Martin’s Press, 2013), 43.
- (24) Ibid., 46.
- (25) Massimo Faggioli, “Suy niệm không đúng lúc của Bê-nê-đíc-tô”, *Commonweal*, ngày 12 tháng 4 năm 2019, <https://www.commonwealmagazine.org/Bê-nê-đíc-tôsuntimely-meditation>.
- (26) Anthony Kosnik và cộng sự, *Tình dục con người: Những hướng đi mới trong tư tưởng*

- Công Giáo Mỹ* (New York: Paulist Press, 1977), 215.
- (27) Cha Edward Beck, “Giáo Hội Công Giáo có thể loại bỏ nạn lạm dụng tình dục. Nhưng liệu Giáo hội có đủ ý chí để hành động?”, *CNN*, ngày 10 tháng 2 năm 2019, <https://www.cnn.com/2019/02/10/opinions/catholic-church-sex-abusereform-father-beck/index.html>.
- (28) Michael Novak, “Sự sụp đổ của Giáo hội Tiến bộ”, *National Review*, ngày 1 tháng 5 năm 2002.
- (29) Robert Mickens, “Giáo Hội Công Giáo đang tiếp tay cho cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục bằng cách ép buộc các linh mục đồng tính phải che giấu giới tính thật của mình”, *Washington Post*, ngày 23 tháng 7 năm 2018, <https://www.washingtonpost.com/news/acts-of-faith/wp/2018/07/23/the-catholic-churchs-sex-abuse-scandals-show-it-has-a-gay-priest-problem-theyre-trapped-in-the-closet/>.
- (30) Ibid.
- (31) George Weigel, “Khoảnh khắc Công Giáo này”, *First Things* (tháng 10 năm 2019): 24.
- (32) Junno Arocho Esteves, “Bài giảng buổi sáng của Giáo hoàng: ‘Vụ tai tiếng hủy hoại đức tin!’”, *Zenit*, ngày 10 tháng 11 năm 2014, <http://www.zenit.org/articles/pope-smorning-homily-scandal-destroys-faith>.
- (33) Gregory Erlandson và Matthew Bunson, *Giáo hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI và cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục* (Huntington, Ind.: Our Sunday Visitor, 2010), 113.
- (34) Donald E. Brown, *Những điều phổ quát của con người* (New York: McGraw-Hill, 1991), chương 6.
- (35) Nhóm điều tra của tờ The Boston Globe, *Sự phản bội: Cuộc khủng hoảng trong Giáo Hội Công Giáo* (Boston: Little, Brown and Company, 2002), 24.
- (36) Leon J. Podles, *Sự phạm thánh: Lạm dụng tình dục trong Giáo Hội Công Giáo* (Baltimore, Md.: Crossland Press, 2008), 163.
- (37) David France, *Cha chúng ta: Cuộc sống bí mật của Giáo Hội Công Giáo trong thời đại tai tiếng* (New York: Broadway Books, 2004), 236-37.
- (38) Berry, *Đừng dẫn chúng con vào cám dỗ*, 139-40.
- (39) Ibid., 55.
- (40) Ibid., 141.
- (41) D’Antonio, *Tội trọng*, 206.
- (42) Berry, *Đừng dẫn chúng con vào cám dỗ*, 167.
- (43) Terry, JJCCJ và USCCB, *Bản chất và phạm vi*, 6.
- (44) Terry, JJCCJ, và USCCB, *Nguyên nhân và Bối cảnh*, 4.
- (45) Ibid., 117.
- (46) Erlandson và Bunson, *Giáo hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI và Cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục*, 55.
- (47) Terry, JJCCJ, và USCCB, *Nguyên nhân và Bối cảnh*, 3.
- (48) Bill Donohue, “Bernardin được minh oan”, *Catholic League*, ngày 11 tháng 4 năm 1994, <http://www.catholicleague.org>.
- (49) Richard Ofshe và Ethan Watters, “Tạo ra quái vật”, *Society* (tháng 3/tháng 4 năm 1993): 5.
- (50) Stephanie Salter, “Kẻ thù của nạn nhân không phải là một”, *San Francisco Chronicle*, ngày 31 tháng 7 năm 2002, A19.
- (51) James Colangelo, “Tranh luận về ký ức được phục hồi được xem xét lại: Hàm ý thực tiễn đối với các nhà tư vấn sức khỏe tâm thần”, *Tạp chí Tư vấn Sức khỏe Tâm thần*, 29, số 2 (2007): 93-120.
- (52) “Ký ức bị kìm nén là một sáng tạo văn hóa”, *United Press International*, ngày 26 tháng

- 2 năm 2007, đăng trên Medical Xpress, <https://medicalxpress.com/news/2007-02-repressed-memory-culturalcreation.html>.
- (53) William O'Donohue, Olga Cirlugea và Lorraine Benuto, “Các nhà tâm lý học giải quyết vấn nạn lạm dụng tình dục”, *Catholic League*, ngày 23 tháng 5 năm 2012, <https://www.catholicleague.org/psychologists-address-sexual-abuse/>.
- (54) Philip F. Lawler, *Những người tín hữu đã khuất: Sự sụp đổ của nền văn hóa Công Giáo Boston* (New York: Encounter Books, 2008), 160.
- (55) Michael Rezendes và Matt Carroll, “Các bác sĩ đã chấp thuận cho Geoghan thiếu chuyên môn, theo đánh giá”, *Boston Globe*, ngày 16 tháng 1 năm 2002, https://archive.boston.com/globe/spotlight/abuse/stories/011602_doctors.htm.
- (56) Michael Rezendes, “Nhà thờ cho phép linh mục lạm dụng trong nhiều năm”, *Boston Globe*, ngày 6 tháng 1 năm 2002, A1.
- (57) Pam Belluck, “Các tài liệu cho thấy các quan chức đã biết về những rắc rối của linh mục vào năm 1991”, *New York Times*, ngày 15 tháng 5 năm 2002, A20.
- (58) Rod Dreher, “Nhật ký Dallas”, *National Review*, ngày 13 tháng 6 năm 2002, đăng trên BishopAccountability.org, http://www.bishopaccountability.org/news/2002_06_13_Dreher_InTown.htm.
- (59) Jordan Michael Smith, “Giáo sư của những hành động kinh khủng”, *Chronicle of Higher Education*, ngày 18 tháng 2 năm 2018, <https://www.chronicle.com/article/the-professor-of-horrible-deeds/>.
- (60) Ibid.
- (61) D'Antonio, *Tội lỗi chết người*, 28.
- (62) Jerry Pokorsky, “Cuộc khủng hoảng: Cảm giác quen thuộc lặp lại”, *Catholic Culture*, ngày 31 tháng 8 năm 2018, <https://www.catholicculture.org/commentary/crisis-dj-vu-all-over-again/>. Đây là phiên bản rút gọn của một bức thư gửi cho các nhà chức trách giáo hội vào năm 2002 sau những tiết lộ của tờ Boston Globe.
- (63) Ban điều tra của tờ Boston Globe, *Sự phản bội*, 173.
- (64) Berry, *Đừng dẫn chúng con vào cám dỗ*, 199.
- (65) Ibid., 88 và chương 12, “Lời thú tội mới”.
- (66) “Hội thảo Viện Linacre—Cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục của giáo sĩ: Chương trình điều trị nội trú và đánh giá tâm thần ngoại trú cho các linh mục và tu sĩ, Báo cáo của Nhóm đặc nhiệm của Hiệp hội Y tế Công Giáo”, *Linacre Quarterly* 69, số. 3, điều 5 (tháng 8 năm 2002): 208-212, <https://epublications.marquette.edu/cgi/viewcontent.cgi?referer=https://www.google.com/&httpsredir=1&article=2270&context=lnq>.
- (67) Ibid., 210-211, 212.
- (68) “Các Giám mục thực sự đi trước một bước trong việc giải quyết vụ tai tiếng”, *Zenit*, ngày 15 tháng 6 năm 2010, <http://www.zenit.org/articles/bishops-actually-a-step-ahead-inaddressing-scandal>.
- (69) Erlandson và Bunson, Giáo hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI và cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục, 56.
- (70) Xem Thánh Bộ Các Tu Sĩ, *Việc Tuyển Chọn và Đào Tạo Cẩn Thận Các Ứng Viên Cho Các Trạng Thái Hoàn Thiện và Chức Thánh* (2 tháng 2 năm 1961), số 1-4, 10, 16, 30, <https://adoremus.org/1961/02/religiosoruminstitutio/>.
- (71) Xem ibid., số 14.
- (72) “Phỏng vấn: Hồng Y Müller về Khủng Hoảng Lạm Dụng và Mối Liên Hệ Của Nó Với Đồng Tính Loạn Trong Chức Linh Mục”, *LifeSiteNews*, 21 tháng 11 năm 2018, <https://www.lifesitenews.com/blogs/interview-cdl.-mueller-on-abuse-crisisand-its-link-to-homosexuality-in-pri>.

- (73) Bộ Giáo dục Công Giáo, *Hướng dẫn về Tiêu chuẩn Phân định Ôn gọi đối với Người có Xu hướng Đồng tính luyến ái để Xét việc Nhận họ vào Chứng viện và Thánh chức* (tháng 8 năm 2005), số 2,
https://www.vatican.va/roman_curia/congregations/ccatheduc/documents/rc_con_ccatheduc_doc_20051104_istruzione_en.html.
- (74) Xem bản ghi của CNN về chương trình *The Lead with Jake Tapper*, ngày 29 tháng 7 năm 2013.
- (75) Inés San Martín, “Vatican nhắc lại rằng người đồng tính không nên làm linh mục”, *Crux*, ngày 7 tháng 12 năm 2016, <https://cruxnow.com/globalchurch/2016/12/vatican-reiterates-homosexuals-shouldnt-priests/>.
- (76) Nhân viên Crux, “Giáo hoàng không muốn người đồng tính ‘thực hành’ trong chứng viện, các báo cáo cho biết”, *Crux*, ngày 25 tháng 5 năm 2018, <https://cruxnow.com/vatican/2018/05/pope-doesnt-want-practicing-gays-inseminaries-reports-say/>.

PHẦN II Nguồn gốc của Lạm dụng Tình dục bởi Giáo sĩ

Chương 5. Vai trò của ma quỷ

Những linh mục lạm dụng trẻ vị thành niên là những kẻ bệnh hoạn, nhưng tôi không nói rằng tất cả bọn họ đều là ác quỷ. Tuy nhiên, từ “ác quỷ” mô tả những linh mục đã sử dụng các vật thánh hoặc lời thánh khi lạm dụng nạn nhân của họ. Tương tự, khi một thành viên cấp cao trong hàng giáo phẩm quan hệ tình dục với các chủng sinh—cưỡng hiếp họ cả về tâm lý lẫn thể lý—thì không có ý nghĩa gì khi nói rằng ông ta là một linh hồn bất ổn. Không, những gì ông ta đã làm là hiện thân của ác quỷ. Đây là việc làm của ma quỷ.

Năm 1995, Hồng Y John O'Connor, tổng giám mục New York, đã viết một bài báo về bộ phim chống Công Giáo Priest, ủng hộ sự chỉ trích của Liên đoàn Công Giáo đối với bộ phim này. Ngài nói rằng trong khi hầu hết các linh mục là những người tốt, thì một số lại là ác quỷ. (1) Lúc đó, tôi không chắc ngài muốn nói đến ai. Bây giờ tôi đã biết. Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô cũng biết. Năm 2019, ngài nói với các phóng viên rằng có một số điều, chẳng hạn như cuộc khủng hoảng lạm dụng và khiêu dâm trẻ em, mà “không thể hiểu được nếu không có sự mâu thuẫn là tên ác”. (2)

Vấn đề ngày nay là nhiều người phủ nhận sự hiện hữu của tên ác. Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI lưu ý rằng đây là một chức năng của chủ nghĩa tương đối đạo đức. Khi điều đó phát triển mạnh, “không có tiêu chuẩn nào về thiện hay ác”. Ngài khẳng định rằng việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên sẽ không thể xảy ra nếu Chúa hiện diện trong cuộc sống của chúng ta; việc hạ thấp giá trị của Bí tích Thánh Thể minh họa cho quan điểm của ngài. Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI đã đưa ra một ví dụ thực tế kinh hoàng: một người phụ nữ nói với ngài rằng khi một linh mục lạm dụng cô, ông ta đã thốt lên những lời, “Đây là thân thể của ta, sẽ được hiến dâng cho con”. (3) Đây là một biểu hiện của cái ác, và chúng ta không nên sợ hãi khi nói ra điều đó.

Linh mục lạm dụng tình dục đầu tiên gây xôn xao dư luận vào những năm 1980, Gilbert Gauthier, không chỉ là một kẻ lạm dụng hàng loạt; ông ta còn là một người đàn ông độc ác, theo Glenn Gastal, cha của một cậu bé bị Gauthier lạm dụng. Ông ấy không chọn từ đó một cách tùy tiện: con trai ông ấy đã phải được điều trị chứng xuất huyết trực tràng do những gì Gauthier đã làm với cậu bé. (4)

Gauthier được chẩn đoán là một kẻ rối loạn nhân cách chống đối xã hội, Ông ta đã quan hệ tình dục với các bé trai chưa đến tuổi dậy thì và các bé trai tuổi vị thành niên. (5) Nếu bị đuổi khỏi chủng viện, ông ta có thể vẫn trở thành một kẻ săn mồi, nhưng không phải với tư cách là một linh mục. Có những dấu hiệu sớm cho thấy ông ta là một vấn đề. Có bao nhiêu chủng sinh trượt các khóa học về đạo đức, Bí tích Hòa giải và kiến thức nhân loại về Chúa Kitô mà vẫn được nhận vào chức linh mục? Ông ta cũng trượt kỳ thi thạc sĩ thần học hai lần trước khi đậu. Tuy nhiên, cuối cùng, không phải “thần học nông cạn” của ông ta, như một số người đã nhận xét, đã giải thích hành vi của ông ta: mà là khuynh hướng làm điều ác của ông ta. (6)

James Porter là một trong những linh mục lạm dụng đầu tiên gây xôn xao dư luận. Ông ta cũng là kẻ độc ác. Chúng ta còn có thể gọi một linh mục đã cưỡng dâm một bé gái 11 tuổi trong khi viếng dẫn quyền năng của Chúa là gì khác? Ông ta cũng đã quan hệ tình dục trên bàn thờ với hai cậu bé.

Dưới đây là một số ví dụ khác. Một linh mục ở Syracuse bị cáo buộc đã quan hệ tình dục với một cậu bé khi đang mặc lễ phục, nói với cậu bé rằng ông ta đang “làm theo ý Chúa”. Trong khi cưỡng hiếp cậu bé, ông ta đã đọc kinh Lạy Cha. Khi cậu bé kêu lên đau đớn trong lúc bị xâm hại tình dục qua đường hậu môn, vị linh mục bảo cậu bé im lặng vì “sự đau khổ của cậu chẳng là gì so với nỗi đau đớn của Chúa Giêsu khi bị đóng đinh trên thập giá”. Một linh mục ở Bridgeport đã thực hiện hành vi quan hệ tình dục bằng miệng với một thiếu niên và bắt cậu bé đáp lại bằng cách nói với cậu rằng “hành động đó là một cách để được rước lễ”. (7)

Marcial Maciel

Thật khó để vượt qua được tội ác mà những linh mục này đã gây ra, nhưng không phải là không thể. Điều tồi tệ hơn là khi những nhân vật hàng đầu trong Giáo Hội Công Giáo lại ngang nhiên lạm dụng các chủng sinh và linh mục trẻ. Hai người dễ dàng được xác định là Cha Marcial Maciel Degollado, người sáng lập Dòng Hiệp sĩ Chúa Kitô, và cựu Hồng Y Theodore McCarrick. George Weigel không phải là người duy nhất nhìn thấy sự độc ác đang hoành hành trong cả hai người đàn ông này: ông nói rằng họ đã bị “ma quỷ ám”. (8)

Maciel là một kẻ săn mồi nghiện ma túy, có nhiều con, cưỡng hiếp ít nhất sáu mươi bé trai đã dậy thì và quan hệ tình dục với ít nhất hai mươi chủng sinh. (9) Nhiều người đã suy đoán đúng rằng Maciel không thể thực hiện hành vi đồi bại của mình nếu không có sự đồng lõa và hiểu biết của những người khác.

Khi một bài báo được đăng trên tờ *Hartford Courant* năm 1997 cáo buộc rằng “một số [người tố cáo] nói rằng Maciel đã nói với họ rằng ông ta được Đức Giáo Hoàng Pius XII cho phép tìm kiếm họ về mặt tình dục để giải tỏa nỗi đau thể xác”, (10) tôi đã phản hồi bằng một lá thư gửi tòa soạn. “Việc nghĩ rằng bất cứ linh mục nào lại nói với một linh mục khác rằng Giáo hoàng đã bật đèn xanh cho ông ta quan hệ tình dục với một linh mục khác—tất cả chỉ nhằm mục đích giúp người kia khỏi một căn bệnh nào đó—thật là chuyện nhảm nhí đến mức không thể thuyết phục được cả những biên tập viên vô lương tâm nhất ở bất cứ tờ báo lá cải hàng tuần nào. Thật đáng ngạc nhiên là tờ *The Courant* lại thấy đủ giá trị để in nó.” (11)

Một trong những tác giả của bài báo trên tờ *Hartford Courant* là Jason Berry. Trong cuốn sách của ông về vụ tai tiếng, ông đã liệt kê tôi là người ủng hộ Maciel. Nhưng lá thư của tôi là lời chỉ trích những người tin rằng Đức Giáo Hoàng Pius XII thực sự đã bật đèn xanh cho Maciel thực hiện hành vi đồng tính luyến ái với các linh mục khác, chứ không phải là lời bào chữa cho Maciel. Cha R trung thực hơn Richard McBrien. Sau khi ông ấy trích dẫn những gì Berry viết về tôi, tôi đã liên hệ với vị linh mục của Đại học Notre Dame, và ngài đã tốt bụng đính chính lại thông tin. “Donohue phản đối danh sách này và tôi rất vui khi được đính chính lại”, McBrien viết. (12)

Maciel qua đời ở Jacksonville, Florida, trước sự chứng kiến của một người trù tà; hài cốt của ông được gửi về quê hương Mexico. Ông vẫn ngoan cố đến cùng, từ chối xưng tội: ông không tin vào sự tha thứ của Chúa. (13) Đây là một dấu hiệu nữa cho thấy ông bị quỷ ám.

Theodore McCarrick

Cựu Hồng Y Theodore McCarrick là người Mỹ, và chỉ vì lý do đó, câu chuyện tồi tệ của ông đã gây ra nhiều đau buồn hơn trong giới giáo dân Mỹ so với Maciel. Họ muốn biết làm thế nào một người như ông ta có thể thăng tiến trong hàng ngũ giáo phẩm Công Giáo ở Hoa Kỳ.

Kỳ vọng rất cao vào tháng 11 năm 2018 khi Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ (USCCB), dưới sự chủ trì của chủ tịch, Hồng Y Daniel DiNardo, họp để công bố kế hoạch giải quyết vấn nạn lạm dụng tình dục của giáo sĩ, đặc biệt chú ý đến McCarrick. Nhưng vào đêm trước cuộc họp, Vatican đã yêu cầu các giám mục tạm dừng mọi việc, nói rằng không nên làm gì cho đến khi Vatican triệu tập một cuộc họp hoàn cầu về lạm dụng tình dục vào tháng 2 năm 2019. (14) Thực tế là, Vatican không đưa ra bất cứ thông tin nào về McCarrick trong hai năm. Vào tháng 11 năm 2020, họ đã công bố cái được gọi là “Báo cáo McCarrick”. (15)

Báo cáo này nổi bật ở chỗ cung cấp rất nhiều thông tin về sự thăng tiến của McCarrick lên các chức vụ cao nhất trong Giáo Hội Công Giáo. Không có nghiên cứu nào khác có thể cung cấp được nhiều tài liệu phong phú như vậy, phần lớn trong số đó trước đây chưa được công chúng biết đến. Chắc chắn, báo cáo vẫn còn những thiếu sót, nhưng dù sao nó cũng trả lời được rất nhiều câu hỏi cần được giải đáp.

Nếu có một thiếu sót nổi bật, đó là việc từ chối phỏng vấn Tổng Giám mục Carlo Maria Viganò. Điều này đặc biệt không thể chấp nhận được khi báo cáo nhắc đến ông 306 lần, chủ yếu là để làm mất uy tín của ông. (16) Tuy nhiên, những người chỉ được nhắc đến vài lần lại được phỏng vấn. Báo cáo đổ lỗi cho Tổng Giám mục Viganò vì đã không điều tra McCarrick, điều mà ông kịch liệt phủ nhận. (17) Tôi đặt câu hỏi về việc đổ lỗi cho ông ấy, dựa trên kinh nghiệm cá nhân của tôi về người đàn ông này. Cuối năm 2015, sau khi một người Công Giáo nổi tiếng liên hệ với tôi về một giám mục từ chối làm bất cứ điều gì đối với một linh mục bất hảo, tôi đã liên hệ với Tổng Giám mục Viganò; lúc đó ông là Sứ thần Tòa Thánh tại Hoa Kỳ. Ông đã ngay lập tức vào cuộc và hành động một cách có trách nhiệm. Thật vậy, ông đã rất nghiêm túc xem xét yêu cầu của tôi về việc điều tra vấn đề này.

Khi tôi trở thành chủ tịch của Liên đoàn Công Giáo vào năm 1993, McCarrick là tổng giám mục của Newark. Vào thời điểm đó, văn phòng của chúng tôi nằm trong Trung tâm Công Giáo của Tổng Giáo phận New York. Hồng Y O'Connor đã tử tế chuyển văn phòng của chúng tôi lên tầng hai mươi, cạnh văn phòng của ông ấy, vì vậy tôi có cơ hội quen biết ông ấy. Ông ấy thậm chí còn phá bỏ một bức tường trong văn phòng của mình để có thêm không gian cho đội ngũ nhân viên đang mở rộng của chúng tôi.

Tôi mới làm việc được vài năm thì nhận được một cuộc điện thoại từ McCarrick. Tôi nhớ hai lời nhận xét ông ấy đã nói. Ông ấy rất tử tế, khen ngợi công việc của tôi trong việc chống lại chủ nghĩa bài Công Giáo. Nhưng ông ấy cũng nói một điều khiến tôi choáng váng: ông ấy nói rằng ông ấy mong muốn vượt qua sông Hudson và kế nhiệm Hồng Y O'Connor trở thành tổng giám mục tiếp theo của New York. Tôi tự hỏi, tại sao ông ấy lại nói với tôi điều này?

Việc theo đuổi chức vụ này dường như đã chiếm trọn tâm trí của McCarrick. Báo cáo ghi nhận rằng khi nói chuyện với hai giám mục vào năm 1990, ông ấy “đập bàn và buột miệng nói ‘Tôi xứng đáng với New York.’ ” (18) Cảm giác tự cho mình quyền của ông ấy thật đáng sợ.

Giờ đây, khi đọc báo cáo, rõ ràng một trong những điểm yếu về tính cách của McCarrick, vốn đã có từ đầu, là bản chất quá tham vọng của ông ấy. Chính vào năm 1968, McCarrick, khi đó là một đức ông, lần đầu tiên được xem xét thăng chức lên giám mục. Những người được giao nhiệm vụ đánh giá năng lực của ông đã ấn tượng bởi nhiều kỹ năng của ông, nhưng “một số người cung cấp thông tin bày tỏ lo ngại rằng McCarrick có thể quá ‘tham vọng’.” (19)

Ông được bổ nhiệm làm Giám Mục Phụ Tá tại Tổng giáo phận New York vào năm 1977. Bốn

năm sau, ông được xem xét để đứng đầu Giáo phận Metuchen mới thành lập ở New Jersey. Ông lại một lần nữa gây ấn tượng với mọi người. “Mối lo ngại duy nhất” là “tham vọng rõ ràng của ông muốn được thăng tiến trong hệ thống phẩm trật giáo hội”. (20) Việc ông theo đuổi chiếc mũ đỏ (mũ của Hồng Y) - tại một trong những giáo phận danh giá nhất quốc gia - đã chứng tỏ là một nỗi ám ảnh không lành mạnh.

Những dấu hiệu rắc rối đầu tiên bắt đầu xuất hiện vào những năm 1980. Đó là khi những hành vi đồng tính luyến ái của ông bị phanh phui. Ít nhất ba trong số bốn giám mục ở New Jersey vào thời điểm đó đã không hành động có trách nhiệm: họ cho phép ông tiếp tục hành vi săn mồi của mình mà không bị kiểm soát.

Sở thích quyến rũ các chủng sinh của McCarrick được ghi chép đầy đủ trong báo cáo. Ngôi nhà của ông ở Sea Girt, trên bờ biển Jersey, là địa điểm ưa thích để ông dụ dỗ những chàng trai trẻ này. Ông cố tình mời nhiều người hơn số giường ông có, và ông thường xuyên làm điều này. Ông không chỉ ngủ chung giường với các chủng sinh "phụ tội": Ông còn cố gắng quan hệ tình dục với họ. Ông thường thành công. (21)

Những gì McCarrick đã làm không chỉ đơn thuần là sai trái—mà còn là độc ác. “Độc ác” là một từ mạnh. Không nên sử dụng nó một cách bừa bãi. Nhưng còn từ nào khác có thể được dùng để miêu tả một giám mục cố tình làm vấy bẩn những thanh niên trẻ đang chuẩn bị cho chức linh mục?

McCarrick đã nhận được sự giúp đỡ từ một số linh mục khác. Ví dụ, Đức ông Anthony Joseph Gambino, sau khi nghe một linh mục kể về những gì McCarrick đã làm với mình, đã dám khiển trách vị linh mục đó. (22) Điều đáng lo ngại không kém là, sau khi Tổng Giám mục Gabriel Montalvo, sứ thần Tòa Thánh, biết được từ Cha Boniface Ramsey vào năm 2000 về hành vi lạm dụng tình dục của McCarrick tại nhà riêng của ông ta, Montalvo đã không bao giờ liên lạc lại với ông ấy. (23)

Sau khi McCarrick được bổ nhiệm làm tổng giám mục Newark vào năm 1986, Giám mục Edward T. Hughes đã kể nhiệm ông làm giám mục Metuchen. Khi một linh mục đến kể với Hughes về việc McCarrick lạm dụng mình, ngài đã lắng nghe cẩn thận nhưng không hành động gì. (24) Trên thực tế, ngài chưa bao giờ nói một lời nào với bất cứ ai ở Hoa Kỳ hay ở Rome. Hughes cũng làm điều tương tự với mọi linh mục khác đã tâm sự với ngài. (25)

McCarrick không chỉ lạm dụng các chủng sinh tại nhà riêng ven biển của mình, mà còn nhắm vào họ tại khách sạn Waldorf Astoria ở thành phố New York. Một trong số họ đã nói với Hughes—nhưng vô ích—rằng McCarrick “đã cố gắng thuyết phục tôi rằng việc các linh mục quan hệ tình dục với nhau là bình thường và được chấp nhận ở Hoa Kỳ, và đặc biệt là ở giáo phận đó”. (26) Mặc dù điều này có thể là phóng đại, nhưng nó vẫn chứa đựng nhiều sự thật. Mạng lưới đồng tính luyến ái trong Giáo Hội Công Giáo vào những năm 1980 rất rộng lớn. Hughes đã làm gì khi nghe điều này? Điều đáng kinh ngạc là ngài đã bảo vị linh mục “hãy quên đi hành vi sai trái của McCarrick và tha thứ cho McCarrick ‘vì lợi ích của Giáo hội’”. (27)

Vào ngày 25 tháng 1 năm 1990, ngay sau khi Giám mục James McHugh được bổ nhiệm đứng đầu Giáo phận Camden, ngài đã ăn tối với McCarrick và ba linh mục khác: Đức ông Dominic Bottino, Giám Mục Phụ Tá John Smith của Newark, và một giáo sĩ trẻ. Trước mặt mọi người, McCarrick bắt đầu sờ mó vùng kín của giáo sĩ trẻ. Chàng trai trẻ chết lặng trong khi những người khác quay mặt đi. Không ai nói một lời. (28) Chúng ta biết điều này bởi vì vào năm 2018, Bottino cuối cùng đã thừa nhận những gì đã xảy ra. Cả hai giám mục đều không thấy hành động

của McCarrick là đáng lên án. Trên thực tế, McHugh thậm chí còn khen ngợi Bottino về cách ngài “xử lý” vụ việc. (29)

Nếu các giám mục New Jersey phạm lỗi, thì tổng giám mục New York lại chứng tỏ mình là người đáng khen ngợi. Chính Hồng Y O'Connor, một người mà tôi đã làm việc cùng và vô cùng ngưỡng mộ ngay cả trước khi bản báo cáo thống kê về sự lạm dụng của ngài, là người đã dũng cảm tố cáo McCarrick. Đáng tiếc, ngài đã gặp phải sự phản đối, cả ở Hoa Kỳ lẫn ở Rome.

Vào đầu năm 1994, Hồng Y O'Connor bắt đầu nhận được những lời khiêu nạt danh về McCarrick. (30) O'Connor đã biết McCarrick nhiều năm, và ngài cũng biết việc nhận được đủ loại khiêu nạt sai sự thật về các linh mục là phổ biến như thế nào, vì vậy ngài đã chuyển những lá thư đó cho McCarrick một cách dễ hiểu. Sau đó, nhiều lá thư loại này đến bàn làm việc của O'Connor. Sứ thần lúc bấy giờ, Agostino Cacciavillan, cũng nhận được bản sao. (31) Có vẻ như không thể nào Cacciavillan lại không nghe thấy những tin đồn về McCarrick, đặc biệt là khi ngài “đã nhiều lần đến Tổng giáo phận Newark”. (32)

Chúng ta biết chắc chắn rằng Cacciavillan đã bác bỏ những báo cáo về hành vi sai trái của McCarrick. Năm 1994, Mẹ Mary Quentin Sheridan, bề trên tổng quyền của Dòng Nữ tu Mary of Alma (Michigan), đã gọi điện cho Cacciavillan, kể lại cho ngài nghe những gì một linh mục đã nói với bà về “hành vi đạo đức xấu” của McCarrick với các chủng sinh trẻ. Cacciavillan đã gạt bỏ lời bà với thái độ kiêu ngạo đặc trưng, nói rằng “bà ấy muốn tỏ ra quan trọng”. (33)

Tổng giám mục Washington, Hồng Y James Hickey, cũng đứng ra bảo vệ McCarrick. Ông viết thư cho Cacciavillan, “Tôi thực sự có thể nói rằng tôi không biết ai tận tâm phục vụ Giáo hội hơn Tổng giám mục McCarrick. Ngài thực sự vượt xa bốn phận trong việc ủng hộ Đức Thánh Cha và giáo huấn của Giáo hội.” Biết về những tin đồn về McCarrick, Hickey nói rằng ông chưa bao giờ thấy “bất cứ bằng chứng nào về hành vi không đúng đắn về tình dục”. Thật vậy, McCarrick thánh thiện đến nỗi ông “chưa bao giờ kể một câu chuyện cười khiếm nhã”. (34)

Chúng ta biết từ báo cáo rằng những cáo buộc chống lại McCarrick đã bị các giám mục này phớt lờ. Ví dụ, có một linh mục không chỉ liên lạc với Hickey và Cacciavillan mà còn nói chuyện với Giám mục Hughes “hai hoặc ba lần vào cuối những năm 1980 hoặc đầu những năm 1990”. Vị linh mục thừa nhận rằng ngài đã nói chuyện với Hughes về “những lời bàn tán ngày càng gay gắt về McCarrick”, bao gồm cả “những hành vi không đúng đắn tại nhà nghỉ ven biển”. Ngài nói rằng McCarrick thích “những người trẻ và đẹp trai trong hàng giáo sĩ”. Cuối cùng, vị linh mục nhận ra rằng Hughes sẽ không làm gì về chuyện đó. (35)

Vì những lý do này, không có cuộc điều tra nào được coi là cần thiết vào thời điểm đó. (36) Nhưng tất cả đã thay đổi sau khi Hồng Y O'Connor lên tiếng. Năm 1999, ngài đã nói chuyện với vị sứ thần mới, Tổng Giám mục Montalvo, về sự phù hợp của McCarrick để kế nhiệm ngài làm tổng giám mục New York. O'Connor cảnh báo ngài rằng có “một số yếu tố có bản chất đạo đức đã khuyên không nên xem xét tư cách ứng viên của McCarrick. (37) Ảnh hưởng đến O'Connor là các báo cáo tâm thần về một trong những nạn nhân chủng sinh của McCarrick; một bản tường thuật chi tiết về hành vi của McCarrick đã được cung cấp. (38)

Trong khi McCarrick đang được xem xét cho chức vụ tổng giáo phận New York, ông cũng đang được đánh giá làm ứng viên đảm nhận nhiệm vụ tại hai giáo phận khác. Ông nhận được sự ủng hộ của một số giám mục. Hồng Y Hickey đã chọn McCarrick như lựa chọn số một của mình để thăng chức. (39) Hồng Y Bernard Law của Tổng giáo phận Boston cũng đứng về phía McCarrick, tuy nhiên, thừa nhận rằng “thình thoảng ‘một đám mây’ lại xuất hiện trên đầu

McCarrick liên quan đến điều mà ông gọi là ‘tình cảm sai chỗ’.” (40) Những người khác có thể gọi đó là lạm dụng tình dục.

O’Connor đã chứng tỏ năng lực của mình khi viết một bức thư dài sáu trang cho Sứ thần Montalvo; bức thư đề ngày 28 tháng 10 năm 1999. (41) Nó mang tính cá nhân và bí mật đến mức Tổng giáo phận New York không có một bản sao của nó. (42) Nhưng Vatican thì có.

Vụ kiện chống lại McCarrick rất nghiêm túc và thuyết phục. O’Connor dựa vào những phát hiện của Tiến sĩ Richard Fitzgibbons, một bác sĩ tâm thần, và Đức ông James Cassidy, một nhà tâm lý học từ Tổng giáo phận New York. (43) Cuối thư, sau khi nêu chi tiết những lo ngại của mình, Hồng Y O’Connor nói rằng ngài không thể “với lương tâm của mình, đề nghị Đức Tổng Giám Mục McCarrick được thăng chức lên chức vụ cao hơn”. (44)

Vào ngày 6 tháng 8 năm 2000, ba tháng sau khi O’Connor qua đời, McCarrick đã viết thư cho Giám mục Stanislaw Dziwisz lúc đó, thư ký đặc biệt của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, để giải quyết những cáo buộc của O’Connor chống lại ông. (45) McCarrick thừa nhận rằng những người bạn của ông trong Giáo triều đã tình cờ đọc được thư của O’Connor và “báo cho tôi biết về điều đó”. (46) Ông dường như có bạn bè ở khắp mọi nơi.

McCarrick cáo buộc O’Connor “tấn công sâu sắc vào đời sống giám mục của tôi”, nói rằng ông biết O’Connor “không muốn tôi làm người kế nhiệm của ông ấy”. (47) Ông ta không hề biết lý do tại sao? Hay ông ta chỉ đang lừa dối? Dù thế nào đi nữa, ông ta chắc chắn đã nói dối khi nói, “Tôi chưa bao giờ có quan hệ tình dục với bất cứ người nào, nam hay nữ, trẻ hay già, giáo sĩ hay giáo dân, cũng như chưa bao giờ lạm dụng hay đối xử thiếu tôn trọng với người khác.” (48)

Sau khi biết về bức thư của O’Connor, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã yêu cầu Cacciavillan, khi đó là chủ tịch Cơ quan Quản lý Tài sản của Tòa Thánh, và Giám mục Giovanni Battista Re, người thay thế phụ trách các vấn đề chung của Phủ Quốc vụ khanh Vatican, xem xét các cáo buộc chống lại McCarrick. Đức Giáo Hoàng rất kính trọng cả hai người này và dựa rất nhiều vào lời khuyên của họ. (49) Điều đó hóa ra là một sai lầm nghiêm trọng.

Cả Cacciavillan và Re đều đứng về phía McCarrick chống lại O’Connor. Cacciavillan nói rằng McCarrick là “lựa chọn tốt nhất cho Washington”, (50) và Re đồng ý. (51) Thật vậy, Re kết luận rằng nếu những tin đồn chống lại McCarrick vẫn tiếp diễn, “giờ đây chắc chắn rằng những cáo buộc là sai, chúng có thể dễ dàng bị phủ nhận.” (52)

Từ báo cáo, chúng ta biết được lý do tại sao Đức Giáo Hoàng bị lừa dối. Hồng Y Dziwisz đã nói rõ nhất. Trong khi lưu ý rằng quyết định thăng chức cho McCarrick được đích thân Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đưa ra, Đức Thánh Cha “đã xem xét lời nói của những người mà ngài tin tưởng”, cụ thể là Cacciavillan và Re. (53)

Thật đáng thất vọng khi Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II tin McCarrick chứ không phải O’Connor. (54) Không rõ liệu đó là do kinh nghiệm của ngài ở Ba Lan khi nghe những lời dối trá độc ác về các linh mục do những người Cộng sản kể lại, hay do ngài bị bao quanh bởi những kẻ ngốc. Có lẽ là cả hai. Theo Tổng Giám mục Viganô, Hồng Y Angelo Sodano, quốc vụ khanh, là người chịu trách nhiệm chính trong việc thuyết phục Đức Giáo Hoàng đứng về phía McCarrick. (55)

Vào đêm trước sinh nhật lần thứ 75 của mình, McCarrick đã đệ đơn từ chức theo yêu cầu lên

Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI. Sứ thần Montalvo muốn McCarrick ở lại thêm hai năm nữa, và Đức Bê-nê-đíc-tô ban đầu đã đồng ý. (56) Nhưng sau đó Thông tin mới về những hành vi quấy rối đồng tính của McCarrick đã đến tai Đức Giáo Hoàng, và ngài nhanh chóng đảo ngược quyết định của mình. McCarrick được thông báo về mong muốn của Đức Thánh Cha rằng ông “ngay lập tức từ chức” khỏi vị trí tổng giám mục Washington. (57) Vào ngày 16 tháng 5 năm 2006, Đức Bê-nê-đíc-tô chấp nhận đơn từ chức của McCarrick. (58) Tuy nhiên, vấn đề của ông chỉ mới bắt đầu.

Một tháng sau, một luật sư đại diện cho một linh mục, người nói rằng McCarrick đã lạm dụng ông, đã gặp gỡ các viên chức Vatican. Vị linh mục mô tả một chuyến đi câu cá ở phía bắc tiểu bang New York diễn ra vào năm 1987. McCarrick đã mời ông và hai linh mục khác đi cùng. Họ ăn tối và sau đó trở về một khách sạn địa phương để xem truyền hình. Ngay sau khi lên giường, vị linh mục “trở mình và nhận thấy Tổng giám mục và một linh mục khác đang quan hệ tình dục trên một chiếc giường đôi khác. Lúc đó, Đức Tổng Giám Mục nhận thấy tôi đang nhìn và mời tôi là 'người tiếp theo'. Vị linh mục kia cười nhạo và đùa cợt trước lời mời của Đức Tổng Giám Mục muốn tôi quan hệ tình dục với ông ta.” (59) Bị sốc, ngài đã không chấp nhận lời mời. Vị linh mục sau đó đã đưa ra thêm lời khai về một sự việc khác. Giáo phận Metuchen đã đạt được thỏa thuận với ngài vào tháng 11 năm 2006. (60) Nhiều vấn đề hơn nảy sinh khi Richard Sipe, một cựu tu sĩ dòng Bê-nê-đíc-tô và nhà trị liệu tâm lý đã gửi thư cho Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô về hành vi sai trái tình dục của McCarrick, cung cấp rất nhiều thông tin, bao gồm cả các báo cáo của nhà báo Công Giáo Matt Abbott. (61) Mặc dù bức thư của Sipe đã được đăng tải trên Internet, nhưng nó nhận được rất ít sự chú ý từ giới truyền thông. May mắn thay, nó đã không bị bỏ qua ở Rome.

Năm 2006, và một lần nữa vào năm 2008, Tổng Giám mục Viganô đã gửi một bản ghi nhớ cho Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô về những gì Sipe đã nói, và những gì chính ông đã biết về McCarrick. (62) Bằng chứng về hành vi sai trái của McCarrick ngày càng nhiều, ngày càng khó phủ nhận, mặc dù một số người vẫn cố gắng bảo vệ ông ta. Trong số đó có Hồng Y Kevin Farrell, người đã sống với McCarrick trong sáu năm ở Washington, D.C. Ngài tuyên bố rằng ngài chưa bao giờ nghe nói về bất cứ hành vi sai trái nào, và thực sự "chưa bao giờ nghi ngờ, hoặc chưa bao giờ có lý do để nghi ngờ, bất cứ hành vi không phù hợp nào ở Washington". (63) Điều đó đã khiến ngài trở nên độc nhất vô nhị.

McCarrick đã chứng tỏ là kẻ vô liêm sỉ. Ông đã nhiều lần được yêu cầu không xuất hiện trước công chúng và nên lặng lẽ rút lui, nhưng ông đã từ chối. Ông thậm chí còn tự nhận mình là nạn nhân, cho rằng những hạn chế được đề xuất tương đương với "sự bách hại". (64)

Nếu có một sai lầm lớn mà Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô đã mắc phải, đó là không ban hành luật thành văn. (65) Khi nói đến những người thao túng và tự mãn như McCarrick, cánh cửa phải được đóng chặt trước mặt họ; nếu không, họ sẽ lợi dụng bất cứ kẽ hở nào còn lại.

Điều này giải thích tại sao McCarrick từ chối tuân thủ mọi yêu cầu hạn chế sự xuất hiện trước công chúng của mình: ông coi sự thiếu hiệu lực trong các yêu cầu là bằng chứng cho thấy sự bất lực của chúng. Ông đã đi khắp thế giới dưới thời Đức Bê-nê-đíc-tô XVI và làm điều đó dễ dàng hơn dưới thời Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô. (66)

Khi Giáo hoàng Phan-xi-cô được bầu chọn vào năm 2013, ngài nói rằng ngài chưa bao giờ nghe thấy bất cứ tin đồn nào liên quan đến hành vi tình dục trong quá khứ của McCarrick. Tương tự, ngài tuyên bố không biết về bất cứ hạn chế nào đối với việc đi lại của McCarrick. (67) Ngài nói rằng ngài cho rằng những cáo buộc chống lại McCarrick chắc hẳn là vô căn cứ; nếu không thì

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã đối xử với ông ta khác đi. (68)

Ngày 23 tháng 6 năm 2013, Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô đồng ý gặp Tổng Giám mục Viganô; họ gặp lại nhau vào ngày 10 tháng 10. Năm năm sau, vào ngày 22 tháng 8 năm 2018, Viganô tuyên bố rằng Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô đã hỏi ngài về McCarrick trong cuộc gặp tháng 6. Viganô nói rằng ngài đã kể với Đức Giáo Hoàng về “một hồ sơ dày cộp” về McCarrick và giải thích rằng “ông ta đã làm hư hỏng nhiều thế hệ chủng sinh và linh mục và Đức Giáo Hoàng Bênê-đíc-tô đã ra lệnh cho ông ta rút lui về đời sống cầu nguyện và sám hối”. Viganô nói thêm rằng McCarrick đã phạm “tội ác” và là một “kẻ sẵn mồi hàng loạt”. (69) Viganô nói rằng ngài đã thảo luận lại về những hành vi của McCarrick trong cuộc gặp tháng 10.

Theo báo cáo, Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô “không nhớ Viganô đã nói gì về McCarrick trong hai cuộc gặp này”. Trên thực tế, ngài nói rằng ngài chưa từng biết gì về McCarrick cho đến khi Tổng giáo phận New York tiết lộ các cáo buộc chống lại McCarrick vào năm 2017. (70)

Vào ngày 8 tháng 6 năm 2017, Tổng giáo phận New York nhận được một khiếu nại về việc McCarrick đã lạm dụng một thiếu niên nam vào những năm 1970. Tổng giám mục Timothy Cardinal Dolan đã thành lập một Chương trình Hòa giải và Bồi thường Độc lập để giải quyết các trường hợp lạm dụng tình dục của linh mục trong quá khứ, và chính cơ chế này đã trở thành giọt nước tràn ly đối với McCarrick. Đây là lần đầu tiên bất cứ ai nghe nói về việc McCarrick đã lạm dụng trẻ vị thành niên. (71)

Một cuộc điều tra về vấn đề này đã kết luận rằng các cáo buộc chống lại McCarrick là “đáng tin cậy và có căn cứ”. (72) Theo chính sách của tổng giáo phận, Dolan đã khuyến nghị rằng vụ việc nên được công khai. Việc đó được thực hiện vào ngày 20 tháng 6 năm 2018, và vào ngày 28 tháng 7, Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô đã chấp nhận đơn từ chức của McCarrick khỏi Hồng Y đoàn. (73)

Làm thế nào mà chương buồn này trong Giáo Hội Công Giáo lại có thể xảy ra? Khi Liên đoàn Công Giáo có văn phòng tại trụ sở của Tổng giáo phận New York, tôi đã nghe những tin đồn về hành vi tình dục của McCarrick tại nhà riêng của ông ở Jersey Shore vào những năm 1980. Trong giới Công Giáo, thật khó để không nghe những câu chuyện này. Tất nhiên, không phải là hiếm khi nghe đủ loại tin đồn về các linh mục, nhiều trong số đó là sai sự thật. Trong trường hợp này, chúng đã được chứng minh là đúng.

McCarrick được nhiều người yêu mến và có mối quan hệ rộng rãi với giới tinh hoa trong và ngoài Giáo Hội Công Giáo. Ông cũng là một người gây quỹ xuất sắc. Những yếu tố như vậy không thể bị bỏ qua mà không ảnh hưởng đến khả năng ông ta tiếp tục mà không bị trừng phạt. Nhưng còn một lý do khác khiến ông ta thoát khỏi sự trừng phạt: sự hiện diện áp đảo của một mạng lưới linh mục đồng tính luyến ái, cả ở Hoa Kỳ lẫn ở Rome.

Các Giám mục Đã Hành Động Chống Những Kẻ Lạm dụng

Điều quan trọng là không được quên những người đã chứng tỏ mình là anh hùng. Mặc dù Hồng Y O'Connor lúc đó sức khỏe rất yếu, điều đó không ngăn cản ngài làm điều đúng đắn. Lá thư đầy nhiệt huyết của ngài trình bày vụ việc chống lại McCarrick là một đóng góp lớn cho Giáo hội. Lòng dũng cảm của một nhà lãnh đạo khác của tổng giáo phận New York, Hồng Y Dolan, cũng vậy. Có bao nhiêu tổ chức khác trong xã hội chúng ta, cả thế tục lẫn tôn giáo, đã từng đưa ra cáo buộc chống lại một trong số những kẻ lạm dụng? Chính họ có phạm tội ở những vị trí cao nhất trong tổ chức của mình không? Không ai cả.

Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI cũng xứng đáng được khen ngợi. Nếu có một người làm nhiều hơn bất cứ ai khác để trừng phạt cả Maciel và McCarrick, thì đó chính là ngài. Ngài đã không mất nhiều thời gian để làm điều mà Đức Giáo Hoàng Gio-an Phao-lô II đã không làm được: ngài đã cách chức Maciel khỏi chức vụ vào năm 2006, một năm sau khi nhậm chức giáo hoàng. Ngài cũng chấp nhận đơn từ chức của McCarrick khi vị Hồng Y này tròn 75 tuổi. (74)

Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI không nhận được sự ghi nhận xứng đáng cho những hành động mà ngài đã thực hiện. Thành thật mà nói, không có vị giáo hoàng nào trong thời hiện đại nỗ lực trừng phạt các linh mục lạm dụng tình dục hơn Đức Bê-nê-đíc-tô. Năm 1988, khi còn là Hồng Y, ngài đã thúc đẩy một “quy trình xử phạt nhanh chóng và đơn giản hơn” trong việc xử lý các linh mục lạm dụng. (75) Năm 2005, ngay trước khi trở thành giáo hoàng, ngài đã có bài giảng Thứ Sáu Tuần Thánh lịch sử, trong đó ngài chỉ trích mạnh mẽ các linh mục lạm dụng. “Có bao nhiêu sự dơ bẩn trong Giáo hội, ngay cả trong số những người, trong hàng giáo sĩ, lẽ ra phải hoàn toàn thuộc về Người! Bao nhiêu sự kiêu ngạo, bao nhiêu sự tự mãn!” (76)

Sự miêu tả bất công nhất về di sản của Đức Bê-nê-đíc-tô được viết bởi Laurie Goodstein của tờ New York Times. Bà ấy rõ ràng đã sai khi nói rằng ngài chưa bao giờ loại bỏ những kẻ lạm dụng tình dục khỏi hàng giáo sĩ. (77) Ngài không những loại bỏ Maciel, mà còn tước bỏ chức vụ của khoảng tám trăm linh mục lạm dụng tình dục từ năm 2005 đến năm 2013. (78) Ngài cũng bị đối xử bất công trong bộ phim năm 2019 *The Two Popes*, khiến người ta có cảm giác như Đức Bê-nê-đíc-tô đã che đậy cho Maciel, trong khi sự thật hoàn toàn ngược lại.

Sự phủ nhận tội lỗi và điều ác

Đức Bê-nê-đíc-tô đã hành động đúng cảm vì niềm tin của ngài rằng cái ác đã chiến thắng những linh mục bệnh hoạn này. Nhưng đối với nhiều người, không những không có cái gọi là cái ác, mà còn không có thực tại nào gọi là tội trọng. Tôi từng nghe một linh mục nói với khoảng 150 người lớn rằng không hề có tội trọng. Ông ta chế giễu ý tưởng cho rằng bất cứ ai ngồi trước mặt ông ta lại có thể phạm tội trọng. Khán giả dường như rất thích những gì ông ta nói.

Tôi kể câu chuyện này cho Đức ông Michael Wrenn, người không quen biết vị linh mục này, và hỏi ý kiến của ngài. Ngài nói rằng vị linh mục chắc hẳn đang phải vật lộn với những tội lỗi nghiêm trọng của riêng mình, giải thích rằng chỉ có những linh mục như vậy mới nói như thế; ngài nói: đó là cách để vị linh mục giảm bớt cảm giác tội lỗi. Hóa ra, Wrenn đã đúng. Không lâu sau cuộc trò chuyện giữa tôi và Wrenn, vị linh mục đã bị cách chức vì lạm dụng tình dục trẻ em trai. Ông ta chết vì nghiện rượu ở độ tuổi cuối 50.

Bác sĩ tâm thần Richard Fitzgibbons cho biết, trong quá trình điều trị cho các linh mục lạm dụng tình dục, ông đã “quan sát thấy rằng hầu hết những người đàn ông này đều phủ nhận tội lỗi trong cuộc đời mình”. Họ áp dụng một “đạo đức tình dục vị lợi” cho phép họ “coi khoái lạc của bản thân là mục đích cao nhất và sử dụng người khác —bao gồm cả thanh thiếu niên và trẻ em—như những đối tượng tình dục”. Họ khéo léo tìm kiếm “một người hướng dẫn tâm linh hoặc cha giải tội công khai chống lại giáo lý của Giáo hội về tình dục”. (79) Nghe rất giống vị linh mục mà tôi biết.

Tổng giám mục Fulton Sheen hẳn sẽ không ngạc nhiên. Ông nói, “Con người hiện đại đã đánh mất sự hiểu biết về chính tên gọi của tội lỗi.” Và chúng ta đã trở nên rất giỏi trong việc đổ lỗi cho bất cứ ai ngoại trừ chính mình. Con người hiện đại đã tự đặt bẫy cho mình, ông nói thêm, “bằng cách phớt lờ tội lỗi thực sự, anh ta có thể trở nên loạn thần hoặc rối loạn thần kinh.” (80)

Hồng Y Sarah đã nắm bắt được bản chất của bi kịch này: “Satan có một lòng căm thù mãnh liệt đối với các linh mục. Hắn muốn làm ô uế họ, khiến họ sa ngã, làm tha hóa họ. Bởi vì cả cuộc đời họ rao giảng chân lý của Thập giá.” (81) Những gì Hồng Y nói không thể phóng đại. Không có bất cứ cuộc điều tra tâm lý nào về bản chất của những linh mục lạm dụng tình dục tội tệ nhất có thể giải thích đầy đủ hành vi của họ. Trong những trường hợp cực đoan nhất, người ta có thể cảm nhận được bàn tay của ma quỷ. Cầu nguyện là cần thiết để chống lại những sự việc như vậy, nhưng điều đó cũng đòi hỏi lòng can đảm. Những kẻ phạm tội nhiều lần và những kẻ gây tai tiếng cho Giáo hội không có chỗ trong hàng giáo sĩ.

Ghi chú

- (1) Đức Hồng Y John O'Connor, “ ‘Linh mục’ và Các Linh mục Đích thực”, *Catholic New York*, April 6, 1995, 7
- (2) Cindy Wooden, “ ‘Cuộc Chiến Thiên liêng’ Phải là Một Phần của Trận Chiến chống Lạm dụng Tình dục, Đức Giáo Hoàng nói vậy”, *Catholic News Service*, March 31, 2019
- (3) Giáo hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI, “Toàn văn bài phát biểu của Bê-nê-đíc-tô XVI: Giáo hội và vụ tai tiếng lạm dụng tình dục”, *Catholic News Agency*, ngày 10 tháng 4 năm 2019, <https://www.catholicnewsagency.com/news/full-text-of-Bê-nê-đíc-tô-xvi-thechurch-and-the-scandal-of-sexual-abuse-59639>.
- (4) Jason Berry, *Đừng dẫn chúng con vào cám dỗ: Các linh mục Công Giáo và việc lạm dụng tình dục trẻ em* (New York: Doubleday, 1992), 155.
- (5) Ibid., 75, 139.
- (6) Ibid., 68, 69, 84.
- (7) Leon J. Podles, *Sự phạm thánh: Lạm dụng tình dục trong Giáo Hội Công Giáo* (Baltimore, Md.: Crossland Press, 2008), 260-63.
- (8) Jesse Remedios, “Loạt bài về lạm dụng tình dục tại Đại học Công Giáo kết thúc với những quan điểm hoàn toàn khác biệt”, *National Catholic Reporter*, ngày 2 tháng 5 năm 2019, <https://www.ncronline.org/news/accountability/catholic-university-sexabuse-series-wraps-starkly-different-viewpoints>.
- (9) “Người sáng lập nhóm Công Giáo Mexico ‘lạm dụng 60 trẻ vị thành niên’”, video, 1:40, *Reuters*, ngày 23 tháng 12 năm 2019, <https://www.reuters.com/video/watch/mexican-catholic-group-founderabused-60-id646544955?chan=8gwsyvzx>. Xem thêm D’Antonio, *Tội trọng*, 232.
- (10) Gerald Renner và Jason Berry, “Người đứng đầu Dòng Công Giáo Toàn cầu bị cáo buộc có lịch sử lạm dụng”, *Hartford Courant*, ngày 23 tháng 2 năm 1997, A1.
- (11) Lá thư của tôi có sẵn tại “Donohue chưa bao giờ bảo vệ Cha Maciel”, *Catholic League*, ngày 5 tháng 4 năm 2010, <https://www.catholicleague.org/donohue-never-defended-fr-maciel/>.
- (12) Richard McBrien, “Đức Mẹ Mân Côi”, *National Catholic Reporter*, ngày 3 tháng 10 năm 2011, www.ncronline.org/print/blogs/essaystheology/our-lady-rosary.
- (13) Idoia Sota và José M. Vidal, “Người linh Lê-giê chết bốn lần mà không muốn xưng tội”, *El Mundo*, số 746, ngày 31 tháng 1 năm 2010.
- (14) David McFadden và David Crary, “Các Giám mục trì hoãn bỏ phiếu về việc chống lại cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục trong Giáo hội”, *Fox45*, ngày 12 tháng 11 năm 2018, <http://www.foxbaltimore.com/news/local/bishops-delay-votes-oncombatting-church-sex-abuse-crisis>. Đây là một bài báo của AP.
- (15) “Báo cáo McCarrick” có tên chính thức là *Báo cáo về Kiến thức và Quyết định của Tòa Thánh liên quan đến Cựu Hồng Y Theodore Edgar McCarrick*. Báo cáo này được công bố vào ngày 10 tháng 11 năm 2020.
- (16) Tổng Giám mục Viganô đã đưa ra nhận xét này trên chương trình *The World Over* của

EWTN với Raymond Arroyo, ngày 12 tháng 11 năm 2020.

- (17) Ibid.
- (18) “Báo cáo McCarrick”, 91.
- (19) Ibid., 23.
- (20) Ibid., 27.
- (21) Ibid., 70-71.
- (22) Ibid., 73.
- (23) Ibid., 190.
- (24) Ibid., 76.
- (25) Ibid., 77.
- (26) Ibid., 84-85.
- (27) Ibid., 87.
- (28) Ibid., 92.
- (29) Ibid., 93.
- (30) Ibid., 95-99.
- (31) Ibid., 101-110.
- (32) Ibid., 100. Xem chú thích.
- (33) Ibid., 112-14.
- (34) Ibid., 114-15.
- (35) Ibid., 116. Xem chú thích.
- (36) Ibid., 116.
- (37) Ibid., 129.
- (38) Ibid., 117-23.
- (39) Ibid., 130.
- (40) Ibid.
- (41) Ibid., 131.
- (42) Ibid., 140.
- (43) Ibid., 134, 137.
- (44) Ibid., 139.
- (45) Ibid., 169.
- (46) Ibid., 171.
- (47) Ibid., 169-70.
- (48) Ibid., 170.
- (49) Ibid., 142.
- (50) Ibid., 179.
- (51) Ibid., 182.
- (52) Ibid.
- (53) Ibid.
- (54) Ibid., 173-74.
- (55) Chương trình *The World Over* với Raymond Arroyo, EWTN, ngày 12 tháng 11 năm 2000.
- (56) “Báo cáo McCarrick”, 230-31.
- (57) Ibid., 232.
- (58) Ibid., 246.
- (59) Ibid., 251.
- (60) Ibid., 260.
- (61) Ibid., 279-81.
- (62) Ibid., 282-86.
- (63) Ibid., 290.
- (64) Ibid., 308.
- (65) Ibid., 298.

- (66) Ibid., 370-72.
- (67) Ibid., 394.
- (68) Ibid., 401-2.
- (69) Ibid., 403-4.
- (70) Ibid., 404-5.
- (71) Ibid., 433.
- (72) Ibid., 434.
- (73) Ibid., 435.
- (74) Peter Daly, “Vội vạy tai tiếng McCarrick, phong trào #MeToo đến với Giáo hội”, *National Catholic Reporter*, ngày 6 tháng 8 năm 2018, https://www.ncronline.org/news/accountability/parish-diary/mccarrickscandal-metoo-arrives-church?site_redirect=1.
- (75) John Thavis, “Khi còn là Hồng Y, Giáo hoàng đã yêu cầu hành động nhanh chóng chống lại các linh mục lạm dụng”, *Catholic News Service*, ngày 2 tháng 12 năm 2010, đăng tải tại BishopAccountability.org, http://www.bishopaccountability.org/news2010/11_12/2010_12_02_Thavis_WhileA.htm.
- (76) Gregory Erlandson và Matthew Bunson, *Giáo hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI và cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục* (Huntington, Ind.: Our Sunday Visitor, 2010), 153.
- (77) Laurie Goodstein, “Mật nghị Hồng Y dễ sai lầm của Rome”, *New York Times*, ngày 27 tháng 2 năm 2013, A1.
- (78) Nicole Winfield, “Giáo hoàng lặng lẽ cắt giảm các biện pháp trừng phạt đối với những kẻ lạm dụng tình dục tìm kiếm lòng thương xót”, *AP News*, ngày 25 tháng 2 năm 2017, <https://apnews.com/64e1fc2312764a24bfb2d6ec3bf4caf/pope-quietlytrims-sanctions-sex-abusers-seeking-mercy>.
- (79) Richard Fitzgibbons và Dale O’Leary, “Lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các giáo sĩ Công Giáo”, *Linacre Quarterly* 78, số 3 (tháng 8 năm 2011): 260.
- (80) Fulton Sheen, *Cuộc sống của bạn đáng sống: những bài học để làm sâu sắc thêm đức tin của bạn* (New York: Image, 2019), 263.
- (81) Hồng Y Robert Sarah, *Ngày đã qua* (San Francisco: Ignatius Press, 2019), 71.

Chương 6: Vai trò của đồng tính luyến ái: Phủ nhận sự thật hiển nhiên

Không ai phủ nhận rằng hơn tám trong mười nạn nhân bị lạm dụng tình dục bởi giáo sĩ là nam giới, và gần tám trong mười nam giới đó đã qua tuổi dậy thì. Mặc dù nhiều người ngần ngại thừa nhận điều đó, nhưng sự thật vẫn là khi một người đàn ông trưởng thành quan hệ tình dục với một nam thanh niên, anh ta đang có hành vi đồng tính luyến ái. Mọi người đều biết điều này là đúng, nhưng nói ra lại không được ưa chuộng. Những kẻ phủ nhận không ngừng giở trò, làm mọi cách để lái cuộc thảo luận ra khỏi vấn đề các linh mục đồng tính. Điều này hoàn toàn không trung thực, nhưng sự không trung thực đó lại lan tràn đến mức nó thắng thế, kể cả trong giới Giáo hội.

Ví dụ, SNAP đã cố gắng chuyển hướng sự chú ý khỏi các linh mục đồng tính bằng cách chứng minh rằng phụ nữ cũng bị lạm dụng. (1) Tuy nhiên, số lượng phụ nữ bị lạm dụng tương đối ít. Cựu lãnh đạo của SNAP, David Clohessy, cùng với những người như Cha Thomas Doyle, nổi tiếng vì sự phản nộ trước nạn lạm dụng tình dục của giáo sĩ, nhưng như nhà sử học James Hitchcock đã nhận xét, “Họ chưa bao giờ sẵn lòng nói ra điều hiển nhiên.” (2) Họ không phải là những người duy nhất.

Cha Andrew Greeley đã cố gắng hết sức để tự thuyết phục mình rằng vụ tai tiếng này không phải là vụ tai tiếng đồng tính. “Mặc dù 81% thủ phạm lạm dụng là người đồng tính, nhưng điều đó không có nghĩa là tất cả đàn ông đồng tính hoặc tất cả linh mục đồng tính đều là thủ phạm lạm dụng.” (3) Tương tự, ngài đã viết rằng “lập luận cho rằng vì hầu hết thủ phạm lạm dụng là người đồng tính, nên tất cả người đồng tính đều là thủ phạm lạm dụng, một nguy hiểm mà những kẻ ngu ngốc không nhận ra.” (4) Thật đáng tiếc là Greeley đã không chỉ ra những kẻ ngu ngốc đó. Có lẽ đó là vì không có ai như vậy. Không ai lập luận rằng vì hầu hết thủ phạm lạm dụng là người đồng tính, nên tất cả linh mục đồng tính đều là thủ phạm lạm dụng. Đó là một sự đánh lạc hướng. Vấn đề thực sự là tại sao hầu hết thủ phạm lạm dụng lại là người đồng tính. Như tôi đã nói trong nhiều năm, hầu hết các linh mục đồng tính không phải là kẻ lạm dụng, nhưng hầu hết những kẻ lạm dụng lại là người đồng tính. Điều đó là không thể phủ nhận.

Một cách khác để phủ nhận điều hiển nhiên là giả vờ rằng việc kỳ thị người đồng tính, chứ không phải việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các linh mục đồng tính, mới là vấn đề. Chiêu trò này đã được Charles Colbert, một phóng viên của tờ National Catholic Reporter, thử vào tháng 4 năm 2002: “Tôi nghĩ việc đổ lỗi và biến các linh mục đồng tính thành vật tế thần là hoàn toàn thái quá, tìm một vật tế thần cho việc này, trong khi lại đánh lạc hướng vấn đề thực sự... việc kỳ thị người đồng tính sâu xa.” (5) Nhưng chứng kỳ thị không quá rồi trẻ vị thành niên—mà là những kẻ săn mồi. Việc hoàn toàn không có chứng kỳ thị người đồng tính sẽ không ngăn cản một linh mục đồng tính bệnh hoạn nào đó lạm dụng các nam thanh niên.

Hội nghị thượng đỉnh Vatican năm 2019

Việc phủ nhận vai trò của người đồng tính trong vụ tai tiếng này lan rộng đến cả hàng giáo phẩm của Giáo hội. Đầu năm 2019, một hội nghị thượng đỉnh của Vatican đã được tổ chức tại Rome để giải quyết vụ tai tiếng lạm dụng tình dục. Nhưng trước khi bắt đầu, một số giáo dân Công Giáo có ảnh hưởng đã tập hợp lại để giải quyết vấn đề này.

Hội nghị thượng đỉnh Hợp tác Công Giáo của Tổ chức Bàn tròn Lãnh đạo được tổ chức tại Washington, D.C., và một báo cáo chi tiết về công việc của tổ chức đã được ban hành; báo cáo gồm sáu trang khuyến nghị và sáu trang bình luận. Tổ chức Bàn tròn Lãnh đạo đã có một số

công việc tốt trong quá khứ, nhưng báo cáo này lại gây thất vọng. Báo cáo đề cập đến “Hai cuộc khủng hoảng song song về lạm dụng và thất bại trong lãnh đạo” và giải quyết “nguyên nhân gốc rễ”, nhưng đáng tiếc là, hoàn toàn không có gì trong báo cáo cố gắng xem xét nguyên nhân gốc rễ của lạm dụng tình dục; chỉ có những thất bại trong lãnh đạo được ghi nhận. (6)

Trang 4 của báo cáo nói rằng “có hai cuộc khủng hoảng cần hai giải pháp song song”. (7) Đúng vậy. Vụ tai tiếng liên quan đến hai bên: các linh mục lạm dụng và các giám mục dung túng cho họ. Tại sao không ai liên quan đến báo cáo lại đặt câu hỏi tại sao chỉ có bên thứ hai được thảo luận? Ba Hồng Y, Blaise Cupich của Chicago, Joseph Tobin của Newark và Seán O’Malley của Boston, đã tham gia sự kiện này. Chắc chắn một trong số họ nên lên tiếng về lỗ hổng lớn trong báo cáo. Hội nghị thượng đỉnh Vatican sau đó là một thất bại thảm hại: nó chỉ đề cập đến các giám mục dung túng, không nói gì về các linh mục lạm dụng tình dục. Điều này giống như đổ lỗi cho các trùm ma túy về chứng nghiện ma túy mà không bao giờ đề cập đến người sử dụng ma túy. Chắc chắn, các trùm ma túy là một bên có tội, nhưng nếu không có người sử dụng ma túy, họ sẽ không còn làm ăn nữa. Tương tự, nguồn gốc của việc lạm dụng tình dục bởi giáo sĩ phải bắt đầu từ những kẻ lạm dụng, chứ không phải từ cấp trên của họ.

Điều đáng thất vọng nhất là lập trường của Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô. Ngài biết rằng các linh mục đồng tính luyến ái là vấn đề thực sự, đó là lý do tại sao ngài nói rằng họ không thuộc về hàng giáo sĩ. Tuy nhiên, tại hội nghị thượng đỉnh, ngài đã xác định chủ nghĩa giáo sĩ trị là gốc rễ của vấn đề. (8) Trong khi đó, Tổng Giám mục Charles Scicluna của Malta, một trong những người tổ chức chính của sự kiện, nói rằng việc nói về vai trò của người đồng tính là sai lầm vì “khái quát hóa về các loại người không bao giờ là hợp pháp. Chúng ta có các trường hợp cá nhân, chúng ta không có các loại người.” (9)

Tuyên bố của Scicluna là vô lý. Hầu hết tội phạm đường phố đều do những thanh niên đến từ các gia đình không có cha gây ra. Gia đình không có cha là một loại người; không thảo luận về vai trò của họ trong việc giải thích các tội phạm bạo lực sẽ là một thiếu sót. Tương tự, vì các linh mục đồng tính luyến ái phạm hầu hết các vụ lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên, việc từ chối thảo luận về vai trò của họ trong một hội nghị thượng đỉnh về lạm dụng tình dục cũng không thể tha thứ được.

Các phóng viên và chuyên gia trên các phương tiện truyền thông Công Giáo đã công khai nói về việc từ chối thảo luận về vai trò của đồng tính luyến ái trong vụ tai tiếng. “Trong cuộc tranh luận về ‘nhóm vận động hành lang đồng tính’, Đức Giáo Hoàng lại một lần nữa im lặng”: đó là cách mà biên tập viên John L. Allen Jr. của Crux đã viết. (10) Tương tự, bài viết mà Michael J. O’Loughlin viết cho tạp chí America có tiêu đề “Bất chấp áp lực bên ngoài, ít ai nói về đồng tính luyến ái tại hội nghị thượng đỉnh Vatican”. (11)

Một số người quan sát thích những gì họ nghe được. Một bài xã luận trên tờ National Catholic Reporter cho rằng vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ có “nguồn gốc sâu xa trong một nền văn hóa giáo sĩ coi trọng sự bí mật, đặc quyền và quyền lực hơn là phúc lợi của các nạn nhân trẻ em và gia đình”. (12) John Gehring, một nhà hoạt động tại Faith in Public Life, viết: “Nguyên nhân gốc rễ của cuộc khủng hoảng hiện sinh này đối với Giáo hội là chủ nghĩa giáo sĩ trị, một nền văn hóa tổ phụ khép kín, nơi các linh mục và giám mục được coi là một tầng lớp đặc quyền tách biệt.” (13) Cha Hans Zollner, một tu sĩ Dòng Tên, người đã giúp tổ chức hội nghị thượng đỉnh, đã chỉ ra “lạm dụng quyền lực” là nguyên nhân của vụ tai tiếng. (14)

Những người nhận thấy sự phủ nhận thực tế quy mô lớn đang diễn ra đã không hài lòng. Cha Raymond J. de Souza nói rằng hội nghị thượng đỉnh là “một bước ngoặt trong cách hiểu về lạm

dụng tình dục trong Giáo hội - với sự chuyển dịch từ chính tình dục sang lạm dụng quyền lực”. Kết quả là, ngài nói, sự chú ý cũng đã chuyển hướng khỏi “đạo đức tình dục và đức hạnh trinh tiết”. (15) Ngài nói đúng. Bất cứ cuộc thảo luận nào về lạm dụng tình dục của linh mục mà không đề cập đến đạo đức tình dục và đức hạnh trinh tiết đều là điều vô lý.

Khi một sự kiện quan trọng như hội nghị thượng đỉnh của Vatican về lạm dụng tình dục của giáo sĩ lại phủ nhận điều hiển nhiên, nó đã tạo điều kiện cho những kẻ có mục đích riêng. Thật vậy, nó đã tiếp thêm sức mạnh cho những người như Robert Hoatson, cựu linh mục bệnh vực các nạn nhân. Ông thậm chí còn thấy ghê tởm khi đề cập đến vai trò của những người đồng tính trong vụ tai tiếng và khẩn cầu người Công Giáo “hãy đón nhận các linh mục đồng tính và chuyển giới”. (16)

Không diễn đàn nào phản ánh sự thất bại của hội nghị thượng đỉnh Vatican hơn sự kiện năm 2019 tại Đại học Georgetown, Hội nghị Quốc gia về Lãnh đạo Giáo dân cho một Giáo hội Bị tổn thương và Quốc gia Chia rẽ, do John Carr và Kim Daniels thuộc Sáng kiến về Tư tưởng Xã hội Công Giáo và Đời sống Công cộng tổ chức. (17) Vấn đề trước mắt họ là vụ tai tiếng. Chưa một lần nào có ai đề cập đến các linh mục đồng tính. Đối với khoảng năm mươi người mà họ mời, vụ tai tiếng hoàn toàn là kết quả của chủ nghĩa giáo sĩ trị. Họ nói rằng có thể đạt được tiến bộ bằng cách loại bỏ các danh xưng như “Ngài Hồng Y” và “Ngài Giám mục”, như thể điều đó có liên quan gì đến lý do tại sao Gauthier, Geoghan và Shanley lại trở thành những kẻ hiếp dâm đồng tính hàng loạt. Cũng ngờ ngợ không kém, họ nói rằng Giáo hội cần tập trung hơn vào sự đa dạng. Họ không nói sự đa dạng có liên quan gì đến những kẻ quấy rối tình dục điên cuồng. Họ đề xuất những cải cách non nớt như “phát triển sự hợp tác quốc gia giữa các bộ ngành” và “vừa khiêm tốn vừa dũng cảm”. Nói cách khác, đây lại là một cơ hội bị bỏ lỡ khác để giải quyết vấn đề một cách nghiêm túc.

Trong tất cả những lời bàn tán về chủ nghĩa giáo sĩ trị, biểu hiện duy nhất mà tất cả những người này đều bỏ qua là “chủ nghĩa giáo sĩ trị đồng tính”. Jason Berry, người không phải là người bảo thủ, đã phát hiện ra điểm mù này trước bất cứ ai khác. Ông nói: “Phe cánh tả Công Giáo, chỉ tập trung vào đồng tính luyến ái như một vấn đề nhân quyền, dường như không thể hiểu rằng việc lạm dụng quyền lực của giới giáo sĩ đồng tính cũng là một vấn đề chính đáng như chứng sợ người đồng tính.” (18) Mười năm sau, vào năm 2002, nhà sử học Giáo hội James Hitchcock đã viết: “Đến nay, rõ ràng là, như đã được nghi ngờ từ lâu, rằng trong Giáo hội Công Giáo Mỹ tồn tại một mạng lưới các giáo sĩ đồng tính và mạng lưới này, trải rộng đến hàng ngũ giám mục, có ảnh hưởng đáng kể đến đời sống của Giáo hội.” (19) Giới giáo sĩ đồng tính, như chúng ta sẽ thấy, đã hình thành nên nền tảng của một tiểu văn hóa đồng tính trong Giáo hội và có tác động tàn phá.

Phân tích sắc bén nhất về hội nghị thượng đỉnh Vatican được đưa ra bởi Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI. Mặc dù ngài không đưa ra lập luận của mình để đáp lại trực tiếp cuộc họp tháng Hai, nhưng tiểu luận dài sáu nghìn từ của ngài vào tháng 4 năm 2019 được xem, hoàn toàn chính xác, là cách ngài đáp lại nó. Một số người không theo Công Giáo đã khó chịu với ngài vì đã phá vỡ sự im lặng của mình. Câu đầu tiên của một bài báo trang nhất trên tờ New York Times đã định hình giọng điệu: “Trong thời gian nghỉ hưu, Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI dường như đã mệt mỏi vì phải che giấu bản thân.” Câu tiếp theo lưu ý rằng trước đây ngài “tuyên bố sẽ ‘vẫn ẩn mình với thế giới’”. (20) Nói cách khác, ngài đã có phần giả dối khi lên tiếng. Nhưng điều tồi tệ hơn nữa là tiểu luận của ngài “đã làm suy yếu quyền lực của Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô một cách đáng kể nhất từ trước đến nay”. (21)

Quan điểm này đã được lặp lại trên các phương tiện truyền thông Công Giáo, chẳng hạn như bởi John Thavis thuộc Catholic News Service. (22) Có một sự trở trêu lớn trong quan điểm của

Michael Sean Winters thuộc National Catholic Reporter: ông chỉ trích giáo hoàng danh dự vì chỉ đề cập đến nguyên nhân của lạm dụng tình dục, mà không nói một lời nào về các giám mục tiếp tay. (23) Há không phải việc từ chối hoàn toàn giải quyết bất cứ vấn đề nào ngoài chủ nghĩa giáo sĩ trị tại hội nghị thượng đỉnh Vatican đã là động lực thúc đẩy Đức Bê-nê-đíc-tô mang lại sự cân bằng cho cuộc thảo luận đó sao?

Nhà sử học Christopher Bellitto cho rằng tiểu luận của Đức Bê-nê-đíc-tô “về cơ bản đã bỏ qua những gì chúng ta đã học được ở đó”. Không, bức thư của Đức Bê-nê-đíc-tô nhằm mục đích sửa chữa bất cứ điều gì đã được học được ở đó. (24) Tác giả người Anh Austen Ivereigh là người chỉ trích gay gắt nhất: “Việc công bố bức thư này có tác động ly khai, nếu không phải là về ý định.” (25) Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI rõ ràng đã chạm vào điểm nhạy cảm; nếu không thì phản ứng đã im lặng hơn.

Ấu dâm và ái thiếu niên (ephebophilia)

Một cách khác để phủ nhận điều hiển nhiên là giả vờ cho rằng vấn đề thực sự không phải là đồng tính luyến ái mà là ấu dâm hoặc ái thiếu niên. Luận điểm trước đơn giản là không chính xác, và luận điểm sau là một sự lảng tránh.

Hầu như không có câu chuyện tin tức nào được xuất bản mà không đề cập đến việc lạm dụng tình dục của giáo sĩ như một vấn đề ấu dâm. Điều này không chỉ đúng ở Hoa Kỳ mà còn trên toàn thế giới. Cụm từ “linh mục ấu dâm” được nhắc đến trên đài phát thanh, truyền hình và Internet một cách tùy tiện đến nỗi hầu như ai cũng nghĩ rằng Giáo Hội Công Giáo đang che chở cho những kẻ ấu dâm. Điều đó không đúng. Đây là một lời nói dối. Ấu dâm hầu như không liên quan gì đến việc lạm dụng tình dục của giáo sĩ.

Ấu dâm đề cập đến việc người lớn có sở thích tình dục với trẻ em chưa đến tuổi dậy thì. Theo Học viện Nhi khoa Hoa Kỳ, tuổi dậy thì ở bé trai bắt đầu lúc 10 tuổi đối với người da trắng và người gốc Tây Ban Nha, và 9 tuổi đối với người Mỹ gốc Phi Châu. (26) Các nhà nghiên cứu của Đại học John Jay phát hiện ra rằng 3.8% nạn nhân bị lạm dụng tình dục bởi giáo sĩ là bé trai từ 10 tuổi trở xuống và đã xác định chính xác những kẻ lạm dụng mình là những kẻ ấu dâm. (27) Những người điều trị cho các linh mục lạm dụng tình dục, chẳng hạn như nhà tâm lý học Tiến sĩ Leslie Lothstein, cũng cho rằng chỉ một số ít kẻ lạm dụng là những kẻ ấu dâm. (28) Các nhà nghiên cứu của Đại học John Jay cũng phát hiện ra rằng 78.2% nạn nhân của các linh mục là bé trai đã qua tuổi dậy thì. (29) Các chuyên gia khác đã tìm thấy những con số tương tự và do đó thích đổ lỗi cho việc lạm dụng tình dục bởi giáo sĩ là do chứng ái thiếu niên, tức là người lớn thích quan hệ tình dục với thanh thiếu niên. Cha Stephen Rossetti, một nhà tâm lý học đã điều trị cho nhiều linh mục, nói rằng hơn 90% “các linh mục và tu sĩ lạm dụng tình dục trẻ em không phải là những kẻ ấu dâm thực sự... [mà là] những kẻ ái thiếu niên”. (30) Nhà tâm lý học Thomas Plante cũng có cùng quan điểm. (31) Ông nói rằng 80 đến 90% các linh mục lạm dụng tình dục đã “quan hệ với các cậu bé vị thành niên chứ không phải trẻ em chưa dậy thì”. Do đó, ông gọi họ là “những kẻ ái thiếu niên”. (32)

Việc gán nhãn quan hệ tình dục giữa nam giới trưởng thành và vị thành niên là ái thiếu niên là một trò chơi ngôn ngữ, mục đích là để chuyển hướng cuộc thảo luận khỏi đồng tính luyến ái. Mary Eberstadt đã tinh ý nhận ra trò chơi đang được chơi. Bà hỏi: “Lần cuối cùng bạn nghe thấy cụm từ ‘ái thiếu niên’ được áp dụng cho một người đàn ông dị tính là khi nào?” “Câu trả lời gần như chắc chắn là bạn chưa từng nghe đến. Đó là bởi vì ‘ephebophile’, trong thuật ngữ nghe có vẻ chuyên môn của các bài bình luận về vụ tai tiếng, là một thuật ngữ mà sức hấp dẫn chính của nó là giúp người ta không cần phải sử dụng các từ ‘đồng tính’ hoặc ‘gay’ khi cố gắng

mô tả chính xác những tội ác tình dục nào mà các linh mục phạm tội đã gây ra.” (33)

Nhà sử học Philip Jenkins, tác giả của một cuốn sách về lạm dụng tình dục của giáo sĩ, đã khen ngợi Eberstadt về nhận xét của bà. “Tôi nghĩ bà ấy hoàn toàn đúng khi đề nghị chúng ta nên tránh xa thuật ngữ quá chuyên môn ‘ephebophilia’, mà tôi thực sự đã sử dụng trong quá khứ, mặc dù bây giờ tôi tin rằng từ này thẳng thắn mà nói không truyền đạt được gì cho hầu hết độc giả am hiểu. Ngày nay tôi có xu hướng nói về những hành vi này như là ‘đồng tính luyện ái’.” (34)

Và ông ấy nên làm như vậy. Với việc 81% tất cả các nạn nhân của lạm dụng tình dục của giáo sĩ, bất kể tuổi tác, đều là nam giới, điều đó có nghĩa là các linh mục đồng tính luyện ái chịu trách nhiệm cho khoảng 8 trong số 10 trường hợp lạm dụng.

Đồng tính luyện ái như một “hồng phúc”

Có lẽ sự lãng tránh thiếu thành thật nhất về vai trò của đồng tính luyện ái trong vụ tai tiếng là khẳng định rằng đồng tính luyện ái là một hồng phúc (gift). Hầu như không ai nói về dị tính luyện ái như một hồng phúc; nó được coi là điều hiển nhiên. Vậy tại sao đồng tính luyện ái—điều mà những người trải nghiệm nó có thể cảm thấy như một gánh nặng—lại được tôn sùng?

Không ai nổi tiếng hơn Cha James Martin, S.J. trong việc bảo vệ các linh mục đồng tính luyện ái ở Hoa Kỳ. Trong hơn hai thập niên, ông đã kịch liệt phản đối giáo lý của Giáo hội rằng khuynh hướng đồng tính luyện ái là một rối loạn khách quan (giáo hội dạy rằng hành vi đồng tính luyện ái là rối loạn nội tại). Ông nói rằng thật khó khăn cho linh mục đồng tính luyện ái khi thực hiện công việc của Giáo hội, “trong khi biết rằng Giáo hội coi họ hướng tới một điều ác về mặt đạo đức nội tại”. (35)

Công bằng mà nói, Martin đã đưa ra một luận điểm hay. Đúng vậy, chắc hẳn rất khó khăn cho các linh mục đồng tính luyện ái, kể cả những người trinh khiết, khi làm công việc của họ khi biết những gì Giáo hội dạy về khuynh hướng của họ. Nhưng nếu những gì Giáo Hội dạy là đúng, thì việc thấy khó khăn không phải là lý do để bác bỏ nó. Tuân theo giáo huấn của Giáo Hội là một thách thức đối với tất cả mọi người, bởi vì tất cả chúng ta, những người sa ngã, đều có những khuynh hướng nhất định. Chúng ta phải nỗ lực vượt qua cái ác bằng ân sủng và lòng thương xót của Chúa.

Cha Martin nhận được sự ủng hộ từ một số giới trong Giáo hội. Tổng giám mục Berlin Heiner Koch, chủ tịch Ủy ban Hôn nhân và Gia đình của hội đồng giám mục Đức, nói rằng đồng tính luyện ái là một “hình thức bình thường” của bản sắc giới tính con người. (36) Nhưng nếu đồng tính luyện ái là bình thường, thì việc sinh sản sẽ diễn ra như thế nào? Tác giả đồng tính nữ Camille Paglia không đồng ý với Tổng giám mục Heiner: “Đồng tính luyện ái không phải là ‘bình thường’. Ngược lại, nó là một thách thức đối với chuẩn mực... Tự nhiên hiện hữu dù các học giả có muốn hay không. Và trong tự nhiên, sinh sản là quy luật duy nhất không ngừng nghỉ. Đó là chuẩn mực. Cơ thể tình dục của chúng ta được thiết kế để sinh sản.” (37) Đúng vậy, tự nhiên là một thực tế cứng đầu, một thực tế không thể thay đổi chỉ bằng ý kiến cá nhân.

Martin nói rằng vì hầu hết những người đồng tính luyện ái đều quen thuộc với đau khổ và sự cô lập, nên họ phù hợp hơn để trở thành linh mục. (38) Đó là một lập luận yếu. Mặc dù đau khổ thực sự có thể khiến mọi người đồng cảm hơn, nhưng không phải lúc nào cũng vậy. Một số người để nỗi đau khổ khiến họ trở nên ích kỷ, cay đắng và thù hận. Và người đồng tính không phải là những người duy nhất đau khổ trên thế giới này.

Martin không phải là người duy nhất có quan điểm như vậy. Hai năm sau khi những tuyên bố của ông được đăng tải, Giám mục Thomas J. Gumbleton cho rằng đồng tính luyến ái là một hồng phúc vì nó khiến các linh mục đồng tính luyến ái trở nên nhân ái hơn. (39) Năm 2017, một giám mục người Brazil tuyên bố đồng tính luyến ái là một “hồng phúc từ Thiên Chúa”. Ông đi đến kết luận này bằng cách lưu ý rằng vì người đồng tính không lựa chọn trở thành như vậy, nên khuynh hướng tình dục của họ có thể được coi là một hồng phúc. (40) Nhưng chúng ta cũng không chọn bệnh ung thư hay gãy chân. Điều đó có khiến chúng trở thành hồng phúc không? Nguyên nhân của sự đau khổ có thể được xem là mang tính cứu chuộc, nhưng đó không phải là điều được nói đến ở đây.

Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô, trong nỗ lực không gạt bỏ người đồng tính, đã hỏi các tín hữu Công Giáo: “Liệu cộng đồng của chúng ta có khả năng cung cấp điều đó, chấp nhận và coi trọng khuynh hướng tình dục của họ, mà không làm tổn hại đến giáo lý Công Giáo về gia đình và hôn nhân?” (41) Đây là một câu trúc khá vụng về, và nó có thể là một bản dịch tồi; nhưng nếu điều Đức Giáo Hoàng muốn nói là chúng ta nên chấp nhận nhau như những món quà của Chúa bất kể khuynh hướng tình dục của chúng ta, thì điều đó không có gì lạ: đó là điều Giáo Hội dạy. Điều quan trọng nhất là lời kết luận của ngài. Không giống như những người nói về đồng tính luyến ái như một món quà, Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô đã nói rõ rằng bất cứ khi nào thảo luận về việc đối xử với người đồng tính, chúng ta phải luôn nhớ rằng chúng ta không bao giờ được làm hại các giáo huấn của Công Giáo về hôn nhân và gia đình.

Chúng ta không bao giờ được quên rằng có những linh mục đồng tính tốt cũng đấu tranh với sự trong sạch giống như những linh mục dị tính tốt. Họ xứng đáng được chúng ta tôn trọng. Nhưng chúng ta không bao giờ được để chủ nghĩa tình cảm lấn át việc theo đuổi sự thật, và sự thật là các linh mục đồng tính phải chịu trách nhiệm cho phần lớn các vụ lạm dụng tình dục trong giới giáo sĩ.

Chúng ta cần phải trung thực về lý do tại sao lại như vậy.

Ghi chú

- (1) “Tin tức về các nạn nhân nữ bị lạm dụng tình dục bởi giáo sĩ”, http://www.snapnetwork.org/female_victims/female_victims_index.htm.
- (2) James Hitchcock, “Bảo vệ điều không thể bào chữa”, *Catholic World Report*, tháng 7 năm 2005, trang 37.
- (3) Andrew Greeley, “Cả hai phía đều sai về vấn nạn lạm dụng trong Giáo hội”, *Sun Times*, ngày 12 tháng 3 năm 2004, BishopAccountability.org, https://www.bishopaccountability.org/news2004_01_06/2004_03_12_Greeley_BothSides.htm.
- (4) Andrew Greeley, “Lý luận sai lầm trong việc cấm các linh mục đồng tính”, *Times Union*, ngày 7 tháng 10 năm 2005, trang A11.
- (5) “Những cáo buộc chống lại một linh mục khác ở khu vực Boston nổi lên”, chương trình *The Point của CNN*, bản ghi ngày 8 tháng 4 năm 2002, <http://www.cnn.com/TRANSCRIPTS/0204/08/tpt.00.html>.
- (6) Christopher White, “Nhóm lãnh đạo Công Giáo đưa ra kế hoạch chống lại lạm dụng và che đậy”, *Crux*, ngày 4 tháng 3 năm 2019, <https://cruxnow.com/churchin-the-usa/2019/03/catholic-leadership-group-offers-plan-to-fight-abuseand-cover-up/>.
- (7) Ibid. Xem thêm Bill Donohue, “Báo cáo trống rỗng về lạm dụng được ban hành”, *Catholic League*, ngày 4 tháng 3 năm 2019, <https://www.catholicleague.org/vacuousreport-on-abuse-issued/>.

- (8) Jason Horowitz và Elisabetta Povoledo, “Vatican hy vọng cuộc gặp về lạm dụng tình dục trẻ em sẽ là một bước ngoặt”, *New York Times*, ngày 19 tháng 2 năm 2019, A8.
- (9) “Đức Tổng Giám Mục tại Hội nghị thượng đỉnh Vatican: Đồng tính luyện ái không phải là ‘điều thực sự dẫn đến tội lỗi’”, *LifeSiteNews*, ngày 21 tháng 2 năm 2019, <http://www.lifesitenews.com/news/cdf-archbishop-denies-homosexualityis-an-inclination-to-sin-at-vatican-sex>.
- (10) John Allen Jr., “Về cuộc tranh luận ‘vận động hành lang đồng tính’, Giáo hoàng lại một lần nữa đáp trả những người chỉ trích bằng sự im lặng”, *Crux*, ngày 3 tháng 3 năm 2019, <https://cruxnow.com/newsanalysis/2019/03/on-gay-lobby-debate-pope-again-offers-critics-the-soundof-silence/>.
- (11) Michael J. O’Loughlin, “Bất chấp áp lực bên ngoài, ít ai nói về đồng tính luyện ái tại Hội nghị thượng đỉnh về lạm dụng ở Vatican”, *America*, ngày 24 tháng 2 năm 2019, <https://www.americamagazine.org/faith/2019/02/24/despite-externalpressure-little-talk-homosexuality-vatican-abuse-summit>.
- (12) “Bài xã luận: Căn bệnh hệ thống bắt nguồn sâu xa từ văn hóa giáo sĩ”, *National Catholic Reporter*, ngày 20 tháng 2 năm 2019, <http://www.ncronline.org/print/news/accountability/editorial-systemicmalady-has-deep-roots-clerical-culture>.
- (13) John Gehring, “Nguyên nhân gốc rễ của cuộc khủng hoảng Công Giáo: Đó là văn hóa coi các linh mục và giám mục là tầng lớp đặc quyền”, *Daily News*, ngày 20 tháng 2 năm 2019, <http://www.nydailynews.com/opinion/ny-oped-the-rootcause-of-the-catholic-crisis-20190219-story.html>.
- (14) Maïke Hickson, “Giám mục Thụy Sĩ ủng hộ kiến nghị của LifeSite nhằm ngăn chặn các mạng lưới đồng tính luyện ái trong Giáo Hội Công Giáo”, *LifeSiteNews*, ngày 19 tháng 2 năm 2019, <https://www.lifesitenews.com/blogs/swiss-bishop-endorseslifesite-petition-to-stop-homosexual-networks-in-the>.
- (15) Raymond J. de Souza, “Nguy hiểm của việc đánh đồng lạm dụng tình dục với lạm dụng quyền lực”, *National Catholic Register*, ngày 23 tháng 3 năm 2019, <https://www.ncregister.com/commentaries/the-danger-of-conflating-sexualabuse-with-abuse-of-power>.
- (16) Ed Condon, “Nạn nhân bị lạm dụng: Một số nhóm ‘ủng hộ nạn nhân’ ‘có chương trình nghị sự riêng của họ’”, *Catholic News Agency*, ngày 2 tháng 8 năm 2019, <http://www.catholicnewsagency.com/news/abuse-survivor-some-victimadvocacy-groups-have-their-own-agendas>.
- (17) Lãnh đạo giáo dân cho một Giáo hội bị tổn thương và một quốc gia bị chia rẽ: Bài học, định hướng và con đường phía trước, *Báo cáo Hội nghị Quốc gia, Sáng kiến Tư tưởng Xã hội Công Giáo và Đời sống Công cộng, Đại học Georgetown*, ngày 14-15 tháng 6 năm 2019, <https://catholicsocialthought.georgetown.edu/publications/reportof-the-national-convening-on-lay-leadership-for-a-wounded-church-anddivided-nation>.
- (18) Jason Berry, *Đừng để chúng con sa vào cám dỗ: Các linh mục Công Giáo và việc lạm dụng tình dục trẻ em* (New York: Doubleday, 1992), 307.
- (19) James Hitchcock, “Sự bí mật và lật đổ trong Giáo hội có mô hình lịch sử”, *Phụ nữ vì Đức tin và Gia đình*, ngày 31 tháng 5 năm 2002, <http://archive.wf-f.org/JFH-Spies.html>.
- (20) Jason Horowitz, “Với bức thư về lạm dụng tình dục, Giáo hoàng đã nghỉ hưu trở lại trước công chúng”, *New York Times*, ngày 12 tháng 4 năm 2019, A4.
- (21) Ibid.
- (22) John Bacon, “Các nhà thần học: Bê-nê-đíc-tô sai khi đổ lỗi cho những năm 1960”, *USA Today*, ngày 12 tháng 4 năm 2019, 6A.
- (23) Michael Sean Winters, “Thư của Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô về cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục là một văn bản đáng tiếc”, *National Catholic Reporter*, ngày 11 tháng 4 năm

2019, <https://www.ncronline.org/news/opinion/distinctly-catholic/Bê-nê-đíc-tô-letterabout-sex-abuse-crisis-regrettable-text?clickSource=email>.

(24) Nicole Winfield, “Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô đã về hưu tham gia vào cuộc tranh luận về lạm dụng tình dục của giáo sĩ”, *Associated Press*, ngày 11 tháng 4 năm 2019, <https://apnews.com/article/c98a296cd9be4da4aabbdd626403d7a4>.

(25) “Giáo hoàng Bê-nê-đíc-tô đã về hưu tái xuất để tham gia vào cuộc tranh luận đang sôi nổi về lạm dụng tình dục trong giới giáo sĩ”, *Los Angeles Times*, ngày 14 tháng 4 năm 2019, <https://www.latimes.com/world/la-fg-vatican-pope-Bê-nê-đíc-tô-20190412story.html>.

(26) Học viện Nhi khoa Hoa Kỳ, “Nghiên cứu của Học viện Nhi khoa Hoa Kỳ ghi nhận sự khởi phát dậy thì sớm ở bé trai”, *EurekAlert!*, ngày 20 tháng 10 năm 2012, https://www.eurekalert.org/pub_releases/2012-10/aaopaa_2101312.php. Xem thêm, Daniel J. DeNoon, “Dậy thì sớm hơn: 9 hoặc 10 tuổi đối với bé trai trung bình ở Hoa Kỳ”, *WebMD*, ngày 20 tháng 10 năm 2012, <https://www.webmd.com/children/news/20121020/earlier-puberty-age-910-average-us-boy#1>.

(27) Karen J. Terry, Trường Cao đẳng Tư pháp Hình sự John Jay (JJCCJ), và Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ (USCCB), *Nguyên nhân và bối cảnh lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các linh mục Công Giáo tại Hoa Kỳ, 1950—2010: Báo cáo được trình bày trước Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ bởi Nhóm nghiên cứu của Trường Cao đẳng John Jay* (Washington, D.C.: Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ, 2011), 55.

(28) Mark Oppenheimer, “Một nhà tâm lý học am hiểu về điều trị các linh mục có hoạt động tình dục”, *New York Times*, ngày 9 tháng 4 năm 2010, <https://www.nytimes.com/2010/04/10/us/10beliefs.html>.

(29) Karen J. Terry, JJCCJ, và USCCB, *Bản chất và phạm vi lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các linh mục và phó tế Công Giáo tại Hoa Kỳ từ năm 1950 đến năm 2002: Một nghiên cứu được thực hiện bởi Trường Cao đẳng Tư pháp Hình sự John Jay* (Washington, D.C.: Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ, 2004), 6.

(30) Berry, *Đừng dẫn chúng con vào cám dỗ*, 281.

(31) Thomas G. Plante, “Không, đồng tính luyến ái không phải là yếu tố nguy cơ dẫn đến lạm dụng tình dục trẻ em”, *America*, ngày 22 tháng 10 năm 2018, <http://www.americamagazine.org/faith/2018/10/22/no-homosexuality-notrisk-factor-sexual-abuse-children>.

(32) Thomas Plante, “Một góc nhìn về lạm dụng tình dục của giáo sĩ” (2002), *Tâm lý học tôn giáo*, <https://www.psywww.com/psyrelig/plante.html>.

(33) Mary Eberstadt, “Thư từ”, *Weekly Standard*, ngày 22 tháng 7 năm 2002, 8.

(34) Xem ibid. để biết thư của ông ấy.

(35) James Martin, “Những thách thức và món quà của linh mục đồng tính”, *America*, ngày 4 tháng 11 năm 2000,

<http://www.americamagazine.org/faith/2000/11/04/challenges-and-giftshomosexual-priest>.

(36) “Các Giám mục Đức cam kết ‘đánh giá lại’ giáo lý Công Giáo về đồng tính luyến ái và đạo đức tình dục”, *Hãng thông tấn Công Giáo*, ngày 12 tháng 12 năm 2019, <https://www.catholicnewsagency.com/news/german-bishopscommit-to-newly-assessing-catholic-doctrine-on-homosexuality-andsexual-morality-82866>.

(37) Camille Paglia, *Vamps & Tramps: New Essays* (New York: Vintage, 1994), 70-71.

(38) Martin, “Những thách thức và món quà”.

(39) Thomas J. Gumbleton, “Vâng, người đồng tính nam nên được phong chức linh mục”, *America*, 30 tháng 9 năm 2002, <http://www.americamagazine.org/issue/403/article/yes-gay-men-should-beordained>.

(40) Inés San Martín, “Giám mục gọi đồng tính luyến ái là ‘món quà từ Chúa’, tìm cách chấm dứt ‘những định kiến giết người’”, *Crux*, 9 tháng 8 năm 2017, <https://cruxnow.com/global-church/2017/08/bishop-calls-homosexualitygift-god-seeks-end->

prejudices-kill/.

(41) Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã đưa ra nhận xét của mình tại Thượng hội đồng về Gia đình năm 2014, trong báo cáo giữa kỳ, *Relatio Post Disceptationem*. Xem phần 2, mục 50 về “Chào đón người đồng tính”.

Chương 7. Vai trò của đồng tính luyện ái: Thừa nhận điều hiển nhiên

Khi Giám mục Thomas V. Daily đứng đầu Giáo phận Brooklyn, ngài đã có cuộc thảo luận với một trong những linh mục của mình, người tự nhận mình là người đồng tính. Daily hỏi, “cha có thực sự nghĩ rằng có nhiều người đồng tính trong giáo phận này không?” “Vâng, con nghĩ vậy”, người linh mục trả lời. “Con nghĩ rằng có lẽ một nửa số linh mục là người đồng tính.” Daily vô cùng kinh ngạc. (1)

Không chỉ có nhiều linh mục là người đồng tính; một số người trong số họ trở thành linh mục vì họ là người đồng tính. Năm 1990, một người đàn ông nói với một phóng viên rằng khi còn là sinh viên ở độ tuổi hai mươi tại trường Cao đẳng Saint Joseph ở Philadelphia, anh ta đã yêu một linh mục Dòng Tên 40 tuổi. Vị linh mục Dòng Tên không rời bỏ chức linh mục để đến với người yêu của mình—người yêu của ông gia nhập Dòng Tên để được ở bên ông. (2) Điều này cho thấy anh rất tự tin là mình sẽ có thể là một người đồng tính luyện ái hoạt động tình dục sau khi được thụ phong linh mục. Tương tự, một linh mục dòng Tên người Đức, Klaus Mertes, giám đốc một trường nội trú Công Giáo ưu tú, đã nói vào năm 2016: “Cuộc đấu tranh cho quyền của người đồng tính trên toàn thế giới là một dự án đáng để ở lại trong Giáo hội.” (3) Nói cách khác, để giúp đỡ sự nghiệp của người đồng tính, việc vị linh mục này không rời bỏ Giáo hội là điều hợp lý.

Vào những năm 1980, một số người bắt đầu nhận thấy sự thiếu nam tính trong giới giáo sĩ Mỹ cũng như sự gia tăng số lượng người đồng tính. “Hỏi tôi còn trẻ, chín mươi phần trăm trong số họ [các chủng sinh] nam tính hơn, chúng tôi chơi bóng đá, chơi bóng mạnh”, một linh mục nói. “Có một tinh thần ồn ào, náo nhiệt, tràn đầy sức sống. Đối với các linh mục từ 50 tuổi trở lên, bạn sẽ thấy có quá nhiều biểu hiện hành động và sở thích nữ tính ở các linh mục trẻ hơn. Đây là một sự khái quát hóa. Nhưng không chút do dự, tôi có thể nói rằng đó là một vấn đề thực sự.” (4)

Tiến sĩ Richard Fitzgibbons lưu ý rằng “bản sắc nam tính yếu kém” ở những người đồng tính luyện ái là điều hiển nhiên “ở hơn 70% nam giới” mà ông đã điều trị. (5) Ông nói rằng “sự phối hợp tay mắt kém” giải thích tại sao một số nam giới không xuất sắc trong một số môn thể thao phổ biến hơn dành cho các chàng trai, và điều này, đến lượt nó, có thể dẫn đến việc cha và bạn bè của họ từ chối họ, khiến họ có “cảm giác cô đơn, buồn bã và bị cô lập mạnh mẽ”. Hậu quả của điều này có thể rất nghiêm trọng. “Sự khao khát được chấp nhận và yêu thương từ bạn bè dẫn đến sự hấp dẫn tình cảm mạnh mẽ đối với những người cùng giới, điều này khiến nhiều thanh thiếu niên nghĩ rằng họ có thể là người đồng tính luyện ái.” (6)

Số liệu thực sự là bao nhiêu?

Có bao nhiêu linh mục đồng tính luyện ái khi vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ đang hoành hành? Không ai biết chắc chắn, nhưng không thiếu những ước tính từ các nguồn đáng tin cậy. Khi một luật sư am hiểu về tình hình tại các giáo phận Lafayette và New Orleans ở Louisiana hỏi tác giả Jason Berry rằng ông nghĩ có bao nhiêu linh mục là người đồng tính, Berry đoán khoảng 40%. Luật sư không đồng ý, nói rằng ông cho rằng con số đó là từ 60 đến 70 phần trăm. (7)

Một tác giả khác đã nghiên cứu vấn đề này, Leon Podles, nói rằng, “Ước tính dao động từ 3 phần trăm đến 80 phần trăm.” (8) Podles trích dẫn Cha Donald Cozzens, một chuyên gia khác về chủ đề này, nói rằng con số vào thời điểm đó là khoảng một phần ba. (9) Nhà hoạt động và

tác giả đồng tính Andrew Sullivan có lẽ đúng khi ông ước tính rằng “khoảng 30 đến 40 phần trăm” các linh mục giáo xứ ngày nay là người đồng tính và “nhiều hơn đáng kể - lên đến 60 phần trăm hoặc cao hơn” số nam giới trong các dòng tu như dòng Phan-xi-cô hoặc dòng Tên là người đồng tính. (10) Năm 2021, khi Cha James Martin thuộc dòng Tên được hỏi tỷ lệ phần trăm linh mục là người đồng tính là bao nhiêu, ông trả lời, “Tôi đoán có lẽ là 40 phần trăm. Ai biết được? Nếu là 40 phần trăm, tôi sẽ không ngạc nhiên; nếu là 80 phần trăm, tôi cũng sẽ không ngạc nhiên.” (11) Một cuốn sách có nguồn tin không đáng tin cậy nhưng có ảnh hưởng của một tác giả đồng tính người Pháp ước tính rằng người đồng tính “chiếm đa số” trong hàng giáo sĩ ở Vatican. (12)

Điều đó có quan trọng không? Khi được một phóng viên đồng tính hỏi liệu điều đó có quan trọng không, tôi đã nói, “Tôi thà chọn một linh mục đồng tính trong sạch hơn là một linh mục dị tính lãng nhăng.” (13) Nhưng có bao nhiêu người đàn ông đồng tính tìm kiếm sự che đậy hoặc sự tôn trọng cho đồng tính luyến ái của họ bằng cách trở thành linh mục thực sự có ý định trong sạch? Có lẽ chúng ta không có cách nào biết được ý định thực sự của một người đàn ông khi trở thành linh mục, bất kể khuynh hướng tình dục của ông ta là gì, nhưng chúng ta biết rằng người đồng tính chiếm tỷ lệ cao hơn trong số các giáo sĩ lạm dụng tình dục.

Từ chối thừa nhận điều hiển nhiên

Mary Eberstadt, khi bình luận về việc các giám mục không sẵn lòng thừa nhận mối liên hệ giữa đồng tính luyến ái và lạm dụng tình dục của giáo sĩ, đã tinh ý lưu ý điều mà bà gọi là “con voi trong phòng áo lễ”. (14) Khi tôi được hỏi về mối liên hệ này, tôi đã nói, “Việc cố gắng né tránh điều hiển nhiên không chỉ là thiếu thành thật; đó còn là một nghiên cứu xã hội tồi tệ.” Tác giả Michael D’Antonio không hài lòng với bình luận của tôi nhưng chỉ hơi phóng đại một chút khi ông kết luận rằng “Donohue hoàn toàn độc lập trong lập trường của mình.” (15)

Ngay cả một số người Công Giáo được gọi là tiến bộ cũng thừa nhận rằng đồng tính luyến ái là một vấn đề trong hàng giáo sĩ. Tiến sĩ Michael Peterson, vị linh mục đồng tính có phòng khám điều trị các vấn đề tình dục cho các giáo sĩ, đã thẳng thắn về điều đó: “Hầu hết các giáo sĩ mắc chứng ái nhi mà tôi từng gặp và các đồng nghiệp của tôi từng tiếp xúc đều là những người đồng tính luyến ái mắc chứng âu dâm chứ không phải là những người dị tính mắc chứng âu dâm; Điều này thật đáng ngạc nhiên vì tỷ lệ phần trăm lớn hơn trong dân số lại trái ngược.” (15) Arthur Jones, trưởng văn phòng Washington, D.C. của tờ National Catholic Reporter vào những năm 1990, cho biết, “Đồng tính luyến ái trong hàng giáo sĩ là vấn đề lớn nhất mà Giáo hội phải đối diện trong nhiều năm—lớn hơn nhiều so với hầu hết mọi người nghĩ.” (16)

Năm 2002, luật sư Roderick MacLeish Jr. ở Boston cho biết 90% trong số gần 400 nạn nhân mà ông đại diện là nam giới, và 75% trong số đó đã qua tuổi dậy thì, có nghĩa là các linh mục gây hại là người đồng tính (mặc dù các phóng viên, tất nhiên, đã từ chối đưa ra kết luận đó). (17) Một năm sau, hai phóng viên của tờ Boston Globe cho biết, trong số các vụ lạm dụng tình dục của giáo sĩ được chuyển đến các công tố viên ở phía đông Massachusetts, “hơn 90% liên quan đến nạn nhân nam”; các luật sư ở Boston cho biết “khoảng 95% khách hàng của họ là nam giới.” (18) Những người khác còn đưa tin rằng, trong số các nạn nhân vị thành niên bị lạm dụng bởi giáo sĩ, 93% là nam giới. (19)

Các thành viên hiện tại của Hội đồng Đánh giá Quốc gia không bình luận về những số liệu thống kê này, nhưng những người ngồi trong hội đồng ban đầu đã sẵn sàng kết nối các điểm. Khi nghiên cứu đầu tiên của Đại học John Jay được công bố vào năm 2004, Robert S. Bennett, luật sư đứng đầu Hội đồng Đánh giá Quốc gia, nói rằng, “Không nghi ngờ gì nữa, có rất nhiều

linh mục xuất sắc có khuynh hướng đồng tính luyện ái sống cuộc sống trinh khiết, độc thân, nhưng bất cứ đánh giá nào về nguyên nhân và bối cảnh của cuộc khủng hoảng hiện tại đều phải nhận thức được sự kiện này là hơn 80% các vụ lạm dụng được đề cập là có bản chất đồng tính luyện ái.” (20) Những gì Bennett nói, trên mọi phương diện, đều đúng không thể phủ nhận. Tiến sĩ Paul McHugh, một thành viên ban đầu khác của Hội đồng Đánh giá Quốc gia, đã nói hai năm sau đó rằng nghiên cứu của Đại học John Jay đã tiết lộ một cuộc khủng hoảng “săn mồi đồng tính luyện ái đối với giới trẻ Công Giáo Mỹ”. (21)

Quan điểm trung thực từ phẩm trật của Giáo hội

Một số thành viên của hàng giáo phẩm Công Giáo cũng sẵn sàng nói lên sự thật về vai trò của đồng tính luyện ái trong việc lạm dụng tình dục của giáo sĩ. Hồng Y Gerhard Müller là một trong những người dũng cảm nhất. “Chúng ta có thể nói rằng 80% hoặc hơn các nạn nhân là những người trẻ tuổi, nhưng không phải là các cô gái. Các bé trai, lớn hơn 14 tuổi. Đây là một vụ tấn công đồng tính luyện ái hơn là một vụ tấn công ấu dâm. Các nạn nhân, phần lớn, không phải là trẻ em. Họ là thanh thiếu niên và lớn tuổi hơn.” (22)

Khi được hỏi tại sao rất nhiều nhà lãnh đạo Giáo hội tiếp tục nói về chủ nghĩa giáo sĩ trị trong khi từ chối thảo luận về đồng tính luyện ái, vị Hồng Y người Đức trả lời, “Tôi nghĩ họ không muốn đối diện với những lý do thực sự của việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên, các bé trai và thanh niên, và muốn tạo ra chương trình nghị sự riêng của họ. Họ chống lại sự độc thân, chống lại điều răn thứ sáu, và do đó họ lợi dụng sự lạm dụng và tình trạng khủng khiếp này cho mục đích riêng của họ.” (23) Đó là một lời buộc tội khá gay gắt. Ngài nhận được sự ủng hộ cho quan điểm của mình từ người đồng nghiệp người Đức, Hồng Y Walter Brandmüller. “Sẽ là không thực tế nếu quên hoặc che giấu rằng 80% các trường hợp lạm dụng trong bối cảnh nhà thờ được thực hiện đối với nam thanh niên, chứ không phải trẻ em”, Brandmüller lưu ý. “Mối quan hệ giữa lạm dụng và đồng tính luyện ái đã được chứng minh bằng thống kê—nhưng nó không liên quan gì đến chứng kỳ thị đồng tính, dù người ta có hiểu thuật ngữ đó theo nghĩa nào đi nữa.” (24)

Hồng Y Robert Sarah là một trong những tác giả Công Giáo có ảnh hưởng nhất hiện nay. Năm 2019, ngài đã đưa ra lời kêu gọi mạnh mẽ tới các linh mục, yêu cầu họ không nản lòng trong thời điểm khó khăn này. “Chắc chắn, vì một vài thừa tác viên,” vị giáo phẩm người châu Phi nói, “tất cả các bạn sẽ bị gán mác là người đồng tính. Họ sẽ bôi nhọ Giáo Hội Công Giáo.” (25) Ngài cũng có vài lời về những người trong Giáo hội đang làm giảm nhẹ mức độ nghiêm trọng của cuộc thảo luận về đồng tính luyện ái. “Đối với những giáo sĩ cố tình đưa ra những ý kiến mơ hồ về quan điểm Kitô giáo đối với hành vi đồng tính luyện ái bằng cách nói rằng, về mặt đạo đức, tất cả các hình thức tình dục đều hoàn toàn bình đẳng, tôi nói với họ rằng họ đang làm công việc của chúa tể của sự dối trá và họ thiếu lòng bác ái đối với những người liên quan. Tại sao lại có những tuyên bố như vậy? Có phải để biện minh cho hành vi của chính họ? Có phải vì họ tìm kiếm sự nổi tiếng?” Làm sao họ có thể đưa ra những lời lẽ mang tính ý thức hệ cho những người đang cầu xin chúng ta về lời Chúa?” (26)

Đức Giáo Hoàng hưu trí Bê-nê-đíc-tô XVI cũng đưa ra mối liên hệ giữa lạm dụng tình dục của giáo sĩ và việc từ chối các giáo huấn của Giáo hội về tình dục: “Không chỉ ở Hoa Kỳ, mà còn có những giám mục cá nhân đã từ chối toàn bộ truyền thống Công Giáo và tìm cách mang đến một “Công Giáo” mới, hiện đại trong giáo phận của họ.” (27) Sự thẳng thắn tàn nhẫn của Đức Bê-nê-đíc-tô nổi bật rõ rệt so với những người chỉ trích ngài, hầu hết trong số họ chỉ đơn giản là công kích ngài vì dám nói lên sự thật.

Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô cũng đã lên tiếng về vai trò của đồng tính luyến ái trong vụ tai tiếng, nhưng khi ngài làm vậy, giới truyền thông thường đưa tin thiếu hoặc bỏ qua những gì ngài đã nói. Điều này phù hợp với chiến lược chung của giới truyền thông, đó là giữ cho bất cứ điều gì có thể làm hoen ố danh tiếng của giáo hoàng như một người tiên bộ không xuất hiện trên các bản tin. Một nhà cải cách quyết liệt. Họ khá bảo vệ ông, một cách không trung thực, và điều này đặc biệt dễ nhận thấy khi chúng ta xem xét cách đối xử thường tàn nhẫn của giới truyền thông đối với những người tiền nhiệm bảo thủ hơn của ông.

Nếu có một câu nói nào của Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô khiến ngài được giới truyền thông yêu mến ngay từ đầu triều đại giáo hoàng của ngài, thì đó là “Tôi là ai mà phán xét?” Câu nói này đã được trích dẫn rộng rãi một cách không chính xác. Đức Giáo Hoàng không biện minh cho hành vi đồng tính luyến ái mà từ chối lên án công khai một người đàn ông bị cáo buộc có hành vi không đúng đắn về tình dục.

Năm 2013, trên máy bay của Đức Giáo Hoàng, Đức Phan-xi-cô được hỏi về Đức ông Battista Ricca. Đức Giáo Hoàng đã bổ nhiệm ông làm người đứng đầu Ngân hàng Vatican. Ricca bị cáo buộc có quan hệ đồng tính, bao gồm cả việc bị bắt quả tang trong thang máy với một cậu bé mại dâm, (28) nhưng một cuộc điều tra sơ bộ cho thấy không có cáo buộc nào được đưa ra chống lại ông. (29) Chính Ricca là người mà Giáo hoàng được yêu cầu bình luận về; ông đã đưa ra một tuyên bố chung chung về đồng tính luyến ái. Điều không thể chấp nhận được là các phóng viên đã đặt điều vào miệng ông.

Không ai đưa tin sai lệch về vụ việc này hơn nhà báo Anthony Faiola của tờ Washington Post. Đây là những gì ông ấy đã nói: “Trên chuyến bay trở về từ chuyến thăm Brazil vào tháng 7 năm 2013, Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô đã có quan điểm khác về đồng tính luyến ái so với người tiền nhiệm của ngài, Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI, người đã mô tả nó là một ‘tội lỗi về mặt đạo đức’. Ngược lại, Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô đã nói về những người đồng tính như sau: ‘Nếu ai đó là người đồng tính và người đó tìm kiếm Chúa và có thiện chí, thì tôi là ai mà phán xét?’” (30)

Faiola đã sai hai lần. Câu nói nổi tiếng của Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô không phải về đồng tính luyến ái; mà là về những người đồng tính. Đây không phải là một sự khác biệt nhỏ. Cả Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô lẫn Đức Bê-nê-đíc-tô đều giữ vững giáo huấn của Giáo hội rằng hành vi đồng tính luyến ái không thể được biện minh về mặt đạo đức, cũng như bất cứ hành vi tình dục nào ngoài hôn nhân giữa một người đàn ông và một người đàn bà. Nhưng Giáo hội cũng dạy rằng một người có sự hấp dẫn đồng tính không đáng bị lên án vì lý do đó. Việc đánh đồng hành vi giao cấu đồng tính và khuynh hướng tình dục, điều mà phóng viên đã làm, là không thể tha thứ.

Giống như các phóng viên khác, Faiola đã lược bỏ từ cuối cùng trong lời bình luận của Đức Giáo Hoàng: ông đã bỏ đi đại từ “ông ấy”. Điều mà Đức Giáo Hoàng thực sự nói là “Tôi là ai mà phán xét ông ấy?” (31) Một lần nữa, đó không phải là một sự khác biệt nhỏ. Câu đầy đủ cho thấy rõ ràng rằng Đức Giáo Hoàng đang nói về việc không phán xét một người cụ thể.

Các phương tiện truyền thông đưa tin ít hơn đáng kể về những gì Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô nói về “nào trạng đồng tính”. Khi một giám mục nói với Đức Thánh Cha rằng việc một số linh mục trong giáo phận của ngài là người đồng tính không phải là vấn đề lớn—đó chỉ là “biểu hiện của tình cảm”—Đức Giáo Hoàng đã kịch liệt phản đối. “Trong đời sống thánh hiến và đời sống linh mục, không có chỗ cho loại tình cảm đó.” Ngài cũng cảnh báo các linh mục không nên liên kết với “phong trào đồng tính”. (32)

Không còn nghi ngờ gì nữa, Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô coi hành vi đồng tính luyện ái trong hàng giáo sĩ là một tai họa. Nếu không thì tại sao ngài lại đưa ra lời cảnh báo này về những người đồng tính trong chủng viện? “Đồng tính luyện ái là một vấn đề rất nghiêm trọng cần được phân định rõ ràng ngay từ đầu với các ứng viên. Giáo hội khuyến cáo rằng những người có khuynh hướng này không nên được chấp nhận vào thừa tác vụ hoặc đời sống thánh hiến. Thừa tác vụ hoặc đời sống thánh hiến không phải là nơi dành cho họ.” Ngài cũng bày tỏ mối lo ngại về xu hướng đồng tính luyện ái. Ngài lưu ý rằng “trong xã hội của chúng ta, dường như đồng tính luyện ái thậm chí còn trở nên thời thượng, và nỗi trạng đó, theo một cách nào đó, cũng ảnh hưởng đến Giáo hội.” (33)

Tiểu văn hóa đồng tính

Hầu như không ai phủ nhận rằng đã có một tiểu văn hóa đồng tính trong các chủng viện và trong hàng giáo sĩ. Điều này bao gồm cả những người cố gắng bảo vệ các linh mục đồng tính khỏi những lời chỉ trích bất công. Cha Jordi Bertomeu người Tây Ban Nha là một trong những chuyên gia của Vatican về lạm dụng tình dục bởi giáo sĩ, và, ngài nói, mặc dù hoàn toàn đúng là việc là người đồng tính không khiến một người trở thành kẻ quấy rối tình dục, ngài vẫn không phủ nhận rằng “một nền tiểu văn hóa đồng tính nào đó điển hình của một số nhóm giáo sĩ và hiện diện trong một số chủng viện hoặc tu viện, với sự khoan dung đối với các hành vi đồng tính chủ động, có thể dẫn đến ấu dâm.” (34) Việc một chuyên gia của Vatican về chủ đề này, người không có thành kiến với người đồng tính, có thể khẳng định điều này là rất ấn tượng.

Các linh mục dị tính vi phạm lời thề dề quan hệ tình dục thường có quan hệ với phụ nữ trưởng thành; không ai tranh luận rằng hoạt động tình dục của họ có thể dẫn đến ấu dâm. Và họ không tạo ra một nền văn hóa hoặc một mạng lưới để khuyến khích, bảo vệ hoặc thúc đẩy lẫn nhau. Theo Cha Roger Landry, “Khi các linh mục lừa dối ơn gọi của mình với phụ nữ, nói chung họ làm như vậy một mình, không lập bè phái hay các băng đảng ngầm.” (35) Giờ đây, có thể các linh mục đồng tính luyện ái tự nhiên gắn bó với nhau hơn vì địa vị xã hội của họ, nhưng điều đó không giải thích được những gì Cha Bertomeu nói về khả năng điều này dẫn đến ấu dâm.

Do đó, hẳn phải có điều gì đó đặc biệt về người đồng tính luyện ái có hoạt động tình dục, và sự đặc biệt này ủng hộ lập trường của Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI và Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô chống lại việc chấp nhận những người tích cực đồng tính luyện ái vào hàng giáo sĩ. Đức Bê-nê-đíc-tô đã cảnh báo về “các nhóm đồng tính” trong các chủng viện, (36) và cả hai vị giáo hoàng đều đã nói về các vấn đề do “nhóm vận động hành lang đồng tính” gây ra. (37)

Ngay cả những linh mục chưa bao giờ được gọi là “chính thống” cũng đã thảo luận về nguyên nhân và ảnh hưởng của tiểu văn hóa đồng tính trong hàng giáo sĩ. Vào đầu thế kỷ này, Cha Donald Cozzens, một tác giả và giáo sư, đã lưu ý rằng “nhu cầu kết bạn với những người đàn ông đồng tính khác của các linh mục đồng tính, và việc họ định hình đời sống xã hội chủ yếu bao gồm những người đàn ông có khuynh hướng đồng tính khác, đã tạo ra một tiểu văn hóa đồng tính trong hầu hết các giáo phận lớn của Hoa Kỳ. Một tiểu văn hóa tương tự cũng hiện hữu trong nhiều chủng viện của chúng ta.” (38) Cozzens kết luận rằng đã có một “cuộc di cư của người dị tính khỏi chức linh mục” và một sự chuyển hướng quan trọng không kém của các ứng viên dị tính khỏi chức linh mục, tất cả đều do tiểu văn hóa đồng tính gây ra. (39)

Hiện tượng tương tự này đã được người đứng đầu hội đồng giám mục nhận ra khi vụ tai tiếng lên trang nhất vào năm 2002. Giám mục Wilton Gregory nói, “Một trong những khó khăn mà chúng ta phải đối diện trong đời sống chủng viện hoặc tuyển dụng là khi hiện hữu một bầu

không khí hoặc động lực đồng tính khiến những người đàn ông dị tính phải suy nghĩ kỹ” về việc gia nhập chức linh mục. Ngài nói rằng đây là “một cuộc đấu tranh không ngừng” và Giáo hội phải cẩn thận để không bị “thống trị bởi những người đàn ông đồng tính”. (40) Các linh mục dị tính không phải là người đã đuổi các linh mục đồng tính; mà ngược lại.

Cha Andrew Greeley, người luôn nhanh chóng bảo vệ các linh mục đồng tính khỏi những nhà phê bình bảo thủ về vụ tai tiếng, đã không ngần ngại nói lên sự thật về tiểu văn hóa đồng tính. Năm 1989, ngài đã bày tỏ mối lo ngại của mình. “Các linh mục đồng tính công khai được bổ nhiệm, chuyển công tác và thăng chức. Các giáo xứ và chủng viện đồng tính được dung thứ. Các mạng lưới quốc gia của các linh mục đồng tính hoạt động (nhiều người trong số họ là quản trị viên) được dung thứ.” (41) Năm 2000, ngài làm chứng rằng các giáo sư chủng viện “nói với sinh viên của họ rằng họ là người đồng tính và đưa một số người trong số họ đến các quán bar đồng tính, và các sinh viên đồng tính ngủ với nhau.” (42)

Greeley không những lưu ý đến sự phổ biến của tiểu văn hóa đồng tính: ngài còn nói rằng Giáo hội đầy rẫy các linh mục đồng tính hoạt động tình dục. Hãy làm rõ điều này. Việc một linh mục phá vỡ lời thề của mình để có quan hệ tình dục là một chuyện; việc các chức sắc Giáo hội dung túng, thậm chí chấp nhận, một mạng lưới những kẻ lẳng nhăng lại là chuyện hoàn toàn khác. Khi sự phóng túng được chấp nhận, bất kể nó được thể hiện như thế nào, rất khó có khả năng nó sẽ không lan sang các lĩnh vực khác. Những người liêu lĩnh có cách phá hủy mọi thứ trên đường đi của họ.

Giám mục Robert Morlino, thuộc Giáo phận Madison, Wisconsin, là một người hòa đồng và là một người con trung thành của Giáo hội. “Ngài được thụ phong năm 1974 và khi còn là một linh mục trẻ, ngài đã trải qua sự biến động trong Dòng Tên, khi sự nhầm lẫn về thần học, sự đổ vỡ kỷ luật, đồng tính luyến ái lan rộng và một nền văn hóa bất đồng chính kiến đã khiến các tu sĩ Dòng Tên ồ ạt rời bỏ Dòng.” (43) Đó là cách Cha Raymond J. de Souza nói sau khi Morlino qua đời năm 2018. Morlino là một trong số nhiều linh mục mà tôi đã gặp, những người bắt đầu là một tu sĩ Dòng Tên (hoặc Dòng Phan-xi-cô) và rời đi để trở thành một linh mục giáo phận vì việc chịu đựng nền văn hóa đồng tính luyến ái là quá sức chịu đựng. Trong một số trường hợp, điều kiện tồi tệ đến mức văn hóa đồng tính luyến ái chiếm ưu thế.

Vào những năm 1960, biểu hiện hiện đại của tiểu văn hóa đồng tính trở nên rõ ràng trong Giáo hội, đặc biệt là sau Công đồng Vatican II. (44) Việc bao nhiêu phần trăm nguyên nhân là do các sự kiện bên ngoài—sự bùng nổ của cuộc cách mạng tình dục—và bao nhiêu phần trăm là do hậu quả của Công đồng Vatican II vẫn còn gây tranh cãi. Chắc chắn cả hai yếu tố đều góp phần vào vấn đề này. Ban Kiểm tra Quốc gia đầu tiên đã đề cập đến những năm 1970 và 1980 là thời kỳ hoàng kim của tiểu văn hóa đồng tính, nhưng như Philip Lawler đã nói, các giám mục đã không thảo luận về điều này tại hội nghị Dallas.

Một số nơi còn tồi tệ hơn những nơi khác. Chủng viện Thánh Tâm ở Detroit và Chủng viện Tỉnh dòng Thánh Gioan ở Plymouth, Michigan, được cho là “những điểm nóng thực sự” của người đồng tính trong những năm 1970 và 1980. (46)

Rượu là yếu tố trung tâm của tiểu văn hóa đồng tính, bao gồm cả trong giới linh mục. Tại một hội nghị LGBT, một phụ nữ Do Thái đã được biết về “một tập tục của một số linh mục Công Giáo, những người mô tả việc đến các quán bar dành cho người đồng tính trong trang phục giáo sĩ đầy đủ: Họ sẽ ngồi trong quán bar, và khi những người Công Giáo đồng tính đến gần họ, các linh mục sẽ khẳng định tình yêu của Chúa và sự thuộc về của họ trong Giáo hội.” (47) Đó là mức độ công khai của một số linh mục đồng tính. Thật vậy, tôi được một người phụ nữ từng

làm bartender vào những năm 1990 tại một quán rượu gần trụ sở Giáo phận Rockville Centre kể rằng các linh mục đồng tính thường xuyên lui tới đó và không hề ngại ngần khi “hôn hít” trước mặt khách hàng.

Việc sử dụng ma túy và quan hệ tình dục bừa bãi với người lạ cũng rất phổ biến trong cộng đồng người đồng tính. Một số nhà lãnh đạo đồng tính đổ lỗi cho vấn đề nghiện ngập là do “kỳ thị đồng tính”, nhưng dù sao họ cũng thừa nhận rằng “các cuộc gặp gỡ tình dục không cá nhân thường xuyên [và] không có khả năng thiết lập các mối quan hệ lâu dài” là những đặc điểm của tiểu văn hóa đồng tính. (48)

Khi nền văn hóa này lan rộng trong các chủng viện Công Giáo, một số giáo sư và chủng sinh đã cố gắng chống lại nó, và họ đã phải gánh chịu hậu quả. Các mối đe dọa bạo lực đối với các giáo sư chủng viện—những người bị coi là quá chính thống—không phổ biến nhưng chúng đã xảy ra. Các mối đe dọa không chỉ đến từ các chủng sinh mà còn từ các thành viên giảng viên. Đối với các chủng sinh chính thống, nếu họ không bị đuổi ra thì họ đã bị “ép buộc bởi cấp trên của họ để tán thành, bảo vệ và tham gia vào các hành vi đồng tính luyến ái”. (49) Điều quan trọng là không nên nói vòng vo: đây là điều ma quỷ.

Tại sao những người tốt không lên tiếng? Năm 2018, Cha Robert Altier, một linh mục ở Minnesota, đã trả lời câu hỏi này khi ngài thẳng thắn kể với giáo dân của mình về mạng lưới đồng tính luyến ái. “Thứ nhất, nếu tôi đứng ở đây cách đây vài năm, liệu các bạn có tin những gì tôi đang nói không? Thứ hai, chúng tôi phải tìm đến ai? Vấn đề này tồn tại ở mọi cấp bậc, từ cấp thấp nhất đến cấp cao nhất. Nếu bạn muốn được thụ phong linh mục, bạn không thể nói một lời. Và ngay cả khi đã là linh mục, bạn cũng không thể.” (50) Thật không may, sự im lặng như vậy đã cho phép việc lạm dụng trẻ vị thành niên diễn ra mà không bị kiểm soát. Một tác giả đồng tính đã nói như sau: “Vấn đề là một số kẻ lạm dụng phạm tội trong Giáo hội đã được bảo vệ bởi nền văn hóa bí mật này, chủ yếu là để bảo vệ đồng tính luyến ái.” (51)

Cải cách trong các chủng viện

Cho dù đó là cuộc cải cách Dallas, nhiều chỉ thị của Vatican, hay các yếu tố khác, rõ ràng là thông điệp đã được truyền đến những người muốn gia nhập hàng giáo sĩ vì những lý do sai trái: cuộc vui đã kết thúc. Cha Carter Griffin là một linh mục thuộc Tổng giáo phận Washington và là hiệu trưởng của Chủng viện Thánh Gioan Phaolô II ở Washington, D.C. Đức ông Andrew Baker là hiệu trưởng của Chủng viện Mount St. Mary ở Emmitsburg, Maryland. Cả hai đều làm chứng rằng ngày nay việc nam giới mắc các rối loạn tình dục gia nhập chức linh mục khó khăn hơn nhiều. “Việc sàng lọc và đào tạo nghiêm ngặt hơn nhiều so với trước đây, và không giống như trước đây khi việc tìm hiểu về phẩm chất đạo đức của ứng viên không được thực hiện, ngày nay thì có; các cuộc kiểm tra tâm lý hiện nay là thường lệ. Liệu vẫn còn những người đàn ông có xu hướng đồng tính vào chủng viện không? Có, nhưng họ thường sống độc thân. Các hiệu trưởng chủng viện không hề ngại thốt.” Họ nói thêm rằng “rõ ràng là phần lớn các trường hợp lạm dụng tình dục của linh mục đều liên quan đến việc lạm dụng đồng tính luyến ái đối với các bé trai và thanh niên” (họ nhấn mạnh). (52)

Điều gì đã dẫn đến những thay đổi này? Griffin và Baker ghi nhận công lao của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II trong văn kiện Pastores Dabo Vobis năm 1992, văn kiện đã nâng cao tiêu chuẩn bằng cách “đòi hỏi một loạt các kỳ vọng về tinh thần, nhân bản, trí thức và mục vụ đối với việc tuyển sinh và đào tạo tại chủng viện”. Họ thừa nhận rằng văn kiện này không được đón nhận ở mọi chủng viện, và việc thực hiện nó không đồng đều. Tuy nhiên, nó đã tạo ra một xu hướng mới, truyền cảm hứng cho các chủng viện Hoa Kỳ ban hành cuốn cẩm nang, Chương

trình Đào tạo Linh mục, cung cấp những lời khuyên và tiêu chuẩn thực tiễn. Họ cũng ghi nhận công lao của thế hệ chủng sinh và giảng viên mới: việc bất đồng chính kiến với giáo huấn của Giáo hội không còn được dung thứ như trước đây nữa. (53)

Nghiên cứu thứ hai của John Jay cũng ghi nhận công lao của cuốn cẩm nang được xuất bản năm 2005: “Từ khoảng năm 2006-2010, những thay đổi to lớn đã được ghi nhận, cho thấy nhận thức cao hơn về nhu cầu đào tạo nhân bản, bao gồm cả giáo dục về vai trò của tình dục và độc thân trong đời sống của một linh mục.” (54) Đức ông Stephen Rossetti đồng ý, nói rằng các chủng sinh ngày nay “quyết tâm không mắc phải những sai lầm mà chúng tôi đã mắc phải, và đó là một điều tốt”. (55) Điều này chắc chắn đúng với hầu hết các chủng sinh, mặc dù một cuộc điều tra năm 2012 tại Chủng viện Thánh Tông đồ ở Connecticut cho thấy rằng một tiểu văn hóa đồng tính vẫn tồn tại. (56) Gần đây hơn, tình hình trở nên tồi tệ đến mức tại Chủng viện Chúa Kitô Vua ở Buffalo—giảng viên bị các chủng sinh cáo buộc về “các cuộc tụ họp tục tĩu”—chủng viện đã bị đóng cửa vào năm 2020. (57)

Có lẽ tin tức đáng khích lệ nhất đến vào năm 2019, khi các nhà nghiên cứu tại Viện McGrath về Đời sống Giáo hội thuộc Đại học Notre Dame và Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng Tông đồ tại Đại học Georgetown đã công bố một nghiên cứu về các chủng viện ở Mỹ. Họ phát hiện ra rằng 6% chủng sinh đã trải qua một số hình thức quấy rối tình dục, và 84% cho biết ban quản lý và giảng viên của họ xem xét nghiêm túc các báo cáo về hành vi sai trái tình dục. 75% báo cáo rằng quấy rối tình dục “hoàn toàn không phải là vấn đề” tại chủng viện của họ, và gần 9/10 cho biết họ nghe thấy rất ít hoặc không nghe thấy bất cứ cuộc thảo luận nào về sự phóng túng tình dục. (58) Đây là một sự thay đổi đáng kể so với những năm 1970, khi hành vi sai trái tình dục trong các chủng viện là một vấn đề nghiêm trọng. Đó là khi Cha Andrew Greeley nói về “Mafia Tím” của các tiểu văn hóa đồng tính luyến ái trong các chủng viện. Các báo cáo về hành vi sai trái tình dục trong các chủng viện ngày nay rất hiếm, và chúng ít hơn rất nhiều so với các câu chuyện về hành vi sai trái trong các trường đại học Mỹ. (59)

Đáng tiếc, có lý do để tin rằng nếu có bất cứ nơi nào trong Giáo Hội Công Giáo vẫn còn dung túng cho một tiểu văn hóa đồng tính luyến ái, thì đó chính là Vatican. Đó là kết luận của Frédéric Martel, một người đồng tính luyến ái quan sát bối cảnh đồng tính ở Rome. Mặc dù phần lớn cuốn sách của ông về chủ đề này, “Trong tủ quần áo của Vatican: Quyền lực, Đồng tính luyến ái, Đạo đức giả”, chứa nhiều ám chỉ và do đó không thể được coi là một tài liệu học thuật, nhưng dường như có một số sự thật trong những gì ông nói. Cha Paul Mankowski không bị thuyết phục bởi nhiều phát hiện của Martel, nhưng ngài thừa nhận rằng “phần lớn lời khai của họ [các linh mục đã làm việc tại Vatican] có vẻ đúng sự thật, đặc biệt là liên quan đến sự dung túng làm nơ mà cấp trên của họ cho phép đối với các hoạt động giải trí đồng tính kín đáo, và sự sẵn lòng của chính những cấp trên đó che đậy những hành vi không đúng đắn khi bị phát hiện, miễn là tất cả các bên đều giữ im lặng.” (60)

Không nghi ngờ gì nữa, cũng có những nơi phản đối cải cách ở Hoa Kỳ, nhưng chúng ta có thể biết ơn những tiến bộ đã đạt được trong việc khôi phục bản sắc của linh mục như một người đàn ông cố gắng noi theo gương của Chúa Kitô.

Ghi chú

- (1) Carol Eisenberg, “Công Giáo và đồng tính: Trước đây họ vô hình, giờ đây họ là vật thể thần trong vụ tai tiếng lạm dụng tình dục trong Giáo hội”, *Newsday*, ngày 9 tháng 6 năm 2002, A7.
- (2) Paul Shaughnessy, “Vấn đề linh mục đồng tính”, *Catholic World Report* (tháng 11 năm 2000), đăng trên *Catholic Culture*, <https://www.catholicculture.org/culture/library/view.cfm?ci=6111>

recnum=12047.

- (3) Hồng Y Gerhard Müller, lời tựa cho Gabriele Kuby, “Lạm dụng: ‘Đừng để lòng bạn phiền muộn’”, *LifeSiteNews*, ngày 20 tháng 2 năm 2019, https://www.lifesitenews.com/wpcontent/uploads/2021/03/Abuse_by_Gabriele_Kuby.pdf.
- (4) Jason Berry, *Đừng Dẫn Chúng Con Vào Cám Dỗ* (New York: Doubleday, 1992), 56.
- (5) Richard Fitzgibbons, M.D., “Nguồn gốc và sự chữa lành của sự hấp dẫn và hành vi đồng tính luyến ái”, trong *Sự thật về đồng tính luyến ái: Tiếng kêu than của những người tín hữu*, do John F. Harvey, O.S.F.S. biên tập (San Francisco: Ignatius Press), 325-26.
- (6) Ibid., 309.
- (7) Berry, *Đừng Dẫn Chúng Con Vào Cám Dỗ*, 81.
- (8) Leon Podles, *Sự phạm thánh: Lạm dụng tình dục trong Giáo Hội Công Giáo* (Baltimore: Crossland Press, 2008), 326.
- (9) Ibid.
- (10) Jennifer Roback Morse, “Thư gửi Andrew Sullivan: Không có ‘cuộc thanh trừng chống người đồng tính’”, *National Catholic Register*, ngày 11 tháng 2 năm 2019, <https://www.ncregister.com/commentaries/memo-to-andrew-sullivan-theres-no-anti-gay-purge>.
- (11) Sari Aviv và Anna Matranga, Sunday Morning, *CBS News*, “Các linh mục đồng tính: Phá vỡ sự im lặng”, ngày 28 tháng 3 năm 2021, <https://www.cbsnews.com/news/gay-priests-breaking-the-silence>.
- (12) Frédéric Martel, “Trích đoạn: Trong tù quần áo của Vatican”, *National Catholic Reporter*, ngày 18 tháng 2 năm 2019, <https://www.ncronline.org/news/accountability/excerpt-closet-vatican>.
- (13) David France, *Our Fathers: The Secret Life of the Church in an Age of Scandal* (New York: Broadway Books, 2004), 421.
- (14) Mary Eberstadt, “The Elephant in the Sacristy”, *Weekly Standard*, ngày 17 tháng 6 năm 2002, 22.
- (15) Michael D’Antonio, *Mortal Sins: Sex, Crime and the Era of Catholic Scandal* (New York: St. Martin’s Press, 2013), 336.
- (16) Berry, *Lead Us into Temptation*, 73.
- (17) Michael Paulson và Thomas Farragher, “Priests Who Abuse Choose Adolescents”, *Gazette* (Montreal, Quebec), ngày 19 tháng 3 năm 2002.
- (18) Thomas Farragher và Matt Carroll, “Hội đồng quản trị nhà thờ bác bỏ cáo buộc của phụ nữ”, *Boston Globe*, ngày 7 tháng 2 năm 2003, đăng trên BishopAccountability.org, http://www.bishopaccountability.org/news2003_01_06/2003_02_07_Farragher_ChurchBoard.htm.
- (19) Louise Haggett, *Báo cáo Bingo: Chế độ độc thân bắt buộc và lạm dụng tình dục của giáo sĩ* (Freeport, Me.: Trung tâm Nghiên cứu các vấn đề tôn giáo, 2005), 118.
- (20) Kevin Cullen, “Báo cáo của Hội đồng Đánh giá Quốc gia; Hơn 80% nạn nhân kể từ năm 1950 là nam giới, theo báo cáo”, *Boston Globe*, ngày 28 tháng 2 năm 2004, https://archive.boston.com/globe/spotlight/abuse/stories5/022804_victims.htm.
- (21) Regis Scanlon, O.F.M.Cap., “Lạm dụng tình dục bởi giáo sĩ: Câu hỏi chưa được giải quyết về sự hấp dẫn đồng giới”, *Crisis*, ngày 10 tháng 9 năm 2012, <http://www.crisismagazine.com/2012/clergy-sexual-abuse-the-unaddressedquestion-of-same-sex-attraction>.
- (22) Hồng Y Müller đã đưa ra nhận xét của mình trên chương trình The World Over của EWTN với Raymond Arroyo, ngày 4 tháng 10 năm 2018.
- (23) Edward Pentin, “Đức Hồng Y Müller: Lạm dụng tình dục của giáo sĩ liên quan đến hành vi sai trái tình dục, chứ không chỉ đơn thuần là chủ nghĩa giáo sĩ”, *National Catholic Register*, ngày 23 tháng 1 năm 2019, <https://www.ncregister.com/interview/cardinal-mueller-clergysex-abuse-involves-sexual-misconduct-not-merely-clericalism>.

- (24) Anian Christoph Wimmer, “Giáo Hội và Tình dục: Cuộc phỏng vấn với Đức Hồng Y Brandmüller”, *Catholic News Agency*, ngày 9 tháng 1 năm 2019, <https://www.catholicnewsagency.com/news/the-church-and-sexuality-aninterview-with-cardinal-brandmiller-92738>.
- (25) Đức Hồng Y Robert Sarah, *Ngày đã qua* (San Francisco: Ignatius Press, 2019), 13.
- (26) Ibid., 167.
- (27) Bê-nê-đíc-tô XVI, “Toàn văn bài phát biểu của Bê-nê-đíc-tô XVI: Giáo hội và vụ tai tiếng lạm dụng tình dục”, *Catholic World Report*, ngày 10 tháng 4 năm 2019, <http://www.catholicworldreport.com/2019/04/10/full-text-of-Bê-nê-đíc-tô-xvi-the-church-and-the-scandal-of-sexual-abuse>.
- (28) Robert Royal, “Hội nghị thượng đỉnh về lạm dụng: Đây mới chỉ là sự khởi đầu”, *The Catholic Thing*, ngày 20 tháng 2 năm 2019, <http://www.thecatholicthing.org/2019/02/20/the-abuse-summit-its-only-thebeginning>.
- (29) John L. Allen Jr., “Đức Giáo Hoàng về người đồng tính: ‘Tôi là ai mà phán xét?’”, *National Catholic Reporter*, ngày 19 tháng 7 năm 2013, <http://www.ncronline.org/print/blogs/ncr-today/pope-homosexuals-who-ami-judge>.
- (30) Anthony Faiola, “8 điều Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã làm khiến những người bảo thủ trong Giáo hội khó chịu”, *Orange County Register*, ngày 8 tháng 9 năm 2015, <http://www.ocregister.com/2015/09/08/8-things-pope-francis-has-done-thathave-rankled-church-conservatives>.
- (31) “Chuyến đi nước ngoài đầu tiên của Giáo hoàng thay đổi quan điểm về Giáo hội”, *Đài Tiếng nói Hoa Kỳ*, ngày 30 tháng 7 năm 2013. Xem thêm bản ghi chương trình 60 Minutes Presents: Inside the Vatican, ngày 28 tháng 12 năm 2014, <https://www.cbsnews.com/news/60minutes-presents-inside-the-vatican/>. Hăng thông tấn Công Giáo đã sử dụng từ “người” thay vì “ông ấy”. Xem “Giáo hoàng Phanxicô giải thích ‘Tôi là ai mà phán xét’ trong cuốn sách mới của ngài”, *Hăng thông tấn Công Giáo*, ngày 12 tháng 1 năm 2016, <https://www.catholicnewsagency.com/news/pope-francis-explains-who-ami-to-judge-in-his-new-book-21443>.
- (32) Roger J. Landry, “Đức Giáo Hoàng Phanxicô và ‘Tư tưởng đồng tính’ đã ‘ảnh hưởng đến Giáo Hội’”, *National Catholic Register*, ngày 12 tháng 12 năm 2018, <https://www.ncregister.com/commentaries/pope-francis-on-the-gaymentality-that-has-influenced-the-church>.
- (33) Ibid.
- (34) Inés San Martín, “Quan chức cấp cao Vatican nói rằng độc thân và đồng tính luyến ái không phải là nguyên nhân của khủng hoảng lạm dụng”, *Crux*, ngày 14 tháng 12 năm 2019, <http://www.cruxnow.com/vatican/2019/12/top-vatican-official-sayscelibacy-homosexuality-not-cause-of-abuse-crisis>.
- (35) Roger Landry, “Sau Hội nghị Thượng đỉnh Vatican về Bảo vệ Trẻ vị thành niên trong Giáo hội”, *National Catholic Register*, ngày 11 tháng 3 năm 2019, <http://www.ncregister.com/blog/fatherlandry/after-the-vatican-summit-onthe-protection-of-minors-in-the-church>.
- (36) Đức Bê-nê-đíc-tô XVI, “Giáo hội và Vụ tai tiếng”.
- (37) Inés San Martín, “Đức Bê-nê-đíc-tô XVI nói rằng ngài đã giải tán ‘nhóm vận động hành lang đồng tính’ của Vatican”, *Crux*, ngày 1 tháng 7 năm 2016, <https://cruxnow.com/vatican/2016/07/Bê-nê-đíc-tô-xvi-says-dismantledvaticans-gay-lobby/>.
- (38) Eberstadt, “Con voi trong phòng thánh”.
- (39) Michael S. Rose, *Tạm biệt những người đàn ông tốt: Làm thế nào những người theo chủ nghĩa tự do đã mang tham nhũng vào Giáo Hội Công Giáo* (Washington, D.C.: Regnery, 2002), 86-87.
- (40) Nhóm điều tra của tờ Boston Globe, *Sự phản bội: Cuộc khủng hoảng trong Giáo Hội Công*

- Giáo* (Boston: Little, Brown and Company, 2002), 170.
- (41) Eberstadt, “Con voi trong phòng thánh”.
- (42) Rose, *Tạm biệt những người đàn ông tốt*, 57.
- (43) Raymond J. de Souza, “Giám mục Morlino thực sự là một giáo sĩ của thời đại mình”, *National Catholic Register*, ngày 27 tháng 11 năm 2018, <https://www.ncregister.com/commentaries/bishop-morlino-was-truly-a-churchman-of-his-time>.
- (44) Podles, *Sự phạm thánh*, 322.
- (45) Philip F. Lawler, *Những người trung thành đã ra đi: Sự sụp đổ của nền văn hóa Công Giáo Boston* (New York: Encounter Books, 2008), 172.
- (46) Rose, *Tạm biệt những người đàn ông tốt*, 58.
- (47) Rabbi Avram Mlotek, “Tôi là một giáo sĩ Do Thái Chính thống sẽ bắt đầu chủ trì các đám cưới LGBTQ. Đây là lý do tại sao”, *Jewish Standard*, ngày 8 tháng 4 năm 2019, <https://jewishstandard.timesofisrael.com/im-an-orthodox-rabbi-who-is-going-to-officiate-at-lgbtq-weddings-heres-why/>.
- (48) Enrique Rueda, *Mạng lưới đồng tính luyến ái: Đời sống riêng tư và chính sách công* (Old Greenwich, Conn.: Devin Adair, 1982), 24.
- (49) Rose, *Tạm biệt những người đàn ông tốt*, 78-79.
- (50) Robert Altier đã đưa ra nhận xét của mình trong một bài giảng tại Nhà thờ St. Raphael ở Crystal, Minnesota. Xem bài báo của ông “Kẻ thù bên trong”, *Catalyst* (tháng 10 năm 2018), <https://www.catholicleague.org/the-enemy-within/>.
- (51) Associated Press, “Tin mới nhất: Con trai của linh mục gặp gỡ điều tra viên của Vatican”, *Yahoo! News*, ngày 20 tháng 2 năm 2019, <https://www.yahoo.com/news/latest-author-links-abuse-church-culturesilence-102550487.html>.
- (52) Andrew Baker và Carter Griffin, “Điều gì đã thay đổi tại các chủng viện Công Giáo?”, *National Catholic Register*, ngày 19 tháng 7 năm 2019, <https://www.ncregister.com/commentaries/what-has-changed-at-catholicseminaries>.
- (53) Ibid.
- (54) Karen J. Terry, Trường Cao đẳng Tư pháp Hình sự John Jay (JJCCJ), và Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ (USCCB), *Nguyên nhân và bối cảnh lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các linh mục Công Giáo tại Hoa Kỳ, 1950—2010: Báo cáo được trình bày trước Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ bởi Nhóm Nghiên cứu Trường Cao đẳng John Jay* (Washington, D.C.: Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ, 2011), 44.
- (55) Stephen J. Rossetti, “Cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục: Chúng ta đã không khắc phục được điều này sao?”, *Priest* (tháng 12 năm 2018), <https://d2y1pz2y630308.cloudfront.net/11878/documents/2019/2/Priest%20magazine%20article-%20The%20Sexual%20Abuse%20Crisis.pdf>.
- (56) Thomas Wehner, “Hoạt động bất chính bị phanh phui tại Chủng viện Thánh Tông đồ”, *National Catholic Register*, ngày 29 tháng 11 năm 2018.
- (57) Raymond J. de Souza, “Việc đóng cửa Chủng viện Buffalo nói lên nhiều điều với các giáo phận khác”, *National Catholic Register*, ngày 6 tháng 2 năm 2020, <http://www.ncregister.com/daily-news/buffalo-seminary-closure-speaks-volumes-to-other-dioceses>.
- (58) “Nghiên cứu: 6% chủng sinh Hoa Kỳ đã từng trải qua quấy rối, lạm dụng hoặc hành vi sai trái tình dục”, *Catholic News Agency*, ngày 23 tháng 9 năm 2019, <https://www.catholicnewsagency.com/news/study-6-of-us-seminarians-have-experienced-sexual-harassment-abuse-or-misconduct-71971>.
- (59) Bill Donohue, “Hành vi sai trái tình dục trong chủng viện là hiếm gặp”, *Catholic League*, ngày 24 tháng 9 năm 2019, <https://www.catholicleague.org/sexualmisconduct-in-seminaries-is-rare/>.

(60) Paul V. Mankowski, “Sự an ủi cho những kẻ săn mồi”, *First Things*, tháng 5 năm 2019, <https://www.firstthings.com/article/2019/05/comfort-to-predators>.

Chương 8. Vai trò của đồng tính luyến ái: Phân tích luận đề John Jay

Không chỉ ở Hoa Kỳ mà hầu hết các nạn nhân bị lạm dụng tình dục bởi giáo sĩ đều là nam giới đã dậy thì: đây là tình trạng trên toàn thế giới. (1) Bất cứ nơi nào vấn đề hiện hữu, thì phần lớn trách nhiệm thuộc về các linh mục đồng tính. Ngay cả trong tỷ lệ tương đối nhỏ các trường hợp liên quan đến ấu dâm, như linh mục đồng tính Tiến sĩ Michael Peterson thừa nhận, “Chúng tôi hoàn toàn không thấy những người ấu dâm dị tính.” (2) Tiến sĩ Richard Fitzgibbons, người đã điều trị cho các linh mục lạm dụng tình dục trong nhiều thập niên, đã đưa ra một nhận xét thậm chí còn đáng kinh ngạc hơn. Ông nói rằng mọi linh mục lạm dụng tình dục mà ông đã điều trị đều “trước đây đã tham gia vào các mối quan hệ đồng tính luyến ái khi trưởng thành”. (3) Ông không nói hầu hết—ông nói rằng mọi linh mục lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên đều đã từng tham gia vào các mối quan hệ đồng tính luyến ái với những người đàn ông khác.

Có nghiên cứu nào để chứng minh những nhận xét này không? Từ New York Times khẳng định là không có, (4) nhưng điều đó đơn giản là không đúng. Chắc chắn, do bản chất chính trị đúng đắn của giới học thuật, không có nhiều nghiên cứu như vậy. Tiến sĩ Gerard J. M. van den Aardweg đã nắm bắt được những gì đang diễn ra trong các giới này. “Xu hướng chung là diễn giải và trình bày các phát hiện một chiều theo hướng ủng hộ nguyên nhân sinh học mong muốn; các nhà tâm lý học và tâm lý học xã hội cố gắng chứng minh tính bình thường của các mối quan hệ đồng tính và việc nuôi dạy con cái của người đồng tính. Ngược lại, các nghiên cứu và ấn phẩm trái ngược với quan điểm bình thường hầu như bị coi là điều cấm kỵ tại các trường đại học và viện nghiên cứu và không được chào đón bởi hầu hết các tạp chí chuyên ngành và nhà xuất bản.” (5)

Đây không phải là sự phóng đại. Từ 16 năm kinh nghiệm giảng dạy và 20 năm làm thành viên hội đồng quản trị của Hiệp hội Học giả Quốc gia (giám sát tự do học thuật), tôi có thể làm chứng rằng ở hầu hết các trường cao đẳng và đại học trên cả nước, hầu như không thể nào một nhà khoa học xã hội được nhận chức vụ giáo sư chính thức nếu người ta biết rằng ông ta đã thực hiện công việc chứng minh dù chỉ là mối liên hệ nhỏ giữa đồng tính luyến ái và lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên. Ngày nay, không có tự do ngôn luận trong khuôn viên trường cho bất cứ ai dám thách thức chương trình nghị sự LGBT.

Vấn đề này bị chính trị hóa đến mức các cơ quan chính phủ cũng có thành kiến. Để dẫn chứng một ví dụ, Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh (CDC) đã công bố một nghiên cứu vào năm 2020 về nhiễm HIV ở nam giới tự nhận mình là nữ (phụ nữ chuyển giới), và kết luận rằng tỷ lệ nhiễm bệnh cao là do “nhiều yếu tố, bao gồm sự kỳ thị liên quan đến bản dạng giới, nhà ở không ổn định, lựa chọn việc làm hạn chế và các hành vi nguy hiểm, chẳng hạn như mại dâm, quan hệ tình dục qua đường hậu môn không an toàn và sử dụng ma túy tiêm chích.” (6) Giờ đây, không cần phải có bằng tiến sĩ mới biết rằng sự kỳ thị, vấn đề nhà ở và cơ hội việc làm hầu như không liên quan gì đến nhiễm HIV. Nhưng mại dâm nam, quan hệ tình dục bừa bãi, hành vi tình dục không lành mạnh và kim tiêm bẩn thì có. Nhu cầu che giấu sự thật về các vấn đề LGBT là điều bắt buộc đối với giới tinh hoa ở nhiều nơi.

Tuy nhiên, một số nghiên cứu đã được công bố, và chúng khá tiết lộ. Tiến sĩ Timothy J. Dailey đã xem xét các tài liệu về mối liên hệ giữa đồng tính luyến ái và lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên và nhận thấy rằng người đồng tính luyến ái chiếm tỷ lệ cao hơn trong các trường hợp như vậy. (7) Ví dụ, một nghiên cứu trên Tạp chí Nghiên cứu Tình dục cho thấy mặc dù người đồng tính luyến ái chỉ chiếm một phần nhỏ dân số, nhưng họ lại chiếm một phần ba tổng số tội phạm tình dục trẻ em. (8) Một bài báo trên Tạp chí Lưu trữ Hành vi Tình dục đưa ra con số là 25%.

(9) Một nghiên cứu được công bố trên cùng tạp chí bởi một tác giả khác đã tìm thấy một điều thậm chí còn đáng kinh ngạc hơn: “Một trong những phát hiện nổi bật nhất của nghiên cứu này là 46% nam giới đồng tính luyến ái và 22% nữ giới đồng tính luyến ái báo cáo đã bị quấy rối bởi người cùng giới. Điều này trái ngược với chỉ 7% nam giới dị tính và 1% nữ giới dị tính báo cáo đã bị quấy rối bởi người cùng giới.” (10) Ngay cả các tác giả đồng tính luyến ái cũng đồng ý rằng người đồng tính luyến ái chiếm tỷ lệ không cân xứng trong các tội phạm tình dục chống lại trẻ vị thành niên. Họ phát hiện ra rằng 73% người đồng tính được khảo sát đã quan hệ tình dục với các bé trai từ mười sáu đến mười chín tuổi trở xuống. (11) Brian W. Clowes và David L. Sonnier đã nghiên cứu về chủ đề này và đi đến cùng một kết luận: người đồng tính có nhiều khả năng lạm dụng trẻ vị thành niên hơn người dị tính. (12) Trong một cuộc khảo sát toàn quốc đối với hiệu trưởng các trường học, người ta thấy rằng họ nhận được số lượng khiếu nại về việc người đồng tính quấy rối học sinh nhiều gấp mười ba lần so với việc người dị tính lạm dụng học sinh. (13) Các nghiên cứu khác báo cáo rằng giáo viên đồng tính có khả năng quấy rối học sinh cao gấp chín mươi đến một trăm lần so với các đồng nghiệp dị tính của họ. (14)

Các nghiên cứu của Đại học John Jay

Một tiếng nói phản đối quan trọng về chủ đề này đã được các nhà nghiên cứu của Đại học John Jay nêu lên. Liên quan đến tỷ lệ người đồng tính trong hàng giáo sĩ và việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên, họ kết luận rằng “nếu đúng là có nhiều đàn ông đồng tính hơn trong hàng giáo sĩ thì...” trong các chủng viện vào những năm 1980, sự gia tăng này không tương ứng với sự gia tăng số lượng trẻ em trai bị lạm dụng.” (15) Nếu điều này là đúng, họ lập luận, nó cung cấp bằng chứng cho thấy không có mối quan hệ nào giữa người đồng tính và việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên.

Điều mà lập luận này không nắm bắt được là không phải sự gia tăng số lượng người đồng tính vào các chủng viện mới là điều quan trọng nhất; mà chính là thành phần và văn hóa của chức linh mục mới là điều quan trọng. Các linh mục dị tính đã bị buộc phải rời bỏ chức vụ vào những năm 1970 sau sự gia tăng đột biến số lượng người đồng tính gia nhập chức linh mục, kết quả là tỷ lệ người đồng tính trong chức linh mục cao hơn bao giờ hết. Ngoài ra, một nền văn hóa chào đón người đồng tính vào những năm 1960 và 1970 đã khiến cuộc sống trở nên hấp dẫn hơn đối với họ trong khi lại có tác động ngược lại đối với các linh mục dị tính.

Cha Krzysztof Olaf Charamsa, một tác giả về chủ đề này và là người thừa nhận mình là người đồng tính, cũng đi đến kết luận tương tự:

Trong suốt những năm 1970, mỗi năm có vài trăm người đàn ông rời bỏ chức linh mục, Nhiều người trong số họ kết hôn. Khi các linh mục dị tính rời bỏ nhà thờ để tìm kiếm hạnh phúc gia đình, tỷ lệ linh mục đồng tính còn lại ngày càng tăng. Tại Hoa Kỳ, tờ Los Angeles Times phát hiện ra rằng 28% linh mục trong độ tuổi từ 46 đến 55 cho biết họ là người đồng tính. Con số thống kê này cao hơn tỷ lệ được tìm thấy ở các nhóm tuổi khác và phản ánh sự rời bỏ của các linh mục dị tính trong suốt những năm 1970 và 1980. (16)

Ngay cả Cha James Martin, một người ủng hộ mạnh mẽ quyền LGBT, cũng đồng ý. Ngài nói rằng “ở một số nơi, các nhóm linh mục đồng tính có thể phát triển một mạng lưới tình bạn thân thiết giữa họ, có ý thức hoặc vô thức loại trừ các linh mục dị tính.” Ngài thừa nhận điều này, “khiến các linh mục dị tính cảm thấy bị gạt ra ngoài lề”; một số người sau đó chọn chuyển đến nơi cư trú khác. “Sự cô lập như vậy cũng có thể khiến những người dị tính cảm thấy không được chào đón trong các nhà xứ, chủng viện và cộng đồng tu sĩ.” (17)

Cha Paul Sullins có bằng tiến sĩ xã hội học và đã xuất bản một nghiên cứu về lạm dụng tình dục của giáo sĩ, trực tiếp thách thức kết luận của John Jay. Sullins lưu ý: “Các tác giả [của John Jay] báo cáo rằng họ đi đến kết luận này mà không thu thập hoặc kiểm tra bất cứ dữ liệu trực tiếp nào về ‘bản sắc giới tính của các linh mục và cách nó thay đổi qua các năm’”. Thay vào đó, họ dựa vào “các ước tính lâm sàng chủ quan và các báo cáo tường thuật gián tiếp về hoạt động đồng tính luyến ái rõ ràng trong các chủng viện.” Cha chỉ trích họ về điều này, nói rằng, “những báo cáo như vậy không thể xác định ‘liệu việc thể hiện công khai bản sắc giới tính trong các chủng viện vào [những năm 1980] có nghĩa là nhiều người đàn ông vào chủng viện tự nhận mình là người đồng tính [hay] có nhiều khả năng tiết lộ mình là người đồng tính hơn... so với những thập niên trước’” (cha nhấn mạnh). (18) Cha nêu ra một điểm quan trọng. Quan trọng hơn, cha đã tự mình nghiên cứu vấn đề này.

Cha Sullins đã xem xét dữ liệu về người đồng tính trong hàng giáo sĩ và tỷ lệ lạm dụng tình dục. “Tỷ lệ nam giới đồng tính trong hàng giáo sĩ đã tăng từ gấp đôi so với dân số nói chung vào những năm 1950 lên gấp tám lần so với dân số nói chung vào những năm 1980. Xu hướng này có mối tương quan chặt chẽ với sự gia tăng lạm dụng tình dục trẻ em.” Cha không hề phóng đại. Kết quả nghiên cứu của cha cho thấy “sự tăng hoặc giảm tỷ lệ nạn nhân nam có mối tương quan gần như hoàn hảo (0.98) với sự tăng hoặc giảm số lượng nam giới đồng tính trong hàng giáo sĩ.” Cha cũng đi sâu vào văn hóa phụ của người đồng tính. “Một phần tư số linh mục được thụ phong vào cuối những năm 1960 báo cáo về sự hiện hữu của một tiểu văn hóa đồng tính trong chủng viện, con số này tăng lên hơn một nửa số linh mục được thụ phong vào những năm 1980. Xu hướng này có mối tương quan chặt chẽ với sự gia tăng lạm dụng tình dục trẻ em.” (19)

Trong một cuộc phỏng vấn, Cha Sullins đã giải thích những phát hiện của mình rõ ràng hơn. “Vào những năm 1950, khoảng 3% linh mục có khuynh hướng đồng tính luyến ái, theo lời khai của chính họ. Đến những năm 1980, con số đó đã tăng lên hơn 16%. Như vậy, chúng ta thấy tỷ lệ linh mục đồng tính luyến ái tăng gấp năm lần, theo một đường thẳng khá rõ ràng từ những năm 1950 đến những năm 1980. Và chúng ta cũng thấy sự gia tăng tương tự về các vụ lạm dụng trong cùng thời kỳ đó, và chúng ta không biết khuynh hướng tình dục của bất cứ kẻ lạm dụng cụ thể nào. Vì vậy, chúng ta suy luận từ mối liên hệ của hai mối tương quan đó rằng có sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa hai yếu tố này. Vì vậy, kết luận của tôi phải trái ngược với báo cáo của John Jay.” (20)

Bản sắc so với tác phong

Việc được đào tạo như một nhà xã hội học cũng dẫn tôi đến việc xem xét một cách nghiêm túc một số phần trong các nghiên cứu của John Jay. Điều quan trọng là, tôi thấy phương pháp luận được các nhà nghiên cứu này sử dụng là có năng lực. Những lời chỉ trích của tôi chỉ giới hạn ở cách họ diễn giải một số dữ liệu, chứ không phải việc thu thập dữ liệu, vốn được thực hiện một cách chuyên nghiệp.

Những người phủ nhận bất cứ mối liên hệ nào giữa đồng tính luyến ái và lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên đã lưu ý rộng rãi rằng các tác giả của John Jay đã đi đến cùng một kết luận này. Họ đã làm vậy. Nhưng làm sao họ có thể làm vậy khi họ thừa nhận rằng hầu hết các vụ lạm dụng liên quan đến hành vi tình dục đồng tính nam? Câu trả lời của họ: nhiều người trong số những linh mục có quan hệ tình dục với nam thanh niên không tự coi mình là người đồng tính. “Do đó, có thể là mặc dù nạn nhân của các linh mục thường là nam giới, do đó định nghĩa các hành vi là đồng tính luyến ái, nhưng linh mục không bao giờ nhận ra danh tính của mình là đồng tính luyến ái” (chữ in nghiêng của họ). (21) Họ cũng phát hiện ra rằng trong khi hơn 75%

linh mục có nhận thức rõ ràng về bản dạng giới tính của mình trước khi vào chủng viện, thì con số này đối với các linh mục bị buộc tội chỉ là 63% (là 83% đối với các linh mục không bị buộc tội). (22)

Bản dạng giới tính là một biến số tâm lý đáng lưu ý, nhưng nó không bao giờ có thể thay thế cho thực tại. Chúng ta biết rằng trong vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ, đàn ông đã quan hệ tình dục với đàn ông. Đó được gọi là đồng tính luyến ái. Không quan trọng nếu kẻ gây hại không coi hành vi của mình là đồng tính luyến ái. Cũng không quan trọng nếu ông ta không chắc chắn về bản dạng giới tính của mình. Điều quan trọng là những gì ông ta đã làm - ông ta được định nghĩa bởi hành vi của mình, chứ không phải nhận thức của ông ta về nó.

Chắc chắn, tri nhận có thể hoạt động như thực tại, nhưng điều đó không giống như nói rằng thực tại được xác định bởi tri nhận. Nó không phải vậy. Cha mẹ của Rachel Anne Dolezal đều là người da trắng, thế nhưng cựu chủ tịch chi hội NAACP và giảng viên đại học này lại nói rằng bà là người da đen. Bà không phải vậy. Cha mẹ bà, vốn có nguồn gốc châu Âu, nói rằng bà đã cố gắng giả làm người da đen. Khi điều này bị truyền thông phanh phui, bà đã từ chức khỏi vị trí tại NAACP và bị sa thải khỏi vị trí giảng viên tại Đại học Eastern Washington. Năm 2015, bà cuối cùng thừa nhận rằng mình “sinh ra là người da trắng và cha mẹ là người da trắng”. Tuy nhiên, bà vẫn tự coi mình là người da đen. (23) Bà ta bị ảo tưởng, cũng giống như những linh mục đồng tính luyến ái nghĩ rằng họ không phải là người đồng tính. Bản sắc cá nhân không phải là tiêu chuẩn quyết định để tìm ra sự thật.

Đây là một cách khác để nhìn vấn đề này. Nếu những linh mục quan hệ tình dục với nam thanh niên vị thành niên tự coi mình là người dị tính, liệu có hợp lý không khi gọi đây là một vụ tai tiếng dị tính? Liệu các nhà nghiên cứu của Đại học John Jay có liệt kê họ là người dị tính không? Đây là một sự lảng tránh. Thực tế, đó là một trò ảo thuật, dựa trên chính trị chứ không phải khoa học. Những người đàn ông chọn quan hệ tình dục với phụ nữ là người dị tính; Những người đàn ông chọn quan hệ tình dục với đàn ông là người đồng tính.

Margaret Smith là một nhà tội phạm học đã tham gia vào các nghiên cứu John Jay. Đây là những gì bà ấy nói để đáp lại một bình luận của tôi về “cuộc khủng hoảng đồng tính” trong Giáo hội: “Việc tham gia vào các hành vi đồng tính luyến ái không giống với bản dạng giới tính là một người đàn ông đồng tính.” (24) Về mặt kỹ thuật, bà ấy đúng, nhưng điều đó không quan trọng. Đúng vậy, hành vi và bản dạng không giống nhau. Vậy thì sao? Sự kiện vẫn là nếu phần lớn các hành vi lạm dụng có bản chất đồng tính luyến ái, thì chúng ta đang có một “cuộc khủng hoảng đồng tính”; nó hoàn toàn độc lập với bản dạng giới tính của kẻ lạm dụng.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi người chịu trách nhiệm chính trong việc thúc đẩy khái niệm bản dạng giới tính trong giới Công Giáo là một linh mục đồng tính, Cha Donald Goergen, O.P. Ông là thành viên của Liên minh Công Giáo vì Quyền Dân sự của Người Đồng tính. Trong cuốn sách năm 1974 của ông, *The Sexual Celibate*, ông khẳng định rằng bản sắc giới tính “ở giai đoạn trưởng thành nhất” là một “cảm giác”, chứ không phải là một điều kiện có thể kiểm chứng bằng thực nghiệm. (25) Chính kiểu chủ quan này, vốn là trọng tâm của chương trình nghị sự đồng tính, đã dẫn đến những kết luận sai lầm. Ngày nay, nó đã phát triển thành ý tưởng cho rằng một người đàn ông nghĩ mình là phụ nữ thì do đó là phụ nữ. Điều này thật điên rồ. Không ai có thể thay đổi cấu trúc nhiễm sắc thể của mình.

Trở lại đây, việc các nhà nghiên cứu của Đại học John Jay phủ nhận vai trò của người đồng tính trong lạm dụng tình dục của giáo sĩ lại bị chính dữ liệu của họ bác bỏ. Ví dụ, họ phát hiện ra rằng các linh mục bị buộc tội lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên “có nhiều khả năng đã có

kinh nghiệm đồng giới và/hoặc song tính hơn các linh mục không bị buộc tội”. (26) Với những gì chúng ta đã biết từ dữ liệu, đây chính là điều chúng ta mong đợi: nó xác nhận luận điểm cho rằng các linh mục đồng tính luyện ái chịu trách nhiệm chính cho vụ tai tiếng này.

Các nhà nghiên cứu của Đại học John Jay phát hiện ra rằng những linh mục tự nhận mình là người đồng tính có nhiều khả năng hoạt động tình dục sau khi gia nhập hàng giáo sĩ hơn những người tự nhận mình là người dị tính. Những linh mục có quan điểm tích cực hơn về đồng tính luyện ái cũng có nhiều khả năng đã quan hệ tình dục sau khi thụ phong. (27) Điều này hợp lý: nếu một người đàn ông có khuynh hướng đồng tính luyện ái nghĩ rằng hành vi đồng tính luyện ái không sai, tại sao anh ta lại không tham gia vào chúng?

Các nhà nghiên cứu cũng phát hiện ra rằng phần lớn những linh mục đã quan hệ tình dục với đàn ông trước khi vào chủng viện thường quan hệ tình dục trong chủng viện. (28) Một lần nữa, điều này hầu như không đáng ngạc nhiên. Nếu họ được sàng lọc cẩn thận, điều này có thể đã không xảy ra. Hơn nữa, những linh mục đã quan hệ tình dục với những người đàn ông khác trước khi vào chủng viện và lạm dụng trẻ vị thành niên sau khi thụ phong có nhiều khả năng gây hại cho nam giới hơn nữ giới. (29) Sẽ thật khó hiểu nếu các nhà nghiên cứu tìm thấy điều ngược lại.

Điều đáng chú ý là không có gì được đề cập trong cả hai báo cáo của John Jay về những người đàn ông dị tính đã quan hệ tình dục với phụ nữ trước khi vào chủng viện. Liệu họ có hoạt động tình dục trong hoặc sau khi vào chủng viện hay không. Những năm tháng ở chủng viện? Có lẽ do chúng chỉ chiếm một phần nhỏ trong các vụ lạm dụng, nên các nhà nghiên cứu đã không đi sâu vào vấn đề này.

Điều cần lưu ý là chỉ những người quan hệ tình dục trong thời gian ở chủng viện, chứ không phải trước đó, mới có khả năng lạm dụng nam giới cao hơn đáng kể. (30) Điều này cho thấy sự sụp đổ của trách nhiệm giải trình diễn ra ở nhiều chủng viện đã bật đèn xanh cho các chủng sinh đồng tính, một số người trong số họ trở nên lảng nhãng. Sự bỏ bê kiểm chế này, đến lượt nó, đã dẫn họ đến việc quan hệ tình dục với các nam thanh niên vị thành niên vô tội. Đó là một lời buộc tội khá nặng nề đối với các chủng viện này.

Còn những linh mục được điều trị nội trú sau cáo buộc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên thì sao? Họ có thay đổi hành vi của mình không? Không. Phần lớn vẫn tiếp tục hoạt động tình dục. (31) Dường như không có gì có thể ngăn cản họ. Nếu họ bị đuổi khỏi chức linh mục, chắc chắn họ sẽ tiếp tục cách làm của mình, nhưng ít nhất họ sẽ không còn gây hại với tư cách là những người phục vụ Chúa Kitô và Giáo hội của Người nữa.

Từ chối sống độc thân

Có bao nhiêu linh mục đồng tính luyện ái đang hoạt động tình dục? Jason Berry đã tìm hiểu câu hỏi này với một số linh mục. Một người vừa rời bỏ chức linh mục nói với Berry, “Mọi linh mục đồng tính mà tôi biết đều hoạt động tình dục, không ngoại lệ.” (32) Trong số mười tám linh mục đồng tính mà Berry phỏng vấn cho một bài báo cáo, chỉ có hai người không hoạt động tình dục. (33) Trong một nghiên cứu về năm mươi linh mục đồng tính, bốn mươi tám người trong số họ hoạt động tình dục, và 60% thừa nhận đã quan hệ tình dục tập thể. Chín mươi phần trăm nói rằng họ từ chối việc sống độc thân bắt buộc. (34)

Về con số cuối cùng, thật dễ hiểu tại sao những linh mục đồng tính lảng nhãng này lại từ chối giáo huấn của Giáo hội về việc sống độc thân: họ nói rằng nó không áp dụng cho họ. “Tôi vẫn

còn trinh tiết”, một linh mục đồng tính hoạt động tình dục nói (ông được phỏng vấn bởi tờ Baltimore Sun). Chỉ vào đầu và trái tim mình, ông nói, “Tôi định nghĩa sự trinh tiết ở đây, chứ không phải ở bộ phận sinh dục.” (35)

Các linh mục có quan hệ tình dục, dù là dị tính hay đồng tính, đôi khi tuyên bố rằng lời thề sống độc thân của họ chỉ cấm họ kết hôn, chứ không cấm quan hệ tình dục. Một trường hợp điển hình là một linh mục đồng tính đã quan hệ tình dục với nam thanh niên và được gửi đến Saint Luke để điều trị. Ông ta biện minh cho hành vi của mình bằng cách nói rằng sống độc thân “có nghĩa là sống độc thân và không có vợ”. (36) Thậm chí một số giám mục cũng đồng ý với đánh giá này. Giám mục Thomas J. Gumbleton nói, “Đồng tính luyện ái chủ động sẽ không vi phạm lời thề độc thân hoặc lời hứa độc thân.” Ông nói thêm rằng đồng tính luyện ái chủ động “vi phạm Điều răn thứ Sáu”, (37) nhưng kể từ cuộc cách mạng tình dục, ai còn quan tâm đến điều đó hoặc thậm chí biết nó có nghĩa là gì? Có gì đáng ngạc nhiên khi các linh mục đồng tính đã bị biến chất về mặt đạo đức?

Cha James Martin giải thích rằng nhiều người đồng tính, bao gồm cả các linh mục đồng tính, đã không “tiếp nhận” giáo huấn của Giáo hội về việc sống độc thân, được định nghĩa là kiêng cử quan hệ tình dục. Cha nói rằng để một giáo huấn của Giáo hội được coi là có thẩm quyền, nó phải được người Công Giáo chấp nhận. “Theo như tôi thấy, trong cộng đồng LGBT, giáo lý cho rằng người LGBT phải sống độc thân suốt đời – không chỉ trước khi kết hôn như đối với hầu hết mọi người, mà là suốt đời – vẫn chưa được đón nhận.” (38) Khi được hỏi tại sao cha không thảo luận về sự trinh tiết trong cuốn sách cha viết về người Công Giáo LGBT, cha nói rằng vì họ chưa đón nhận giáo lý này của Giáo hội, nên cha quyết định tập trung vào “những điểm chung”. (39) Cha không giải thích tại sao, như một phần trong nỗ lực tiếp cận những người này, cha không đặt mục tiêu giúp họ “đón nhận” giáo lý này.

David Carlin lưu ý rằng, đối với nhiều giám mục, việc loại bỏ lạm dụng là tất cả những gì quan trọng. “Nhưng đồng tính luyện ái của giáo sĩ còn cơ bản hơn cả việc lạm dụng trẻ vị thành niên”, ông nói. “Cách một số giám mục nói”, ông nói thêm, “như thể, khi họ nói về việc thanh tẩy Giáo hội, họ có nghĩa là họ sẽ chấm dứt việc linh mục quan hệ tình dục với trẻ vị thành niên; khi các linh mục chỉ quan hệ tình dục đồng thuận với người lớn, dù là nam hay nữ, thì chúng ta sẽ giải quyết được vấn đề của mình.” Ông ấy nhận thấy quan điểm này là “vô lý” một cách chính đáng. Carlin cho rằng, nếu một linh mục không thể giữ lời thề của mình, theo đúng nghĩa, “ông ta nên từ chức linh mục”. (40)

Các nhà nghiên cứu của Đại học John Jay lẽ ra nên để dữ liệu của chính họ định hướng kết luận. Thay vào đó, họ đã sử dụng khái niệm chủ quan về bản dạng giới tính. Bằng chứng khách quan mà họ thu thập một cách đầy thuyết phục cho thấy có mối liên hệ rõ ràng giữa đồng tính luyện ái—ít nhất là theo bằng chứng trong giới linh mục—và việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên.

Ghi chú

(1) Gabriele Kuby, “Lạm dụng: ‘Đừng để lòng bạn phiền muộn’”, *LifeSiteNews*, ngày 20 tháng 2 năm 2019,

https://www.lifesitenews.com/wpcontent/uploads/2021/03/Abuse_by_Gabriele_Kuby.pdf.

(2) Mary Eberstadt, “Con voi trong phòng thánh”, *Weekly Standard*, ngày 17 tháng 6 năm 2002, trang 22..

(3) Richard Fitzgibbons và Dale O’Leary, “Lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các giáo sĩ Công Giáo”, *Linacre Quarterly* 78, số 3 (tháng 8 năm 2011): trang 259..

(4) Elizabeth Dias, “ ‘Đó không phải là một cái tù. Đó là một cái lồng.’ Các linh mục Công

- Giáo đồng tính lên tiếng”, *New York Times*, ngày 17 tháng 2 năm 2019, <https://www.nytimes.com/2019/02/17/us/it-is-not-a-closet-it-is-a-cage-gaycatholic-priests-speak-out.html>..
- (5) Gerard J. M. van den Aardweg, “Về nguồn gốc tâm lý của đồng tính luyến ái”, *Linacre Quarterly* 78, số 3 (tháng 8 năm 2011): 330-54..
- (6) Wei Song và cộng sự, “Dịch vụ hỗ trợ bạn tình HIV trong số phụ nữ chuyển giới—Hoa Kỳ, 2013-2017”, *Morbidity and Mortality Weekly Report* 69, số. 2, ngày 16 tháng 1 năm 2020, <https://www.cdc.gov/mmwr/volumes/69/wr/mm6902a3.htm>..
- (7) Timothy J. Dailey, “Đồng tính luyến ái và lạm dụng tình dục trẻ em”, 2002, đăng trên *Lantern Project*, <http://lanternproject.org.uk/library/general/articles-and-information-aboutsexual-abuse-and-its-impact/homosexuality-and-child-sexual-abuse/>. Dailey cung cấp các trích dẫn cho các tạp chí được đề cập.
- (8) Kurt Freund, Robin Watson và Douglas Rienzo, “Dị tính luyến ái, đồng tính luyến ái và sở thích độ tuổi tình dục”, *Tạp chí Nghiên cứu Tình dục* 26 (tháng 2 năm 1989): 107..
- (9) Ray Blanchard và cộng sự, “Thứ tự sinh con và khuynh hướng tình dục ở những người ấu dâm”, *Archives of Sexual Behavior* 29 (2000): 471..
- (10) Marie E. Tomeo và cộng sự, “Dữ liệu so sánh về lạm dụng tình dục thời thơ ấu và tuổi vị thành niên ở người dị tính và đồng tính”, *Archives of Sexual Behavior* 30 (2001): 539..
- (11) Karla Jay và Allen Young, *The Gay Report: Lesbians and Gay Men Speak Out about Sexual Experiences and Lifestyles* (New York: Summit Books, 1979), 275..
- (12) Brian W. Clowes và David L. Sonnier, “Lạm dụng tình dục trẻ em bởi người đồng tính và dị tính”, *Homiletic & Pastoral Review* (tháng 5 năm 2005): 44-54..
- (13) J. Dressler, “Giáo viên đồng tính: Một nhóm thiểu số bị coi thường trong một nghề nghiệp được đánh giá quá cao”, *Tạp chí Luật Rutgers/Camden* (1978): 399-445..
- (14) Ibid..
- (15) Karen J. Terry, Trường Cao đẳng Tư pháp Hình sự John Jay (JJCCJ), và Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ (USCCB), *Nguyên nhân và bối cảnh lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các linh mục Công Giáo tại Hoa Kỳ, 1950—2010*: Báo cáo được trình bày trước Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ bởi Nhóm Nghiên cứu Trường Cao đẳng John Jay (Washington, D.C.: Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ, 2011), 100..
- (16) Ross Benes, “Làm thế nào chức linh mục Công Giáo trở thành một nơi trú ẩn không ngờ tới cho nhiều người đồng tính nam”, *Slate*, ngày 20 tháng 4 năm 2017, <https://slate.com/humaninterest/2017/04/how-the-catholic-priesthood-became-a-haven-for-manygay-men.html>..
- (17) James Martin, “Những thách thức và món quà của linh mục đồng tính”, *America*, ngày 4 tháng 11 năm 2000, <http://www.americamagazine.org/faith/2000/11/04/challenges-and-giftshomosexual-priest>.
- (18) D. Paul Sullins, “Liệu lạm dụng tình dục của giáo sĩ Công Giáo có liên quan đến các linh mục đồng tính?”, *Viện Ruth*, 2018, 2-3..
- (19) Ibid..
- (20) Matthew Bunson, “Liệu lạm dụng tình dục của giáo sĩ Công Giáo có liên quan đến các linh mục đồng tính luyến ái?”, *National Catholic Register*, ngày 2 tháng 11 năm 2018, <https://www.ncregister.com/news/is-catholic-clergy-sex-abuse-related-tohomosexual-priests>.
- (21) Terry, JJCCJ, USCCB, *Nguyên nhân và bối cảnh*, 36..
- (22) Ibid., 65..
- (23) “Rachel Dolezal thừa nhận mình là người da trắng trên chương trình ‘The Real’”, *Hollywood Reporter*, ngày 2 tháng 11 năm 2015, <https://www.hollywoodreporter.com/news/rachel-dolezal-white-the-real836121>..
- (24) Fitzgibbons và O’Leary, “Lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên”, 255.
- (25) Enrique Rueda, *Mạng lưới đồng tính luyến ái: Đời sống riêng tư và chính sách công* (Old

Greenwich, Conn.: Devin Adair, 1982), 334-35..

(26) Terry, JJCCJ và USCCB, *Nguyên nhân và bối cảnh*, 65..

(27) Ibid., 63..

(28) Ibid., 62..

(29) Ibid..

(30) Ibid..

(31) Ibid., 3..

(32) Jason Berry, *Đừng dẫn chúng con vào cám dỗ* (New York: Doubleday, 1992), 213. (33) Ibid., 211..

(34) Ibid., 185..

(35) Ibid., 212..

(36) Ibid., 139..

(37) Ibid., 216..

(38) Những nhận xét của Cha James Martin được đưa ra trong một cuộc phỏng vấn trên YouTube vào ngày 20 tháng 9 năm 2017, được trích dẫn trong bài viết của Dan Hitchens, “Cha Martin không thực sự nói”, *First Things* (ngày 2 tháng 10 năm 2017), <https://www.firstthings.com/web-exclusives/2017/10/fr-martin-does-notactually-say..>

(39) Judy Roberts, “Cha James Martin giải thích tầm nhìn của mình về những người Công Giáo ‘LGBT’”, *National Catholic Register*, ngày 1 tháng 7, 2017, <http://www.ncregister.com/daily-news/father-james-martin-explains-hisvision-regarding-lgbt-catholics..>

(40) David Carlin, “Các linh mục ‘đồng tính’ và sự khoan dung đối với đồng tính luyến ái”, *The Catholic Thing*, ngày 30 tháng 11 năm 2018, <https://www.thecatholicthing.org/2018/11/30/gay-priests-and-indulgenceof-homosexuality/>.

Chương 9. Vai trò của đồng tính luyến ái: Đồng tính luyến ái có gây ra lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên không?

Đồng tính luyến ái có gây ra lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên không? Không. Có mối liên hệ nào giữa đồng tính luyến ái và lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên không? Có. Mối liên hệ đó là gì? Sự chưa trưởng thành.

Cha Hans Zollner là một linh mục Dòng Tên người Đức và là thành viên của Ủy ban Bảo vệ Trẻ vị thành niên của Đức Giáo Hoàng Phanxicô. Khi được hỏi về việc liệu đồng tính luyến ái có gây ra lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên hay không, cha đã nổi nóng. Cha nói, “Có một bộ phận nhỏ nhưng rất hung hăng cho rằng đồng tính luyến ái gây ra hành vi lạm dụng, điều mà nếu bạn suy nghĩ một chút thì hoàn toàn vô lý, nhưng mọi người vẫn giữ vững quan điểm đó.” (1) Mặc dù về mặt kỹ thuật cha đúng, nhưng câu trả lời của cha gây hiểu lầm.

Hầu hết mọi hành vi của con người đều do nhiều yếu tố gây ra. Đó là lý do tại sao các nhà khoa học xã hội nói về phân tích đa biến [multivariate]. Tính đơn nhân quả, hành vi chỉ do một nguyên nhân duy nhất gây ra, là cực kỳ hiếm. Một ví dụ như vậy là một người rút tay lại khi vô tình chạm vào bếp nóng. Nhiệt độ là nguyên nhân, hay biến tố độc lập, và việc rút tay lại là kết quả, hay biến tố phụ thuộc. Đôi khi có các biến tố trung gian: khi biến tố độc lập không giải thích đầy đủ sự hiện hữu của biến tố phụ thuộc, có thể có một số biến tố nằm giữa hai biến tố đó giải thích mối quan hệ tốt hơn. Ví dụ, có mối quan hệ giữa trình độ học vấn (biến tố độc lập) và thu nhập (biến tố phụ thuộc). Nhưng liệu trình độ học vấn có quyết định số tiền mà một người kiếm được không? Không, nhưng nếu chúng ta thêm nghề nghiệp làm biến tố trung gian, chúng ta thấy rằng trình độ học vấn có liên quan đến các công việc có địa vị cao hơn, và điều đó, đến lượt nó, giải thích mức thu nhập.

Chúng ta đã thấy rằng những người đồng tính, cả trong và ngoài giới linh mục, chiếm tỷ lệ cao hơn trong số những người lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên. Nhưng điều này không giống như việc nói rằng đồng tính luyến ái gây ra lạm dụng: đơn giản là không đúng khi nói rằng hầu hết những người đồng tính luyến ái lạm dụng trẻ vị thành niên. Tuy nhiên, chúng ta vẫn cần giải thích tại sao những người đồng tính luyến ái lại chiếm tỷ lệ không cân xứng trong các vụ lạm dụng.

Hãy xem xét hai ví dụ khác để làm rõ cùng một điểm. Người Ái Nhĩ Lan chiếm tỷ lệ cao hơn trong số những người nghiện rượu. Người Mỹ gốc Hoa chiếm tỷ lệ cao trong số những người nghiện cờ bạc. Rõ ràng, việc là người Ái Nhĩ Lan không khiến một người trở thành người nghiện rượu, cũng như việc là người Trung Quốc không khiến một người trở thành người nghiện cờ bạc. Nhưng phải có điều gì đó giải thích mối quan hệ này. Điều đó chính là lịch sử.

Tiến sĩ Garrett O'Connor đã nghiên cứu lịch sử Ái Nhĩ Lan—nghiện rượu không phải là điều mới mẻ đối với người Ái Nhĩ Lan—và đưa ra một nhận xét sắc bén: “Tác động tổng thể của sự đàn áp tôn giáo, cướp đất, nghèo đói cùng cực và lạm dụng quyền lực quân sự không liên tục của thực dân Anh ở Ái Nhĩ Lan trong suốt 700 năm chiếm đóng liên tục đã tạo ra mặc cảm tự ti dân tộc ở người Công Giáo Ái Nhĩ Lan mà tôi xác định là sự xấu hổ ác tính về văn hóa, đặc trưng bởi nỗi sợ hãi mãi mãi, sự giận dữ bị kìm nén, sự tự ghét bỏ, sự trì hoãn, lòng tự trọng thấp, niềm kiêu hãnh giả tạo và sự dễ bị tổn thương khi sử dụng rượu để giải tỏa đau khổ—trong quá khứ và hiện tại.” (3)

Có nhiều nguyên nhân và hậu quả trong câu chuyện này. Nói tóm lại, một khi nền văn hóa đã được định hình bởi những lực lượng mạnh mẽ như vậy, thì một số đặc điểm nhất định sẽ được ghi khắc vào đó. Việc sử dụng rượu là một trong những đặc điểm văn hóa đó. Vì vậy, có thể biến tố trung gian giữa việc là người Ái Nhĩ Lan (biến tố độc lập) và chứng nghiện rượu (biến tố phụ thuộc) chính là những khó khăn đã in dấu trong lịch sử Ái Nhĩ Lan.

Từ năm 1882 đến năm 1943, Đạo luật Loại trừ người Trung Quốc đã cấm di cư từ Trung Quốc sang Hoa Kỳ. Vào thời điểm đó, số lượng đàn ông Trung Quốc ở Mỹ nhiều hơn phụ nữ Trung Quốc rất nhiều. Đàn ông Trung Quốc đã đổ xô đến California sau khi vàng được phát hiện vào năm 1849. Sau đó, luật năm 1882 lại làm cho tình hình tồi tệ hơn bằng cách cấm phụ nữ Trung Quốc đến Mỹ. Điều này giải thích như thế nào về tỷ lệ người Trung Quốc cao trong số những người đánh bạc? Bất cứ khi nào có sự tập trung cao của nam giới, chẳng hạn như trong quân đội, một số đặc điểm của nam giới (ví dụ: hành vi mạo hiểm) có xu hướng chiếm ưu thế. Một trong số đó là cờ bạc. Chính sự tập trung cao của nam giới Trung Quốc, được định hình bởi lịch sử của họ ở Mỹ, đã giải thích tỷ lệ đánh bạc tương đối cao của họ. Nói cách khác, chính hồ sơ nhân khẩu học của họ, được định hình bởi các yếu tố lịch sử, đã giải thích khuynh hướng đánh bạc của họ.

Về người đồng tính, tỷ lệ lạm dụng tình dục cao hơn của họ không phải do khuynh hướng tình dục của họ gây ra. Tuy nhiên, khuynh hướng tình dục của họ có liên quan đến tình trạng chưa trưởng thành, và điều đó giải thích khả năng họ lạm dụng trẻ vị thành niên cao hơn. Sự chưa trưởng thành là biến tố trung gian. Nói cách khác, sự chưa trưởng thành của họ là một hàm số của khuynh hướng tình dục—người đồng tính có nhiều khả năng chưa trưởng thành hơn người dị tính—và sự chưa trưởng thành có liên quan đến việc lạm dụng trẻ vị thành niên.

Các yếu tố góp phần vào tác phong lạm dụng

Trước khi xem xét bằng chứng về sự chưa trưởng thành và vai trò của nó trong hồ sơ tâm lý của người đồng tính, điều hữu ích là thảo luận về các yếu tố khác giải thích tỷ lệ lạm dụng cao hơn ở người đồng tính.

Những người đàn ông có cùng khuynh hướng tình dục có nguy cơ bị lạm dụng tình dục cao hơn nhiều so với những người đàn ông khác. Một số nghiên cứu đã phát hiện ra rằng tỷ lệ này cao hơn đáng kể. Có sự đồng thuận rằng những người đàn ông bị lạm dụng tình dục khi còn nhỏ có nhiều khả năng lạm dụng trẻ em khi trưởng thành. (4) Hồ sơ của Viện Saint Luke về các linh mục phạm tội tình dục cho thấy hơn 50% trong số họ bị lạm dụng khi còn nhỏ; ước tính trong dân số nam giới lạm dụng nói chung là khoảng 30%. (5)

Tương tự, các tác giả của John Jay nhận thấy rằng “các linh mục bị lạm dụng tình dục khi còn nhỏ có nhiều khả năng lạm dụng trẻ vị thành niên hơn những người không có tiền sử bị lạm dụng.” (6) Đây là một sự kiện bi thảm của cuộc sống cần được đưa vào quá trình sàng lọc các ứng viên cho chức linh mục. Còn có những vấn đề khác, mang tính chất hữu cơ hơn, cũng cần được xem xét kỹ lưỡng.

Sau khi xem xét các nghiên cứu khoa học về hồ sơ tâm lý của người đồng tính, Tiến sĩ Richard Fitzgibbons và Dale O’Leary nhận thấy rằng những người đàn ông với xu hướng tình dục đồng tính “có nhiều khả năng hơn dân số nói chung mắc các rối loạn tâm thần, vấn đề lạm dụng chất gây nghiện, ý định tự tử, các bệnh lây truyền qua đường tình dục, và thiếu chung thủy và bền vững trong các mối quan hệ yêu đương.” (7) Họ trích dẫn các nghiên cứu từ Tân Tây Lan, Hoà Lan và Anh đưa ra những kết luận tương tự. Ngay cả những người ủng hộ quyền của người

đồng tính cũng thừa nhận rằng người đồng tính đang phải đối diện với nhiều vấn đề tâm thần, mặc dù họ có xu hướng đổ lỗi cho tình trạng của mình là do một xã hội thù địch. Nhưng như Fitzgibbons và O’Leary chỉ ra, Hoà Lan khá khoan dung với người đồng tính, nhưng những vấn đề tương tự vẫn hiện hữu ở đó.

Họ kết luận rằng “bằng chứng cho thấy rõ ràng rằng những người đàn ông tự nhận mình là ‘đồng tính’ có nhiều khả năng gặp các vấn đề tâm lý, vấn đề lạm dụng chất gây nghiện và vấn đề với những người có thẩm quyền.” (8) Vì những lý do này, họ khuyến nghị thực hiện chính sách cấm người đồng tính tham gia chức tư tế nếu họ thể hiện “xu hướng đồng tính luyến ái sâu xa”. Điều này sẽ làm giảm thiểu “tình trạng lạm dụng đồng tính luyến ái đối với thanh thiếu niên và trẻ em trong tương lai”. (9)

Sự thiếu chung thủy và tính bền vững của các mối quan hệ yêu thương mà Fitzgibbons và O’Leary đề cập như một đặc điểm của người đồng tính được thể hiện rõ nhất trong lối sống phóng túng của nhiều người đồng tính. Theo nhà trị liệu tâm lý Zev Ballen, khi bình luận về sự phóng túng nói chung, “mối tương quan giữa sự phóng túng tình dục, trầm cảm và tự tử là rất rõ ràng. Vô số người đang cố gắng lấp đầy bằng tình dục—điều này sinh ra cảm giác tội lỗi, tự ghét bản thân, trống rỗng và xấu hổ.” (10) Những người đồng tính phóng túng cũng gặp phải những vấn đề này cũng như những vấn đề khác.

Năm 2017, Huffington Post đã đăng một bài viết thẳng thắn đến tàn nhẫn của nhà báo Michael Hobbes về sự phóng túng trong cộng đồng người đồng tính. Ông nói: “Hiện nay, tùy thuộc vào nghiên cứu, người đồng tính có khả năng tự tử cao gấp 2 đến 10 lần so với người dị tính. Chúng ta có nguy cơ mắc chứng trầm cảm nặng cao gấp đôi.” Phần lớn điều này bắt nguồn từ việc người đồng tính không thể hình thành những mối quan hệ bền chặt. “Mặc dù người ta nói nhiều về ‘gia đình do chúng ta lựa chọn’, nhưng nam giới đồng tính có ít bạn thân hơn người dị tính hoặc nữ giới đồng tính.” (11)

Làm thế nào mà trong thời điểm quyền của người đồng tính ngày càng được chấp nhận rộng rãi, lại có quá nhiều người đồng tính không hạnh phúc? Quan điểm phổ biến, được nhiều người làm việc trong lĩnh vực truyền thông, trường học và chính phủ chia sẻ, là việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính và sự chấp nhận của công chúng sẽ dẫn đến sự gia tăng tổng thể về hạnh phúc của người đồng tính. Điều này nghe có vẻ hợp lý, nhưng không có bằng chứng nào để chứng minh điều đó.

Thật vậy, như Hobbes đã chỉ ra, “ở Hoà Lan, nơi hôn nhân đồng tính đã được hợp pháp hóa từ năm 2001, nam giới đồng tính vẫn có nguy cơ mắc rối loạn tâm trạng cao gấp ba lần so với nam giới dị tính, và có nguy cơ tự gây thương tích cao gấp 10 lần.” Tình hình cũng không khác gì ở Thụy Điển, thiên đường tình dục của giới thượng lưu. Người Thụy Điển đã có liên minh dân sự từ năm 1965 và hôn nhân đồng tính từ năm 2009, nhưng “nam giới kết hôn với nam giới có tỷ lệ tự tử cao gấp ba lần so với nam giới kết hôn với nữ giới.” (12)

Liệu người đồng tính có tốt hơn khi sống khép kín hơn là công khai? Theo Hobbes, “Một nghiên cứu được công bố năm 2015 cho thấy tỷ lệ lo âu và trầm cảm cao hơn ở nam giới mới công khai giới tính so với nam giới vẫn còn sống khép kín.” (13) Đây không phải là lời kêu gọi ép buộc người đồng tính quay trở lại sống khép kín, mà là lời cảnh tỉnh cho những người nghĩ rằng sự chấp nhận của xã hội sẽ mang lại sức khỏe tâm lý tốt hơn cho người đồng tính.

Sự chưa trưởng thành ở người đồng tính

Có vẻ như sự chưa trưởng thành là biến tố giải thích rõ nhất mối liên hệ giữa đồng tính luyến ái và lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên. Cần nhớ rằng các nhà nghiên cứu của Đại học John Jay đã báo cáo rằng các linh mục bị buộc tội thường viện dẫn sự chưa trưởng thành của chính họ như một cách để hợp lý hóa hành vi của mình: “Một lý do phổ biến để phạm tội là sự chưa trưởng thành về tình dục.” Báo cáo cũng lưu ý rằng “ngoài việc chưa trưởng thành về mặt tình dục, họ còn thể hiện sự chưa trưởng thành về mặt cảm xúc.” (14) Mặc dù điều này không thể được chấp nhận như một sự bào chữa, nhưng những linh mục lạm dụng tình dục này hiểu chính xác tình trạng của chính họ. Thật vậy, họ đã đưa ra chẩn đoán chính xác: họ đồng tính luyến ái. Tình trạng tình dục của họ có liên quan đến sự chưa trưởng thành, cả về tình dục và cảm xúc, điều này giải thích khuynh hướng lạm dụng trẻ vị thành niên của họ. Họ là những người đàn ông chưa trưởng thành, có mối quan hệ về mặt phát triển với những người đàn ông chưa trưởng thành khác.

Sigmund Freud đã nghiên cứu về người đồng tính và không đưa ra kết luận rõ ràng về nguồn gốc của sự hấp dẫn đồng tính. Ông không coi người đồng tính là bất thường, nhưng ông mô tả những người bị thu hút bởi người cùng giới là có “cảm xúc tình dục trái ngược” hoặc là “người đảo ngược”, do đó gọi đồng tính luyến ái là “sự đảo ngược”. (15) Freud không phản đối quan niệm thông thường về dị tính luyến ái, ông nói rằng “mục đích tình dục bình thường được coi là sự kết hợp của bộ phận sinh dục trong hành vi được gọi là giao hợp”, (16) và ông chắc chắn hiểu được điều gì thúc đẩy người dị tính: “Không nghi ngờ gì nữa, lực lượng mạnh nhất chống lại sự đảo ngược vĩnh viễn của đối tượng tình dục là sự hấp dẫn mà các đặc điểm giới tính đối lập tác động lên nhau.” (17)

Freud cho rằng đồng tính luyến ái là do “sự đình trệ nhất định trong sự phát triển tình dục.” (18) Ông đi đến kết luận này bởi vì ông thấy sự phát triển tâm lý tình dục bình thường dẫn đến dị tính luyến ái. (19) Điều gì cản trở sự phát triển này? Theo Freud, sự phát triển tâm lý tình dục của một người đàn ông có thể bị cản trở bởi sự gắn bó quá mức với mẹ của anh ta: “Trong tất cả các trường hợp đồng tính nam của chúng tôi, các đối tượng đều có sự gắn bó tình dục rất mãnh liệt với một người phụ nữ, thường là mẹ của họ... Sự gắn bó này được khơi gợi hoặc khuyến khích bởi sự dịu dàng quá mức từ chính người mẹ, và được củng cố thêm bởi vai trò nhỏ bé của người cha trong thời thơ ấu của họ.” (20)

Freud khá thẳng thắn về sự chưa trưởng thành của những người đồng tính. Ông nói rằng “bất cứ sự lệch lạc nào đã được xác định so với tình dục bình thường” đều là “một trường hợp ức chế phát triển và ấu trĩ”. Ông cũng lưu ý thêm rằng “sự lệch lạc tình dục ở người lớn—sự biến thái, sự sùng bái vật thể, sự đảo ngược (đồng tính luyến ái)... sẽ bộc lộ một sự kiện như tôi đã đề xuất, dẫn đến sự cố định trong thời thơ ấu.” (21)

Carl Jung cũng liên kết đồng tính luyến ái với vấn đề trong mối quan hệ mẹ con. Trong cuốn sách xuất sắc của mình về Jung, Robert H. Hopcke đã viết rằng “Jung coi đồng tính luyến ái là một dạng chưa trưởng thành, một phần do sự xáo trộn trong mối quan hệ với cha mẹ, đặc biệt là với mẹ.” (22) Giống như Freud, ông cho rằng biểu hiện tình dục tự nhiên nhất của con người là dị tính. Như Hopcke đã nói, “Thái độ của Jung đối với đồng tính luyến ái như là sự chưa trưởng thành về mặt tâm lý hoặc trẻ con dựa trên một mục đích luận cho rằng tình dục của con người luôn dẫn đến hành vi dị tính về mặt sinh dục.” (23) Điều này lẽ ra không gây tranh cãi, nhưng do sự miễn cưỡng của các học giả trong việc nói bất cứ điều gì có thể bị coi là chỉ trích người đồng tính, nên nó lại gây tranh cãi. Ngay cả Hopcke cũng thất vọng về quan điểm của Jung. (24)

Đã có những nỗ lực nhằm làm mất uy tín mối liên hệ của Freud giữa sự chưa trưởng thành và đồng tính luyến ái. Ví dụ, một nghiên cứu của giáo sư Mark Biernbaum thuộc Đại học bang California, tuyên bố cho thấy không có sự khác biệt giữa người dị tính và người đồng tính về mức độ trưởng thành, đã đi đến kết luận này bằng cách đo lường cách sinh viên đại học sử dụng một số cơ chế phòng vệ nào đó. (25) Tuy nhiên, thước đo mà ông lựa chọn chỉ liên quan gián tiếp đến những gì Freud đang thảo luận. Các cơ chế phòng vệ ít liên quan đến sự phát triển tình dục trưởng thành.

Nếu người đồng tính đang thiếu sự trưởng thành về tâm lý tình dục, thì điều này liên quan như thế nào đến việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên? Có thể người đồng tính trưởng thành dễ đồng cảm hơn với những người, giống như họ, chưa trưởng thành. Một số người có thể bị mắc kẹt trong tuổi vị thành niên của chính họ. Đức ông Stephen Rossetti, một nhà tâm lý học, đã quan sát thấy rằng một số lượng đáng kể các linh mục lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên có liên quan đến nam thanh niên sau tuổi dậy thì, khoảng 14 đến 17 tuổi. Có vẻ như đúng là nhiều người trong nhóm linh mục lạm dụng trẻ em này có khuynh hướng đồng tính. Nhưng đó là một loại đồng tính luyến ái đặc biệt, mà người ta có thể gọi là “thoái hóa [regressed]” hoặc “còi cọc [stunted]”. Những người đàn ông đồng tính này bị mắc kẹt về mặt cảm xúc ở tuổi vị thành niên, và do đó có nguy cơ quan hệ tình dục với nam thanh niên. Vấn đề không phải là đồng tính luyến ái mà là sự phát triển cảm xúc bị kìm hãm của họ. (26)

Đúng vậy, đồng tính luyến ái không phải là nguyên nhân của lạm dụng tình dục, nhưng việc một số người đồng tính không thể thoát khỏi tuổi vị thành niên khiến họ “có nguy cơ quan hệ tình dục với nam thanh niên”.

Một linh mục tại Đại học Chicago, người đã nghiên cứu về giới giáo sĩ đồng tính, ước tính rằng, vào những năm 1980, khoảng một nửa số linh mục Mỹ là đồng tính luyến ái và “một số lượng lớn trong số họ bị kìm hãm về mặt tâm lý tình dục”. (27) Trong khi những người khác có thể ngần ngại suy đoán lý do tại sao lại như vậy, dường như khuynh hướng đồng tính luyến ái của họ là kết quả của sự chưa trưởng thành về mặt tâm lý tình dục. Sơ Marie-Paul Ross, một nữ tu người Canada có bằng Tiến sĩ về tình dục học lâm sàng, đã lưu ý đến sự chưa trưởng thành về mặt tình dục của các linh mục lạm dụng và nhu cầu “điều trị những lo lắng sâu xa”, chẳng hạn như chấn thương thời thơ ấu, mà những linh mục này trải qua. (28)

Sơ FraFerder, một nhà trị liệu đã điều trị cho các linh mục lạm dụng ở Seattle, đã chứng kiến hiện tượng tương tự. Bà lập luận rằng “có một xu hướng ở nhiều người đàn ông đồng tính, đặc biệt là ở độ tuổi 20, trải qua giai đoạn dậy thì muộn.” Điều này ảnh hưởng như thế nào đến những người đàn ông đang học để trở thành linh mục? “Tôi nghĩ một số người đàn ông đồng tính Công Giáo trì hoãn hoàn toàn và chọn chủng viện như một cách chấp nhận được để không phải đối diện với vấn đề tình dục. Và rồi nó bộc lộ ra khi họ ở độ tuổi 20 hoặc 30, về mặt cảm xúc ở độ tuổi 15 hoặc 16 - một dạng đồng tính luyến ái thoái hóa.” (29)

Vào cuối những năm 1960, khi bắt đầu cuộc cách mạng tình dục, bốn nhà tâm lý học đã nghiên cứu sự phát triển tâm lý tình dục của những người đàn ông bước vào chức linh mục. Họ phát hiện ra rằng 70% “chưa trưởng thành về mặt tâm lý tình dục, thể hiện các đặc điểm của sự chậm phát triển tình dục dị tính, nhầm lẫn về vai trò tình dục, sợ hãi tình dục, nữ tính và có khả năng có khuynh hướng đồng tính luyến ái.” (30) Phần lớn các vụ lạm dụng có thể đã được tránh khỏi nếu các giám mục và viện trưởng chủng viện coi những đặc điểm này là dấu hiệu cảnh báo và từ chối phong chức cho những người đàn ông có sự chưa trưởng thành nghiêm trọng khiến họ không phù hợp với chức linh mục.

David Finkelhor thường được trích dẫn như một chuyên gia về chủ đề này trong các báo cáo của John Jay. Ông đã xác định ba yếu tố liên quan đến việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên. Thứ nhất, ông nói, lĩnh vực lạm dụng có “nhu cầu cảm xúc chưa trưởng thành”, cho phép ông ta “dễ gần gũi với trẻ em hơn người lớn”. Thứ hai, “nhiều người lạm dụng trẻ em có một mức độ hưng phấn tình dục nào đó đối với trẻ em, dù là bẩm sinh hay do học hỏi”. Thứ ba, những kẻ lạm dụng “có thể gặp phải một số loại tắc nghẽn, hoặc không có khả năng đáp ứng nhu cầu tình dục và/hoặc cảm xúc trong các mối quan hệ người lớn”. (31) Mặc dù đây là hồ sơ của những kẻ lạm dụng, nhưng nó cũng giống với hồ sơ của nhiều người đồng tính.

Cha John Geoghan, kẻ lạm dụng khét tiếng ở Boston, đã thể hiện chính những đặc điểm mà chúng ta mong đợi. Sau khi tốt nghiệp trung học năm 1952, ông vào chủng viện Cardinal O’Connell. Năm 1954, cha xứ của ông viết, “Geoghan đã khiến các giảng viên của chủng viện này lo ngại trong hai năm qua... Anh ấy có sự non nớt rõ rệt... hơi nữ tính trong cách nói chuyện và cách tiếp cận.” (32) Khi đó họ không biết rằng “sự non nớt rõ rệt” là một dấu hiệu cảnh báo. Ngày nay, vẫn còn nhiều người không biết điều đó.

Một lĩnh vực hiểu được sự non nớt báo hiệu điều gì là Cha Paul Shaughnessy. Cha viết về “rối loạn tâm lý của người đàn ông bị mắc kẹt trong ham muốn tình dục đồng tính luyến ái cưỡng bức, được đánh dấu bằng sự ích kỷ và khao khát thỏa mãn của tuổi vị thành niên, cùng với sự vô trách nhiệm và thiếu kiểm soát của tuổi vị thành niên”. Cha cho rằng những người đàn ông này thể hiện trong đời sống tình dục của họ sự “thiếu chín chắn, thù địch và vô trách nhiệm”, dẫn đến việc họ đặt sự thỏa mãn cá nhân lên trên lợi ích chung.(33)

USA Today đã công bố một nghiên cứu tiết lộ về các lĩnh vực bị buộc tội vào năm 2019. Một cựu tu sĩ Công Giáo Rô-ma, John Dagwell, đã nhận tội lạm dụng tình dục một học sinh vào năm 1988. Khi được thả khỏi tù, ông nói, “Tôi đã tránh xa thanh thiếu niên.” Phóng viên đã ghi chú lại căn hộ của ông. “Khi ông nói, ba con gấu bông nằm trên tivi của ông và nửa tá búp bê nhồi bông Disney —Mickey Mouse, Goofy, Jiminy Cricket—được sắp xếp cẩn thận trên một tủ đựng đồ sứ.” (34) Một kẻ lạm dụng khác, một cựu tu sĩ dòng Phanxicô, nói, “Có điều gì đó ở tôi khiến tôi hạnh phúc hơn khi ở bên cạnh một cậu bé nhỏ... Có lẽ ngoài yếu tố tình dục, đưa trẻ trong tôi muốn có một người bạn chơi cùng.” (35)

Phức cảm tự yêu mình (narcissism)

Nếu có một yếu tố nào khác ngoài sự thiếu chín chắn phổ biến ở những kẻ lạm dụng, thì đó là phức cảm tự yêu mình. Thật vậy, phức cảm tự yêu mình là họ hàng gần của sự thiếu trưởng thành, và khi cả hai kết hợp trong cùng một người, chúng tạo ra một sức mạnh tiềm tàng gây hại cho người khác.

Freud định nghĩa phức cảm tự yêu mình là sự tôn thờ bản thân khi được coi là đối tượng của ham muốn tình dục. Freud nhận thấy một yếu tố tự yêu mình ở những người đồng tính mà ông nghiên cứu: “Sự ám ảnh mạnh mẽ về dục vọng đối với kiểu lựa chọn đối tượng tự yêu mình được bao gồm trong khuynh hướng biểu hiện đồng tính luyến ái.” (36)

Một lĩnh vực mà tôi quen biết, người từng giữ vai trò giám sát các lĩnh vực trẻ, đã kể với tôi rằng việc đối phó với các giáo sĩ đồng tính rất khó khăn đối với ngài. Ngài đã phải đối diện với họ nhiều lần, và cuối cùng họ quyết định từ chức thay vì sống dưới sự hà khắc của ngài. Tôi hỏi liệu họ có hoạt động tình dục hay không. Ngài nói ngài không biết. Vậy vấn đề là gì? Thói quen chi tiêu của họ: họ chi tiền cho thức ăn và rượu bia vượt xa ngân sách của mình. Điều ông quan

sát thấy không phải là lòng tham mà là phức cảm tự yêu mình. Jason Berry kể câu chuyện về “Cha X”, một kẻ lạm dụng đồng tính luyến ái, người “đã tiêu xài hoang phí để trang trí nhà xứ cũ của mình; các cậu bé đã ngủ qua đêm ở đó.” (37)

Những nỗ lực để khiến bản thân trở nên hấp dẫn về mặt tình dục có thể tốn rất nhiều tiền. Cha Paul Shanley đã thú nhận với một trong những nạn nhân của mình, Kevin English, khi đó 17 tuổi, rằng ông ở lại chức linh mục vì tiền. Ông nói rằng khoản trợ cấp hàng tháng 1,500 đô la là không đủ, mặc dù 1,500 đô la không phải là một số tiền nhỏ vào năm 1990. English nói với Vanity Fair rằng Shanley lái những chiếc xe hào nhoáng, tập thể dục thường xuyên, và mang theo 500 đô la tiền mặt trong túi. (38)

Loại hành vi tương tự đã được ghi nhận trong số các giáo sĩ cấp cao. Một cố vấn thân cận của Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Hồng Y Rodríguez của Honduras, đã khiến một Giám Mục Phụ Tá phải từ chức “vì hành vi đồng tính luyến ái và sai trái về tài chính”, dẫn đến việc 40 chủng sinh trong giáo phận của ngài “công bố một bức thư yêu cầu ngài loại bỏ mạng lưới đồng tính luyến ái trong chủng viện”. (39)

Mối liên hệ giữa hành vi sai trái về tình dục và tài chính bị cáo buộc chính là điều đã khiến vị giám mục Công Giáo hàng đầu của Tây Virginia, Giám mục Michael J. Bransfield, phải từ chức vào năm 2019:

Trong 13 năm làm giám mục ở Tây Virginia, một trong những tiểu bang nghèo nhất, Bransfield đã chi 2.4 triệu đô la tiền của nhà thờ cho việc đi lại, phần lớn là cá nhân, bao gồm cả việc bay bằng máy bay phản lực thuê riêng và ở trong các khách sạn sang trọng, theo báo cáo. Bransfield và một số cấp dưới đã chi trung bình gần 1,000 đô la mỗi tháng cho rượu, báo cáo cho biết. Giáo phận Tây Virginia đã chi 4.6 triệu đô la để cải tạo nhà ở của Bransfield sau khi một vụ hỏa hoạn làm hư hại một phòng tắm duy nhất. Khi Bransfield ở trong tòa giám mục, một tòa nhà hành chính, hoa tươi được giao hàng ngày, với chi phí khoảng 100 đô la một ngày—tổng cộng gần 182,000 đô la. (40)

Phức cảm tự yêu mình vượt quá vấn đề tình dục và thể hiện ở các hình thức tự ám ảnh khác. Ray Mouton, luật sư của Cha Gilbert Gauthier, đã bày tỏ sự bức bối khi phải đối phó với thân chủ lạm dụng tình dục hàng loạt của mình: “Gilbert đang phàn nàn về thức ăn. Tôi nói với ông ta rằng ở trong tù còn tệ hơn. Ông có nhận thấy những kẻ ấu dâm tự yêu mình đến mức nào không? Sự tự ám ảnh khiến tôi choáng váng” (chữ in nghiêng của ông). (41) Tiến sĩ Gerard J. M. van den Aardweg viết rằng “những bằng chứng xác thực nhất liên quan đến đồng tính luyến ái chỉ ra nguyên nhân là do sự phát triển tâm lý, chứ không phải do di truyền hay sinh lý.” Ông tập trung vào tác động của việc tự kịch hóa, hay “tính tự cho mình là trung tâm, tự cho mình là quan trọng và nhận thức rằng họ là trung tâm của thế giới”. Khi điều này xảy ra, “sự trưởng thành về mặt cảm xúc bị cản trở ít nhiều nghiêm trọng, vì sự trưởng thành về mặt tâm lý phụ thuộc vào quá trình phi vị kỷ hóa của người trẻ. Liên quan đến điều này, cốt lõi của tình yêu đồng tính là lòng tự yêu bản thân chưa trưởng thành; người bạn/đối tác phải yêu tôi trước bất cứ điều gì khác. Đây là một phần giải thích cho sự bất ổn và tính chất không tương của các mối quan hệ đồng tính.” (42)

Một số nhà văn và học giả đồng tính đã rất thẳng thắn về những đặc điểm chưa trưởng thành và tự yêu bản thân của một số người đồng tính. Một nhà văn người Ý đã nói với một hiệp hội các nhà tâm lý học rằng đồng tính luyến ái là kết quả của “sự thiếu hụt tình yêu trầm trọng trong thời thơ ấu [và] sự chưa trưởng thành về mặt tình cảm”. Ông thú nhận, “Nhiều người đàn ông như tôi không dễ yêu. Chúng tôi ích kỷ và thất thường như trẻ con.” Ông ấy mơ về ngày mà ông

ấy sẽ “ngừng dành cả ngày để tìm kiếm một mối quan hệ tình dục nhất thời trên internet” và khi ông ấy không còn “nhìn một người đàn ông vạm vỡ đi vào tàu điện ngầm và tưởng tượng ra các bộ phận cơ thể của anh ta”. (43)

Hành vi tự hủy hoại bản thân

Marshall Kirk, một nhà nghiên cứu về tâm thần học thần kinh, và Hunter Madsen, người có bằng tiến sĩ chính trị từ Đại học Harvard, đã đồng tác giả một cuốn sách có ảnh hưởng về đồng tính luyến ái, được các nhà hoạt động hết sức ca ngợi; cuốn sách vẫn được coi là khởi xướng cho chương trình nghị sự LGBT. Cả hai người đều là người đồng tính, và mặc dù phần lớn cuốn sách của họ, *After the Ball*, là một bản tuyên ngôn ủng hộ đồng tính luyến ái, nhưng trong một chương, họ liệt kê mười “hành vi sai trái” gây khó khăn cho người đồng tính. (44)

Về cơ bản, Kirk và Madsen cho rằng hầu hết các vấn đề của người đồng tính là do sự từ chối đạo đức, một tình trạng mà họ cho là phổ biến. Thật vậy, họ coi lối sống đồng tính là “chuyện tồi tệ”. (45) Tại sao rất nhiều người đồng tính lại từ chối đạo đức? Bởi vì “sự vô đạo đức thật tiện lợi. Và kẻ thù đạo đức của sự tiện lợi đó chính là sự phán xét giá trị.” Hậu quả hợp luận lý của nhận thức này, như Kirk và Madsen chỉ ra, là “mọi thứ đều được chấp nhận”, dẫn đến một loạt các vấn đề về thể chất và cảm xúc không thể tránh khỏi. (46)

Theo Kirk và Madsen, những ảnh hưởng phổ biến nhất của việc người đồng tính từ chối đạo đức là hội chứng tự yêu mình và các vấn đề hành vi tự thỏa mãn và tự hủy hoại bản thân. Tự mãn một cách bệnh hoạn, nhiều người đồng tính thấy gần như không thể hình thành các mối quan hệ lâu dài, coi việc giải tỏa ham muốn tình dục của họ với nhiều đối tác hấp dẫn hơn. Quan niệm rằng tự kiểm chế đồng nghĩa với tự ghét bản thân cũng phổ biến, dẫn đến việc sử dụng “ma túy và tình dục kỳ quặc”. Một số người dùng đến sự dâm dục và hung hăng, nghĩa là chứng ái phân [coprophilia] (sử dụng phân để kích thích tình dục) và “chi đơn thuần đắm chìm trong bản thủ”, cũng như các hành vi nguy hiểm khác. (47)

Những người đã nghiên cứu về những kẻ lạm dụng tình dục đã tìm thấy ở họ những đặc điểm như nhu cầu được ngưỡng mộ liên tục và không phê phán; khuynh hướng phô trương; sự giả tạo trong cách cư xử, ăn mặc và lời nói; khả năng yêu thương bị suy giảm; và các kiểu hành vi tự hủy hoại bản thân. (48) Đây là một hồ sơ tâm lý dẫn đến những căn bệnh nghiêm trọng, không chỉ đối với người mắc bệnh mà còn đối với những người mà người đó tương tác.

Các tác phong tự hủy hoại bản thân được biết là gây rắc rối cho người đồng tính bắt đầu từ tuổi thiếu niên. Bạo lực trong hẹn hò, cưỡng bức tình dục, tự tử và lạm dụng ma túy phổ biến hơn nhiều ở thanh thiếu niên đồng tính.

Điều đáng kinh ngạc là, thanh thiếu niên đồng tính có nhiều khả năng báo cáo việc mang thai hoặc khiến người khác mang thai hơn. (49) Việc những kiểu hành vi như vậy vẫn tiếp diễn ngay cả sau khi các xã hội phương Tây ngày càng khoan dung hơn với đồng tính luyến ái là điều đáng lo ngại. Khía cạnh này đã được nhấn mạnh rất nhiều trong một bộ phim tài liệu được phát sóng ở Anh, *The Trouble with Gay Men*.

Bộ phim là tác phẩm của Simon Fanshawe. Là một người đồng tính, ông nói, “Tôi đặt mục tiêu vạch trần sự thật rằng chúng tôi, những người đàn ông đồng tính, đang sống cuộc sống của những thiếu niên, vẫn bị ám ảnh bởi tình dục, cơ thể, ma túy, tuổi trẻ và việc là ‘đồng tính’.” Ông thừa nhận rằng người đồng tính từ chối phán xét hành vi của họ hoặc việc thiếu một chuẩn mực đạo đức. Ông nói, mặt sau của các tạp chí dành cho người đồng tính “đầy rẫy quảng cáo

traï bao [rent-boys]”, đến mức “chúng ta đã bình thường hóa mại dâm”. Điều này xảy ra vào thời điểm “chúng ta gần như có sự bình đẳng hoàn toàn. Tuy nhiên, chúng ta vẫn tiếp tục hành xử như thể mình là một thiểu số bị cô lập, bị loại trừ khỏi thế giới trách nhiệm.” (50)

Một nhà văn đồng tính khác, Jim Mangia, đã viết một bài báo vào năm 2020 trên tờ New York Times, lặp lại những gì Fanshawe đã nói. “Thật không may, một số tập tục và niềm tin độc hại vẫn được duy trì trong văn hóa nam giới đồng tính, khiến tất cả chúng ta có nguy cơ áp dụng những hành vi rủi ro. Chúng ta gây áp lực mạnh mẽ lên nhau để trở nên gầy, quyến rũ và quan hệ tình dục nhiều.” Cũng cần phải nói rằng, kiểu quan hệ tình dục mà những người đàn ông này thực hành—quan hệ tình dục qua đường hậu môn—vô cùng nguy hiểm. Nó không chỉ là nguồn lây truyền các bệnh lây truyền qua đường tình dục; nó còn gây ra một số vấn đề sức khỏe khác. Không phải ngẫu nhiên mà nhà hoạt động vì quyền của người đồng tính Larry Kramer đã gọi lối sống đồng tính là “lối sống chết chóc”. (51)

Lạm dụng rượu và ma túy từ lâu đã được ghi nhận bởi những người đã nghiên cứu về những người đồng tính luyến ái quấy rối trẻ vị thành niên. Ngay từ năm 1985, Cha Thomas Doyle và Ray Mouton đã nhận thấy đặc điểm này. “Về mặt thống kê, ít nhất là liên quan đến lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các linh mục, ma túy và rượu là yếu tố làm phức tạp hoặc ‘giảm nhẹ’ chính mà các chuyên gia điều trị phải đối phó.” (52) Cũng đúng là nhiều linh mục được điều trị tại Saint Luke là con cái của những người nghiện rượu. (53) Hành vi nguy hiểm gần đây nhất đang tàn phá những người đồng tính, ông nói, là ma túy đá [crystal methamphetamine]; nó đang ở mức khủng hoảng. (54)

Quan hệ tình dục bừa bãi

Quan hệ tình dục bừa bãi là một hành vi tự hủy hoại khác, và nó xứng đáng được nghiên cứu riêng. “Bí mật nhỏ bẩn thiu: Hầu hết các cặp đồng tính không chung thủy.” Đó là cách phóng viên Hanna Rosin diễn đạt. (55) Điều này đã được các học giả biết đến từ lâu.

Đến cuối những năm 1970, các nhà khoa học xã hội Alan P. Bell và Martin S. Weinberg đã có thể kết luận rằng quan hệ tình dục bừa bãi là chuẩn mực đối với một bộ phận đáng kể dân số đồng tính. Nghiên cứu của họ cho thấy gần một nửa số người đồng tính da trắng và khoảng một phần ba số người đồng tính da đen mỗi nhóm đã có ít nhất năm trăm bạn tình; gần một phần mười nam giới da trắng có hơn một nghìn bạn tình, trong khi con số này đối với người da đen là hai phần mười. (56) Các nhà xã hội học Philip Blumstein và Pepper Schwartz phát hiện ra rằng 82% người đồng tính luyến ái đã lừa dối bạn tình của họ, và 88% trong số họ biết rằng bạn tình của họ đã lừa dối họ, dẫn đến kết luận rằng “gần như tất cả nam giới đồng tính đều có bạn tình khác”. Họ nói rằng điều này là do “tâm lý lừa đảo”—tức là bản chất vô cảm của các cuộc gặp gỡ đồng tính. Ví dụ, 90% nam giới đồng tính thừa nhận rằng họ đã quan hệ tình dục với một người đàn ông khác vào cùng ngày họ gặp nhau. Điều này không phổ biến lắm ở người dị tính và nữ đồng tính. (57)

Nhu cầu sàng lọc các ứng viên cho chức linh mục

Liệu có phải những ham muốn tình dục mà người đồng tính luyến ái trải qua, đặc biệt là những người đã chấp nhận lối sống đồng tính, mạnh đến mức ngăn cản lời thề độc thân và sự trinh tiết cần thiết để thực hiện nó? Và nếu vậy, các nhà lãnh đạo Giáo hội có nên tuân theo hướng dẫn mục vụ của ba vị giáo hoàng gần đây nhất và sàng lọc những người đàn ông muốn gia nhập chức linh mục hay không?

Có, họ nên làm vậy, Daniel Mattson, người đã từ bỏ lối sống đồng tính, nói. “Tôi tin chắc rằng hầu hết các linh mục đồng tính đều là những người tốt và thánh thiện”, ông viết. Tuy nhiên, ông tin rằng những người đàn ông như ông, những người có khuynh hướng đồng tính sâu xa, không nên được thụ phong linh mục. Tại sao? “Lý do đầu tiên là những người đàn ông có khuynh hướng đồng tính luyện ái đặc biệt khó sống theo những yêu cầu của sự trinh khiết.” (58) Ông thấy thuyết phục công trình nghiên cứu của Cha James Lloyd, một nhà tâm lý học đã làm việc với những người đồng tính, bao gồm cả các linh mục. “Rõ ràng từ bằng chứng lâm sàng cho thấy năng lượng tâm lý cần thiết để kiềm chế những ham muốn đồng tính luyện ái lớn hơn nhiều so với năng lượng cần thiết cho người dị tính lạc lối.”

Bài học cho Giáo hội rất rõ ràng, Cha Lloyd nói. “Nếu Giáo hội muốn tránh các vụ tai tiếng tình dục, thì phải ngừng thụ phong cho những người đàn ông khó giữ được sự trinh khiết nhất.” Thật khó để phản bác điều đó. Thực tế, trách nhiệm thuộc về những người không đồng ý chứng minh tại sao việc này không phải là một kết luận hợp lý.

Ghi chú

- (1) Shannon Levitt và Inés San Martín, “Chuyên gia phòng chống lạm dụng tình dục nói ‘Không có câu trả lời đơn giản cho những vấn đề phức tạp’”, *Crux*, ngày 13 tháng 11 năm 2019, <https://cruxnow.com/church-in-the-americas/2019/11/sex-abuseprevention-expert-says-no-simple-answers-to-complex-problems/>.
- (2) Ashley Crossman, “Cách thức hoạt động của các biến tố trung gian trong xã hội học”, *ThoughtCo*, ngày 15 tháng 5 năm 2019, <https://www.thoughtco.com/interveningvariable-3026367>.
- (3) Garrett O’Connor, “Phá vỡ sự im lặng: Người Ireland và rượu”, *Irish America*, ngày 26 tháng 1 năm 2012, <http://www.irishamerica.com/2012/01/breaking-the-code-of-silence-theirish-and-drink>.
- (4) Richard Fitzgibbons và Dale O’Leary, “Lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các giáo sĩ Công Giáo”, *Linacre Quarterly* 78, số 3 (tháng 8 năm 2011): 255.
- (5) Curtis Bryant, “Điều trị tâm lý cho các linh mục phạm tội tình dục”, *America*, ngày 1 tháng 4 năm 2002, 15.
- (6) Karen J. Terry, Trường Cao đẳng Tư pháp Hình sự John Jay (JJCCJ), và Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ (USCCB), *Nguyên nhân và bối cảnh lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các linh mục Công Giáo tại Hoa Kỳ, 1950—2010: Báo cáo do Nhóm nghiên cứu Trường Cao đẳng John Jay trình bày trước Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ* (Washington, D.C.: Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ, 2011), 4.
- (7) Fitzgibbons và O’Leary, “Lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên”, 264-65.
- (8) Ibid., 269.
- (9) Ibid.
- (10) Zev Ballen, “Quan hệ tình dục bừa bãi và tự tử”, *Breslev*, cập nhật ngày 29 tháng 12 năm 2020, https://www.breslev.co.il/articles/family_daily_life/physical_and_emotional_health/sexual_promiscuity_and_suicide.aspx?id=18424&language=english.
- (11) Michael Hobbes, “Cùng nhau cô đơn: Đại dịch cô đơn của người đồng tính”, *Huffington Post*, ngày 2 tháng 3 năm 2017, <https://highline.huffingtonpost.com/articles/en/gay-loneliness/>.
- (12) Hobbes, “Cùng nhau cô đơn”.
- (13) Ibid.
- (14) Terry, JJCCJ và USCCB, *Nguyên nhân và bối cảnh*, 105.
- (15) James Strachey, *Sigmund Freud: Ba tiểu luận về lý thuyết tình dục* (New York: Basic Books, 2000), xxxix, 2.

- (16) Ibid., 15.
- (17) Ibid., 95.
- (18) Sigmund Freud, “Thư gửi một người mẹ Mỹ”, *Tạp chí Tâm thần học Mỹ* 107, số 10 (1951): 787, Dự án Sách nguồn Lịch sử Internet, Đại học Fordham, <https://sourcebooks.fordham.edu/pwh/freud1.asp>.
- (19) Joseph Nicolosi, “Freud thực sự đã nói gì về đồng tính luyến ái—và tại sao”, *Tạp chí Tình dục Con người* 7 (2016): 24-42.
- (20) James Strachey, *Ấn bản tiêu chuẩn của Toàn tập các tác phẩm tâm lý học của Sigmund Freud*, tập. 11 (London: Hogarth Press, 1932), 99. Tác phẩm gốc được xuất bản năm 1910.
- (21) Nicolosi, “Những gì Freud thực sự đã nói”.
- (22) Robert H. Hopcke, Jung, *Những người theo trường phái Jung và đồng tính luyến ái* (Boston: Shambhala Publications, 1991), 23.
- (23) Ibid., 58.
- (24) Ibid.
- (25) Mark A. Biernbaum và Michele Ruscio, “Sự khác biệt giữa sinh viên đại học dị tính và không dị tính được ghép cặp về cơ chế phòng vệ và các triệu chứng bệnh lý tâm thần”, *Tạp chí Đồng tính luyến ái* 48, số 1 (2004): 125-41.
- (26) Stephen J. Rossetti, “Giáo Hội Công Giáo và Lạm dụng tình dục trẻ em”, *America*, ngày 22 tháng 4 năm 2002, trang 11.
- (27) Jason Berry, *Đừng dẫn chúng con vào cám dỗ* (New York: Doubleday, 1992), trang 186.
- (28) Philippe Vaillancourt, “Sự thiếu trưởng thành về tình dục và giáo dục kém là nguyên nhân gây ra khủng hoảng lạm dụng, theo lời một nữ tu”, *CatholicPhilly.com*, ngày 1 tháng 4 năm 2019, <https://catholicphilly.com/2019/04/news/world-news/canadian-nunsexologist-catholics-must-increase-their-sexual-maturity/>.
- (29) Berry, *Đừng dẫn chúng con vào cám dỗ*, trang 267.
- (30) Leon Podles, *Sự phạm thánh: Lạm dụng tình dục trong Giáo Hội Công Giáo* (Baltimore: Crossland Press, 2008), 93.
- (31) Terry, JJCCJ, và USCCB, *Nguyên nhân và bối cảnh*, 68.
- (32) Podles, *Sự phạm thánh*, 144.
- (33) Paul Shaughnessy, “Vấn đề linh mục đồng tính”, *Catholic World Report* (tháng 11 năm 2000), đăng trên Catholic Culture, <https://www.catholicculture.org/culture/library/view.cfm?recnum=12047>.
- (34) Lindsay Schnell và Sam Ruland, “Hàng ngàn linh mục Công Giáo bị cáo buộc lạm dụng tình dục, vậy điều gì đã xảy ra? Một cuộc điều tra tiết lộ hầu hết đã trở thành linh mục hàng xóm”, *USA Today*, cập nhật ngày 13 tháng 11 năm 2019, <https://www.usatoday.com/indepth/news/nation/2019/11/11/catholic-sexual-abuse-accused-priests-arentsex-offender-registry/4012206002/>.
- (35) Ibid.
- (36) Sigmund Freud, *Bài giảng nhập môn về phân tâm học*, bản dịch của James Strachey (New York: W. W. Norton, 1977), 530.
- (37) Berry, *Đừng dẫn chúng ta vào cám dỗ*, 141.
- (38) Maureen Orth, “Unholy Communion”, *Vanity Fair*, ngày 18 tháng 4 năm 2008, <https://www.vanityfair.com/news/2002/08/orth200208>.
- (39) Ralph Martin, “Dear Troubled Catholics—A Letter” Trích từ bài viết của Ralph Martin về cuộc khủng hoảng hiện tại, đăng trên *National Catholic Register*, ngày 2 tháng 8 năm 2018, được đăng trên *Renewal Ministries*, ngày 31 tháng 7 năm 2018, <https://www.renewalministries.net/deartroubled-catholics-a-letter-from-ralph-martin-about-the-current-crisis/>.
- (40) Michelle Boorstein, Shawn Boburg, và Robert O’Harrow Jr., “Giám mục Virginia đã tặng 350.000 đô la tiền mặt cho các Hồng Y quyền lực và các linh mục khác trước khi bị cách chức,

theo hồ sơ của Giáo hội”, *Washington Post*, ngày 5 tháng 6 năm 2019, A1.

(41) Ibid., 72.

(42) Gerard J. M. van den Aardweg, “Về nguồn gốc tâm lý của đồng tính luyến ái”, *Linacre Quarterly* 78, số 3 (tháng 8 năm 2011): 340.

(43) Hilary White, “Đồng tính luyến ái do ‘thiếu tình yêu trầm trọng trong thời thơ ấu’; “Từ blogger đồng tính trở thành nhà tâm lý học trưởng người Ý”, *LifeSiteNews*, ngày 27 tháng 8 năm 2013, <https://www.lifesitenews.com/news/homosexuality-dueto-acute-lack-of-love-in-childhood-gay-blogger-to-chief-i>.

(44) Marshall Kirk và Hunter Madsen, *Sau vũ hội: Nước Mỹ sẽ chinh phục nỗi sợ hãi và căm ghét người đồng tính như thế nào trong những năm 90* (New York: Doubleday, 1989).

(45) Ibid., 276.

(46) Ibid., 292.

(47) Ibid., 297-305.

(48) Podles, *Sự phạm thánh*, 298-99.

(49) Maggie Gallagher, “Đừng đổ lỗi cho tôi về những vụ tự tử của thanh thiếu niên đồng tính”, *New York Post*, ngày 20 tháng 10 năm 2010, <https://nypost.com/2010/10/20/dont-blameme-for-gay-teen-suicides/>.

(50) Simon Fanshawe, “Xã hội hiện chấp nhận người đồng tính nam là bình đẳng. Vậy tại sao trên Trái Đất này lại có quá nhiều người vẫn cư xử như thanh thiếu niên?”, *Guardian*, 20 tháng 4 năm 2006,

<https://www.theguardian.com/commentisfree/2006/apr/21/gayrights.comme-nt>.

(51) Charles W. Socarides, “Nước Mỹ đã trở nên đồng tính như thế nào”, *America*, 18 tháng 11 năm 1995, 20.

(52) Thomas P. Doyle và F. Ray Mouton, *Vấn đề quấy rối tình dục bởi các giáo sĩ Công Giáo La Mã: Giải quyết vấn đề một cách toàn diện và có trách nhiệm* (1985), http://www.bishopaccountability.org/reports/1985_06_09_Doyle_Manual/.

(53) Berry, *Đừng dẫn chúng con vào cám dỗ*, 195.

(54) Jim Mangia, “Những người đàn ông đồng tính đang chết vì một cuộc khủng hoảng mà chúng ta không nói đến”, *New York Times*, 23 tháng 1, 2020, A.27.

(55) Hanna Rosin, “Bí mật bản thủ: Hầu hết các cặp đôi đồng tính không chung thủy”, *Slate*, ngày 26 tháng 6 năm 2013, <https://slate.com/humaninterest/2013/06/most-gay-couples-aren-t-monogamous-will-straightcouples-go-monogamish.html>.

(56) Alan P. Bell và Martin S. Weinberg, *Đồng tính luyến ái: Một nghiên cứu về sự đa dạng giữa nam và nữ* (New York: Simon and Schuster, 1978), 69.

(57) Philip Blumstein và Pepper Schwartz, *Các cặp đôi Mỹ* (New York: Morrow, 1983), 195, 269-75, 570, 585-86.

(58) Daniel Mattson, “Tại sao những người đàn ông như tôi không nên làm linh mục”, *First Things*, tháng 8 17, 2018, <https://www.firstthings.com/webexclusives/2018/08/why-men-like-me-should-not-be-priests>.

Chương 10. Vai trò của Cách mạng Tình dục

Khi nghiên cứu của Đại học John Jay về “nguyên nhân và bối cảnh” của vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ được công bố vào năm 2011, nó đã vấp phải sự phản đối dữ dội từ các nhà phê bình tự do của Giáo Hội Công Giáo—một sự bộc lộ đáng kinh ngạc về sự thiếu hiểu biết xã hội học mà tôi từng thấy. Hết chuyên gia này đến chuyên gia khác lập luận rằng nghiên cứu có sai sót vì nó viện dẫn vai trò của cách mạng tình dục như một tác nhân gây ra vụ tai tiếng. Nếu các nhà khoa học xã hội không làm như vậy, họ sẽ trông thật ngớ ngẩn. Không có gì đáng ngạc nhiên, những người chỉ trích chủ yếu là các nhà báo và những người thuộc tầng lớp lấm lòi: họ không được đào tạo về khoa học xã hội, và điều đó thể hiện rõ.

Người đầu tiên lên tiếng là Laurie Goodstein, một phóng viên tôn giáo của tờ New York Times. Bà chỉ trích nghiên cứu của Đại học John Jay vì đã thúc đẩy lời giải thích “đổ lỗi cho Woodstock”, một lời giải thích mà bà cho rằng đã tạo điều kiện thuận lợi cho giới chức cấp cao của Giáo hội. (1) Tất nhiên, không một nhân vật nào trong Giáo hội, hay các nhà nghiên cứu của Đại học John Jay, sử dụng thuật ngữ này; Goodstein đã bịa đặt ra và gán ghép sai cho họ. Trong một bài xã luận, tờ báo cho biết nghiên cứu đã viện dẫn “sự hỗn loạn về tình dục và xã hội của những năm 1960 như một yếu tố có thể dẫn đến tội ác của các linh mục”. Sau đó, tờ báo tỏ ra tức giận khi tuyên bố rằng “đây là một nỗ lực khá kỳ lạ nhằm hợp lý hóa xã hội học”. (2)

Goodstein và ban biên tập của tờ New York Times đã đọc nghiên cứu của Đại học John Jay như một tài liệu chạy tội, một tài liệu tìm cách chuyển gánh nặng trách nhiệm về vụ tai tiếng từ phẩm trật của Giáo hội sang ảnh hưởng của cuộc cách mạng tình dục. Nhưng thực tế không phải vậy. Đó là một phản hồi chuyên nghiệp. Các nhà xã hội học luôn xem xét môi trường xã hội và văn hóa—các lực lượng vĩ mô—giúp giải thích hành vi lệch lạc hoặc tội phạm do các nhóm hoặc tổ chức gây ra. Trừ khi lời giải thích trở nên quá mức và cố tình bào chữa hoặc giảm thiểu trách nhiệm cá nhân, nó nên được hiểu đúng bản chất của nó: một nỗ lực để đánh giá môi trường cụ thể trong đó hành vi sai trái của nhóm hoặc tổ chức diễn ra.

Tờ New York Times đang chơi trò chính trị. Khi nói đến việc hiểu các cuộc bạo loạn sắc tộc của những năm 1960, tờ báo nhanh chóng đề cập đến “nguyên nhân gốc rễ” của bạo lực. Bài báo viện dẫn những vấn đề như nghèo đói, cơ hội giáo dục hạn chế, phân biệt chủng tộc, và những vấn đề tương tự. Bài báo không xem các cuộc bạo loạn trong một bối cảnh xã hội biệt lập. Và cũng không nên như vậy. Nhưng khi nói đến lạm dụng tình dục của giáo sĩ, bất cứ sự đề cập nào đến bối cảnh xã hội của nó—cuộc cách mạng tình dục—đều bị coi là một thủ đoạn hoặc một “sự hợp lý hóa xã hội học”.

Ngay sau khi tờ Times sử dụng chiêu bài “đổ lỗi cho Woodstock”, hết nhà phê bình này đến nhà phê bình khác đều lặp lại cùng một luận điểm. Tony Auth đã đặt tiêu đề cho bức tranh biếm họa của mình về chủ đề này trên tờ Philadelphia Inquirer là “Đó là những năm 60, anh bạn ạ”. (3) Một cây bút khách mời của tờ Boston Globe đã đặt tiêu đề bài viết của mình là “Đổ lỗi cho những năm 60, anh bạn ạ”. (4) Jon Carroll đã đặt tiêu đề cho bài viết của mình trên tờ San Francisco Chronicle là “Những năm 60 đã khiến họ làm điều đó”. (5) Một nhà văn người Canada đã viết, “Nghiên cứu của Giáo hội đổ lỗi cho những năm 60 sôi động”. (6) Những người khác cũng lên tiếng, tất cả đều lặp lại luận điểm đã được thiết lập, bao gồm Marci Hamilton, Rabbi Shmuley Boteach và Mark Silk. Một số người sáng tạo hơn: một nhà văn ở Minnesota nói rằng Giáo hội đổ lỗi cho ban nhạc Jefferson Airplane, và một nhà văn ở Florida lập luận rằng Giáo hội đổ lỗi cho Janis Joplin. (7)

Năm 2019, Đức Giáo Hoàng hưu trí Bê-nê-đíc-tô XVI lại gây ra bão động khi ngài đề cập đến vai trò của cuộc cách mạng tình dục trong khi thảo luận về lạm dụng tình dục của giáo sĩ. Ngài đề cập đến sự cần thiết phải thảo luận về “bối cảnh xã hội rộng lớn hơn” của vụ tai tiếng, “nếu không có nó thì vấn đề không thể được hiểu”. Ngài không hề phóng đại khi viết, “Có thể nói rằng trong 20 năm từ 1960 đến 1980, các tiêu chuẩn bình thường trước đây về tình dục đã hoàn toàn sụp đổ, và một chuẩn mực mới đã xuất hiện, hiện đang là đối tượng của những nỗ lực phá vỡ đầy khó khăn.” Ngài liên kết những gì đang xảy ra bên ngoài Giáo hội—một “sự tự do tình dục hoàn toàn”—với những gì đang xảy ra bên trong Giáo hội — “thần học luân lý Công Giáo đã bị sụp đổ.” (8) Đây chính là những gì đã xảy ra.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi các nhà tư tưởng và nhà văn tự do không đồng ý. Julie Hanlon Rubio, giảng viên tại Trường Thần học Dòng Tên thuộc Đại học Santa Clara, đã bày tỏ sự phẫn nộ trước việc Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô “sẵn sàng đổ lỗi cho một nền văn hóa dễ dãi và một nền thần học tiến bộ về một vấn đề mang tính nội tại và cấu trúc”. (9) Rachel Donadio của tờ Atlantic cho rằng việc Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô nói về các lực lượng “gây bất ổn” của cuộc cách mạng tình dục là “kỳ lạ”. (10) Brian Flanagan tại Đại học Loyola Marymount cho rằng việc đổ lỗi cho những năm 1960 và “sự sụp đổ được cho là của thần học luân lý” là “sai lầm đáng xấu hổ”. (11) Những người khác có quan điểm tương tự bao gồm giáo sư James Bretzke của Đại học Marquette, nhà báo David Von Drehle của tờ Washington Post, giáo sư R. Andrew Chesnut của Đại học Virginia Commonwealth và nhà sử học Christopher Bellitto. (12)

Cha Richard John Neuhaus, một trong những tiếng nói có ảnh hưởng nhất trong Giáo Hội Công Giáo vào cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, đã lưu ý đến vai trò của cuộc cách mạng tình dục, đặc biệt là “phong trào hoạt động vì quyền của người đồng tính” đã gây ra vụ tai tiếng. Ngài nói rằng Giáo hội đã khoác lên mình “một màu tím hoa cà rở rệt”. Ngài nhấn mạnh rằng nạn nhân là thanh thiếu niên, chứ không phải trẻ nhỏ, do đó đây là một cuộc khủng hoảng đồng tính luyến ái. (13)

Tổng giám mục Rembert Weakland nói rằng, đối với nhiều linh mục, Công đồng Vatican II, diễn ra vào thời điểm bắt đầu cuộc cách mạng tình dục, đã biến tình dục “thành một điều tích cực”. (14) Cha Andrew Greeley nói rằng có thể tranh luận liệu một cuộc cách mạng tình dục có diễn ra trong xã hội Mỹ vào những năm 1960 và 1970 hay không, nhưng ngài nói thêm rằng “trong giới giáo sĩ Công Giáo Rô-ma có một sự thay đổi rõ rệt về giá trị tình dục, xa rời giáo lý Công Giáo truyền thống”. (15)

Để hiểu được cuộc cách mạng tình dục đã gây ra những biến động mạnh mẽ như thế nào, hãy xem xét sự khác biệt giữa những năm 1950 và những thập niên sau đó. Đó là thời kỳ ổn định về xã hội và kinh tế. Tỷ lệ lạm phát, ly hôn và tội phạm thấp. Mọi người kết hôn sớm, và rất ít người còn độc thân. Đó cũng là thời kỳ Giáo Hội Công Giáo nở rộ. Dân số của nó đã tăng gấp đôi từ năm 1940 đến năm 1960, và như Charles Morris kể lại, Tổng Giám mục Fulton J. Sheen đã trở thành “ gương mặt đại diện của Công Giáo Mỹ trong những năm 1950”. Morris đã nhận xét một cách sắc sảo rằng “ngài có thể là diễn giả nổi tiếng xuất sắc nhất từng xuất hiện trên truyền hình”, giúp biến Giáo Hội Công Giáo trở thành định chế “nổi bật” trong xã hội. (16)

Không những không có cuộc cách mạng tình dục nào trong những năm 1950; không có thuốc tránh thai, có rất ít giáo dục giới tính trong trường học, và tỷ lệ sinh con ngoài hôn nhân, bệnh lây truyền qua đường tình dục và phá thai đều thấp. Lạm dụng tình dục của giáo sĩ có tồn tại, nhưng ở quy mô rất nhỏ, và nó không bao giờ được đưa lên trang nhất các báo. Thái độ về tình dục, đáng lưu ý là, ở một số khía cạnh, thoải mái hơn nhiều so với ngày nay. Lấy ví dụ trường hợp đàn ông bơi khóa thân với các cậu bé.

Khi bể bơi trong nhà đầu tiên mở cửa tại YMCA Brooklyn vào năm 1885, đàn ông và các cậu bé được yêu cầu bơi khỏa thân. Hiệp hội YMCA đưa ra quan điểm này vì những bộ đồ bơi bằng len phổ biến vào thời điểm đó mang mầm bệnh và vi khuẩn, và các sợi vải làm tắc nghẽn hệ thống lọc của bể bơi. Nhưng vấn đề không chỉ dừng lại ở vệ sinh và hệ thống đường ống. Vào thời điểm đó, bơi khỏa thân được cho là để chuẩn bị cho các cậu bé bước vào tuổi trưởng thành. Năm 1926, Hiệp hội Y tế Công cộng Hoa Kỳ tuyên bố rằng “tại các bể bơi trong nhà chỉ dành riêng cho nam giới, việc tắm khỏa thân là bắt buộc” (tại các bể bơi trong nhà dành cho phụ nữ, họ được yêu cầu mặc đồ bơi “loại đơn giản nhất”). Trong thời gian đó, hình ảnh các cậu bé bơi khỏa thân thường thấy trên tạp chí Life. Thậm chí đến tận năm 1959, YMCA ở Bridgeport, Connecticut, vẫn ra quy định rằng “không được mặc đồ bơi trong bể bơi và các cậu bé sẽ không cần chúng trong suốt chương trình”. Việc các cậu bé lớn tuổi hơn bơi có mặc quần áo cùng với các cậu bé nhỏ tuổi hơn khỏa thân cũng rất phổ biến, và họ thường xuyên tham gia vào các trò chơi “đùa nghịch”. (17)

Sự trớ trêu thật đáng kinh ngạc. Ngày nay, chúng ta nghe nói rằng các biện pháp tránh thai, giáo dục giới tính và phá thai cần được phổ biến rộng rãi hơn để chúng ta có thể giảm thiểu việc sinh con ngoài hôn nhân và các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Tuy nhiên, khi chưa có thuốc tránh thai, giáo dục giới tính hay phá thai hợp pháp, tỷ lệ sinh con ngoài giá thú và các bệnh lây truyền qua đường tình dục gần như không tồn tại. Hơn nữa, khi các cậu bé bơi khỏa thân với những người đàn ông lớn tuổi hơn, người ta ít bàn tán về việc các cậu bé bị lạm dụng tình dục. Đó là bởi vì sự kín đáo về tình dục là chuẩn mực được chấp nhận. Sau đó, cuộc cách mạng tình dục những năm 1960 đến, phá bỏ mọi sự kiềm chế.

“Những thay đổi về xã hội và văn hóa trong những năm 1960 và 1970 đã thể hiện ở mức độ gia tăng hành vi lệch lạc trong xã hội nói chung và cả trong số các linh mục của Giáo Hội Công Giáo ở Hoa Kỳ.” Đó là kết luận của các nhà khoa học xã hội tại Đại học John Jay. Trên thực tế, họ phát hiện ra rằng việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các linh mục “tăng đều đặn từ giữa những năm 1960 đến cuối những năm 1970, sau đó giảm vào những năm 1980 và tiếp tục duy trì ở mức thấp”. Tất nhiên, đây là thời điểm cuộc cách mạng tình dục nổ rộ, khiến cho ý kiến cho rằng nó không ảnh hưởng đến Giáo hội trở nên không thuyết phục. “Sự gia tăng các vụ lạm dụng trong những năm 1960 và 1970 bị ảnh hưởng bởi các yếu tố xã hội trong xã hội Mỹ nói chung.” (18) Các nhà nghiên cứu của Đại học John Jay đã hoàn toàn chính xác.

Như đã lưu ý trước đó, không phải sự gia tăng số lượng người đồng tính vào hàng giáo sĩ mới là yếu tố quyết định; mà chính là sự thay đổi thái độ về tình dục mới là điều quan trọng nhất. Michael Rose đã nghiên cứu vấn đề này và kết luận rằng “cuộc cách mạng lớn trong các chủng viện đã xảy ra vào cuối những năm 1960, khi nhiều quy tắc kỷ luật bị loại bỏ để thay thế bằng một bầu không khí mới, tự do hơn nhiều, giống như trường đại học hơn với nhiều tự do và vân vân.” (19) Cha Eugene Kennedy, một nhà tâm lý học, nói, “Có rất nhiều người đồng tính trong số các linh mục cũ [trước Công đồng Vatican II], nhưng vấn đề được giải quyết khác nhau. Văn hóa vẫn còn nguyên vẹn; không có những hành vi lệch lạc như ngày nay.” (20) Ngài hoàn toàn đúng. Khi những người đồng tính trong hàng giáo sĩ được kỳ vọng phải cư xử đúng mực, hầu hết họ đều làm như vậy. Nhưng khi những quy định nghiêm ngặt được nói lỏng vào cuối những năm 1960—vào thời điểm diễn ra cuộc cách mạng tình dục trong xã hội—các linh mục đã được bật đèn xanh để hành động một cách ngang ngược. Họ đã làm vậy. Các tác giả của John Jay nhận thấy rằng những linh mục thiếu các mối quan hệ xã hội, và những người được nuôi dưỡng trong các gia đình hoặc nói xấu về tình dục hoặc hoàn toàn không nói gì về tình dục, có nhiều khả năng lạm dụng trẻ vị thành niên hơn những người khác. Các linh mục có hồ sơ như vậy rất phổ biến trong số những người được thụ phong vào những năm 1940 và 1950. (21) Nhưng cũng

đúng là họ đã kiềm chế bản năng của mình vào thời điểm đó. Khi Giáo hội mất cảnh giác, bắt đầu từ cuối những năm 1960, một số người đã trở thành kẻ săn mồi. “Những người đàn ông được thụ phong vào những năm 1930, 1940 và 1950”, các tác giả của John Jay nói, “nói chung không lạm dụng trước những năm 1960 hoặc 1970. Những người đàn ông được thụ phong vào những năm 1960 và đầu những năm 1970 đã tham gia vào hành vi lạm dụng nhanh hơn nhiều sau khi họ bước vào thừa tác vụ.” (22) Sự thật không thể phủ nhận là cuộc cách mạng tình dục trong xã hội rộng lớn hơn đã tác động mạnh mẽ đến Giáo Hội Công Giáo như một cơn lốc. Những tư tưởng phóng túng đã tạo ra cuộc cách mạng tình dục bắt nguồn từ những năm 1960, nhưng đến những năm 1970, chúng mới phát triển mạnh mẽ về mặt hành vi, cả trong và ngoài Giáo hội. Thật dễ hiểu khi biết rằng “nhiều vụ lạm dụng xảy ra trong những năm 1970 hơn bất cứ thập niên nào khác, đạt tuyệt đỉnh vào năm 1980.” (23)

Năm 1978, khi Aleksandr Solzhenitsyn, nhà bất đồng chính kiến vĩ đại người Nga, phát biểu tại Đại học Harvard, ông đã nói với lớp sinh viên tốt nghiệp về sự thất vọng của mình đối với tình trạng tự do ở phương Tây. Ông nói rằng người ta nói nhiều về quyền lợi, nhưng lại ít nói về nghĩa vụ của con người. Ông lưu ý: “Sự tự kiềm chế tự nguyện hầu như không được biết đến”. (24) Thật vậy, sự tự kiềm chế được coi là điều cấm kỵ. Irving Kristol, một trí thức Do Thái xuất sắc, đã ghi nhận công lao của Thánh Giáo hoàng Phao-lô VI trong việc hiểu rõ các dòng chảy xã hội và văn hóa đương thời. Ông nói rằng vị Giáo hoàng này “hoàn toàn đúng” khi cho rằng “một khi bạn cắt đứt mối liên hệ giữa tình dục và sinh sản và cho phép hoạt động tình dục trở thành mục đích khoái lạc tự thân, thì đủ loại điều khủng khiếp sẽ xảy ra với xã hội của bạn.” (25) Ngài có ý nói đến sự ra mắt thương mại của thuốc tránh thai vào năm 1960 và những kết quả có thể dự đoán được của nó. Cuộc cách mạng tình dục trùng hợp với phong trào quyền của người đồng tính. David Horowitz lưu ý: “Việc phô trương tình dục của mình được coi là một hành động cách mạng. Các nhà hoạt động giải phóng người đồng tính không chỉ đơn thuần cố gắng thu hút sự chú ý hay xúc phạm xã hội dị tính, hoặc quan trọng hơn, thuyết phục xã hội chấp nhận họ như những cá nhân theo cách riêng của họ. Họ đang cố gắng thay đổi thế giới bằng cách buộc xã hội chấp nhận tình dục công khai mạnh mẽ và quan trọng hơn, hành vi tình dục bừa bãi.” (26) Các nhà lãnh đạo đồng tính luyến ái đồng ý. Larry Kramer, người sáng lập Tổ chức Khủng hoảng Sức khỏe Nam giới Đồng tính ở New York và Liên minh Giải phóng Quyền lực chống AIDS (ACT UP), cho biết, “Phong trào những năm 60 và 70 đã hợp pháp hóa sự phóng túng tình dục.” (27) Thật không may, đối với nhiều người đồng tính, điều này có nghĩa là họ thường xuyên lui tới các nhà tắm công cộng dành cho người đồng tính. Nhà văn đồng tính Randy Shilts biết điều này dẫn đến đâu. “Các nhà tắm công cộng đảm bảo sự lây lan nhanh chóng của AIDS trong cộng đồng nam giới đồng tính.” (28) Thật đáng buồn khi lưu ý rằng các nhà hoạt động đồng tính đã yêu cầu các nhà tắm công cộng phải tiếp tục mở cửa, ngay cả sau khi sự lây lan của AIDS đã ở mức khủng hoảng. (29) Kramer, tức giận với những người đồng tính vì quan hệ tình dục ẩn danh của họ trong các nhà tắm công cộng, đã bùng nổ, “Bao nhiêu người trong chúng ta phải chết trước khi các người sợ hãi và hành động?” (30)

Boston tóm lược vấn đề

Những người tiếp tục phủ nhận rằng cuộc cách mạng tình dục đã tạo ra mảnh đất văn hóa màu mỡ dẫn đến lạm dụng tình dục của giáo sĩ phải giải thích tại sao Boston lại là tâm điểm của vụ tai tiếng. Thành phố này đã ăn mừng cuộc cách mạng tình dục không kém bất cứ thành phố nào khác trong cả nước, và những gì đã xảy ra giờ đây đã được ghi vào sử sách. Los Angeles, một trung tâm khác của cuộc cách mạng tình dục, cũng chứng kiến sự bùng nổ các vụ lạm dụng tình dục của giáo sĩ: Tổng giáo phận Los Angeles đã phải chi trả hàng trăm triệu đô la tiền bồi thường trong những năm 2000.

Vào những năm 1940 và 1950, Boston là một thành phố Công Giáo sôi động, với số lượng người đi nhà thờ ngày càng tăng và vai trò ngày càng mạnh mẽ trong chính trị. Ngày nay, Boston là một trong những thành phố lớn “ít người đi nhà thờ” nhất trong cả nước.(31) Những thay đổi bắt đầu vào những năm 1960, khi Tổng giáo phận Boston chứng kiến sự sụt giảm mạnh số lượng người được nhận vào chủng viện.(32) Cuộc cách mạng tình dục đã bén rễ, và điều này thể hiện rõ nhất trong cộng đồng người đồng tính. Vào những năm 1970, Boston là nơi đặt trụ sở văn phòng quốc tế của Dignity, một nhóm linh mục Công Giáo đồng tính luyện ái bác bỏ giáo lý của Giáo hội về tình dục. (33) Boston cũng là nơi đặt trụ sở của Hiệp hội Tình yêu Nam/Nam thiếu niên Bắc Mỹ, hay NAMBLA, một tổ chức của những người đồng tính luyện ái biện minh cho quan hệ tình dục giữa đàn ông trưởng thành và trẻ em. (34) Đoán xem ai đã tham dự hội nghị đầu tiên của NAMBLA vào năm 1978? Cha Paul Shanley. (35) Có thể nói rằng, Boston không chỉ là tâm điểm của vụ tai tiếng mà còn là tâm điểm của hoạt động vận động cho quyền của người đồng tính trong và ngoài Giáo hội. Khi vụ tai tiếng vỡ lở trên trang báo Boston Globe năm 2002, Thượng nghị sĩ Rick Santorum đã giải thích lý do tại sao Boston bị ảnh hưởng nặng nề như vậy. “Khi một nền văn hóa bị bệnh, mọi yếu tố trong đó đều bị nhiễm bệnh. Mặc dù điều đó không phải là lý do bào chữa cho vụ tai tiếng này, nhưng không có gì ngạc nhiên khi Boston—một trung tâm của chủ nghĩa tự do học thuật, chính trị và văn hóa ở Mỹ—lại nằm ở trung tâm của cơn bão.” (36)

Boston nổi tiếng với những chính trị gia trắng hoa, tất cả đều tiếp tục được bầu bất chấp những câu chuyện tâm phào. Gia đình Kennedy là một ví dụ điển hình. John, Bobby và Teddy đã cặp kè với nhiều người nổi tiếng và nhiều người khác mà không bao giờ phải trả giá tại hòm phiếu; họ học được cách sống đó từ cha của họ, Joe, người cũng là một kẻ trắng hoa. Cử tri cũng rất khoan dung với những người đồng tính luyện ái lãng nhãng với người yêu. Dân biểu Gerry Studds đã bị Hạ viện khiển trách vào năm 1983 vì quan hệ tình dục với một thiếu niên, nhưng ông vẫn tiếp tục được tái đắc cử. (Rõ ràng, những người Công Giáo Boston phần nộ về việc các linh mục lạm dụng tình dục lại dễ chấp nhận hơn nếu người phạm tội là một chính trị gia.) Dân biểu Barney Frank đã quan hệ với một maid nam vào năm 1989, nhưng điều đó không làm phiền cử tri của ông, hầu hết trong số họ đã bỏ phiếu cho ông hết lần này đến lần khác với tỷ lệ chênh lệch lớn.

Cử tri Boston cũng thích các đạo luật ủng hộ người đồng tính. Năm 2003, cơ quan lập pháp tiểu bang đã tổ chức các phiên điều trần về một dự luật sẽ định nghĩa hôn nhân là sự kết hợp giữa một người đàn ông và một người phụ nữ. Không ai từ Tổng giáo phận Boston hay các giáo phận Worcester, Fall River và Springfield lên tiếng ủng hộ dự luật. Nhưng bốn linh mục đã làm chứng chống lại biện pháp này. Như Phil Lawler đã lưu ý, điều này có nghĩa là “trên thực tế, các cặp đôi đồng tính nên được phép hưởng đặc quyền kết hôn hợp pháp”. (37) Năm sau, Massachusetts trở thành tiểu bang đầu tiên công nhận “hôn nhân” đồng tính. Lawler đã nhận xét một cách thích đáng rằng điều này đại diện cho “sự sụp đổ của ảnh hưởng Công Giáo” trong tiểu bang. (38)

Chính tại Tổng giáo phận Boston, Cha James Porter, Cha John Geoghan và Cha Paul Shanley, ba trong số những kẻ lạm dụng khét tiếng nhất trong lịch sử Giáo Hội Công Giáo, đã hoành hành. Porter đã lạm dụng tình dục các bé trai và bé gái tại nhà riêng, trên bãi biển và trong khuôn viên nhà thờ, bao gồm cả trên bàn thờ. (39) Geoghan là một kẻ ấu dâm thực sự, thường chọn các bé trai tiểu học để lạm dụng, mặc dù một trong những nạn nhân của hắn chỉ mới bốn tuổi. (40) Trong khi Porter và Geoghan là những kẻ bệnh hoạn, thì chính Shanley mới là biểu tượng cho văn hóa Boston.

Khi Shanley được thụ phong linh mục vào năm 1960, ông là một chàng trai trẻ cạo râu sạch sẽ.

Chỉ trong vài năm, ông để tóc dài, trông luộm thuộm và không còn mặc áo cổ bẻ nữa, thay vào đó chọn áo sơ mi trơn và quần jean xanh. Đây là khởi đầu cho những năm tháng "linh mục hippie" của ông. Ông không chỉ thay đổi ngoại hình mà còn thay đổi cả tư tưởng. Ông nhanh chóng nổi tiếng vì thách thức các giáo lý của Giáo hội về tình dục, đặc biệt là đồng tính luyến ái, và thường xuyên xung đột với Hồng Y Medeiros. Ông không chỉ tán thành một đạo đức tình dục phóng túng mà còn sống theo nó. Những cậu bé mà ông tư vấn là con em của ông. Như các phóng viên của tờ Boston Globe Spotlight đã nói, "Các buổi trị liệu trở thành nơi xảy ra hành vi quấy rối và cưỡng hiếp." (41) Một lý do khiến Shanley có thể thoát tội với hàng loạt hành vi phạm tội của mình là do sự thiếu giám sát hoàn toàn từ phía cấp trên. Trong những năm 1970, khi Giáo hội mất gân cốt, Shanley sống một mình trong một căn hộ ở Back Bay của Boston. Đó là nơi ông quan hệ tình dục với những cậu bé tuổi vị thành niên đến để trị liệu. (42) Shanley đã hoạt động tích cực trong cộng đồng người đồng tính từ những năm 1970, tìm kiếm các cậu bé vị thành niên để quan hệ tình dục bằng miệng và hậu môn. (43) Vô cùng phóng túng, ông ta mắc bệnh giang mai và dạy các cậu bé tuổi teen cách tiêm chích ma túy. Tất cả những điều này đều được cấp trên của ông ta biết: nó nằm trong hồ sơ nhân sự linh mục của ông. (44)

Vị "linh mục đường phố" này không chỉ tận hưởng một lối sống rất tự do; ông ta còn có một hệ tư tưởng chính trị rất tự do. Ông ta thúc đẩy việc hợp pháp hóa cần sa và đổ lỗi cho chính phủ liên bang về việc sử dụng heroin vì họ không cung cấp cần sa rộng rãi hơn. Vị linh mục sẵn lòng này cũng là người bênh vực người nghèo, một nhà hoạt động vì công lý xã hội nổi tiếng. Ông ta nổi tiếng vì thường xuyên chỉ trích người da trắng, gọi họ là những kẻ phân biệt chủng tộc và đổ lỗi cho cha mẹ của những đứa trẻ bỏ nhà đi. Ông ta cũng ghét cảnh sát, cáo buộc họ gài ma túy vào những thanh niên trẻ và đánh đập những người chống cự. (45) Shanley là một người đàn ông đang mâu thuẫn với chính mình, với Giáo Hội Công Giáo và với xã hội. Vì tất cả những điều này, giới cầm quyền tự do ở Boston đã đón nhận Shanley như thể ông ta là một anh hùng.

Leon Podles, tác giả một cuốn sách quan trọng về lạm dụng tình dục của giáo sĩ đã gọi Shanley là "người được yêu mến của giới tự do Boston". (46) Vị "linh mục hippie" này đã giành được Giải thưởng Công dân của Thị trường Boston và được giới trẻ yêu mến vì điều hành một vũ trường với tất cả ánh sáng ảo giác quen thuộc. (47) Dân biểu Barney Frank, biểu tượng đồng tính luyến ái tự do, đã làm việc với ông khi còn là một nhà lập pháp tiểu bang, và con trai của cựu thị trưởng John B. Hynes đã tìm đến ông để trị liệu. Các nữ tu, cả hiện tại và trước đây, đều ca ngợi công việc của ông với những thanh thiếu niên gặp rắc rối, mà không bao giờ đề cập đến việc ông đã góp phần tạo ra rắc rối cho họ. Luật sư của các nạn nhân, Carmen Durso, đã đại diện cho một số nạn nhân của Shanley, nhưng ông nói, "Nếu ông ta không phải là một kẻ biến thái đáng nguyên rủa, [ông ta] sẽ là người hùng của tôi." (48)

Giới tinh hoa thế tục cánh tả ở Boston bị thu hút bởi Shanley, cũng như các linh mục đang công khai nổi loạn chống lại Giáo hội. Vào những năm 1970, các linh mục lạc lối, đặc biệt ở Boston, những người ủng hộ Shanley có thể làm hầu hết mọi thứ họ muốn, và điều này càng đúng hơn đối với những người bất đồng chính kiến. Khi Shanley mâu thuẫn với Hồng Y Medeiros, tổng giám mục chưa bao giờ đối đầu với ông ta theo cách mà ông ta nên làm. Điều quan trọng cần lưu ý là kẻ hiếp dâm trẻ em này được Hiệp hội các Linh mục Đô thị Boston, một nhóm bất đồng chính kiến, ủng hộ. Một số người đã viết thư ủng hộ Shanley, và các nhà lãnh đạo thành phố cũng vậy.

Vào cuối những năm 1970, ĐHY Medeiros đã cố gắng kiềm chế Shanley, nhưng đã quá muộn. Shanley đã chuyển sang thế tấn công và nhờ những người bạn của mình từ Hiệp hội các Linh mục Đô thị Boston đứng ra bảo vệ mình. Ông ta liên hệ với giới truyền thông, nói với họ rằng tổng giám mục không còn tiếp cận những người đồng tính nữa. Ông ta trực tiếp đến tờ New

York Times và Associated Press với những câu chuyện về việc mình là nạn nhân, và ĐHY Medeiros bị cáo buộc là đang đàn áp. Shanley không dừng lại ở đó. Ông ta đã chiêu mộ sự ủng hộ từ những người hâm mộ tự do của mình trong các trường cao đẳng và đại học. Các nhà hoạt động vì quyền của người đồng tính cũng viết những điều tích cực về ông ta. Cuối cùng, vào năm 1979, ĐHY Medeiros nói với Shanley rằng ông bị cách chức khỏi thừa tác vụ phụ trách thanh thiếu niên lạc lối. Shanley nổi cơn thịnh nộ, nhưng lần này, vị tổng giám mục, biết rằng Rome đang theo dõi những diễn biến này, đã giữ vững lập trường của mình. (49) Bi kịch này giống như một vở kịch, mặc dù nó diễn ra trong thời gian thực. Những người theo chủ nghĩa tự do ở Boston đã chọn phe, bỏ phiếu cho kẻ hiếp dâm đồng tính hàng loạt.

Không phải chỉ có ĐHY Medeiros không xử lý vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ theo cách ngài nên làm; Hồng Y Bernard Law cũng phải chịu trách nhiệm rất lớn. Biết tất cả những gì ngài biết về Geoghan, ngài vẫn ca ngợi hắn vào cuối năm 1996, khi kẻ ấu dâm hàng loạt này nghỉ hưu. “Cuộc đời phục vụ của ngài rất hiệu quả, nhưng thật đáng tiếc là bị cản trở bởi bệnh tật. Thay mặt những người mà ngài đã phục vụ tận tâm, và nhân danh chính tôi, tôi muốn cảm ơn ngài.” (50) Khi vụ tai tiếng bùng nổ trên truyền thông vào tháng 1 năm 2002, HY Law đã không mất thời gian nói rằng ông “vô cùng hối tiếc” vì đã cử Geoghan đến một nhiệm vụ mới vào năm 1984. (51)

Năm 1996, khi Shanley nghỉ hưu, ĐHY Law nói, “Không nghi ngờ gì nữa, trong suốt những năm tháng chăm sóc hào phóng và nhiệt thành này, cuộc sống và trái tim của nhiều người đã được chạm đến bởi sự chia sẻ Thánh Linh Thiên Chúa của ngài. Ngài thực sự được trân trọng vì tất cả những gì ngài đã làm.” (52)

ĐHY Law không biết gì hay có ác ý? Ngài không hề không biết gì: Ngài biết những gì Geoghan và Shanley đã làm. Ngài có ác ý không? Không. Những người ngưỡng mộ ngài, bao gồm cả Phil Lawler, nói rằng kết luận như vậy là không công bằng. Lawler nhấn mạnh nhiều điều tốt đẹp mà Đức Hồng Y Law đã làm, thường là không tìm kiếm sự chú ý. Ông nhấn mạnh rằng ĐHY Law không phải là “kẻ bạo chúa tàn nhẫn” như nhiều người đã miêu tả. (53)

Vậy nếu ĐHY Law không phải là người thiếu hiểu biết hay độc ác, điều gì giải thích cho việc ngài không thể kiểm chế các linh mục quấy rối tình dục? Ngài có thể là một người bảo thủ về thần học, nhưng ngài không biết cách cai quản những linh mục ngang bướng. Đó là thất bại lớn nhất của ngài. Điểm yếu này đã để lại dấu ấn trong di sản của nhiều giám mục: họ cho phép một số người đàn ông bệnh hoạn hành động sai trái, không bao giờ ngăn chặn hay nắm quyền kiểm soát giáo phận của mình. Thật đáng tiếc là Hồng Y Law đã không cai trị nghiêm khắc như những người chỉ trích ngài cáo buộc.

Một số giáo phẩm thực sự thiếu hiểu biết. Tổng giám mục Philadelphia, Đức Hồng Y John Krol, một người bảo thủ kiên định về thần học, đã bị các linh mục đồng tính luyện ái làm việc dưới quyền ông chế giễu. Trên các trang của *Communication*, một bản tin dành cho các giáo sĩ đồng tính luyện ái, họ đã khoe khoang về những nỗ lực của mình trong việc thúc đẩy chương trình nghị sự đồng tính luyện ái cấp tiến. “Đức Hồng Y Krol chẳng hề biết những hoạt động lớn lao nào đang âm thầm diễn ra dưới chiếc ô của ngài”, ám chỉ những mục tiêu mang tính lật đổ của họ. (54) Nhưng phần lớn, các giám mục bảo thủ đã để cho sự bất đồng về thần học định hình nên quan điểm và sợ hãi không dám thách thức nó. Đó là kết luận mà nhà sử học James Hitchcock đã đưa ra.

Hitchcock chỉ ra những cải cách của Công đồng Vatican II được thực hiện trong lĩnh vực giáo dục. Thế hệ giám mục cũ đã không thể kiểm soát được quá trình giáo dục hậu Công đồng, dẫn

đến những kết quả tai hại. Điều này có nghĩa là “các chức sắc Giáo hội—từ chính các giám mục đến giáo viên mẫu giáo—đã được đưa vào một cách có hệ thống quan điểm về ‘sự đổi mới’ ngày càng trái ngược với giáo huấn chính thức và với chính những lời của Công đồng.” Ông nói rằng, tầng lớp quản lý trung gian trong Giáo hội đã trở thành một ổ chứa sự bất đồng. Hơn nữa, trong những năm 1970, một loạt các giám mục tự do đã được bổ nhiệm. Nhưng ngay cả ở những giáo phận nơi một giám mục bảo thủ được bổ nhiệm, chủ nghĩa tự do vẫn thắng thế. “Bất kể ý định của ông ta là gì,” Hitchcock viết, “một giám mục mới nhanh chóng phát hiện ra rằng những người theo chủ nghĩa tự do kiểm soát chặt chẽ bộ máy giáo phận như thế nào—văn phòng trường học, hội đồng linh mục, văn phòng công lý xã hội và các cơ quan khác—và ông nhận ra rằng việc loại bỏ những người như vậy sẽ không dễ dàng và sẽ khó chịu.” (55) Ở Washington, họ có câu nói, “Nếu muốn hòa thuận, hãy cứ thuận theo.” Điều này cũng đúng với Giáo Hội Công Giáo.

Biện minh cho quan hệ tình dục giữa đàn ông và trẻ em trai

Sự phản nộ đón nhận tin tức về vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ là điều mà mọi người đều chia sẻ, mặc dù một số người hoàn toàn không chân thành. Một người chân thành sẽ không biện minh cho hành vi quan hệ tình dục giữa đàn ông và trẻ em nhưng lại phản nản khi kẻ gây hại là một linh mục. Ai lại làm điều như vậy? Chủ yếu là những người da trắng có học thức cao, tự xưng là người theo chủ nghĩa tự do, nhiều người trong số họ ghét giáo lý của Giáo hội về tình dục nhưng lại trắng trợn biện minh cho ấu dâm. Đó là một ví dụ về Tai tiếng II ở dạng cực đoan nhất. Tình trạng kỳ lạ này không thể tách rời khỏi cuộc cách mạng tình dục và giúp giải thích tại sao những linh mục bệnh hoạn nhất lại có thể tìm thấy sự an ủi trong tình trạng của họ.

Vào ngày 31 tháng 10 năm 2013, Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ (APA) đã đưa ra một tuyên bố nói rằng “ấu dâm là một rối loạn tâm thần” và rằng “quan hệ tình dục giữa người lớn và trẻ em luôn luôn sai trái.” (56) Tại sao một nhóm các chuyên gia được kính trọng lại phải đưa ra một tuyên bố tầm thường như vậy? Bởi vì nó bị ép buộc.

Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ vẫn đang chao đảo vì hậu quả về quan hệ công chúng của một bài báo được xuất bản năm 1998 trên Tạp chí Tâm lý học của họ. Các tác giả cho rằng việc kết luận rằng tất cả các mối quan hệ tình dục giữa người lớn và trẻ vị thành niên đều có tác động tiêu cực là sai lầm; nhiều nạn nhân cho biết họ có những tác động trung tính hoặc thậm chí tích cực. Các nhà nghiên cứu khuyến nghị nên gọi ấu dâm là “quan hệ tình dục giữa người lớn và trẻ em” để nó “trung lập về giá trị”. (57) Do đó, họ đã gây ra sự lo ngại ở một số nơi. Những người khác lại thích những gì họ nghe được. Ví dụ, NAMBLA, tổ chức ủng hộ quan hệ tình dục giữa đàn ông và trẻ em, đã coi đó là “tin tốt”, như nhà xã hội học Anne Hendershott đã lưu ý. (58) Hai trí thức đồng tính nổi tiếng, Andrew Sullivan và Jonathan Rauch, cũng lên tiếng, nhưng họ hướng sự tức giận của mình vào những người chỉ trích nghiên cứu. Sullivan nói rằng “có lý do để nhẹ nhõm” khi biết được từ nghiên cứu rằng “chấn thương tâm lý kéo dài ở những người trưởng thành sống sót sau lạm dụng, đặc biệt là nam giới, ít hơn nhiều so với lo sợ”. Rauch khuyến nghị chúng ta nên bỏ các từ ngữ liên quan đến “lạm dụng” khi nói về điều mà ông thích gọi là “quan hệ tình dục giữa người lớn và trẻ em” hoặc “quan hệ tình dục giữa người lớn và thanh thiếu niên”. (59) Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ có thể tin rằng quan hệ tình dục giữa người lớn và trẻ vị thành niên là sai trái, nhưng bằng cách xuất bản bài báo này, họ đã tạo ra vẻ ngoài bao che cho nó. Sự thật đáng buồn là quan hệ tình dục giữa đàn ông và trẻ em trai có những người theo đuổi, tiếp tay và thực hành, và không nhóm nào tai tiếng hơn NAMBLA.

“NAMBLA cho rằng tình dục là tốt, rằng đồng tính luyến ái không chỉ tốt cho người lớn mà còn tốt cho cả thanh thiếu niên.” Đó là cách David Thorstad, người phát ngôn của NAMBLA,

đã nói trong những năm đầu thành lập hiệp hội. (60) Khẩu hiệu của họ, “Tám tuổi là quá muộn”, giải thích ngắn gọn sứ mệnh của NAMBLA. Điều quan trọng cần lưu ý là trong khi có những người dị tính lạm dụng trẻ em, thì không có tổ chức nào tương tự như NAMBLA trong hàng ngũ của họ. Điều này là độc nhất vô nhị đối với người đồng tính.

NAMBLA có được chấp nhận trong cộng đồng người đồng tính không? Có và không. Vào dịp kỷ niệm 25 năm cuộc bạo loạn Stonewall—khi những người đồng tính đụng độ với cảnh sát ở Greenwich Village—đã có hai cuộc diễu hành tự hào đồng tính ở thành phố New York. Tôi đã tham dự cả hai sự kiện và thuê một nhiếp ảnh gia để chụp ảnh. Cuộc tuần hành quốc tế tới Liên Hợp Quốc để khẳng định nhân quyền của người đồng tính nữ và đồng tính nam đã từ chối cho phép NAMBLA diễu hành cùng họ trên Đại lộ số 1. Cuộc diễu hành của họ diễn ra rất trật tự. Nhưng NAMBLA lại được phép diễu hành trên Đại lộ số 5 trong một sự kiện khác gồm các nhóm đồng tính luyến ái cực đoan hơn. Hàng ngàn người tham gia, nhiều người diễu hành hoàn toàn khỏa thân trong một cuộc diễu hành bất hợp pháp (họ bị từ chối cấp phép—nhưng vẫn được cảnh sát hộ tống bằng xe máy), và một số người thủ dâm trên đường phố trước Nhà thờ Thánh Patrick trong khi những người khác nhảy múa theo điệu nhạc ma quỷ. Tôi đã cho các quan chức thành phố New York xem những bức ảnh đó, và họ đã can thiệp vào năm sau để lập lại trật tự.

Hoà Lan có một tổ chức tương tự như NAMBLA gọi là Vereniging Martijn. Tổ chức này cũng ủng hộ việc hợp pháp hóa ấu dâm; cả NAMBLA và Vereniging Martijn đều có nhiều linh mục tham gia. Những nhóm này cho rằng quan hệ tình dục giữa đàn ông và trẻ em trai có thể thú vị cho cả hai bên. (61) Paul Shanley thậm chí còn đi xa đến mức nói rằng “đứa trẻ là kẻ quyến rũ” và “đứa trẻ” này hoàn toàn không bị tổn thương bởi quan hệ tình dục giữa đàn ông và trẻ em trai. (62) Geoghan lại có cách tiếp cận hơi khác. Theo các phóng viên của tờ Boston Globe, câu trả lời tiêu chuẩn của ông về tội hiếp dâm trẻ em là, “Đó là lỗi của trẻ em.” (63)

Sẽ là một chuyện khác nếu những quan điểm như vậy chỉ giới hạn ở những người đồng tính luyến ái cực đoan và các linh mục rối loạn tâm thần, nhưng thực tế không phải vậy. Các nhà trị liệu được kính trọng đã tập hợp lại để bình thường hóa quan hệ tình dục giữa đàn ông và trẻ em trai, và những người ủng hộ nó bao gồm các nhà hoạt động, người nổi tiếng và học giả. Tất cả những người ủng hộ này đều cưỡi trên làn sóng của cuộc cách mạng tình dục, và một số người trong số họ đã đạt đến đỉnh cao trong Giáo Hội Công Giáo.

Nếu Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ cảm thấy e ngại khi áp dụng từ vựng “trung lập về giá trị” của các tác giả đã xuất bản về tình dục giữa người lớn và trẻ vị thành niên, thì có một tổ chức khác gồm các nhà trị liệu chuyên nghiệp thích nói bằng ngôn ngữ nhẹ nhàng hơn. B4-ACT là một hiệp hội gồm các bác sĩ tâm thần và những người khác trong lĩnh vực trị liệu, những người bác bỏ các thuật ngữ như “quan hệ tình dục giữa đàn ông và trẻ em” và “ấu dâm”. Họ thích nói về sự hấp dẫn đối với trẻ vị thành niên. Những người bị thu hút tình dục bởi trẻ em hoặc thanh thiếu niên (MAPs). Đây là những người trưởng thành bị hấp dẫn tình dục bởi trẻ em hoặc thanh thiếu niên (hầu hết đều là nam giới). Một số MAPs đã quan hệ tình dục với trẻ em, và những người khác chỉ tưởng tượng về điều đó. Chúng ta được cho biết rằng phần còn lại của dân số mới là vấn đề: MAPs phải chịu đựng sự kỳ thị, xấu hổ và sợ hãi. (64)

Tại một hội nghị B4-ACT được tổ chức vào năm 2011, các bác sĩ tâm thần từ những nơi danh tiếng như Harvard, Johns Hopkins và Trường Kinh tế London đã tập hợp lại để chỉ trích Hiệp hội Tâm thần Hoa Kỳ vì đã tuyên bố ấu dâm là một bệnh tâm thần. Tại sự kiện này, các diễn giả đã nêu rõ lập trường của họ: “Chúng ta không bắt buộc phải can thiệp hoặc kìm hãm tình dục

của trẻ em”; “Trẻ em không nhất thiết không có khả năng đồng ý” quan hệ tình dục với người lớn; “Ham muốn quan hệ tình dục với trẻ em của người lớn là ‘bình thường’”; và “Đa số những kẻ ấu dâm đều hiền lành và có lý trí.” (65)

Tiến sĩ Fred Berlin, bác sĩ tâm thần cho rằng việc tố cáo những kẻ xâm hại trẻ em là sai (hãy nhớ rằng ông là cố vấn cho các giám mục tại hội nghị Dallas), đã có bài phát biểu khai mạc. Ông tự hào khi có mặt ở đó. “Tôi muốn hoàn toàn ủng hộ mục tiêu của B4-ACT”, ông nói. (66) Berlin lập luận rằng chúng ta nên đối xử với những kẻ xâm hại trẻ em giống như cách chúng ta đối xử với những người lái xe say rượu: giúp đỡ họ và không phụ thuộc vào các giải pháp pháp lý. Các nhà phê bình bảo thủ cáo buộc Berlin đang cố gắng bình thường hóa việc hiếp dâm trẻ em (không có người theo chủ nghĩa tự do nào chỉ trích ông), buộc các quan chức tại Đại học Johns Hopkins phải đưa ra một tuyên bố nói rằng ông phát biểu thay mặt cá nhân, chứ không phải thay mặt trường đại học. (67)

B4-ACT có thể tương đối mới, nhưng ý tưởng cho rằng quan hệ tình dục giữa người lớn và trẻ em là được chấp nhận thì không phải vậy. Alfred Kinsey đã nhận thấy đó là một phương pháp nghiên cứu hoàn toàn có thể chấp nhận được để thu thập dữ liệu từ những người đàn ông trưởng thành đã kích thích tình dục trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. Ông đã ghi chép lại những trường hợp trẻ sơ sinh và bé trai “trải nghiệm” cực khoái, theo dõi số lượng và thời gian cực khoái của chúng. Một trong những đối tượng bị lạm dụng tình dục của ông mới hai tháng tuổi; hai mươi tám trường hợp dưới một tuổi. (68)

Các nhà hoạt động vì quyền của người đồng tính từ lâu đã biện minh cho quan hệ tình dục giữa đàn ông và trẻ em trai. Harry Hay được một số người coi là người sáng lập phong trào quyền của người đồng tính. Ông không chỉ tán thành quan hệ tình dục giữa người lớn và trẻ vị thành niên; ông còn nói rằng những chàng trai trẻ sẽ thích điều đó. Ông nói: “Nếu cha mẹ và bạn bè của người đồng tính thực sự là bạn của người đồng tính, họ sẽ biết từ những đứa con đồng tính của mình rằng mối quan hệ với một người đàn ông lớn tuổi chính là điều mà những đứa trẻ mười ba, mười bốn và mười lăm tuổi cần hơn bất cứ điều gì khác trên thế giới.” (69) Đương nhiên, Hay cũng là một người hâm mộ NAMBLA. (70)

Larry Kramer, một người ủng hộ khác của quyền của người đồng tính, lập luận rằng trẻ em thích quan hệ tình dục với người lớn. “Trong những trường hợp trẻ em quan hệ tình dục với người lớn đồng tính... tôi cho rằng thường thì, rất thường xuyên, đứa trẻ mong muốn hành vi đó, và thậm chí có thể chủ động đề nghị, hoặc vì sự tò mò tự nhiên... hoặc vì đứa trẻ đó là người đồng tính và bẩm sinh biết điều đó.” (71) Đây là quan điểm của Paul Shanley.

Không thiếu những người nổi tiếng ủng hộ ấu dâm, bao gồm cả những kẻ hiếp dâm trẻ em. Roman Polanski là một kẻ ấu dâm bị kết án—hắn đã đánh thuốc mê và cưỡng hiếp một bé gái mười ba tuổi—nhưng hắn vẫn được những người trong ngành kỹ nghệ điện ảnh như Cate Blanchett (cô đặt tên một trong những con trai của mình theo tên hắn), Martin Scorsese, Meryl Streep, Harrison Ford, Penelope Cruz, Whoopi Goldberg, Harvey Weinstein và Woody Allen yêu mến. (72) Nếu Polanski là một linh mục, họ sẽ lên án hắn. Điều này cho chúng ta thấy rằng đối với một số người, điều quan trọng không phải là nạn nhân: mà là danh tính của kẻ gây hại.

Khi Michael Jackson bị cáo buộc lạm dụng tình dục trẻ em trong bộ phim tài liệu *Leaving Neverland*, Barbara Streisand đã vội vàng bảo vệ ông: “Nhu cầu tình dục của anh ấy là nhu cầu tình dục của riêng anh ấy, xuất phát từ tuổi thơ hay DNA của anh ấy.” Bà đặt dấu ngoặc kép quanh từ “lạm dụng”, như thể muốn nói rằng những đứa trẻ thực sự không bị lạm dụng. “Bạn có thể nói ‘lạm dụng’, nhưng những đứa trẻ đó, như bạn đã nghe, chúng rất vui mừng khi được

ở đó.” (73) Sau đó, bà đã xin lỗi, mặc dù Jackson được tuyên bố vô tội đối với những cáo buộc chống lại ông. Năm 1999, Elton John đã khiến đám đông ở London kinh ngạc khi ông vinh danh một nhóm bảo vệ quyền của người đồng tính bằng cách đưa vào màn trình diễn của mình sáu vũ công thoát y tuổi teen mặc trang phục Hướng đạo sinh. (74) Bốn năm sau, ông lên tiếng bảo vệ Pete Townshend sau khi nhạc sĩ này thừa nhận đã truy cập vào nội dung khiêu dâm trẻ em: “Tôi yêu Pete và tôi luôn nghĩ về anh ấy.” (75) Một người hâm mộ nội dung khiêu dâm trẻ em khác, Pee-wee Herman, đã được ngôi sao của Friends, Courteney Cox Arquette và chồng cô, David Arquette, hết lòng bảo vệ. (76)

Nhiều trí thức cũng đã bảo vệ những điều không thể bào chữa. Tờ New Republic là một nguồn tư tưởng tự do quan trọng, vì vậy khi Hanna Rosin viết một cách cảm thông về NAMBLA, nói rằng có “một chút dừng cảm” trong quyết định liệt kê số điện thoại của họ trong danh bạ New York, bà đã nói thay cho nhiều người hơn. Tại sao điều này lại dừng cảm đến vậy? Bởi vì, bà nói, “ngay cả việc xem xét tính hợp pháp của cảm xúc của họ cũng vẫn là điều dị giáo.” (77) Tờ New York Times cũng có cùng quan điểm. Khi Peter Melzer, một lãnh đạo của NAMBLA, bị cách chức khỏi vị trí giảng dạy tại trường công lập thành phố New York rồi được phục chức, tờ Times, vốn luôn lên án các giám mục, đã hoan nghênh sự trở lại của ông. Hilton Kramer coi đây là một ví dụ điển hình về điều mà Daniel Patrick Moynihan mô tả là “hạ thấp định nghĩa về sự lệch lạc”. (78) NAMBLA cũng đã nhận được sự ủng hộ của các trí thức đồng tính nổi tiếng như Gore Vidal và Allen Ginsberg. (79) Camille Paglia nói rằng bà ngưỡng mộ “lập trường ủng hộ NAMBLA” của Ginsberg. (80)

Các trí thức thường không thích những điều cấm kỵ về tình dục. Ví dụ, nhà nữ quyền Andrea Dworkin nói rằng chúng ta cần loại bỏ “điều cấm kỵ loạn luân”. (81) Tác giả Judith Levine đã viết một cuốn sách về những điều cấm kỵ tình dục nói chung, cho rằng chúng ta cần phải phát triển trong tư duy của mình. Bà viết: “Ở nước Mỹ ngày nay, gần như không thể xuất bản một cuốn sách nói rằng trẻ em và thanh thiếu niên có thể có khoái cảm tình dục và cũng an toàn.” Bà thừa nhận rằng bà đã quan hệ tình dục với một người lớn khi còn nhỏ và có một số lời khuyên cho tất cả chúng ta. “Thanh thiếu niên thường tìm kiếm quan hệ tình dục với người lớn tuổi hơn, và họ làm vậy vì những lý do dễ hiểu: người lớn tuổi hơn khiến họ cảm thấy gợi cảm và trưởng thành, được bảo vệ và đặc biệt.” Bà cũng nói rằng khi một linh mục quan hệ tình dục với một người trẻ tuổi, mối quan hệ tình dục đó “có thể” là tích cực, mặc dù sau đó bà đã rút lại quan điểm đó sau khi một làn sóng phản nộ nổ ra vì nhận xét của bà. (82)

Một số trí thức châu Âu đã nói những điều tương tự. Colm Tóibín, một tác giả đồng tính luyến ái từng học tại một chủng viện ở Ái Nhĩ Lan, cho biết rằng ở tuổi 15 và 16, ông “thấy một số linh mục hấp dẫn về mặt tình dục”, và nếu một trong số họ cố gắng quyến rũ ông, “thì ở tuổi 15, điều đó hoàn toàn không thành vấn đề đối với tôi. Điều đó đã không xảy ra, nhưng nó sẽ không phải là vấn đề.” (83) Nhà vô thần người Anh Richard Dawkins thừa nhận rằng khi ông học ở trường nội trú, một trong những giáo viên nam của ông “đã kéo tôi lên đùi và cho tay vào trong quần short của tôi.” Giáo viên đó cũng đã quấy rối tình dục các học sinh khác. “Tôi không nghĩ ông ta đã gây ra bất cứ tổn hại lâu dài nào cho chúng tôi”, Dawkins nói, và ông ta thích phân loại những vụ việc như vậy là “ấu dâm nhẹ”. (84)

Không quốc gia nào nổi tiếng hơn Pháp trong việc bảo vệ mạnh mẽ hành vi quan hệ tình dục giữa người lớn và trẻ em. Năm 2020, một cuộc tranh cãi nổ ra khi một trong nhiều nạn nhân của Gabriel Matzneff, khi đó 83 tuổi, xuất bản một cuốn sách về những trải nghiệm của mình. Ông ta chưa bao giờ cố gắng phủ nhận việc mình đã quan hệ tình dục với các bé trai và bé gái ở độ tuổi thiếu niên hoặc thậm chí nhỏ hơn. Ông ta cũng thừa nhận đã quan hệ tình dục với các bé trai 8 tuổi ở Philippines. (85) Thật vậy, ông ta đã viết nhiều cuốn sách về những hành vi tình

dục của mình và sẵn sàng trả lời phỏng vấn trên truyền hình, khoe khoang về chúng. Ông ta không những không bao giờ phải ngồi tù; ông ta còn nhận được sự tán dương của giới văn chương trong nhiều thập niên. Và ông ta chưa bao giờ tỏ ra hối hận, ngay cả khi một số người ở Pháp bắt đầu quay lưng lại với ông ta. (86) Khi một trong những nạn nhân của ông ta, Francesca Gee, tìm kiếm nhà xuất bản cho câu chuyện của mình kể chi tiết về việc ông ta đã lạm dụng cô như thế nào khi cô còn là một thiếu niên, không ai quan tâm. Biên tập viên của một nhà xuất bản cho biết chủ đề này “quá nhạy cảm” và hai thành viên trong ban biên tập của ông “thân thiết với Matzneff”. (87)

Matzneff đã hưởng lợi rất nhiều từ cuộc cách mạng xã hội năm 1968. Khẩu hiệu phổ biến vào thời điểm đó, “Cấm cấm đoán”, đã được ông sử dụng rất hiệu quả. Ông ủng hộ việc hợp pháp hóa quan hệ tình dục với trẻ em, nói rằng, “Quan hệ tình dục với một đứa trẻ là một trải nghiệm thiêng liêng, một sự kiện rửa tội, một cuộc phiêu lưu thần thánh.” Ông đã nhận được sự tán thưởng của những người không lồ về trí tuệ như Michel Foucault, Roland Barthes, JeanPaul Sartre và Simone de Beauvoir, tất cả đều có lối sống tình dục phóng túng. (88) Foucault là một kẻ sẵn lòng đồng tính luyến ái đã biện minh cho việc cưỡng hiếp, còn Barthes, Sartre và de Beauvoir chủ trương loại bỏ tất cả các luật cấm quan hệ tình dục giữa người lớn và trẻ em. (89)

Vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ xảy ra do các linh mục đồng tính luyến ái sẵn lòng và các giám mục dung túng cho họ. Nhưng họ không sống trong một môi trường xã hội biệt lập. Cuộc cách mạng tình dục diễn ra ở các xã hội phương Tây đã thổi bùng sức mạnh vào Giáo hội. Thay vì chống lại nó, quá nhiều người trong Giáo hội đã khuất phục trước nó. Mặc dù Giáo hội đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc ngăn chặn lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các giáo sĩ Công Giáo, nhưng ở một số giới bên ngoài Giáo hội, việc tôn vinh chủ nghĩa tự do tình dục vẫn còn thịnh hành. Việc nhiều nhà hoạt động, người nổi tiếng và trí thức này tiếp tục chỉ trích Giáo hội trong khi bảo vệ việc bóc lột tình dục trẻ em và thanh thiếu niên khiến họ còn tệ hơn cả những kẻ đạo đức giả: họ là những kẻ tiếp tay cho cái ác.

Ghi chú

(1) Laurie Goodstein, “Văn hóa thập niên 1960 được cho là nguyên nhân gây ra lạm dụng tình dục của linh mục”, *New York Times*, ngày 18 tháng 5 năm 2011, A1.

(2) “Vatican thiếu sót”, *New York Times*, ngày 18 tháng 5 năm 2011, <https://www.nytimes.com/2011/05/19/opinion/19thu4.html>.

(3) Tranh biếm họa của Tony Auth được đăng trên tờ Philadelphia Inquirer ngày 20 tháng 5 năm 2011.

(4) Joan Vennoch, “Đổ lỗi cho thập niên 60 đi, anh bạn”, *Boston Globe*, ngày 29 tháng 5 năm 2011,

http://archive.boston.com/bostonglobe/editorial_opinion/oped/articles/2011/05/29/blame_it_on_the_60s_man/.

(5) Jon Carroll, “Thập niên 60 đã khiến họ làm điều đó”, *San Francisco Chronicle*, ngày 19 tháng 5 năm 2011, đăng trên BishopAccountability.com,

http://www.bishopaccountability.org/news2011/05_06/2011_05_19_Carroll_The60s.htm.

(6) Kelly McParland, “Nghiên cứu của Giáo hội đổ lỗi cho thập niên 60 phóng túng về các linh mục sa đọa”, *National Post*, ngày 20 tháng 5 năm 2011,

<https://nationalpost.com/fullcomment/church-study-blames-swinging-sixties-for-deviant-priests>. <https://www.nytimes.com/2019/04/11/world/europe/pope-Bê-nê-đíc-tô-lettersex-abuse.html>.

(7) Philip Lawler, *Những người trung thành đã ra đi: Sự sụp đổ của nền văn hóa Công Giáo Boston* (New York: Encounter Books, 2008), 92.

- (8) John L. Allen Jr., “Liệu ‘Ratzinger thật’ đã lộ diện?”, *National Catholic Reporter*, ngày 29 tháng 4 năm 2012, <https://www.ncronline.org/blogs/ncr-today/has-real-ratzinger-come-outplay>.
- (9) Leon Podles, *Sự phạm thánh: Lạm dụng tình dục trong Giáo Hội Công Giáo* (Baltimore: Crossland Press, 2008), 454.
- (10) Rachel Donadio, “Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô nói hãy đổ lỗi cho thập niên 60 về sự lạm dụng của các linh mục”, *Atlantic*, ngày 12 tháng 4 năm 2019, <https://www.theatlantic.com/international/archive/2019/04/priest-abusecatholic-church-1960s-pope-Benedict/587044/>.
- (11) Delia Gallagher, “Cựu Giáo hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI phá vỡ sự im lặng về cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục trong Giáo hội và đổ lỗi cho cuộc cách mạng tình dục và những người theo chủ nghĩa tự do”, *CNN News*, ngày 12 tháng 4 năm 2019, <https://www.cnn.com/2019/04/11/world/Benedict-sex-abuse/index.html>.
- (12) Bill Donohue, “Bê-nê-đíc-tô XVI hứng chịu sự chỉ trích dữ dội”, *Catholic League*, ngày 17 tháng 4 năm 2019, <https://www.catholicleague.org/Benedict-xvi-incurs-wrath-of-critics/>.
- (13) Michael D’Antonio, *Tội trọng: Tình dục, tội ác và kỷ nguyên tai tiếng Công Giáo* (New York: St. Martin’s Press, 2013), 179.
- 14 Ibid., 88.
- (15) Andrew Greeley, “Cuộc cách mạng tình dục trong giới giáo sĩ Công Giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* 14, số 2 (Mùa đông 1973): 98.
- (16) Charles Morris, *Người Công Giáo Mỹ: Các Thánh và Tội nhân đã xây dựng Giáo hội quyền lực nhất nước Mỹ* (New York: Times Books, 1997), 221, 223, 225.
- (17) Hannah Dellinger, “Vụ kiện Greenwich từ thời các cậu bé bơi khỏa thân”, *Greenwich Time*, ngày 27 tháng 4 năm 2019, cập nhật ngày 20 tháng 8 năm 2019, <https://www.ctinsider.com/news/greenwichtime/article/Greenwich-lawsuitfrom-a-time-when-boys-swam-naked-13800918.php>.
- (18) Karen J. Terry, Trường Cao đẳng Tư pháp Hình sự John Jay (JJCCJ) và Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ (USCCB), *Nguyên nhân và bối cảnh lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các linh mục Công Giáo tại Hoa Kỳ, 1950—2010: Báo cáo do Nhóm nghiên cứu Trường Cao đẳng John Jay trình bày trước Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ* (Washington, D.C.: Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ, 2011), 2-3.
- (19) Bill Steigerwald, “Nguồn gốc của một vụ tai tiếng: 10 phút với... Michael Rose”, *Tạp chí Jewish World Review*, ngày 25 tháng 6 năm 2002, jewishworldreview.com/0702/steigerwald062502.asp
- (20) Jason Berry, *Đừng dẫn chúng con vào cám dỗ* (New York: Doubleday, 1992), 189.
- (21) Terry, JJCCJ, và USCCB, *Nguyên nhân và bối cảnh*, 4.
- (22) Ibid., 3.
- (23) Karen J. Terry, JJCCJ, và USCCB, *Bản chất và phạm vi lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên bởi các linh mục và phó tế Công Giáo tại Hoa Kỳ từ năm 1950 đến năm 2002: Một nghiên cứu được thực hiện bởi Trường Cao đẳng Tư pháp Hình sự John Jay* (Washington, D.C.: Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ, 2004), 5.
- (24) Aleksandr I. Solzhenitsyn, *Đông và Tây* (New York: Harper and Row, 1980), 48, 64-66.
- (25) Patrick G. D. Riley, “Biện pháp tránh thai: Một thảm họa toàn cầu?”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Công Giáo* (2005): 320.
- (26) David Horowitz, *Chương trình nghị sự đen tối: Cuộc chiến nhằm phá hủy nước Mỹ theo Ki-tô giáo* (West Palm Beach, Florida: Humanix Books, 2018), 114-15.
- (27) William A. Donohue, *Tự do mới: Chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể trong đời sống xã hội của người Mỹ* (New Brunswick, New Jersey: Transaction Publishers, 1990), 134.
- (28) Ibid., 133.
- (29) Ibid., 133-34.
- (30) Michael Specter, “Larry Kramer, người đàn ông đã cảnh báo nước Mỹ về AIDS, không

- ngừng đấu tranh mạnh mẽ và ồn ào”, *New Yorker*, ngày 13 tháng 5 năm 2002, 56.
- (31) Leah Jessen, “Năm thành phố lớn hàng đầu về số người đi nhà thờ ở Mỹ; Nghiên cứu mới đã xác định được các khu vực ‘đi nhà thờ’ nhiều nhất và ‘không đi nhà thờ’ nhất trong cả nước”, *LifeZette*, ngày 10 tháng 6 năm 2017, <http://www.lifezette.com/faithzette/the-top-five-big-cities-churchattendance>.
- (32) David France, *Our Fathers: The Secret Life of the Catholic Church in an Age of Scandal* (New York: Broadway Books, 2004), 87.
- (33) Enrique Rueda, *The Homosexual Network: Private Lives and Public Policy* (Old Greenwich, Conn.: Devin Adair, 1982), 311.
- (34) Nicole M. King, “Hợp pháp hóa ấu dâm: Làn sóng của tương lai?”, *Family in America* (Mùa đông 2014): 68.
- (35) Rueda, *Mạng lưới đồng tính luyến ái*, 295-96.
- (36) Philip F. Lawler, *Những người trung thành đã ra đi: Sự sụp đổ của nền văn hóa Công Giáo Boston* (New York: Encounter Books, 2008), 15.
- (37) Lawler, *Những người trung thành đã ra đi*, 204.
- (38) Ibid., 4.
- (39) Leon Podles, *Sự phạm thánh: Lạm dụng tình dục trong Giáo Hội Công Giáo* (Baltimore: Crossland Press, 2008), 115.
- (40) Michael Rezendes, “Nhà thờ cho phép linh mục lạm dụng trong nhiều năm”, *Boston Globe*, ngày 6 tháng 1 năm 2002, <https://www.bostonglobe.com/news/special-reports/2002/01/06/churchallowed-abuse-priest-foryears/cSHfGkTIrAT25qKGvBuDNM/story.html>.
- (41) Ban điều tra của tờ Boston Globe, *Sự phản bội: Cuộc khủng hoảng trong Giáo Hội Công Giáo* (Boston: Little, Brown and Company, 2002), 65-66.
- (42) Ibid., 70.
- (43) Podles, *Sự phạm thánh*, 159.
- (44) Ban điều tra của tờ Boston Globe, *Sự phản bội*, 69.
- (45) France, *Kinh Lạy Cha*, 86.
- (46) Podles, *Sự phạm thánh*, 155.
- (47) Ibid., 158.
- (48) Sally Jacobs, “ ‘Nếu họ biết sự điên rồ trong tôi’: Một cuộc tìm kiếm về Mục sư Paul Shanley thực sự cho thấy ông ta vừa là anh hùng, vừa là nỗi kinh hoàng”, *Boston Globe*, ngày 10 tháng 7 năm 2002.
- (49) France, *Kinh Lạy Cha*, 126-28.
- (50) Podles, *Sự phạm thánh*, 152.
- (51) Walter V. Robinson và Michael Paulson, “Một luật sư ‘đau buồn’ xin lỗi vì việc chỉ định Geoghan”, *Boston Globe*, ngày 10 tháng 1 năm 2002, A1.
- (52) Ban điều tra của tờ Boston Globe, *Sự phản bội*, 69.
- (53) Lawler, *Những người trung thành đã khuất*, 7.
- (54) Rueda, *Mạng lưới đồng tính luyến ái*, 349.
- (55) James Hitchcock, “Các giám mục bảo thủ, kết quả tự do”, *Catholic World Report* (tháng 5 năm 1995), đăng trên Ignatius Insight, http://www.ignatiusinsight.com/features2005/print2005/hitchcock_bishops_may05.html.
- (56) “Tuyên bố của Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ về chứng ấu dâm và Sổ tay Chẩn đoán và Thống kê các Rối loạn Tâm thần (DSM-5)”, *Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ*, ngày 31 tháng 10 năm 2013, <https://www.apa.org/news/press/releases/2013/10/pedophilia-mental>.
- (57) Bruce Rind, Phillip Tromovitch và Robert Bauserman, “Kiểm tra phân tích tổng hợp các đặc tính giả định của lạm dụng tình dục trẻ em bằng cách sử dụng mẫu sinh viên đại học”, *Psychological Bulletin* 124, số 1 (tháng 7 năm 1998), được đăng trên PubMed, <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/9670820/>.

- (58) Anne Hendershott, “Trao quyền cho những kẻ ấu dâm”, *New York Post*, ngày 16 tháng 1 năm 2013, <https://nypost.com/2013/01/16/empowering-pedophiles/>.
- (59) Mary Eberstadt, “Xem xét lại ‘Phong cách ấu dâm’; Điều cấm kỵ về quan hệ tình dục với trẻ em tiếp tục bị xói mòn”, *Weekly Standard*, ngày 1 tháng 1 năm 2001, trang 18.
- (60) Rueda, *Mạng lưới đồng tính luyến ái*, trang 80.
- (61) D’Antonio, *Tội lỗi chết người*, 27.
- (62) Podles, *Sự phạm thánh*, 161.
- (63) Ban điều tra của tờ The Boston Globe, *Sự phản bội*, 24.
- (64) “Liệu pháp tâm lý cho người bị thu hút bởi trẻ vị thành niên”, *B4U-ACT*, tháng 2 2020, <https://www.b4uact.org/wp-content/uploads/2020/02/Psychotherapyfor-MAPs-2020.pdf>.
- (65) Matt Barber, “ ‘Đã đến lúc bình thường hóa ấu dâm’: Báo cáo trực tiếp về Hội nghị B4U-ACT”, *Viện Gia đình Illinois*, ngày 22 tháng 8 năm 2011, <https://illinoisfamily.org/marriage/time-to-normalize-pedophilia-firsthandreport-on-b4u-act-conference/>.
- (66) Ibid.
- (67) Jordan Michael Smith, “Giáo sư của những hành vi kinh khủng”, *Chronicle of Higher Education*, ngày 18 tháng 2 năm 2018, <https://www.chronicle.com/article/the-professor-of-horrible-deeds/>.
- (68) King, “Hợp pháp hóa ấu dâm”, 66.
- (69) Michael Brown, “Lạm dụng tình dục thời thơ ấu thường góp phần dẫn đến đồng tính luyến ái”, *Christian Post*, ngày 24 tháng 2 năm 2017, <https://www.christianpost.com/news/childhood-sexual-abuse-oftencontributes-to-homosexuality.html>.
- (70) John Weir, “Điên cuồng vì những cậu bé”, *Advocate*, ngày 23 tháng 8 năm 1994, 37.
- (71) Brown, “Lạm dụng tình dục thời thơ ấu”.
- (72) Maureen Callahan, “Tại sao Hollywood cứ tiếp tục bảo vệ Roman Polanski?”, *New York Post*, ngày 5 tháng 10 năm 2017, <https://nypost.com/2017/10/05/why-does-hollywood-keep-defendingroman-polanski>.
- (73) Brent Bozell và Tim Graham, “Sự bào chữa kỳ lạ của Streisand dành cho Michael Jackson”, *CNS News*, ngày 29 tháng 3 năm 2019, <https://www.cnsnews.com/commentary/l-brent-bozell-iii/streisands-bizarremichael-jackson-defense>.
- (74) King, “Hợp pháp hóa ấu dâm”, 70.
- (75) Robert Kahn, “Những rocker ủng hộ Townshend”, *Newsday* (phiên bản Queens), ngày 17 tháng 1 năm 2003.
- (76) Todd Peterson, “Courteney Defends Pee-Wee”, *People*, ngày 25 tháng 11 năm 2002, <https://people.com/celebrity/passages-courteney-defends-peewee>.
- (77) Hanna Rosin, “Chickenhawk”, *New Republic*, ngày 8 tháng 5 năm 1995, trang 42.
- (78) Hilton Kramer, “Advancing the Cause of Deviancy”, *New York Post*, ngày 12 tháng 10 năm 1993, trang 19.
- (79) France, *Our Fathers*, trang 397.
- (80) Podles, *Sự báng bổ*, 339.
- (81) Ibid.
- (82) David Crary, “Cuốn sách về tình dục trẻ em làm nóng lên Nhà xuất bản”, *Los Angeles Times*, ngày 7 tháng 4 năm 2002, A24.
- (83) Susanna Rustin, “Đánh giá: Cuộc Đời Trong Viết Văn: Colm Toibin”, *Guardian*, ngày 23 tháng 10, 2010, 12.
- (84) Abby Ohlheimer, “Richard Dawkins bảo vệ chứng ấu dâm ‘nhẹ’, hết lần này đến lần khác”, *Atlantic*, ngày 10 tháng 9 năm 2013, <https://www.theatlantic.com/international/archive/2013/09/richard-dawkinsdefends-mild->

pedophilia-again-and-again/311230/.

(85) Norimitsu Onishi, “Một nhà văn ấu dâm đang bị xét xử. Giới tinh hoa Pháp cũng vậy”, *New York Times*, ngày 12 tháng 2 năm 2020, A1.

(86). Ibid.

Chương 11. Vai trò của sự bất đồng chính kiến trong Giáo hội

Đức ông Kevin Wallin được biết đến trong Giáo phận Bridgeport là một nhà thuyết giảng xuất sắc và là một “nhân vật kiệt xuất” ở vùng tây nam Connecticut. Có thời điểm, ông là thư ký của Giám mục Edward Egan (người sau này trở thành tổng giám mục New York). Wallin tham gia vào nhiều hoạt động từ thiện và tích cực trong nhiều lĩnh vực, từng là thành viên hội đồng quản trị của Đại học Sacred Heart. Nhưng rồi, vào khoảng năm 2010 hoặc 2011, ông bắt đầu suy sụp. Ông sụt cân nhiều, đi khom lưng và không xuất hiện trong các sự kiện đã lên lịch. Một số người nhìn thấy ông tiếp đãi những người đàn ông “đáng ngờ” đến và đi khỏi nhà xứ của ông. “Hàng xóm nói rằng nhiều người đàn ông kéo đến căn hộ của Đức ông Wallin, nhiều người trong số họ đến bằng những chiếc xe như BMW và Corvette. Có thể nghe thấy tiếng quan hệ tình dục.” Năm 2013, ông bị bắt giam vì tội buôn bán ma túy. (1)

Có rất nhiều dấu hiệu đáng ngờ được nhiều linh mục, nữ tu và giáo dân nhận thấy, nhưng mọi người đều phớt lờ. Đây là một linh mục lỗi lạc buôn bán ma túy đá và công khai đồng tính luyến ái, vậy mà không ai lên tiếng. Nhưng dấu hiệu đáng ngờ lớn nhất trong số đó là việc ông từ bỏ Công Giáo. Nhiều năm trước khi bị bắt, ông đã ở trong một buổi gặp gỡ với các linh mục khác, nơi cuộc thảo luận chuyển sang chủ đề lòng thương xót của Chúa. Wallin nói, “Các ông thực sự không tin điều đó, phải không?” (2) Rõ ràng Wallin đang rơi vào tình trạng sa ngã. Thiếu đức tin, làm sao ông có thể làm một linh mục được?

Mất đức tin là lý do hàng đầu khiến các linh mục đi chệch hướng. Cha Richard John Neuhaus nói rằng vấn đề lạm dụng tình dục của giáo sĩ bắt nguồn từ “sự bất đồng và rời bỏ giáo huấn của Giáo hội”. Thật vậy, ngài khẳng định, việc tránh rắc rối tình dục phụ thuộc vào “ba điều: trung thành, trung thành và trung thành”. (3) Tất nhiên, trung thành không chỉ bao gồm sự chấp nhận về mặt trí thức đối với giáo huấn của Giáo hội mà còn cả đời sống cầu nguyện để sống theo chúng. Khi một linh mục ngừng cầu nguyện, rắc rối thường sẽ theo sau.

Vâng, vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ là không thể hiểu được nếu không hiểu vai trò quan trọng của sự bất đồng chính kiến. Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI đã chạm đúng vào điểm yếu của những người chỉ trích ngài khi ngài đề cập đến vai trò của sự bất đồng chính kiến, và đó là bởi vì ngài đã đánh trúng trọng tâm vấn đề.

Chắc chắn, hầu hết các linh mục bất đồng chính kiến không có ý định lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên, nhưng họ có thể có xu hướng vi phạm giáo huấn của Giáo hội hơn các đồng nghiệp trung thành của họ. Tại sao? Thứ nhất, là do thiếu cảm giác tội lỗi. Khi cảm giác tội lỗi bị đẩy đến cực đoan, nó không lành mạnh. Nhưng nó cũng không lành mạnh khi cảm giác tội lỗi hầu như không hiện diện hoặc hoàn toàn không hiện diện. Ví dụ, nếu ai đó không tin rằng ăn cắp của người giàu là sai, thì người đó có nhiều khả năng làm như vậy hơn, nếu có cơ hội, so với những người coi đó là sai. Còn một linh mục bác bỏ giáo huấn của Giáo hội về độc thân và trinh tiết thì sao? Chẳng phải ông ta sẽ dễ có quan hệ tình dục hơn một linh mục chấp nhận những giáo huấn này sao? Còn một linh mục mắc chứng rối loạn – bị hấp dẫn tình dục bởi trẻ vị thành niên – và được các nhà thần học bất đồng chính kiến cho rằng cảm xúc tình dục của mình là việc riêng của mình và không có thứ gọi là cảm xúc “lệch lạc” thì sao? Chẳng phải ông ta sẽ dễ dàng chiều theo cảm xúc của mình hơn sao?

Những người Công Giáo tự cho mình là tiến bộ – bằng cách bác bỏ giáo huấn của Giáo hội về tình dục và hôn nhân – đã góp phần tạo ra những điều kiện dẫn đến lạm dụng tình dục trong giới giáo sĩ. Những người tiến bộ có vị trí ảnh hưởng, chẳng hạn như các nhà hoạt động, nhà

thần học, nhà văn, giảng viên và nhân viên Giáo hội, đã khuyến khích sự bất đồng chính kiến trong số các chủng sinh và linh mục. Chắc chắn, những người đàn ông bình thường được dạy dỗ để chế giễu đạo đức tình dục của Giáo hội sẽ không có ý định dụ dỗ trẻ vị thành niên, nhưng một thanh niên vốn đã có vấn đề về tâm lý thì có nhiều khả năng làm như vậy hơn sau khi được ngầm cho phép.

Những người Công Giáo tiên bộ thường phàn nàn về việc đàn áp những người bất đồng chính kiến. Đàn áp nào chứ? Đây là sự thật về cách Giáo Hội Công Giáo hoạt động trong vài thập niên qua: không có tổ chức nào trong xã hội có nhiều quy tắc hơn và thực thi chúng ít hơn Giáo Hội Công Giáo. Giáo Hội Công Giáo khoan dung hơn về tự do ngôn luận so với hầu hết các trường cao đẳng và đại học. Giáo hội thậm chí còn khoan dung hơn với sự bất đồng chính kiến so với các phương tiện truyền thông chính thống, những người ngày càng nhấn mạnh đến sự đồng nhất về tư tưởng, đặc biệt là khi đề cập đến các vấn đề về tình dục. Một người sẽ trụ được bao lâu trong ban biên tập của tờ New York Times nếu người đó công khai nói rằng ông ta không nghĩ rằng một cuộc hôn nhân thực sự giữa hai người đàn ông là có thể?

Tuy nhiên, những người theo chủ nghĩa tiên bộ lại miêu tả triều đại của các vị Giáo hoàng Gioan Phaolô II và Bê-nê-đíc-tô XVI là thời kỳ mà những người bất đồng chính kiến bị trừng phạt. Cha Richard McBrien đặc biệt gay gắt, nói rằng chính quyền của Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II phải chịu trách nhiệm về việc bịt miệng những người bất đồng chính kiến, khẳng khái đòi hỏi lời thề trung thành, và những điều tương tự.

Ông so sánh sự cai trị của ngài với Điện Cẩm-linh dưới thời các nhà độc tài Liên Xô. Tuy nhiên, Phil Lawler lưu ý rằng trong những năm đầu nhiệm kỳ của vị Giáo hoàng, đã có một số nỗ lực nhằm giải quyết sự bất đồng chính kiến, nhưng chúng không bao giờ đạt được kết quả gì, ngoài một vài lời cảnh báo. Trên thực tế, “cuộc đàn áp mà những người theo chủ nghĩa tự do lo sợ (và những gì mà những người bảo thủ mong muốn) chưa bao giờ xảy ra. Sự bất đồng về thần học vẫn phổ biến, đặc biệt là tại các trường cao đẳng và đại học Công Giáo danh tiếng nhất.”

(4)

Đức Hồng Y Joseph Ratzinger, người sau này trở thành Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI, đã bị những người theo chủ nghĩa tiên bộ chỉ trích vì những nỗ lực kỷ luật được cho là quá khắt khe khi phục vụ dưới thời Thánh Giáo hoàng Gio-an Phao-lô II. Sau khi đảm nhận nhiệm vụ giáo hoàng, ngài cũng bị chỉ trích tương tự vì đã quá hà khắc và thường xuyên áp dụng kỷ luật. Mặc dù Đức Bê-nê-đíc-tô được những người chỉ trích gọi là “chó Rottweiler của Chúa”, nhưng triều đại giáo hoàng của Đức Bê-nê-đíc-tô thực sự khá ôn hòa. Nhà báo Công Giáo John Allen nhận xét: “Tính trên toàn bộ bảy năm triều đại giáo hoàng của Đức Bê-nê-đíc-tô, tổng số lần Tòa thánh khiển trách ai đó vẫn tương đối hạn chế.” Allen đã liệt kê một nhà thần học bị khiển trách công khai, và “khi kỷ luật được áp đặt, ngay cả theo tiêu chuẩn lịch sử gần đây, nó thường khá nhẹ nhàng.” Ông còn lưu ý thêm rằng không ai bị thu hồi giấy phép giảng dạy thần học và không ai bị sa thải khỏi việc giảng dạy tại các trường cao đẳng hoặc đại học Công Giáo vì sự can thiệp của Rome. (5) Vì vậy, nếu có điều gì xảy ra, thì những người bất đồng chính kiến đã được hưởng lợi quá dễ dàng.

Nhà thần học, Cha Matthew Lamb, nhận thấy mối liên hệ giữa sự bất đồng chính kiến và lạm dụng tình dục của giáo sĩ. “Có bao nhiêu linh mục và giám mục đã gây ra đau khổ cho trẻ vị thành niên và tai tiếng cho công chúng đã được các giáo viên và nhà thần học khuyến khích đi tắt đón đầu và bất đồng chính kiến với chân lý của đức tin và giáo huấn đạo đức Công Giáo? Nhiều linh mục và giám mục tương lai đã đọc các bài báo bất đồng chính kiến với đạo đức tình dục Công Giáo trong những năm 1960 và 1970. Một bầu không khí bất đồng đã được thúc đẩy

bởi sự bất đồng toàn diện với đạo đức tình dục Công Giáo.” (6)

Cha Lamb không hề nói quá. Khi các chủng sinh được giao đọc các tác phẩm của Alfred Kinsey và các môn đệ của ông, tất cả đều cô vũ cho một hệ tư tưởng tình dục tự do, thì chúng ta có thể mong đợi điều gì? (7) Chúng ta có thể mong đợi điều gì khi các nhà tâm lý học loại bỏ những người đàn ông khỏi chức linh mục vì họ không bác bỏ giáo huấn của Giáo hội về tình dục? (8) Tệ hơn nữa, một số người trong số họ, những người được gửi đi trị liệu—vì họ tin vào những gì Giáo hội dạy—bắt đầu tự nghi ngờ bản thân. Một chủng sinh đã trải qua thử thách này, tự hỏi, “Tôi có bị điên không?” (9) Một ứng viên khác cho chức linh mục, người chấp nhận giáo huấn của Giáo hội về phụ nữ, đã bị một nữ tu duy nữ tuyên bố là không đủ năng lực; bà gọi ông là “vô cảm với nhu cầu của phụ nữ”. Một lời thỉnh cầu gửi đến giám mục không mang lại kết quả gì: ngài nói rằng ngài sẽ không “can thiệp”. (10)

Cha Robert Altier không hề ngại ngần khi nói về “một sự xâm nhập có chủ đích và độc hại vào Giáo hội nhằm mục đích phá hủy Giáo hội từ bên trong”. Ngài nói rằng khi còn ở chủng viện năm 1985, “nếu bạn không phải là người đồng tính hoặc nhà duy nữ cấp tiến thì bạn sẽ gặp rắc rối lớn.” Một trong những giáo sư của ngài đã kêu gọi sinh viên nổi dậy bằng cách nói, “Martin Luther có ý tưởng đúng đắn, nhưng ông ấy đã thực hiện nó sai cách—ông ấy đã rời bỏ Giáo hội. Bạn không thể thay đổi Giáo hội từ bên ngoài, bạn chỉ có thể thay đổi nó từ bên trong, vì vậy chúng tôi sẽ không rời bỏ Giáo hội.” (11)

Cha Patrick Klekas là một linh mục trẻ, ông lưu ý rằng trong những năm học tại chủng viện, có một ranh giới rõ ràng giữa những người như cha và những bạn cùng lớp đồng tính luyện ái hoạt động tình dục, những người bất đồng với giáo huấn của Giáo hội. Cha nói: “Đa số chủng sinh hành động theo sự hấp dẫn đồng tính của họ có xu hướng ủng hộ giáo lý đạo đức dị giáo”. Cha nói thêm rằng họ sẽ bất đồng quan điểm trên bàn ăn, nhưng sẽ tỏ ra trung thành trong lớp học. “Quá trình phong chức cho các chủng sinh bất mãn góp phần vào quan niệm phổ biến cho rằng sự gia tăng bất đồng quan điểm của giáo sĩ sẽ làm tăng khả năng thay đổi trong Giáo hội.” (12)

Với tình trạng này, không có gì lạ khi nhiều giáo dân cảm thấy bối rối. Nếu những người trong hàng giáo phẩm công khai bất đồng với giáo huấn của Giáo hội về đồng tính luyện ái, tại sao giáo dân lại phải chú ý đến họ trong những vấn đề khác? Hồng Y Sarah không hài lòng với sự phát triển này. “Dấu hiệu của Satan là sự chia rẽ. Ngày nay có những xung đột nghiêm trọng trong hàng giáo sĩ. Và ma quỷ đang ăn mừng.” Ma quỷ rất thích chia rẽ Giáo hội.” Từ mọi dấu hiệu, hấn đang làm khá tốt. “Hấn tìm cách gieo rắc sự thờ ơ và nghi ngờ vào các linh mục.” (13) Điều khiến điều này trở nên nghiêm trọng là giáo huấn của Giáo hội được đề cập có những hậu quả rõ ràng về hành vi, khiến thiệt hại càng trở nên nghiêm trọng hơn. Khi vấn đề là đồng tính luyện ái, hậu quả có thể rất khủng khiếp.

Công đồng Vatican II và *Humanae Vitae*

Những người quan sát Công Giáo thuộc mọi khuynh hướng đều đồng ý rằng quyết định của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI duy trì giáo huấn của Giáo hội về kiểm soát sinh sản nhân tạo, như đã nêu trong *Humanae Vitae*, đã gây ra sự hỗn loạn trong giới giáo sĩ và giáo dân. Khi người tiền nhiệm của ngài, Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII, thành lập một ủy ban để nghiên cứu vấn đề này, người ta kỳ vọng rằng một sự thay đổi sắp xảy ra. Nhưng điều đó đã không bao giờ xảy ra, do đó đã gây ra sự bất đồng rộng rãi.

Người dẫn đầu sự bất đồng là Cha Charles Curran, giáo sư thần học luân lý tại Đại học Công Giáo Hoa Kỳ. Ông lập luận rằng thông điệp của giáo hoàng không phải là bất khả sai lầm và do

đó có thể sai sót. Điều này sẽ hợp pháp hóa sự bất đồng, ông nói. Ông có một lượng người nghe lớn và có ảnh hưởng. Sự bất đồng quan điểm của các linh mục, nữ tu và giáo dân, một số người trong số họ đã đăng một quảng cáo toàn trang trên tờ New York Times đề biện minh cho việc họ bác bỏ *Humanae Vitae*. Các giám mục, đối diện với vấn đề quan hệ công chúng ngày càng gia tăng, đã ban hành một thư mục vụ vào tháng 11 năm 1968, *Human Life in Our Day* [Cuộc sống con người trong thời đại chúng ta], trong đó họ chấp nhận điều mà họ gọi là “sự bất đồng chính kiến hợp pháp”. Theo Kenneth Whitehead, điều họ muốn nói bằng thuật ngữ này là “sự bất đồng đơn thuần theo kiểu học thuật”. Ông nói, hiệu quả là “một số lượng lớn người Công Giáo đã kết luận một cách không vô lý rằng sự bất đồng chính kiến thực sự là hợp pháp”. Mãi đến năm 1979, Vatican mới bắt đầu điều tra Cha Curran. Năm 1986, ông được thông báo rằng ông không còn “phù hợp cũng như không đủ điều kiện để thực hiện chức năng của một giáo sư thần học Công Giáo”. (14) Nhưng thiệt hại đã xảy ra rồi. Mười tám năm bất đồng chính kiến của ông tại một trường đại học giáo hoàng đã hợp pháp hóa việc nhiều người Công Giáo bác bỏ đạo đức tình dục Công Giáo.

Thông điệp năm 1968 tái khẳng định lập trường phản đối ngừa thai của Giáo hội có thể đã bị giáo dân phớt lờ, nhưng họ không công khai nổi loạn. Việc đó chỉ dành cho các nữ tu và linh mục. Hồng Y Patrick O’Boyle của Tổng giáo phận Washington đã kỷ luật mười chín linh mục ở Washington vì điều mà bất cứ tổ chức nào khác cũng gọi là bất tuân lệnh. Nhưng những người nổi loạn đã kháng cáo lên Rome, và họ đã thắng: Vatican ra lệnh cho O’Boyle dỡ bỏ các biện pháp trừng phạt. Điều thúc đẩy quyết định này là nỗi sợ ly giáo. Đức Giáo Hoàng tin rằng tha chấp nhận rủi ro bất đồng chính kiến còn hơn là chứng kiến Giáo hội tan rã, và ngài hy vọng rằng khi mọi việc lắng xuống, Giáo hội có thể trở lại bình thường. George Weigel gọi đây là “Thỏa thuận ngừng bắn năm 1968”. (15) Điều rút ra từ thỏa thuận ngừng bắn, Weigel nói, “là hai bài học sẽ định hình toàn bộ một kỷ nguyên trong lịch sử Công Giáo Hoa Kỳ”. Một bài học là Tòa Thánh sẽ nhượng bộ trước sự bất đồng chính kiến, và bài học khác là các giám mục như O’Boyle sẽ không nhận được sự hỗ trợ cần thiết từ Rome. (16)

Weigel lưu ý rằng những bài học này không bị bỏ qua bởi cái mà một số người gọi vào thời điểm đó là “Bộ máy Bernardin”, ám chỉ đến nhóm các giám mục tiến bộ do Tổng Giám mục Joseph Bernardin lãnh đạo. (17) Năm 1968, vị Hồng Y và tổng giám mục tương lai của Chicago đã trở thành tổng thư ký đầu tiên của Hội nghị Giám mục Công Giáo Quốc gia. Bernardin và Hồng Y John Dearden của Detroit đã gây ảnh hưởng to lớn trong việc định hình Giáo Hội Công Giáo ở Hoa Kỳ trong những thập niên cuối của thế kỷ XX, điều này nhận được sự hoan nghênh của những người bất đồng chính kiến. (Xem chương 12 để thảo luận về sự bất đồng chính kiến của Dearden.)

ĐHY Bernardin cũng làm việc với tổng giám mục người Bỉ Jean Jadot, người chịu trách nhiệm chính trong việc bổ nhiệm nhiều giám mục tiến bộ, một số người trong số họ đã âm thầm bất đồng với đạo đức tình dục của Công Giáo. Không phải ngẫu nhiên mà nạn lạm dụng tình dục của giáo sĩ đang lên đến tuyệt đỉnh vào cùng thời điểm đó. Không gặp phải sự phản đối nào, những người Công Giáo tiến bộ đã nắm bắt cơ hội, thúc đẩy sự bất đồng chính kiến nhân danh “tinh thần của Công đồng Vatican II”. Thuật ngữ mơ hồ này được sử dụng rất linh hoạt, đến mức hầu như bất cứ sự sai lệch nào so với thần học luân lý truyền thống đều có thể được che đậy bằng cách đơn giản viện dẫn “tinh thần của Công đồng Vatican II”. Tình hình trở nên hỗn loạn đến mức một linh mục, khi đang giảng đạo, đã đập vỡ tràng hạt, rải những hạt xuống sàn nhà, nói với các tín hữu: “Anh chị em không cần phải đọc điều này nữa.” (18)

Thêm vào sự hỗn loạn này là một làn sóng lớn người đồng tính gia nhập hàng giáo sĩ. “Cùng với tỷ lệ hao hụt của hàng ngàn linh mục rời bỏ chức vụ để kết hôn,” Jason Berry viết, “số

lượng người đồng tính gia nhập đời sống giáo sĩ bắt đầu leo thang. Hàng chục linh mục trên 50 tuổi, ở mọi vùng miền của đất nước, nói với tôi rằng vào những năm 1970, người đồng tính bắt đầu đổ xô vào các chủng viện và tu viện.” (19) Nhiều người trong số họ công khai nổi loạn chống lại giáo huấn của Giáo hội về tình dục, và rất ít người bị khiển trách vì điều đó. Trong mớ hỗn độn này, Giáo hội có một bài học: đừng đặt kỳ vọng quá cao vào cải cách. Nhà khoa học chính trị James Davies đã đưa ra điều mà ông gọi là lý thuyết “đường cong chữ J” về các cuộc cách mạng, và nó có thể áp dụng vào việc Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII đã thành lập một ủy ban gồm các linh mục và giáo dân để cố vấn cho ngài về sự khôn ngoan của giáo huấn của Giáo hội về kiểm soát sinh sản nhân tạo.

Davies lập luận rằng các cuộc cách mạng không xảy ra khi người dân bị áp bức nhất. Thay vào đó, chúng xảy ra khi một thời kỳ cải thiện kinh tế và xã hội mạnh mẽ được theo sau bởi một sự đảo ngược nhanh chóng và đột ngột. Áp dụng vào Giáo Hội Công Giáo, nếu không có ủy ban này, hoặc nếu ủy ban không khuyến nghị thay đổi giáo huấn của Giáo hội, có thể đã có một số bất mãn nhưng những biến động sau đó đã có thể tránh được.

Giáo dục về lệch lạc tình dục cho sinh viên thần học

Năm 1990, tôi xuất hiện trên chương trình Phil Donahue Show, tranh luận về tính phù hợp của một số lớp học về tình dục con người trong các trường đại học, đặc biệt là các khóa học sử dụng sách giáo khoa "*Our Sexuality*" của Robert Crooks và Karla Bauer (các ấn bản mới vẫn đang được sử dụng). Các tác giả đã kiên quyết bác bỏ ý tưởng cho rằng có bất cứ thứ gì gọi là "tình dục lệch lạc". Bất cứ chủ đề là quan hệ tình dục với người chết (ái tử thi), loạn luân, thú dâm [bestiality], hoặc những ám ảnh tình dục như người đồ lót trần của người khác để kích thích tình dục, tất cả những điều này đều có thể được hiểu đơn giản là "tình dục không điển hình [atypical sex]". Tôi không hề biết rằng cuốn sách này là tài liệu bắt buộc đối với một số chủng sinh vào thời điểm đó. (20) Chỉ có thể mô tả điều này là phá hoại.

Một cuốn sách như vậy sẽ có tác động như thế nào đến các chủng sinh? Đối với những người bình thường và không mắc phải chứng rối loạn nào, có lẽ là sự bối rối. Chắc chắn họ được khuyến khích hoài nghi về đạo đức tình dục Công Giáo, và có lẽ một số người đã mắc bẫy. Nhưng đối với những người bối rối về tình dục, và đối với những người có khuynh hướng lệch lạc, đây rõ ràng là một tuyên bố khẳng định, một tuyên bố xác nhận những xung động tồi tệ nhất của họ. Bước nhảy từ bất đồng chính kiến đến thử nghiệm tình dục—bao gồm, đối với một số người, lạm dụng tình dục—chắc chắn đã trở nên dễ dàng hơn.

Có một cuốn sách khác được sử dụng trong các chủng viện chắc chắn gây hại cho những thanh niên đang học để trở thành linh mục. Cuốn sách "*Human Sexuality: New Directions in American Catholic Thought* [Tình dục con người: Những hướng đi mới trong tư tưởng Công Giáo Mỹ]" được viết bởi Cha Anthony Kosnik và bốn cộng sự. Kosnik là thành viên của Liên minh Công Giáo vì Quyền Dân sự của Người Đồng tính và là người phản đối mạnh mẽ các giáo huấn của Giáo hội về tình dục. Ông cho rằng khi đánh giá đạo đức của các hành vi đồng tính luyện ái, chúng ta không thể chấp nhận một cách phản xạ những gì Giáo hội dạy. “Chúng ta không thể chỉ đơn giản cầu xin câu trả lời từ truyền thống hay mặc khải, như thể vấn đề đã được quyết định một lần và mãi mãi bằng sắc lệnh thiêng liêng trên bờ Biển Chết.” (21)

Các chủng sinh được dạy phải bác bỏ quan niệm cho rằng các hành vi đồng tính luyện ái vốn dĩ là xấu xa và thay vào đó coi chúng là trung lập về mặt đạo đức. “Các hành vi đồng tính luyện ái phải được đánh giá dựa trên ý nghĩa quan hệ của chúng”, Kosnik viết. (22) Ông bác bỏ đạo đức tình dục Công Giáo như đã được hiểu qua các thời đại. Thậm chí, ông còn đi xa đến mức đặt

câu hỏi về tính hợp lệ của việc lên án thú dâm, chứ đừng nói đến đồng tính luyến ái. (23) Ông nói rằng tình dục của con người nên “tự giải phóng” và “vui vẻ”. Ông thẳng thắn không kềm gì những gì được tìm thấy trong tạp chí Playboy. “Tâm quan trọng của yếu tố tình dục, tức là ham muốn bản năng về khoái lạc và thỏa mãn, cần được khẳng định và khuyến khích.” (24)

Nếu đây chỉ là một cuốn sách được viết bởi một linh mục bị gạt ra ngoài lề xã hội, thì đó lại là chuyện khác. Trên thực tế, nó được Hội Thần học Công Giáo đặt hàng và đã được Hiệp hội Báo chí Công Giáo trao giải nhất. Hội đồng giám mục đã đưa ra một tuyên bố chỉ trích vào tháng 11 năm 1977, và hai năm sau đó, Thánh Bộ Giáo lý Đức tin đã lên tiếng, nói rằng cuốn sách đã “phổ biến rộng rãi các nguyên tắc và kết luận sai lầm”, do đó trở thành “nguồn gây nhầm lẫn giữa dân Chúa”. (25) Điều này chẳng có ý nghĩa gì đối với những người bất đồng chính kiến. Cuốn sách tiếp tục được sử dụng trong nhiều chủng viện trong suốt những năm 1980 và 1990. (26) Cho đến ngày nay, cuốn sách vẫn được tờ National Catholic Reporter ca ngợi, tờ báo này miêu tả Kosnik như một nạn nhân; ông nói rằng ông là nạn nhân của “sự áp bức”. (27)

Hội Thần học Công Giáo có một lịch sử lâu dài về sự bất đồng chính kiến. Năm 1969, tổ chức này bầu Charles Curran làm chủ tịch, và năm 1997, họ tán thành việc phong chức linh mục cho phụ nữ. (28) Giáo sư James Hitchcock đổ lỗi cho tổ chức này vì đã cô lập những người Công Giáo bảo thủ. “Nhiều người đã bị từ chối bổ nhiệm chính thức, mất việc, thậm chí không bao giờ được tuyển dụng, hoặc bị trừng phạt vì giữ vững giáo lý của Giáo hội, không chỉ trong giới học thuật mà ngay cả trong các cơ quan chính thức của Giáo hội.” (29)

Các học giả trong Hội Thần học Công Giáo phủ nhận rằng những cuốn sách như cuốn sách của Kosnik mà họ đặt hàng có thể bị đổ lỗi cho vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ. Tất nhiên, bản thân cuốn sách của Kosnik không thể bị đổ lỗi, nhưng nói rằng nó không có tác động gì là vô lý. Sách được viết ra để ảnh hưởng đến suy nghĩ và hành vi của người đọc, và điều này đặc biệt đúng với các văn bản được dành cho sinh viên.

Như tôi đã đề cập trong một chương trước, vào năm 2020, một vụ tai tiếng đã nổ ra ở Pháp liên quan đến Gabriel Matzneff, nhà văn đã khoe khoang trong nhiều thập niên về việc quan hệ tình dục với các bé trai chỉ mới tám tuổi, cũng như hàng loạt thiếu nữ và thiếu niên. Giới trí thức Pháp rất ngưỡng mộ ông ta. Nhưng khi thời thế thay đổi, ông ta mất đi vẻ hào nhoáng. Một luật sư làm việc để chống lại nạn ấu dâm đã nhận xét về ảnh hưởng của ông ta: “Chúng tôi biết có những người đàn ông gặp vấn đề về mặt cảm xúc đã biện minh cho hành vi ấu dâm sau khi đọc sách của Matzneff.” (30) Liệu cũng có những chủng sinh và linh mục gặp vấn đề tương tự đã biện minh cho hành vi lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên của họ sau khi đọc sách của Kosnik?

Paul Shanley

Nếu có một trường hợp điển hình về một linh mục lạm dụng tình dục trẻ em lấy cảm hứng từ các văn bản bất đồng chính kiến, thì đó chính là Paul Shanley. Năm 1968, khi đang quan hệ tình dục với một trong những người đàn ông trẻ tuổi của mình, ông ta đã trở thành người ủng hộ mạnh mẽ đạo đức tình huống. “Mọi hành vi, mọi cái gọi là tội lỗi, ông ta nói, đều phải được xử lý riêng biệt và mới mẻ, trong khuôn khổ riêng của nó. Đó là công việc của linh mục, đo lường và cân nhắc, công việc của nhà triết học.” (31) Đó cũng là công việc của kẻ lạm dụng. Sự biện minh của Shanley cho hành vi sẵn mồi của mình chính là những gì Kosnik đã dạy trong cuốn *Tình dục Con người*. Cuốn sách của Kosnik không dạy Shanley điều đó. Việc Shanley nghĩ theo cách này không phải là lý do, mà ngược lại, nó đã xác nhận những suy nghĩ của ông ta, mang lại cho chúng sự khẳng định.

Tổng giám mục Boston, Hồng Y Medeiros, có thể đã có ý tốt khi bổ nhiệm Shanley làm “mục tử cho giới trẻ bị xa lánh trên đường phố” (Shanley và giới truyền thông thích dùng thuật ngữ “mục tử cho người đồng tính”), nhưng đó là một quyết định tồi. Ý tưởng của Shanley về việc phục vụ giới trẻ là hãm hiếp họ.

Theo David France, Shanley tin rằng thẩm quyền là “một điều ác cơ bản”. (32) Tại sao một người như vậy lại chú ý đến những gì giám mục của mình nói, hay những gì Giáo hội dạy? Shanley nói rằng chế độ một vợ một chồng đơn giản là không tự nhiên và phải bị bỏ qua. (33) Đúng như dự đoán, ông ta lên án giáo lý của Giáo hội về đồng tính luyến ái. “Tôi không nghĩ hoạt động tình dục giữa những người cùng giới là vấn đề lớn. Vấn đề là xã hội nói gì và làm gì về nó.” (34) Điều này giải thích cách ông ta hợp lý hóa hành vi quấy rối của mình.

Năm 1970, Shanley rất cởi mở về điều này, viết các bản tin về cuộc chiến của Giáo hội chống lại người đồng tính. Và Hồng Y Medeiros đã làm gì về điều đó? Năm 1973, sau khi nhận được nhiều lời phàn nàn về quan điểm dị giáo của Shanley, ngài đã viết thư cho ông ta nói rằng, “Tôi phải bày tỏ sự quan ngại sâu xa và không tán thành.” (35) Nhưng điều đó chẳng ích gì.

Cũng trong năm đó, Shanley đã đẩy mọi chuyện lên một tầm cao mới. Đây là những gì ông ta nói với một chàng trai trẻ trong một trong những buổi “trị liệu” của mình: “Tôi không quan tâm cha mẹ cậu đã nói gì với cậu. Tôi không quan tâm mục tử của cậu đã nói gì với cậu. Hãy quên tất cả những gì cậu đã học được, hoặc nghĩ là đúng. Đồng tính là tốt”. (36) Chàng trai bối rối và nói với Shanley rằng cậu chưa bao giờ quan hệ tình dục với một người đàn ông trước đây. Shanley khuyên cậu nên đến rạp chiếu phim khiêu dâm đồng tính, nhưng chàng trai nói rằng cậu không thể làm điều đó. Shanley sau đó mời cậu bé quan hệ tình dục với mình. (37)

Vẫn táo bạo như mọi khi, Shanley bắt đầu làm băng cassette về các bài giảng của mình về các nhân đức của đồng tính luyến ái. (38) Năm 1977, cùng năm tác phẩm của Kosnik được xuất bản, Shanley có thể đã học theo Kosnik khi ông nói rằng không có hoạt động tình dục nào gây tổn hại về mặt tâm lý, “ngay cả loạn luân hay thú dâm”. (39) Trong cùng bài phát biểu đó ở Rochester, New York, ông đã đưa ra bài phát biểu ủng hộ ấu dâm khét tiếng của mình, tuyên bố rằng người lớn không phải là kẻ dụ dỗ: “Đứa trẻ mới là kẻ dụ dỗ.”

Vậy ĐHY Medeiros đã làm gì khi một người phụ nữ phàn nàn với ngài? Ngài đã chuyển lời phàn nàn đó cho Giám Mục Phụ Tá Thomas Daily. Và ngài đã làm gì? Ngài đã phớt lờ bà ta. “Quan điểm của Tổng Giáo phận Boston là mặc dù Cha Shanley được hưởng các quyền hạn của Tổng Giáo phận Boston, nhưng chỉ mình ông phải chịu trách nhiệm về bất cứ tuyên bố nào liên quan đến đồng tính luyến ái.” (40)

Năm 1989, Shanley công khai chỉ trích việc sửa đổi hai lời thề mới do Vatican ban hành: Lời Tuyên xưng Đức tin và Lời Thề Trung thành. Và Tổng Giáo phận Boston đã làm gì về điều đó? Họ miễn cho ông khỏi việc tuyên thệ. (41) Shanley nắm quyền, và ông biết điều đó. Giám mục Daily không phải là người duy nhất bỏ qua cho Shanley. Giám mục John McCormack, người đi nghỉ cùng Shanley, biết về những hành vi không chung thủy của Shanley nhưng theo như chúng ta biết, ngài đã không làm gì cả. Ngài cũng cho phép Shanley đi bất cứ nơi nào ông muốn, ngay cả khi điều đó có nghĩa là sao lãng nhiệm vụ của mình. (42) Người duy nhất dám chống lại Shanley là tổng giám mục John O'Connor của New York. Vào giữa những năm 1990, khi Shanley, người đang giữ chức giám đốc tạm quyền của Leo House, một nhà khách ở New York, tìm cách trở thành giám đốc, O'Connor đã nói với tổng giám mục Boston, Hồng Y Law, rằng ông sẽ không chấp nhận ông ta. (43)

Mặc dù Shanley đã làm ô nhục bản thân và Giáo Hội Công Giáo nhiều lần, vẫn có những người bào chữa cho ông ta, đổ lỗi cho những giáo lý của Giáo hội về tình dục là nguyên nhân dẫn đến các vụ cưỡng hiếp hàng loạt của ông ta. Brian McNaught là một nhà hoạt động đồng tính luyến ái đã bị đuổi khỏi chức linh mục vào năm 1974; ông được tờ New York Times biết đến với biệt danh “cha đỡ đầu của việc đào tạo đa dạng đồng tính”. Ngay cả sau khi bị đuổi, ông vẫn gây ảnh hưởng trong số các linh mục đồng tính. Năm 2015, ông đứng về phía Shanley, nói rằng Giáo hội phải chịu trách nhiệm biến con người của mình thành “những kẻ quấy rối, lệch lạc và những cá nhân bị kìm nén, non nớt, ngu dốt và không có chức năng tình dục”.

McNaught đổ lỗi cho “gia đình Công Giáo Ireland bị kìm nén về tình dục” và mười sáu năm học ở trường Công Giáo là nguyên nhân dẫn đến tình trạng của mình. Ông mô tả tình trạng đó là “bị tổn thương”. (44) Rõ ràng, ông chưa bao giờ đặt câu hỏi tại sao hầu hết thanh niên Công Giáo không bao giờ trở nên giống ông hoặc Shanley, kể cả những người (như tôi) được nuôi dưỡng trong các gia đình Công Giáo gốc Ireland và theo học các trường Công Giáo. Nhưng việc không chịu trách nhiệm về hành vi của mình khó có thể là điều bất thường đối với những người như Shanley và McNaught.

Rembert Weakland

Không có giám mục nào chứng minh mối liên hệ giữa sự bất đồng chính kiến và hành vi đồng tính luyến ái tốt hơn tổng giám mục Milwaukee Rembert Weakland. Ngài tiếp quản tổng giáo phận vào năm 1977, và bốn năm sau, ngài tham dự một cuộc họp của Lực lượng Đặc nhiệm Đồng tính Quốc gia. (45) Tổ chức này đang tiến hành một chiến dịch “giáo dục công cộng” về quyền của người đồng tính để huy động các nhà lãnh đạo tôn giáo và thể tục cổ vũ chương trình nghị sự của nó.

Vào những năm 1980, dưới sự hướng dẫn của Đ.C. Weakland, tổng giáo phận đã bắt đầu một loạt các khóa học về giáo dục giới tính. Những nội dung được giảng dạy mang tính khiêu dâm nhiều hơn là khoa học. Trẻ em được dạy rằng “không có đúng và sai” về vấn đề tình dục, còn người lớn được xem những bộ phim có cảnh đàn ông và phụ nữ khóa thân tham gia vào các hành vi tình dục khác nhau. Về vấn đề sau, khi một giáo dân phàn nàn với Đ.C. Weakland, hỏi ngài có nghĩ rằng một bộ phim như vậy tương đương với một dịp phạm tội hay không, ngài trả lời là không. Ngài không trả lời khi người phụ nữ hỏi, “Vậy tại sao chúng ta lại cầu nguyện trong Kinh Lạy Cha ‘và xin đừng để chúng con sa chước cám dỗ?’” Ngoài ra, Đ.C. Weakland nhận được nhiều lời phàn nàn về một khóa học kéo dài bốn tuần có tên “Đồng tính luyến ái và Tác động của nó đến Gia đình”, khóa học này đưa ra “một bài trình bày thực tế, không phán xét về đồng tính luyến ái”. (46)

Đ.C. Weakland cho phép các nhóm đồng tính luyến ái cực đoan tổ chức các cuộc họp trong hội trường giáo xứ và cho phép Cha James L. Arimond, người viết bài cho một tạp chí đồng tính, thuyết giảng về đồng tính luyến ái tại Trung tâm Cousins của tổng giáo phận. Vị này dạy rằng giáo huấn của Giáo hội về đồng tính luyến ái là sai và đồng tính luyến ái thực chất là “hồng phúc thánh của Thiên Chúa”. Đ.C. Weakland chỉ trích chế độ độc thân, ủng hộ nữ linh mục và cho rằng người Công Giáo được phép ủng hộ phá thai. Khi được hỏi trên truyền hình về “quan điểm Công Giáo” của ngài, câu trả lời của ngài rất thẳng thắn: “Quan điểm Công Giáo của tôi? Đó chính là quan điểm của riêng tôi.” (47)

Đ.C. Weakland không những bảo vệ các linh mục ủng hộ đồng tính luyến ái; ngài còn trừng phạt những người tố cáo. Vào tháng 7 năm 1984, ba giáo viên không phải người Do Thái đã viết thư cho ngài về một linh mục phụ tá đang mời các cậu bé đến ở trong phòng ngủ của mình.

Họ cũng phản nản về một linh mục khác “đã ký một văn bản công khai ủng hộ đồng tính luyện ái và đã rao giảng ủng hộ nó từ bục giảng”. Đ.C. Weakland tức giận, không phải với các linh mục lạc giáo, mà với những người tô cáo. Vào ngày 13 tháng 8 năm 1984, ngài đã cảnh báo họ, nói rằng “bất cứ tài liệu phi báng nào được tìm thấy trong thư của các bạn sẽ được các luật sư của chúng tôi xem xét kỹ lưỡng”. Ba giáo viên đã từ chức. Trong khi đó, linh mục phụ tá mà họ phản nản, Cha Dennis Pecore, đang quấy rối tình dục một cậu bé tuổi vị thành niên. Vào ngày 22 tháng 1 năm 1987, Pecore bị buộc tội tấn công tình dục cấp độ hai. (48) Nghiêm trọng hơn nữa là sự thụ động của Đ.C. Weakland trong việc xử lý một trong những linh mục phạm tội tồi tệ nhất trong lịch sử nước Mỹ, Cha Lawrence Murphy. Ông ta bị cáo buộc lạm dụng tình dục khoảng hai trăm cậu bé khiếm thính ở Wisconsin vào những năm 1950. Chính quyền dân sự không được yêu cầu điều tra những tội ác này cho đến giữa những năm 1970; sau một cuộc điều tra, họ đã bỏ vụ án. Đến năm 1996, khi Vatican lần đầu tiên biết đến vụ án Murphy. Họ ngay lập tức ra lệnh xét xử. Murphy chết trong phiên tòa năm 1998, nhưng nhiều câu hỏi vẫn còn bỏ ngỏ.

Đ.C. Weakland được thông báo về Murphy vào năm 1980. Tại sao ngài lại mất mười sáu năm để liên lạc với Vatican? Tại sao Đ.C. Weakland lại tìm cách đổ lỗi một cách bất công cho Hồng Y Ratzinger, nói rằng vị này đã cản trở những nỗ lực giúp đỡ các nạn nhân của Murphy? (49)

Tại sao Đ.C. Weakland không theo đuổi những vụ lạm dụng tình dục này? Tại sao ngài lại thường xuyên xé bỏ các báo cáo về lạm dụng tình dục của các linh mục? Ngài đã xé nát các báo cáo hàng tuần. Đây không phải là vấn đề gây tranh cãi: ngài đã thừa nhận việc này trong một lời khai năm 1993. (50) Tại sao Đ.C. Weakland lại tìm cách làm trệch hướng trách nhiệm khỏi các linh mục lạm dụng tình dục bằng cách đổ lỗi cho các nạn nhân? Ngài nói, “Chúng ta có thể dễ dàng tạo ra ấn tượng sai lầm rằng bất cứ thiếu niên nào có quan hệ tình dục với người lớn tuổi hơn đều làm như vậy mà không có bất cứ mức độ trách nhiệm bản thân nào. Đôi khi không phải tất cả các nạn nhân vị thành niên đều ngây thơ như vậy; một số có thể rất năng động và hung hăng về mặt tình dục và thường khá từng trải.” (51) Chắc chắn việc ngài bác bỏ đạo đức tình dục của Giáo hội đã đóng một vai trò trong những quyết định này, một lần nữa chứng minh mối liên hệ giữa sự bất đồng chính kiến và lạm dụng tình dục.

Sự bất đồng chính kiến của Weakland cũng có thể đã đóng một vai trò trong trường hợp bị cáo buộc lạm dụng tình dục của chính Ông ta. Paul Marcoux, người tình của Weakland, cho biết tổng giám mục đã tấn công tình dục anh ta nhiều lần. Weakland thừa nhận mối quan hệ đồng tính nhưng khẳng định đó là sự đồng thuận. Sau khi điều này được công khai vào năm 2002, Weakland đã nghỉ hưu. Ông thừa nhận đã trả cho Marcoux 450,000 đô la tiền bịt miệng vào năm 1998. Ngay sau khi nghỉ hưu, ông đã đưa ra lời xin lỗi mạnh mẽ tới những người tín hữu, mô tả hành vi của mình là "tội lỗi". Margaret O'Brien Steinfelds, người đã ca ngợi Weakland trên các trang báo của Commonweal, đã buồn vì ông phải nghỉ hưu, nói rằng "cuộc gặp gỡ hai thập niên trước" của ông "có lẽ là một sự thiếu thận trọng, có lẽ là một tội trọng". (52) Bà không chắc chắn.

Hóa ra, Weakland đã dính líu đến nhiều hơn một cuộc gặp gỡ. Trong cuốn hồi ký xuất bản năm 2009, ông thừa nhận đã có một loạt các mối quan hệ đồng tính. (53) Ông cũng nói rằng khi Giáo hội dạy rằng khuynh hướng đồng tính luyện ái là “rối loạn bẩm sinh”, thì đó là việc cổ vũ ngôn ngữ “vô ích, thậm chí có hại”. (54)

Cha Richard McBrien, nữ tu duy nữ Joan Chittister và những người “tiền bộ” khác đã ca ngợi Weakland vì đã viết cuốn hồi ký của mình. (55) Trước khi phát hành, Weakland đã đưa ra hai tuyên bố gây sốc. Ông nói rằng ông không biết việc cưỡng hiếp trẻ em là phạm pháp và dù sao

thì chúng cũng sẽ “vượt qua được”. Tuy nhiên, ông không phải trả giá gì cho điều này trong số những người theo ông một cách trung thành. Ông nói: “Tất cả chúng ta đều coi việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên là một điều xấu xa về mặt đạo đức, nhưng không hiểu được bản chất tội phạm của nó.” Ông nói thêm rằng ông “đã ngây thơ chấp nhận quan điểm phổ biến cho rằng không cần phải lo lắng về ảnh hưởng đối với những người trẻ tuổi: hoặc họ sẽ không nhớ hoặc họ sẽ ‘vượt qua được’”. (56) Nói rằng đây là “quan điểm phổ biến” thì hoàn toàn vô lý. Weakland, giống như Shanley, đã quá sa lầy vào sự bất đồng đến nỗi ông không thể nhìn thấy, hoặc thừa nhận, rằng hành vi của mình là lạm dụng.

Ghi chú

- (1) N. R. Kleinfield, “Sự sa ngã rùng rợn của một linh mục hào nhoáng, trở thành nghi phạm ma túy”, *New York Times*, ngày 20 tháng 2 năm 2013, A1.
- (2) Ibid.
- (3) Neuhaus đã đưa ra nhận xét của mình trong chương trình Meet the Press của NBC ngày 28 tháng 4 năm 2002.
- (4) Thiều các ghi chú 4-7)
- (8) Michael Rose, *Tạm biệt những người đàn ông tốt* (Washington, D.C.: Regnery, 2002), 9-10, 31-32, 40-41, 129-31.
- (9) Ibid., 131.
- (10) James Hitchcock, “Các giám mục bảo thủ, kết quả tự do”, *Catholic World Report* (tháng 5 năm 1995), đăng tại Ignatius Insight, http://www.ignatiusinsight.com/features2005/print2005/hitchcock_bishops_may05.html.
- (11) Cha Robert Altier, “Kẻ thù bên trong”, *Catalyst* (tháng 10) 2018), <https://www.catholicleague.org/the-enemy-within/>.
- (12) Cha Patrick Klekas, “‘Đừng hỏi, đừng nói’ vẫn là quy tắc ở Chủng viện”, *Tạp chí Crisis*, ngày 31 tháng 7 năm 2019, <http://www.crisismagazine.com/2019/dont-ask-dont-tell-is-still-the-rule-in-seminary>.
- (13) Hồng Y Robert Sarah, *Ngày đã qua* (San Francisco: Ignatius Press, 2019), 134-35.
- (14) Kenneth Whitehead, “Bất đồng chính kiến”, trong *Bách khoa toàn thư về Tư tưởng xã hội Công Giáo, Khoa học xã hội và Chính sách xã hội*, tập 1, do Michael Coulter, Stephen Krason, Richard Myers và Joseph Varacalli biên tập (Lanham, Md.: Scarecrow Press, 2007), 311.
- (15) George Weigel, *Lòng can đảm để là người Công Giáo: Khủng hoảng, Cải cách và Tương lai của Giáo hội* (New York: Basic Books, 2002), 68-72.
- (16) George Weigel, “Sự kết thúc của Kỷ nguyên Bernardin”, *First Things* (tháng 2 năm 2011), <http://www.firstthings.com/article/2011/02/the-end-of-the-bernardin-era>.
- (17) Ibid.
- (18) Joseph A. Komonchak, “Giải thích Công đồng: Thái độ của người Công Giáo đối với Vatican II”, trong Mary Jo Weaver và R. Scott Appleby, eds., *Đúng đắn: Người Công Giáo bảo thủ ở Mỹ* (Bloomington, Ind.: Nhà xuất bản Đại học Indiana), 21.
- (19) Jason Berry, *Đừng dẫn chúng con vào cám dỗ* (New York: Doubleday, 1992), 183.
- (20) Rose, *Tạm biệt, những người đàn ông tốt*, 100.
- (21) Anthony Kosnik và cộng sự, *Tình dục con người: Những hướng đi mới trong tư tưởng Công Giáo Mỹ* (New York: Paulist Press, 1977), 200.
- (22) Ibid., 200, 202, 208.
- (23) Ibid., 88.
- (24) Ibid., 92, 95.
- (25) Thánh Bộ Giáo lý Đức tin, *Thư gửi Đức Tổng Giám Mục John R. Quinn, Chủ tịch Hội đồng Giám mục Công Giáo Quốc gia tại Hoa Kỳ* (ngày 13 tháng 7 năm 1979), https://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cfaith/documents/rc_co

n_cfaith_doc_19790713_mons-quinn_en.html.

(26) Cha Matthew Habiger, O.S.B., “Sự ngần ngại của các giáo sĩ Công Giáo khi nói về đạo đức tình dục Công Giáo”, *Catholic News Agency*, tháng 8 năm 2007,

<https://www.catholicnewsagency.com/resources/life-andfamily/sexuality-contraception/reluctance-among-clergy-to-speak-aboutthe-catholic-sexual-ethic>.

(27) Xem Arthur Jones, “Các nhà thần học thấy và trải nghiệm mặt trái của triều đại Giáo hoàng Gioan Phaolô II”, *National Catholic Reporter*, ngày 2 tháng 4 năm 2005,

<http://www.nationalcatholicreporter.org/update/conclave/arthurjones.htm>; Regina Schulte, “Về vấn đề tình dục, hệ thống phẩm trật đã chiếm đoạt toàn bộ chức vụ giảng dạy”, *National Catholic Reporter*, ngày 15 tháng 10 năm 2010,

<https://www.ncronline.org/news/parish/sexuality-hierarchy-has-usurpedentire-teaching-office>.

(28) Robert L. Fastiggi, “Hội Thần học Công Giáo Hoa Kỳ”, trong Michael Coulter và cộng sự, *Bách khoa toàn thư về Tư tưởng Xã hội Công Giáo, Khoa học Xã hội và Chính sách Xã hội*, 1:156.

(29) James Hitchcock, “Sự thất bại của Công Giáo Tự do”, *Catholic World Report*, ngày 15 tháng 5 năm 2011, <http://www.catholicworldreport.com/2011/05/15/the-failure-of-liberalcatholicism>.

(30) Norimitsu Onishi, “Một nhà văn ấu dâm đang bị xét xử. ‘Giới tinh hoa Pháp cũng vậy’”, *New York Times*, ngày 12 tháng 2 năm 2020, A1.

(31) David France, *Kinh Lạy Cha: Cuộc sống bí mật của Giáo Hội Công Giáo* (New York: Broadway Books, 2004), 48.

(32) Ibid., 5.

(33) Ibid., 76.

(34) Ibid., 93.

(35) Ibid.

(36) Ibid., 101.

(37) Ibid., 102.

(38) Ibid., 118.

(39) Matthew L. Lamb, “Thực hành sai lầm thần học”, *National Review*, ngày 3 tháng (10) năm 2002.

(40) France, *Kinh Lạy Cha*, 119-21.

(41) Podles, *Sự phạm thánh*, 129.

(42) Ibid., 166.

(43) Ban điều tra của tờ Boston Globe, *Sự phản bội: Cuộc khủng hoảng trong Giáo Hội Công Giáo* (Boston: Little, Brown, and Company, 2002), 71.

(44) Brian McNaught, “Ai là người phải chịu trách nhiệm cho những người bị dị tật về giới tính?”, *Between the Lines*, ngày 11 tháng 2 năm 2015, <https://pridesource.com/article/75279-2/>.

(45) Enrique Rueda, *Mạng lưới đồng tính luyến ái: Cuộc sống riêng tư và chính sách công* (Old Greenwich, Conn.: Devin Adair, 1982), 248.

(46) Art Moore, “Người Công Giáo học về tình dục từ các môn đệ của Kinsey”, *WorldNetDaily*, ngày 12 tháng 6 năm 2002, <https://www.wnd.com/2002/06/14206/>.

(47) Margaret Joughin, “Hồ sơ Weakland”, *Christian Order* (tháng 8/tháng 9 và tháng 10 năm 1996).

(48) Berry, *Đừng dẫn chúng con vào cám dỗ*, 306.

(49) Cha Raymond J. de Souza, “‘Dấu hiệu của sự ăn năn của chúng ta’: Tên Weakland bị xóa khỏi tòa nhà nhà thờ Milwaukee”, *National Catholic Register*, ngày 2 tháng 4 năm 2019, <https://www.ncregister.com/news/sign-of-ourrepentance-weakland-s-name-expunged-from-milwaukee-churchbuilding>.

(50) Bruce Vielmetti, “Weakland đã xé nát các bản sao báo cáo về lạm dụng tình dục, theo tài liệu”, *Milwaukee Journal Sentinel*, ngày 3 tháng 12 năm 2009,

<http://archive.jsonline.com/news/milwaukee/78431087.html/>.

(51) Michael D'Antonio, *Tội trọng: Tình dục, tội ác và kỷ nguyên tai tiếng Công Giáo* (New York: St. Martin's Press, 2013), 122-23.

(52) Margaret O'Brien Steinfels, "Rembert Weakland", *Commonweal*, ngày 14 tháng 6 năm 2002, 6.

(53) De Souza, "Dấu hiệu của sự ăn năn của chúng ta".

(54) William L. Portier, "Restrung", *Commonweal*, ngày 13 tháng 7 năm 2009, <https://www.commonwealmagazine.org/restrung>.

(55) Hitchcock, "Sự thất bại của Công Giáo tự do".

(56) "Tổng Giám mục Weakland: Tôi không biết lạm dụng trẻ em bởi giáo sĩ là một tội ác", *Catholic Culture*, ngày 19 tháng 5 năm 2009,

<https://www.catholicculture.org/news/headlines/index.cfm?storyid=2965&repos=4&subrepos=2&searchid=2077356>.

Chương 12. Vai trò của các phong trào bất đồng chính kiến có tổ chức

Những người Thệ Phản không hài lòng với giáo phái của mình có thể chuyển sang giáo phái khác, điều này giải thích tại sao có tương đối ít phong trào bất đồng chính kiến có tổ chức trong các giáo hội Thệ Phản. Nhưng đối với những người Công Giáo bất mãn, nhiều người trong số họ vẫn ở nguyên vị trí, có rất nhiều tổ chức bất đồng chính kiến mà họ có thể tham gia. Tất nhiên, họ luôn có thể rời bỏ Giáo hội, và nhiều người đã làm vậy, nhưng đối với các linh mục và nữ tu không hài lòng, một số người thà ở lại và chiến đấu hơn là bỏ cuộc. Họ biết quyền lực nằm ở đâu, và nó không nằm ở giáo hội Thệ Phản chính giòng gần đó.

Năm 1970, tại Đại học Công Giáo Hoa Kỳ, đã có một hội nghị về tôn giáo và đồng tính luyến ái do Tiến sĩ John R. Cavanaugh, một nhà tâm lý học Công Giáo, tổ chức. Những người bất đồng chính kiến và những phần tử cực đoan bên ngoài đã làm gián đoạn chương trình, đưa ra một số yêu cầu. Họ kết luận bằng cách quy trách nhiệm cho “Giáo Hội Công Giáo và định chế tâm thần học về các tội ác chính trị chống lại người đồng tính”. Ví dụ, họ nói, “mỗi vụ tự tử của người đồng tính đều là một vụ ám sát chính trị.” (1) Ủng hộ chương trình nghị sự của họ là Thừa tác vụ New Ways và nhiều tổ chức của các nữ tu, linh mục và tu sĩ bất đồng chính kiến, cũng như Hội Thần học Công Giáo Hoa Kỳ và một số bệnh viện Công Giáo và các chi nhánh cấp tiểu bang của Tổ chức Từ thiện Công Giáo. (2)

Thập niên 1970 được chứng minh là thập niên then chốt nhất trong sự trỗi dậy của hoạt động vận động cho quyền lợi người đồng tính trong Giáo hội. Không phải ngẫu nhiên, đó cũng là thập niên mà các linh mục lạm dụng tình dục hoành hành. Năm 1974, Dayton, Ohio, là nơi diễn ra Hội nghị Quốc gia đầu tiên về Mục vụ Đồng tính, với sự tham dự của nhà hoạt động đồng tính Brian McNaught, Cha Paul Shanley, Cha John O'Neill và Sơ Jeannine Gramick. Cũng trong năm đó, Liên đoàn Hội đồng Linh mục Quốc gia tuyên bố ủng hộ quyền của người đồng tính và chấm dứt các luật hình sự hóa đồng tính luyến ái. (3) Hai năm sau, hàng chục tổ chức Công Giáo, bao gồm nhiều giáo phận và dòng nữ tu, tuyên bố ủng hộ Dignity, một nhóm người đồng tính Công Giáo bác bỏ giáo huấn của Giáo hội về tình dục. (4)

Không tổ chức nào làm nhiều hơn để tập hợp người Công Giáo chống lại đạo đức tình dục của Giáo hội hơn Call to Action. Tổ chức này được thành lập vào năm 1976 bởi Dan và Sheila Daley, lúc đó là một linh mục và một nữ tu. Họ yêu nhau, từ bỏ vai trò của mình và kết hôn. Họ truyền cảm hứng cho một lượng lớn người theo dõi, nhiều người trong số đó là linh mục và nữ tu, và hướng nỗ lực của họ vào việc gây áp lực công khai lên Giáo hội để áp dụng những thay đổi sâu rộng. Họ nhận được sự ủng hộ lớn từ Hồng Y John Dearden của Detroit và Hồng Y Joseph Bernardin của Chicago, cả hai đều thúc đẩy chương trình nghị sự của họ. Dearden chủ trì hội nghị năm 1976, và 64% số người tham dự là nhân viên của Giáo hội. (5) Sự bất đồng chính kiến giờ đây đã trở thành xu hướng chủ đạo trong Giáo Hội Công Giáo.

Năm 1989, tổ chức Call to Action đăng quảng cáo trên các tờ báo khắp cả nước nhằm thu thập một trăm nghìn chữ ký ủng hộ những phản đối của họ đối với giáo huấn của Giáo hội về việc phong chức và tình dục, cũng như yêu cầu sự tham gia nhiều hơn của giáo dân. Hai năm sau, họ chỉ thu được hai mươi một nghìn chữ ký, (6) nhưng tác động của họ vượt xa con số đó.

Năm 1996, Sơ Maureen Fiedler tin chắc rằng bà có thể làm được điều mà Call to Action không thể. Chiến dịch kiến nghị của bà, “Chúng ta là Giáo hội”, nhằm mục đích thu thập một triệu chữ ký của người Công Giáo kêu gọi những thay đổi triệt để trong giáo huấn của Giáo hội về phụ nữ và tình dục. Quỹ Ford đã gửi cho bà hàng triệu đô la thông qua tổ chức Catholics for Choice.

Và Fiedler đã trả cho trẻ em một đô la cho mỗi chữ ký mà chúng thu được. Sau một năm, kết quả đã có: ba mươi bảy nghìn chữ ký đã được thu thập.(7) Bà đã sai lệch tới 96%. Đó lại là một thất bại thảm hại khác. Fiedler đổ lỗi cho giáo dân vì không đủ thông minh để ủng hộ bà. Bà đồng ý với nhận định rằng những người theo chủ nghĩa tiến bộ “đánh giá quá cao sự trưởng thành về thần học Công Giáo và đánh giá thấp lòng mộ đạo của giáo dân Công Giáo”. (8)

Dignity và Thừa tác vụ New Ways là những tổ chức bất đồng chính kiến nổi tiếng nhất ủng hộ chương trình nghị sự của người đồng tính. Họ tự nhận mình là người Công Giáo mặc dù công khai chống lại giáo huấn của Giáo hội về tình dục. Giống như Call to Action, họ được tài trợ hào phóng bởi các nguồn bên ngoài, chẳng hạn như Arcus Foundation, một tổ chức từ thiện cánh tả. (9)

Dignity đã có một số thành công ban đầu trong việc giành được sự ủng hộ bên trong Giáo Hội Công Giáo. Vào cuối những năm 1970, một nhân viên chủ chốt tại Văn phòng Quan hệ Công chúng và Thông tin của hội đồng giám mục là chủ tịch chi nhánh Washington, D.C. của tổ chức Dignity. (10) Năm 1980, các lãnh đạo của tổ chức này đã sắp xếp một cuộc gặp với Tổng Giám mục John Quinn của San Francisco và Giám mục Roger Mahony của Stockton và tuyên bố hài lòng với kết quả. (11) Đầu những năm 1980, Dignity tự hào tuyên bố rằng họ có 1,600 giám mục, linh mục, nữ tu và giáo dân từ Hoa Kỳ ủng hộ. (12) Không có gì đáng ngạc nhiên khi Cha Paul Shanley là linh mục quản nhiệm của chi nhánh Dignity ở New York, cho thấy mối liên hệ giữa sự bất đồng chính kiến và vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ. Ngày nay, Dignity tiếp tục kêu gọi những thay đổi trong Giáo huấn của Giáo Hội Công Giáo về đồng tính luyến ái và tiếp quản chính nghĩa của người chuyển giới, mặc dù vấn đề này không còn thu hút sự chú ý của giới chức Công Giáo như những năm 1970 và 1980, hai thập niên chứng kiến nạn lạm dụng tình dục của giáo sĩ gia tăng. Mối liên hệ này không phải là ngẫu nhiên.

Thừa tác vụ New Ways được thành lập năm 1977 bởi Cha Robert Nugent và Sơ Jeannine Gramick. Theo một tuyên bố năm 2010 của Hồng Y Francis George, khi đó là chủ tịch Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ, “những câu hỏi nghiêm túc đã được đặt ra về việc nhóm này tuân thủ giáo huấn của Giáo hội về đồng tính luyến ái”. (13) Cũng trong năm 1977 đó, Rembert Weakland được tấn phong tổng giám mục Milwaukee, và bốn năm sau, ông đã tổ chức một buổi tĩnh tâm cho tổ chức này.(14) Nugent có mối quan hệ mật thiết với hội đồng giám mục vào đầu những năm 1980, và ông đã khai thác mối quan hệ đó một cách hiệu quả: ông đã viện dẫn nó khi phát biểu ủng hộ đồng tính luyến ái.(15) New Ways cũng thâm nhập vào các chủng viện trong thời gian này, đặc biệt là ở khu vực Washington, D.C., thúc đẩy sự bất đồng chính kiến trong lớp học.(16)

Điều này không làm hài lòng tổng giám mục Washington James Hickey. Ngài đã gửi một bức thư cho tất cả các giám mục Công Giáo, cảnh báo họ rằng nhóm này bác bỏ giáo huấn của Giáo hội chống lại các hành vi đồng tính luyến ái. Tuy nhiên, các linh mục và nữ tu bất đồng chính kiến đã tìm cách làm suy yếu ngài; họ là những người ủng hộ lớn nhất của New Ways và Dignity. (17) Năm 1984, Hickey từ chối cho New Ways bất cứ sự ủy quyền hoặc phê duyệt chính thức nào đối với các hoạt động của tổ chức này và cấm Nugent và Gramick tiếp tục công việc của họ trong tổng giáo phận của ngài. Đồng thời, họ bị cấp trên ra lệnh ngừng ngay lập tức chương trình nghị sự ủng hộ đồng tính luyến ái của họ. Họ từ chức khỏi các vị trí lãnh đạo nhưng vẫn tiếp tục làm việc cho New Ways một cách thách thức. Trên thực tế, vào năm 1997, Nugent là cố vấn cho Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ về tài liệu mục vụ liên quan đến đồng tính luyến ái, *Always Our Children*. (18)

Năm 1999, Bộ Giáo lý Đức tin đã vĩnh viễn cấm Nugent và Gramick tham gia bất cứ hoạt động

mục vụ nào với người đồng tính, nhưng họ vẫn tiếp tục công việc vận động của mình. Chính khi họ công khai chỉ trích Giáo hội vì đã bảo vệ định nghĩa hôn nhân, là giữa một người đàn ông và một người đàn bà, mà Hồng Y George đã đưa ra tuyên bố năm 2010 của mình. Tờ báo này nói rằng “Thừa tác vụ Những Con Đường Mới không được Giáo Hội Công Giáo chấp thuận hay công nhận” và rằng “họ không thể phát ngôn thay mặt cho các tín hữu Công Giáo ở Hoa Kỳ.” (19) Tuy nhiên, điều này vẫn không đủ để ngăn Thừa tác vụ Những Con Đường Mới trao giải thưởng cho Cha James Martin vào năm 2016 vì công việc của ngài với người đồng tính, và chắc chắn cũng không ngăn được Cha Martin nhận giải thưởng đó.

Tờ National Catholic Reporter

Các nữ tu, linh mục và giáo dân bất đồng chính kiến dựa vào tờ National Catholic Reporter để tìm kiếm thông tin. Tờ báo này ảnh hưởng và củng cố quan điểm của các giảng viên cánh tả tại các trường cao đẳng và đại học Công Giáo, cũng như nhiều người làm việc cho Giáo hội. Nhiều tác giả của tờ báo này bác bỏ giáo huấn của Giáo hội về hôn nhân, tình dục, thụ phong linh mục và độc thân của linh mục, và bằng cách đó, họ đã vô tình truyền cảm hứng cho những kẻ lạm dụng tình dục tìm kiếm sự hợp pháp từ các nguồn Công Giáo. Khi những kẻ lạm dụng tình dục đổ lỗi cho các vấn đề tình dục của họ là do giáo huấn đạo đức Công Giáo—điều này thật vô lý—họ tìm thấy sự ủng hộ trên các trang báo của National Catholic Reporter. Trước cuộc bầu cử tổng thống năm 2020, các giám mục đã đưa ra một tuyên bố nói rằng phá thai là vấn đề quan trọng hàng đầu mà người Công Giáo cần xem xét. Nhưng tờ Reporter lại không đồng ý: “Kiểu xuyên tạc thông điệp Tin Mừng và giáo huấn về công bằng xã hội của Giáo hội như vậy là một ví dụ về điều mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô mô tả là một ‘sai lầm tư tưởng có hại’”. Tờ báo này gọi tuyên bố của các giám mục là “một sự ủng hộ trá hình không chỉ đối với Đảng Cộng hòa mà còn đối với chính quyền Trump”. (20) Vấn đề phá thai có ý nghĩa rất nhỏ đối với tờ báo này đến nỗi nó đã trao giải Nhân vật nổi bật của năm 2019 cho Dân biểu Nancy Pelosi, một người ủng hộ mạnh mẽ việc phá thai theo yêu cầu. (21)

Năm 2020, Jamie Manson, người “đã dành hơn một thập niên để thách thức giáo huấn của hàng giáo phẩm về việc phong chức cho phụ nữ, tiếp cận biện pháp tránh thai, phá thai, tự do tôn giáo và các vấn đề LGBTQ”, đã được bổ nhiệm làm chủ tịch mới của Catholics for Choice. (22) Việc bà đã viết chuyên mục cho tờ Reporter trong mười hai năm đã xóa bỏ mọi nghi ngờ về chương trình nghị sự của tờ báo. Không có gì ngạc nhiên khi những kẻ thù của Giáo Hội Công Giáo ca ngợi “sự độc lập” của nó. Tờ National Catholic Reporter được thành lập tại Kansas City, Missouri vào năm 1964. Ngay cả khi đó, nó chỉ mang tên Công Giáo. Giám mục Charles Helmsing của Kansas City—St. Joseph đã nhanh chóng yêu cầu các biên tập viên bỏ từ “Công Giáo” khỏi tiêu đề. Nhưng họ từ chối. Năm 2002, tôi đã tranh luận với Tom Roberts, một trong những biên tập viên hàng đầu của tờ báo, trên truyền hình. Tôi nói: “Những người như Roberts, ở tờ National Catholic Reporter, họ chẳng tin vào bất cứ điều gì Giáo Hội Công Giáo nói về vấn đề tình dục cả, nên dĩ nhiên ông ta không muốn nói về đồng tính luyến ái.” Người điều hành, Mike Barnicle, đã ngắt lời tôi. “Khoan đã, Bill, làm ơn. Tom, nói tiếp đi. Ý tôi là, anh vừa mới bị tát vào mặt, nói tiếp đi.” Roberts đáp lại, “Tôi sẽ không nói tiếp đâu.” (23) Làm sao ông ta có thể? Những gì tôi nói là sự thật không thể chối cãi.

Theo Cha Paul Shaughnessy, Roberts là một trong những nhà phê bình Giáo hội thường xuyên tấn công các giám mục, đe dọa họ không dám lên tiếng về vai trò của đồng tính luyến ái trong vụ tai tiếng. (24) Ngài viết: “Những người theo chủ nghĩa tự do thường từ chối thừa nhận vai trò của chính họ trong việc tạo ra vấn đề linh mục đồng tính, và thường cố gắng đổ lỗi cho người khác.”

Năm 2008, tờ National Catholic Reporter đã chứng minh những người chỉ trích bảo thủ của mình là đúng khi ủng hộ một cuốn sách của hai nhà thần học Công Giáo, *The Sexual Person* (Người có đời sống tình dục). Cuốn sách lập luận rằng giáo huấn của Giáo hội về đồng tính luyến ái, và tất cả các vấn đề khác về tình dục, đều sai; một trong những tác giả đứng đầu khoa thần học tại Đại học Creighton, một trường dòng Tên. Cuốn sách bị Ủy ban Giáo lý của các giám mục đánh giá là “trái với giáo lý Công Giáo”, (25) nhưng Regina Schulte, viết trên tờ Reporter, cho rằng cuốn sách là một nỗ lực “mang đến những hiểu biết của giáo dân về chủ đề tình dục con người”. Sẽ trung thực hơn nếu nói rằng đó là một nỗ lực nhằm phá hoại đạo đức tình dục của Giáo hội. Tiêu đề bài viết của Schulte, “Về tình dục, hàng giáo phẩm đã chiếm đoạt toàn bộ chức vụ giảng dạy”, (26) cho thấy tờ báo đã bác bỏ Giáo huấn của Giáo hội.

Tờ National Catholic Reporter không chỉ đơn thuần thách thức giáo huấn của Giáo hội về tình dục; nó còn đóng vai trò là kênh truyền đạt cho các nữ tu bất đồng chính kiến thuộc Hội nghị Lãnh đạo Nữ tu (LCWR). Sau khi Vatican thông báo vào tháng 1 năm 2009 rằng Thánh Bộ Giáo lý Đức Tin đang tiến hành đánh giá giáo lý của Hội nghị Lãnh đạo Nữ tu, tờ báo này đã trở thành nơi trú ẩn của các nữ tu bất đồng chính kiến và thường xuyên rò rỉ thông tin mật về cuộc điều tra của Vatican. (27) Quỹ Hilton đã chống lại Giáo Hội Công Giáo bằng cách tài trợ cho cả tờ Reporter và Hội nghị Lãnh đạo Nữ tu: có thông tin vào năm 2014 cho rằng quỹ này đã tài trợ cho tờ báo 2.3 triệu đô la để quảng bá hình ảnh tích cực về các nữ tu bất đồng chính kiến. (28)

Các nữ tu bất đồng chính kiến

Quyết định của Vatican về việc đánh giá các vấn đề giáo lý trong số các nữ tu ở Hoa Kỳ không phải là một quyết định bóc lột. Thành thật mà nói, sự bất đồng chính kiến đã là một đặc điểm trung tâm của nhiều dòng nữ tu kể từ những năm 1960. Vai trò của họ trong việc làm suy yếu các giáo huấn của Giáo hội về tình dục, và trong việc tạo ra môi trường thuận lợi cho các linh mục gặp rắc rối, là không thể chối cãi.

Năm 2001, Vatican đã khiển trách Hội nghị Lãnh đạo Nữ tu vì cách giải thích các giáo huấn của Giáo hội về nhiều chủ đề, từ đồng tính luyến ái đến vai trò cứu rỗi của Chúa Giê-su. (29) Đương nhiên, các nữ tu bất đồng chính kiến đã tự nhận mình là nạn nhân, cáo buộc Giáo hội đàn áp. Tuy nhiên, khi diễn giả chính tại hội nghị Hội nghị Lãnh đạo Nữ tu năm 2007, Sơ Laurie Brink, O.P., lưu ý rằng một số dòng nữ tu đã “vượt ra ngoài Chúa Giê-su” để trở thành “hậu Kitô giáo”, thì Rome được mong đợi sẽ làm gì? (30) Khi các nữ tu tự tạo ra phụng vụ của riêng họ, bằng cách thay thế “Nguồn gốc của mọi sự” cho “Chúa Cha” và thay thế “Chúa Con” bằng “Ngôi Lời vĩnh hằng”, rõ ràng là họ đã quyết định rời bỏ Giáo hội. (31) Nhưng thực ra không phải vậy: mặc dù họ đã “vượt ra ngoài Chúa Giê-su”, họ vẫn thoải mái ở lại trong các định chế Công Giáo.

Hội nghị Lãnh đạo Nữ tu tuyên bố có khoảng 1,500 nhà lãnh đạo đại diện cho 80% nữ tu của quốc gia. Hầu hết các nữ tu chỉ đơn giản là phớt lờ bằng câu hỏi của Vatican, và một số người thấy nó sử dụng ngôn ngữ “bạo lực”. (32) Khi báo cáo được công bố vào năm 2012, người ta đã phát hiện ra những sai lầm nghiêm trọng về giáo lý, cũng như những tuyên bố có vấn đề của các thành viên Hội nghị Lãnh đạo Nữ tu. Bản báo cáo chỉ trích Thừa tác vụ New Ways vì đã thúc đẩy chương trình nghị sự của người đồng tính và lên án những người theo chủ nghĩa duy nữ cực đoan vì những tuyên bố của họ về Chúa Giêsu. (33) Đúng như dự đoán, các nữ tu cực đoan cho biết họ rất sùng sốt, và tờ National Catholic Reporter gọi bản báo cáo là một nỗ lực “kiểm soát tư tưởng”. (34) Tờ New York Times cũng lên tiếng, đứng về phía Hội nghị Lãnh đạo Nữ tu. Tờ báo cho biết “phần lớn giáo dân Công Giáo đã bày tỏ sự phẫn nộ” về cuộc điều tra của Vatican.

(35) Điều này hoàn toàn vô lý. Hầu hết người Công Giáo không hề biết rằng có một cuộc điều tra như vậy, và nếu họ biết có bao nhiêu nữ tu đã “vượt ra ngoài Chúa Giêsu”, họ có thể đã tự hỏi tại sao Vatican không điều tra vấn đề này sớm hơn.

Nếu những người Công Giáo trong Giáo hội biết nhiều hơn về những gì đang xảy ra với Hội nghị Lãnh đạo Nữ tu, nhiều người sẽ đứng về phía Raymond Arroyo. Ông nói: “Thay vì một cuộc đàn áp, Vatican đang yêu cầu Hội nghị Lãnh đạo Nữ tu cầu nguyện trở về cội nguồn và lý do thành lập các viện dòng tu của họ. Những tu viện này không được thành lập cách đây 100 đến 200 năm để biểu tình và chống lại giáo lý của Giáo hội hoặc các giám mục.” Họ được thành lập để phục vụ anh chị em một cách trung thành trong toàn xã hội theo tinh thần của Chúa Kitô.” (36)

Những nhận xét của Arroyo không phải là sự phóng đại. George Weigel đã lưu ý đến một điều mà tôi đã chứng kiến tận mắt: “Một số cộng đồng nữ tu Hội nghị Lãnh đạo Nữ tu không còn tham gia Thánh Thể thường xuyên nữa, bởi vì họ không thể chịu đựng được ‘chế độ tở phụ’ của một linh mục nam chủ tế Thánh lễ. Do đó, các buổi lễ Thánh Thể giả do một nhóm phụ nữ cử hành không phải là điều hiếm gặp trong các cộng đồng này.” Weigel cũng chỉ trích Hội nghị Lãnh đạo Nữ tu vì đã tự nhận mình “chỉ là một phiên bản hiện đại hóa của *The Bells of St. Mary’s*”. (37) Các nữ tu bất đồng chính kiến như Elizabeth Johnson, người giảng dạy tại Đại học Fordham, thú nhận rằng họ “sẽ không hề phản đối nếu chúng tôi chỉ đơn giản bỏ đi chữ ‘Ba Ngôi’”. (38)

Sẽ là sai lầm và hoàn toàn không công bằng nếu nói rằng không có những nữ tu tuyệt vời, những người cống hiến bản thân một cách vị tha, giúp đỡ những người cần giúp đỡ và phục vụ Giáo hội với lòng tận tụy và hiệu quả cao. Có rất nhiều dòng nữ tu xuất sắc tiếp tục truyền thống vĩ đại của các nữ tu đã làm rất nhiều công việc cao cả ở Hoa Kỳ và trên toàn thế giới. Tin tốt là các dòng tu có nhiều người bất đồng chính kiến đang sụp đổ, trong khi các dòng tu chính thống vẫn giữ vững vị thế của mình, nếu không muốn nói là đang phát triển, và nhiều dòng tu mới được thành lập gần đây. Theo một nguồn tin, “Những dòng tu thành công thường có một số đặc điểm chung, chẳng hạn như mặc áo dòng, sống và cầu nguyện cùng nhau trong cộng đồng, và trung thành với quyền giảng dạy của Giáo hội.” (39)

Thật không may, như tôi đã chứng kiến nhiều lần hơn tôi muốn nghĩ đến, các nữ tu trung thành thường bị các nữ tu cấp tiến chế giễu và nhạo báng, một số người trong số họ gọi họ là “cành cây khô”. Tương tự, tôi đã gặp những nữ tu mặc áo dòng nghiêm túc giữ lời thề nhưng lại phải chịu đựng sự chỉ trích từ những người chị em đã từ bỏ Công Giáo để thờ cúng ngoại giáo.

Thật vậy, tôi biết một vài phụ nữ đã rời bỏ dòng tu của họ vì những người phụ nữ sống cùng họ khiến việc tuân theo quy tắc sống gần như không thể.

Nếu các nữ tu cấp tiến không bị tha hóa bởi chủ nghĩa duy nữ cực đoan của họ, họ sẽ ca ngợi một người phụ nữ đã đứng lên chống lại các giám mục và để lại dấu ấn trong truyền thông trên toàn thế giới. Nhưng thay vào đó, họ lại căm ghét Mẹ Angelica. Bà là một nữ tu chính thống, và không có chỗ cho những người như bà trong điện thờ các nữ tu của họ. Tương tự, trong khi Thánh Teresa Calcutta được yêu mến trên toàn thế giới vì sự giúp đỡ những người bị tước đoạt, một số nữ tu duy nữ lại không coi trọng bà. Khi tôi yêu cầu chủ sở hữu của Tòa nhà Empire State thắp sáng các tòa tháp của tòa nhà mang tính biểu tượng này bằng màu xanh lam và trắng để tôn vinh việc kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Thánh Teresa, Liên minh Phụ nữ vì Thần học, Đạo đức và Nghi lễ cùng Liên minh Quốc gia các Nữ tu Hoa Kỳ đã ký một bức thư ủng hộ chủ sở hữu, người đã từ chối tôi (cũng chính là người đàn ông tôn kính kẻ giết người hàng loạt Mao

Trạch Đông). (40)

Các nữ tu bất đồng chính kiến đã góp phần vào vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ bằng cách truyền bá một thông điệp dị giáo về các vấn đề tình dục, điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho các linh mục bệnh hoạn. Những lời phản nân của các nữ tu về “chế độ tổ phụ áp bức” đã củng cố cho những kẻ lạm dụng tuyên bố rằng các thẩm quyền Giáo hội và đạo đức Công Giáo đã gây ra các vấn đề tình dục của họ.

Trước khi tội ác của ông ta bị phơi bày, Cha Paul Shanley là người được nhiều người Công Giáo tiến bộ yêu mến, những người đang thúc đẩy Giáo hội chấp nhận hành vi đồng tính luyến ái. Sor Jeannine Gramick cho rằng Shanley đã “thúc đẩy bà tham gia hoạt động”.(41) Năm 2005, sau khi bày tỏ sự kinh hoàng trước hành vi lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên của Shanley, Gramick nói với tờ National Catholic Reporter rằng bà “đau buồn vì người đàn ông này mà tôi đã không gặp trong gần như 20 năm, nhưng tôi đã tán dương những nguyên tắc và sự bênh vực của ông ấy dành cho những người bị áp bức trong ba thập niên”. (42)

Nhà báo Maureen Orth đã phản hồi lại lời bào chữa đáng xấu hổ của Gramick, kể lại rằng chín nạn nhân của Shanley mà bà đã phỏng vấn giải thích cách vị linh mục hippie hướng dẫn họ “sử dụng” cơ thể của ông ta. Orth chỉ ra rằng Gramick chưa bao giờ nói chuyện với bất cứ nạn nhân nào của Shanley. (43) Mặc dù nhiều người Công Giáo tiến bộ đã xa lánh Gramick sau sự việc này, Cha James Martin không chỉ đón nhận bà mà còn tuyên bố vào năm 2017 rằng ông muốn “phong thánh” cho bà. (44)

Tôi chưa bao giờ nghe thấy một người bất đồng chính kiến nào liên kết sự bất đồng giáo huấn của Giáo hội với hành vi quấy rối tình dục của các linh mục. Tôi chỉ nghe thấy những người bất đồng chính kiến đổ lỗi cho những người Công Giáo bảo thủ vì đã bảo vệ đạo đức tình dục truyền thống. Nhưng những người như Shanley trong Giáo hội đã không lấy cảm hứng từ những người bảo thủ. Không, họ tìm thấy chúng trong lời nói của những người thách thức giáo huấn của Giáo hội, bao gồm cả những người trên các trang của National Catholic Reporter, tờ báo đã ca ngợi Shanley ít nhất ba lần vì sự bênh vực của ông, ngay cả sau khi tội ác của ông ta bị phơi bày. (45)

Giáo dục Công Giáo

Năm 1975, khi tôi đang dạy học tại trường St. Lucy ở Spanish Harlem, hiệu trưởng đã yêu cầu tôi đại diện cho trường tham dự một cuộc họp của các nhà giáo dục trên toàn Tổng giáo phận New York. Lúc đó tôi đang dạy tôn giáo và nghiên cứu xã hội ở trường tiểu học. Có sáu mươi chín nhà giáo dục tham dự cuộc họp (tôi là một trong số ít người), mục đích là để cải thiện việc giảng dạy Công Giáo cho học sinh. Tôi giơ tay, đứng lên, cầm một cuốn sách giáo khoa tôn giáo trên tay và nói rằng thật không dễ để dạy tôn giáo khi trong sách không có tôn giáo nào cả. Tất cả những gì nó nói chỉ là tình yêu và lòng tốt, với những bức ảnh những người theo phong trào hippie trong thùng rác vấy biểu tượng hòa bình. Tôi nói, hầu như không có gì trong cuốn sách mà bất cứ người vô thần nào không thể chấp nhận được. Cả căn phòng bùng nổ: khoảng một nửa ủng hộ, và một nửa thì không. Sau đó, tôi được bầu làm chủ tịch ủy ban giáo dục tôn giáo của tổng giáo phận.

Sau khi rời trường St. Lucy để nhận vị trí tại trường La Roche College, một trường đại học nhân văn do các Nữ tu Chúa Quan Phòng điều hành, tôi đã tham dự các buổi tham quan trường; đây là những cơ hội để sinh viên tương lai và phụ huynh của họ gặp gỡ giảng viên và các nhà quản lý. Tôi chưa bao giờ nghe thấy từ "Công Giáo" được nhắc đến nhiều lần hơn tại những biến cố

này (các nhà quản lý theo chủ nghĩa duy nữ muốn thu hút sự ủng hộ của các bậc phụ huynh đang cầm sổ ngân phiếu của họ). Thật vậy, khi tôi tham gia các ủy ban tìm kiếm để chọn một giảng viên mới, hiệu trưởng và trưởng khoa học thuật đã nói rõ rằng họ không muốn thuê một người "quá Công Giáo". Thực tế là, khi nữ tu giữ chức hiệu trưởng tuyên bố rời trường, tôi đã phải đấu tranh rất vất vả để tìm được một vị giám chức thay thế: bà ấy không muốn thuê một linh mục, mà thích một phụ nữ thuộc Giáo hội Trưởng lão hơn.

Cha Joseph Fessio, S.J., người sáng lập và biên tập viên của Ignatius Press, cho biết 90% các nhà thần học tại các trường đại học Công Giáo không chấp nhận giáo lý Công Giáo về tình dục và chức linh mục. (46) Tôi xin bổ sung thêm rằng một bộ phận lớn giảng viên và quản trị viên tại các trường cao đẳng và đại học Công Giáo có thái độ thù địch với giáo lý Công Giáo về hôn nhân, gia đình và tình dục. Họ làm được điều này vì các ứng viên quản trị viên và giảng viên có nhiều khả năng được sàng lọc về cam kết của họ đối với chủ nghĩa đa văn hóa và hai nguyên tắc song hành về tính bao dung và đa dạng hơn là lòng trung thành của họ với giáo lý Công Giáo.

Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI nhận xét rằng “thần học luân lý Công Giáo đã sụp đổ, khiến Giáo hội không có khả năng tự vệ” trước những thay đổi trong xã hội liên quan đến tình dục. (47) Thay vì chống lại những xu hướng suy đồi nhất ở phương Tây, quá nhiều cơ sở giáo dục đại học Công Giáo đã chấp nhận chúng, tạo cơ cho các linh mục lạm dụng tình dục nhằm hợp pháp hóa hành vi của họ.

Các trường cao đẳng và đại học Công Giáo ngày càng trở nên ít Công Giáo và thế tục hơn bắt đầu từ giữa những năm 1960. Năm 1965, Đạo luật Giáo dục Đại học đã cung cấp nguồn tài trợ mới đáng kể cho các cơ sở giáo dục đại học, bao gồm cả các cơ sở tôn giáo. Nhiều nhà quản lý Công Giáo nhanh chóng kết luận rằng để nhận được tài trợ của liên bang, họ buộc phải thế tục hóa trường học của mình. Sự thật là họ đi đến kết luận này vì mong muốn hơn là nghĩa vụ.

Xu hướng thế tục hóa của các cơ sở Công Giáo lại được thúc đẩy mạnh mẽ hơn vào năm 1967, khi hai mươi sáu nhà giáo dục Công Giáo gặp nhau tại thị trấn Land O’ Lakes, Wisconsin. Nhiều viện trưởng của các trường cao đẳng và đại học Công Giáo lớn đã tham dự, cam kết thực hiện những cải cách lớn đồng thời khẳng định rằng “để thực hiện hiệu quả các chức năng giảng dạy và nghiên cứu, trường đại học Công Giáo phải có quyền tự chủ thực sự và tự do học thuật trước bất cứ quyền lực nào, dù là thế tục hay giáo sĩ, bên ngoài cộng đồng học thuật.” (48)

Quyền tự chủ mà các trường đại học coi trọng nhất là sự độc lập khỏi Giáo Hội Công Giáo. Họ chắc chắn không ngại việc tuân phục các tổ chức kiểm định giáo dục đại học bên ngoài. Kenneth Whitehead, một học giả Công Giáo nổi tiếng và quan chức giáo dục chính phủ trong chính quyền Reagan, đã tóm tắt những gì đã xảy ra: “Kết quả là hầu hết các trường cao đẳng và đại học Công Giáo ở Mỹ đã trở thành những tổ chức thế tục hóa, chỉ còn là Công Giáo trên danh nghĩa.” (49)

Khi tình hình trở nên tồi tệ hơn, Giáo hội, vốn luôn chậm chạp trong việc phản ứng, đã ban hành Bộ luật Giáo luật mới vào năm 1983. Một trong tám điều luật mới là tuyên bố rằng không trường đại học nào có thể tự xưng là “trường đại học Công Giáo” mà không nhận được sự đồng ý của cơ quan giáo hội có thẩm quyền và những người giảng dạy thần học phải có một ủy nhiệm (gọi là *mandatum*) để đảm bảo sự trung thành với giáo huấn của Giáo hội. Đúng như dự đoán, hầu hết các trường đại học Công Giáo đã phản đối, từ chối hợp tác.

Năm 1990, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II ban hành *Ex Corde Ecclesiae*, một văn kiện công nhận “quyền tự chủ định chế” và “tự do học thuật” của các trường Công Giáo, đồng thời nhấn

manh rằng đây không phải là những nguyên tắc tuyệt đối và “phải được bảo tồn trong giới hạn của chân lý và lợi ích chung”. Mãi đến năm 1999, các giám mục Hoa Kỳ mới chính thức phê chuẩn văn kiện này. (50) Đến lúc đó, đã quá muộn để tạo ra tác động thực sự.

Nếu có một người nào đó trong nền giáo dục Công Giáo chịu trách nhiệm nhiều hơn cho việc thể tục hóa các trường Công Giáo, thì đó chính là cha Theodore Hesburgh, viện trưởng lâu năm của Đại học Notre Dame. Ông đã tạo dấu ấn từ sớm khi trở thành thành viên có ảnh hưởng nhất trong cộng đồng các nhà giáo dục ở Land O' Lakes. Cha Hesburgh lập luận rằng các trường Công Giáo sẽ “mất rất nhiều trợ cấp của chính phủ nếu chúng ta tuân theo mệnh lệnh của Giáo hội”. Ông tin chắc rằng “quyền tự chủ định chế là điều thiết yếu cho sự hỗ trợ của liên bang.” Nhưng, như Whitehead đã chỉ ra, quan điểm này không phải do chính phủ áp đặt. Thay vào đó, nó thể hiện cách hiểu của Hesburgh về các yêu cầu để được hỗ trợ tài chính liên bang. (51) Dù sao đi nữa, quan điểm của Hesburgh đã được các viện trưởng của các trường cao đẳng và đại học Công Giáo trên toàn quốc chấp nhận và trích dẫn.

Tại sao Hesburgh lại đi đến kết luận này? Người viết tiểu sử của ông, học giả của Đại học Notre Dame, Cha Wilson “Bill” Miscamble, cho rằng đó là do một nhu cầu rất phổ biến của các nhà lãnh đạo Công Giáo: mong muốn được giới tinh hoa thể tục khẳng định. Miscamble nói: “Mong muốn được là một phần của giới tinh hoa quyền lực và ảnh hưởng đã ảnh hưởng đến cách ông lãnh đạo Notre Dame cũng như những lý tưởng mà ông theo đuổi”. Ông hỏi, “Liệu có thể nói rằng ngài đã quá quỳ gối trước thế giới không?” (52) Công bằng mà nói, không ai, kể cả Miscamble, phủ nhận vai trò của Hesburgh trong việc biến Notre Dame thành một tổ chức học thuật hàng đầu, và trường vẫn tuyển dụng một số học giả Công Giáo tận tâm nhất trong cả nước.

Nếu có một nhóm các trường cao đẳng và đại học Công Giáo được điều hành bởi những người háo hức lấy lòng giới tinh hoa thể tục, thì đó chính là nhóm các trường này. Trong giới tinh hoa thể tục, các trường học do Dòng Tên điều hành lại trở nên chào đón nhất các giảng viên và quản lý bất đồng chính kiến. Cũng không phải là bí mật gì khi Dòng Tên đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ. Những yếu tố này không độc lập với nhau. Để dẫn chứng một ví dụ, hãy xem xét những gì một sinh viên tại Trường Thần học Dòng Tên ở Berkeley đã nói về trải nghiệm của mình: “Thái độ của các tu sĩ Dòng Tên ở đây là ‘Chúng ta cần khẳng định cuộc sống đồng tính.’” Trường đã thực hiện lời hứa của mình bằng cách cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ cho các khóa học “tâm linh đồng tính”. (53) Đối với một sinh viên bình thường, việc tiếp xúc với các khóa học này khó có thể dẫn đến hành vi lệch lạc, nhưng đối với một thanh niên vốn đã gặp nhiều rắc rối, những trải nghiệm như vậy có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng hơn.

Trong số những nhà trí thức bất đồng chính kiến đầu tiên của Dòng Tên trong thời hiện đại có John J. McNeill, người nhận bằng Tiến sĩ từ Đại học Công Giáo Leuven ở Bỉ năm 1964. Là một người đồng tính, ông đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập Dignity, một nhóm Công Giáo bất đồng chính kiến đồng tính. Năm 1976, ông xuất bản cuốn sách "*Giáo Hội và Người Đồng Tính*", trong đó bác bỏ đạo đức tình dục của Công Giáo, đặc biệt là về đồng tính luyến ái. Vatican đã thu hồi sự chấp thuận đối với cuốn sách này hai năm sau đó. Năm 1986, Cha McNeill đã phản đối bức thư của Hồng Y Joseph Ratzinger gửi các giám mục về việc chăm sóc mục vụ cho người đồng tính, trong đó ngài gọi đồng tính luyến ái là "một rối loạn khách quan". Cuối cùng, vào năm 1988, Rome đã yêu cầu McNeill từ bỏ chức vụ của mình; sau đó ông bị đuổi khỏi Dòng Tên. (54)

Nếu McNeill chỉ đơn thuần là một linh mục phản bội, thì thậm chí có thể không đáng nhắc đến

ông trong một cuộc thảo luận về mối liên hệ giữa sự bất đồng chính kiến và lạm dụng tình dục của linh mục. Nhưng thực tế không phải vậy. Sau khi cuốn sách năm 1976 của ông được phát hành, trong đó ông nói rằng "vấn đề nghiêm trọng nhất ở đây là lời kêu gọi các linh mục phải khiết tịnh", (55) một tuyên bố bảo vệ ông đã được đưa ra bởi các nhà thần học Công Giáo nổi tiếng, bao gồm Cha Richard McBrien của Đại học Notre Dame, Daniel McGuire của Đại học Marquette và Cha Charles Curran của Đại học Công Giáo Hoa Kỳ. Họ đã chỉ trích Vatican vì đã mạnh tay trấn áp, lại thích bám lấy vị linh mục nói rằng Chúa Kitô được thể hiện qua phong trào đồng tính luyến ái. (56)

Hãy nghĩ xem điều này diễn ra như thế nào trong thực tế. Nếu việc cho rằng các linh mục nên giữ khiết tịnh là không công bằng và nếu đúng là Chúa Kitô sẽ hài lòng với phong trào đồng tính luyến ái, thì lòng trung thành với đạo đức tình dục Công Giáo sẽ không phải là một mệnh lệnh của linh mục. Điều này chẳng phải sẽ khuyến khích những linh mục bị thu hút tình dục bởi các nam thanh niên sao?

Các nhà giáo dục Công Giáo chỉ trích các giám mục vì vai trò của họ trong vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ cần phải tự xem xét lại bản thân. Bằng cách dung túng, nếu không muốn nói là kích động, sự bất đồng chính kiến trong khuôn viên trường, đặc biệt là về các vấn đề tình dục, họ đã tạo điều kiện dễ dàng hơn cho các linh mục bác bỏ những giáo lý này biện minh hoặc bào chữa cho hành vi sẵn có, trong một số trường hợp là của chính họ. Đó có thể không phải là ý định của những giảng viên bất đồng chính kiến này, nhưng họ không thể trốn tránh trách nhiệm về những tín hiệu mà họ gửi đến các linh mục đang gặp rắc rối.

Vai trò của các nhà hoạt động bên ngoài

Năm 1953, Bella Dodd, một người nhập cư từ Ý, đã làm chứng trước một ủy ban quốc hội về công việc của bà với Đảng Cộng sản. Bà không còn là thành viên của đảng và đã trở lại Giáo Hội Công Giáo (ĐC Fulton Sheen, khi đó là một giám mục, đóng vai trò quan trọng trong việc bà trở lại). Bà nói rằng những nỗ lực của bà nhằm làm suy yếu Hoa Kỳ là để phá hoại Giáo Hội Công Giáo. Trong thời gian hoạt động trong đảng, bà nói với ủy ban rằng, "hơn 1,100 người đã được đưa vào hàng giáo sĩ để phá hủy Giáo hội từ bên trong". Người ta hy vọng rằng một số người trong số họ sẽ trở thành giám mục, thậm chí là cha xứ. Bà đã khiến các nghị sĩ kinh ngạc khi thừa nhận rằng "ngay bây giờ họ đang ở những vị trí cao nhất trong Giáo hội". Vài năm sau, bà thú nhận rằng có bốn Hồng Y trong Vatican "đang làm việc cho những người Cộng sản". (57)

Những người Cộng sản không chọn Giáo Hội Công Giáo một cách ngẫu nhiên. Họ biết rằng nếu muốn phá hủy các quyền tự do kinh tế và chính trị vốn có trong xã hội Mỹ, họ phải nhắm vào các trụ cột của nó, và điều đó chắc chắn bao gồm Giáo Hội Công Giáo—và gia đình. Ngay cả trước khi những người Cộng sản xuất hiện, những kẻ tìm cách làm suy yếu nền văn minh phương Tây luôn nhắm vào văn hóa Do Thái-Kitô giáo của nó, và mục tiêu hàng đầu của họ là hôn nhân và Giáo Hội Công Giáo.

Dodd chỉ là một ví dụ về những kẻ đã thâm nhập vào Giáo Hội Công Giáo với ý định phá hủy nó. Phương thức hoạt động của họ là kích động sự bất đồng trong Giáo hội, chứng tỏ rằng đây không hoàn toàn là vấn đề của các thế lực nội bộ; những người bên ngoài cũng đóng vai trò trong việc cổ vũ điều đó. Những người bên ngoài đó thường là các nhà hoạt động như Dodd, nhưng họ thường được truyền cảm hứng bởi các trí thức đã chấp nhận các triết lý và hệ tư tưởng vô thần. Những người sau này đã tìm cách chia rẽ Giáo hội từ lâu, bắt đầu từ thời Khai sáng, mặc dù các nhà hoạt động đương thời phối hợp và tinh vi hơn nhiều. Nếu có một nhà trí thức

nào chịu trách nhiệm lớn nhất trong việc khơi dậy tinh thần hoạt động chống lại Giáo hội, thì đó chính là nhà Mác-xít người Ý đầu thế kỷ XX, Antonio Gramsci. Trong khi Marx hướng đến giai cấp công nhân nhà máy thành thị, giai cấp vô sản, để thực hiện cuộc cách mạng nhằm lật đổ chủ nghĩa tư bản, Gramsci lại ủng hộ cách tiếp cận văn hóa. Ông cho rằng chỉ bằng cách kiểm soát các trung tâm chỉ huy văn hóa như giáo dục, truyền thông và các định chế tôn giáo, thì việc lật đổ trật tự hiện hữu mới có thể thành công. Ông viết: “Trong trật tự mới, chủ nghĩa xã hội sẽ chiến thắng bằng cách trước tiên nắm bắt văn hóa thông qua việc thâm nhập vào các trường học, đại học, nhà thờ và phương tiện truyền thông bằng cách biến đổi ý thức của xã hội.” (58)

Gramsci lập luận rằng mục tiêu bá quyền văn hóa của ông sẽ diễn ra thông qua một “cuộc trường chinh” len lỏi vào mọi ngóc ngách của xã hội. Ông tin chắc rằng để thành công, Giáo Hội Công Giáo phải được biến đổi triệt để. Ông muốn thâm nhập vào Giáo hội để truyền bá những ý tưởng làm suy yếu các giáo lý truyền thống của Giáo hội. Ông tin rằng bằng cách thúc đẩy sự bất đồng chính kiến trong hàng ngũ giáo sĩ, ông sẽ khởi động sự sụp đổ cuối cùng của Giáo hội.

Năm 2008, các nguồn tin từ Vatican tiết lộ rằng Gramsci, người đã sáng lập Đảng Cộng sản ở Ý, đã trở lại Công Giáo trên giường bệnh vào năm 1937; ông thậm chí còn nhận các bí tích trước khi chết. Những người theo ông không hề nao núng, cho rằng phương pháp bá quyền văn hóa của Gramsci đã được những người theo chủ nghĩa duy nữ tiếp nhận và sử dụng hiệu quả để thúc đẩy quyền phá thai và chương trình nghị sự đồng tính luyến ái. (59)

Tại Hoa Kỳ, không có nhà hoạt động bên ngoài nào có ảnh hưởng lớn hơn đến Giáo Hội Công Giáo hơn Saul Alinsky. Alinsky sinh ra ở Chicago năm 1909 trong một gia đình Do Thái Chính thống, và ông trở thành người bất khả tri vào năm 1926. Được coi là môn đệ của Gramsci, ông tìm cách thay đổi xã hội một cách triệt để từ bên trong các định chế văn hóa của nó. Là cha đẻ của “tổ chức cộng đồng”, ông đã dành cả đời để thành lập “các tổ chức nhân dân” có thể đưa ra những yêu cầu hiệu quả đối với các chủ nhân, chủ đất và các nhà lãnh đạo chính phủ. (60) Cuối cùng, những người không hài lòng với giáo lý của Giáo hội đã noi theo gương ông và thành lập các nhóm tương tự để đưa ra yêu cầu đối với các nhà lãnh đạo Giáo hội.

Mặc dù chưa bao giờ gia nhập Đảng Cộng sản, Alinsky đã làm việc với nhiều người Cộng sản và nói tích cực về những nỗ lực của họ trong số những người bị áp bức. Giống như nhiều người trong số họ, Alinsky tin rằng “mục đích biện minh cho hầu hết mọi phương tiện”. Tương tự, ông tin rằng “chân lý là tương đối và thay đổi”. (61)

Alinsky đã lấy lòng các thành viên của giáo sĩ Công Giáo khi ông hợp tác với Joseph Meegan để thành lập *Hội đồng Khu phố Back of the Yards* (BYNC) vào năm 1939. (62) Anh trai của Meegan là một linh mục và là thư ký của Giám Mục Phụ Tá Bernard Sheil. Tin rằng sứ mệnh của BYNC phù hợp với giáo lý xã hội Công Giáo, Sheil đã chúc phúc cho nó và giữ chức chủ tịch danh dự. Ông mô tả tác phẩm năm 1946 của Alinsky, *Reveille for Radicals*, là “một cuốn cẩm nang cứu mạng cho sự cứu rỗi của nền dân chủ”. (63)

Một giáo sĩ khác ở Chicago chịu ảnh hưởng của Alinsky là Đức ông John Egan, “người có công trình nghiên cứu về các vấn đề quyền công dân, thay đổi khu phố và nghèo đói đã định hình các nỗ lực của Giáo hội trong những lĩnh vực đó trên toàn quốc”. (64) Cha Egan đã làm việc trong tổ chức Catholic Action khi một bức thư năm 1954 từ Jacques Maritain giới thiệu ông với Alinsky. (65) Bắt đầu từ năm 1958, Cha Egan điều hành Văn phòng Các vấn đề Đô thị của Tổng giáo phận Chicago, và cha đã hợp tác chặt chẽ với Alinsky để tổ chức các nhóm có thể giải quyết các vấn đề về nhà ở, hội nhập và các vấn đề khác ở khu vực nội thành. Sự hợp tác

của họ “đã đặt nền móng cho những gì hiện nay là một mô hình quốc gia về các dự án tổ chức cộng đồng dựa trên các liên minh liên tôn giáo của các giáo đoàn”. (66) Egan đã sử dụng quỹ của giáo phận để chi trả cho ba tổ chức của Alinsky ở Chicago vào những năm 1960 và là “người đầu tiên phát triển việc tổ chức cộng đồng như một sứ mệnh và chức năng chính thức của đời sống giáo phận”. (67) Chính Egan là người đã yêu cầu Alinsky giải thích các chiến thuật tổ chức cộng đồng của ông trong cuốn sách *Rules for Radicals* [Quy tắc cho những người cấp tiến]. Trong đó, Alinsky thừa nhận “người cấp tiến đầu tiên được biết đến trong lịch sử loài người đã nổi dậy chống lại định chế và làm điều đó hiệu quả đến mức ông ta ít nhất đã giành được vương quốc của riêng mình —Lucifer.” (68)

Đến năm 1976, hoạt động theo kiểu Alinsky đã trở thành xu hướng chủ đạo trong Giáo Hội Công Giáo. Năm đó, Hội nghị Giám mục Công Giáo Quốc gia đã triệu tập Hội nghị Kêu gọi Hành động để giúp thực hiện mệnh lệnh của Công đồng Vatican II đối với giáo dân trong việc đấu tranh cho công lý trên thế giới, và Đức ông Egan đồng chủ trì các phiên họp toàn thể. Từ ngày 21 đến 23 tháng 10, khoảng 1,300 đại biểu, linh mục, tu sĩ và giáo dân từ 152 giáo phận, cùng với 1,100 quan sát viên từ khắp cả nước, đã gặp nhau tại Detroit để thảo luận về nạn phân biệt chủng tộc, phân biệt giới tính và nghèo đói trong xã hội hiện đại. Khi hội nghị kết thúc, đại hội tuyên bố rằng để giải quyết những vấn đề này “một cách đáng tin cậy, Giáo hội phải đánh giá lại lập trường của mình về các vấn đề như độc thân cho linh mục, giáo sĩ chỉ dành cho nam giới, đồng tính luyến ái, kiểm soát sinh sản và sự tham gia của mọi bình diện trong Giáo hội vào các quyết định quan trọng.” (69)

Đức Hồng Y John Krol, tổng giám mục Philadelphia, tuyên bố, “Những kẻ nổi loạn đã chiếm lấy hội nghị của chúng ta.” (70) Thật đáng kinh ngạc khi nghĩ rằng Alinsky có thể thâm nhập vào Giáo hội nhiều đến vậy. Hầu hết thành công của ông diễn ra vào những năm 1970, khi Giáo hội đang trong tình trạng hỗn loạn và lạm dụng tình dục của giáo sĩ tăng vọt. Alinsky qua đời năm 1972, một năm sau khi cuốn *Rules for Radicals* được xuất bản, vì vậy ông không sống để chứng kiến mức độ hiệu quả của mình trong việc gây ra sự tàn phá.

Ghi chú

(1) Enrique Rueda, *Mạng lưới đồng tính luyến ái: Đời sống riêng tư và chính sách công* (Old Greenwich, Conn.: Devin Adair, 1982), 325.

(2) Ibid., 326.

(3) David France, *Cha chúng ta: Đời sống bí mật của Giáo Hội Công Giáo trong thời đại tai tiếng* (New York: Broadway Books, 2004), 111-13.

(4) Rueda, *Mạng lưới đồng tính luyến ái*, 338-40.

(5) *Lời kêu gọi hành động: 25 năm tâm linh và công lý, bản tin kỷ niệm Lời kêu gọi hành động*, tháng 10 năm 2001.

(6) Peter Steinfels, “Các giám mục và những người theo chủ nghĩa tự do chia rẽ về chương trình nghị sự”, *New York Times*, ngày 11 tháng 11 năm 1991, A10.

(7) Jay McNally, “Cuộc trưng cầu dân ý ‘Chúng ta là Giáo hội’ là một thất bại lớn, Sr.Fiedler thừa nhận”, *Wanderer*, ngày 27 tháng 11 năm 1997, trang 6.

(8) David Morrison, “Chúng ta là Giáo hội: ‘Có vẻ như đó là một ý tưởng hay’”, *Our Sunday Visitor*, ngày 7 tháng 12 năm 1997, trang 21.

(9) Steve Warner, “Các tổ chức từ thiện Công Giáo bất đồng chính kiến: Thay đổi điều không thể thay đổi”, *Capital Research Center*, ngày 12 tháng 12 năm 2017, <https://capitalresearch.org/article/dissenting-catholic-charities-1/>.

(10) Gabriele Kuby, “Lạm dụng: ‘Đừng để lòng bạn phiền muộn’”, *LifeSiteNews*, ngày 20 tháng 2 năm 2019,

https://www.lifesitenews.com/wpcontent/uploads/2021/03/Abuse_by_Gabriele_Kuby.pdf.

(11) Rueda, *Mạng lưới đồng tính luyến ái*, 323-24.

(12) Ibid., 330.

(13) “Chủ tịch Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ làm rõ tình trạng của Bộ New Ways”, ngày 12 tháng 2 năm 2010, Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ,

<https://www.usccb.org/news/2010/usccb-president-clarifies-status-newways-ministry>.

(14) Rueda, *Mạng lưới đồng tính luyến ái*, 353-54.

(15) Ibid., 308.

(16) Ibid., 293.

(17) Ibid., 359.

(18) Kevin Eckstrom, “Cha Bob Nugent, bị bịt miệng vì công việc của ông với người Công Giáo đồng tính, qua đời ở tuổi 76”, *National Catholic Reporter*, ngày 3 tháng 1 năm 2014,

<https://www.ncronline.org/news/people/fr-bob-nugent-silenced-his-workgay-catholics-dies-76>.

(19) “Chủ tịch Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ làm rõ tình trạng của Bộ New Ways”, *Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ*, ngày 12 tháng 2 năm 2010,

<https://www.usccb.org/news/2010/usccb-president-clarifies-status-newways-ministry>.

(20) “Bài xã luận: Sự lãnh đạo thất bại của các Giám mục Hoa Kỳ là rõ ràng”, *National Catholic Reporter*, ngày 22 tháng 11 năm 2019,

<http://www.ncronline.org/news/opinion/editorial-failed-leadership-usbishops-clear>.

(21) “Nhân vật nổi bật của năm 2019 do NCR bình chọn: Nancy Pelosi”, *National Catholic Reporter*, ngày 20 tháng 12 năm 2019,

<http://www.ncronline.org/print/news/opinion/ncrs-2019-newsmaker-yearnancy-pelosi>.

(22) “CFC công bố Chủ tịch mới, nhà lãnh đạo tư tưởng Công Giáo Jamie Manson”, *Catholics for Choice*, ngày 29 tháng 9 năm 2020,

<http://www.catholicsforchoice.org/cfc-announces-new-president-jamiemanson>.

(23). Tập này được đề cập trong Bill Donohue, *Phá hoại thế tục: Cách những người theo chủ nghĩa tự do đang phá hủy tôn giáo và văn hóa ở Mỹ* (New York: FaithWords, 2009), trang 167.

(24). Paul Shaughnessy, “Vấn đề linh mục đồng tính”, *Catholic World Report* (tháng 11 năm 2000), đăng trên *Catholic Culture*,

<https://www.catholicculture.org/culture/library/view.cfm?recnum=12047>.

(25). Nancy Frazier O’Brien, “Ủy ban Giáo lý nói cuốn sách năm 2008 sai quan điểm về các vấn đề đạo đức”, *Catholic News*, ngày 22 tháng 9 năm 2010,

<https://catholicnews.sg/2010/10/18/doctrine-committee-says-2008-bookerrs-in-views-on-moral-issues/>.

(26) Regina Schulte, “Về vấn đề tình dục, hệ thống phẩm trật đã chiếm đoạt toàn bộ chức vụ giảng dạy”, *National Catholic Reporter*, ngày 15 tháng 10 năm 2010,

<http://www.ncronline.org/print/news/parish/sexuality-hierarchy-hasusurped-entire-teaching-office>.

(27) Ann Carey, “Mọi việc đang diễn ra như thế nào?”, *Catholic World Report* (tháng 1 năm 2011): 18-21.

(28) Anne Hendershott, “Khi các thành viên của báo chí Công Giáo làm thất vọng Giáo hội”, *Crisis Magazine*, ngày 15 tháng 9 năm 2014, <http://www.crisismagazine.com/2014/catholic-press-fails-church>.

(29) Carey, “Mọi việc đang diễn ra như thế nào?”

(30) Ann Carey, “Trong sự phủ nhận”, *Catholic World Report* (tháng 11 năm 2009), đăng tải trên *Catholic Culture*, <https://www.catholicculture.org/culture/library/view.cfm?recnum=9230>.

(31) Ibid.

(32) Tom Fox, “Các nữ tu không tuân thủ nghiên cứu của Vatican”, *National Catholic Reporter*, ngày 24 tháng 11 năm 2009, <https://www.ncronline.org/news/global-sisters-report/women-religious-notcomplying-vatican-study>.

- (33). Bộ Giáo lý Đức tin, “Đánh giá Giáo lý của Hội nghị Lãnh đạo các Nữ tu”, ngày 18 tháng 4 năm 2012, http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cfaith/documents/rc_con_cfaith_doc_20120418_assessment-lcwr_en.html.
- (34). “Bài xã luận: Sự an ủi về LCWR trở nên sáo rỗng trong một Giáo hội không lành mạnh”, *National Catholic Reporter*, ngày 8 tháng 5 năm 2012, <https://www.ncronline.org/news/opinion/editorial-consolation-lcwr-ringshollow-unhealthy-church>.
- (35). “Nói sự thật với Vatican”, *New York Times*, ngày 18 tháng 9, 2012, A24.
- (36) Eric Marropodi, “Cuộc đấu tranh của các nữ tu với Vatican làm nổi bật cuộc đấu tranh toàn cầu của Công Giáo”, *CNN*, ngày 30 tháng 5 năm 2012, <https://religion.blogs.cnn.com/2012/05/30/nuns-fight-with-vaticanhighlights-catholicisms-global-struggle>.
- (37) George Weigel, “Vatican và các nữ tu”, *National Review*, ngày 23 tháng 4 năm 2012, <https://www.nationalreview.com/2012/04/vatican-and-sistersgeorge-weigel/>.
- (38) James Hitchcock, “Sự thất bại của Công Giáo tự do”, *Catholic World Report* (15 tháng 5 năm 2011), <http://www.catholicworldreport.com/2011/05/15/the-failure-of-liberalcatholicism>.
- (39) Jim Graves, “Các dòng tu đang cạn kiệt chỗ”, *Catholic Herald* (phiên bản Hoa Kỳ), 18 tháng 1 năm 2019, 17.
- (40) “Hướng dẫn truyền thông về các nhóm Công Giáo giả mạo”, *Catholic League*, 9 tháng 9 năm 2015, <https://www.catholicleague.org/media-guide-to-phonicatholic-groups/>.
- (41) France, *Kinh Lạy Cha*, 115.
- (42) Jeannine Gramick, “Tìm kiếm sự đồng cảm cho Shanley”, *National Catholic Reporter*, 14 tháng 1 năm 2005.
- (43) Maureen Orth, “Lòng bác ái của Gramick dành cho Shanley là hơn cả những gì ông ta xứng đáng”, *National Catholic Reporter*, ngày 14 tháng 1 năm 2005.
- (44) Jim Russell, “Cha James Martin ‘phong thánh’ cho Sơ Jeannine Gramick”, *Crisis Magazine*, ngày 27 tháng 6 năm 2017, <http://www.crisismagazine.com/2017/frjim-martin-canonizes-sr-jeannine-gramick>.
- (45) Hitchcock, “Sự thất bại của Công Giáo tự do”.
- (46) Richard Ostling, “Các học giả Hoa Kỳ tự hỏi liệu Giáo hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI có thực hiện thêm hành động nào chống lại những người bất đồng chính kiến hay không”, *Associated Press*, ngày 12 tháng 5 năm 2005.
- (47) Đức Bê-nê-đíc-tô XVI, “Toàn văn bài phát biểu của Đức Bê-nê-đíc-tô XVI: Giáo hội và vụ bê bối lạm dụng tình dục”, *Catholic World Report*, ngày 10 tháng 4 năm 2019, <http://www.catholicworldreport.com/2019/04/10/full-text-of-benedict-xvithe-church-and-the-scandal-of-sexual-abuse>.
- (48) Kenneth D. Whitehead, “Giáo dục Công Giáo: Giáo dục đại học tại Hoa Kỳ”, trong Michael Coulter và cộng sự, *Bách khoa toàn thư về tư tưởng xã hội Công Giáo, khoa học xã hội và chính sách xã hội*, tập 1 (Lanham, Md.:Scarecrow Press, 2007), 349-51.
- (49) Ibid.
- (50) Ibid.
- (51) Kenneth Whitehead, *Các trường đại học Công Giáo và nguồn tài trợ liên bang* (San Francisco: Ignatius Press, 1988), 17-18, 32-33.
- (52) Heidi Schlumpf, “Tác giả và hội thảo tranh luận về cuốn sách gây tranh cãi về Cha Hesburgh của Đại học Notre Dame”, *National Catholic Reporter*, ngày 11 tháng 5 năm 2019, <http://www.ncronline.org/print/news/people/author-panel-debatecontroversial-book-about-notre-dames-fr-hesburgh>.
- (53) Michael Rose, *Tạm biệt những người đàn ông tốt* (Washington, D.C.: Regnery, 2002), 22.
- (54) Tom Fox, “Thánh bồng mạng của người Công Giáo LGBT, John J. McNeill, 90 tuổi, qua đời”, *National Catholic Reporter*, ngày 24 tháng 9 năm 2015,

- <http://www.ncronline.org/news/people/patron-saint-lgbt-catholics-john-jmcneill-90-dies>.
- (55) France, *Kinh Lạy Cha*, 385.
- (56) Rueda, *Mạng lưới Đồng tính luyến ái*, 305.
- (57) Eleonore Villarrubia, “Bella Dodd—Từ Cộng sản đến Công Giáo”, *Catholicism.org*, ngày 31 tháng 8 năm 2010, <https://catholicism.org/bella-dodd%E2%80%94from-communist-to-catholic.html>. Xem thêm sách của Dodd, *Trường học Bóng tối*.
- (58) Roger Kiska, “Cuộc Trường Chinh của Antonio Gramsci xuyên suốt Lịch Sử”, *Tôn Giáo & Tự Do*, ngày 12 tháng 12 năm 2019, <https://www.acton.org/religionliberty/volume-29-number-3/antonio-gramsci-long-march-throughhistory>.
- (59) “Người sáng lập Đảng Cộng sản Ý cải đạo trước khi chết”, *Cơ quan Tin tức Công Giáo*, ngày 2 tháng 12 năm 2008, https://www.catholicnewsagency.com/news/founder_of_italian_communist_party_converted_before_death.
- (60) Patrick J. Henry, “Nghiên cứu về Lãnh đạo của một ‘Tổ chức Nhân dân’”, 4-7 (luận văn thạc sĩ, Đại học Loyola, 1959), https://ecommons.luc.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=2586&context=luc_theses.
- (61) Xem video *A Wolf in Sheep’s Clothing* của EWTN, được phát sóng trên kênh này vào năm 2016. Video có sẵn trên trang web của EWTN.
- (62) Lawrence J. Engel, “Ảnh hưởng của Saul Alinsky đối với Chiến dịch Phát triển Con người”, *Nghiên cứu Thần học* 59, số 47 (1998): 6, <http://cdn.theologicalstudies.net/59/59.4/59.4.3.pdf>.
- (63) Henry, “Một nghiên cứu”, 9.
- (64) Peter Steinfels, “John J. Egan, Linh mục và Nhà vận động Nhân quyền, Qua đời ở tuổi 84”, *New York Times*, ngày 20 tháng 5 năm 2001, <https://www.nytimes.com/2001/05/22/us/john-j-egan-priest-and-rightsadvocate-is-dead-at-84.html>.
- (65) Engel, “Ảnh hưởng của Saul Alinsky”, 7.
- (66) Steinfels, “John J. Egan”.
- (67) Engel, “Ảnh hưởng của Saul Alinsky”, 8.
- (68) Saul D. Alinsky, *Quy tắc dành cho những người cấp tiến* (New York: Vintage Books, 1989), 4.
- (69) “Lịch sử”, trang web Call to Action, <https://www.ctausa.org/history>.
- (70) Vincent P. Miceli, “Detroit: Kêu gọi Cách mạng trong Giáo hội” *Tập san Giảng lễ và Mục vụ*, Tháng 3 1977, in lại trong Văn hóa Công Giáo, <https://www.catholicculture.org/culture/library/view.cfm?recnum=4544>.

KẾT LUẬN

Nhờ những cải cách ở Dallas và sự thức tỉnh về mối quan tâm đối với các nạn nhân bị lạm dụng tình dục trong toàn xã hội, Tai Tiếng I phần lớn đã lùi lại phía sau. Ngay từ đầu, chúng ta chưa bao giờ độc quyền vấn đề này, nhưng sự kết hợp giữa thiên vị của truyền thông, các luật sư tham lam, những người bệnh vực nạn nhân vì động cơ chính trị, những người Công Giáo bất đồng chính kiến và các nhà hoạt động bên ngoài đã khiến mọi thứ dường như không thay đổi. Họ không muốn nó thay đổi. Họ có lợi ích riêng – dù là về kinh tế hay tư tưởng – trong việc duy trì vụ tai tiếng này, ít nhất là trong suy nghĩ của công chúng. Điều này bao gồm cả các nhóm Công Giáo bảo thủ cánh hữu cũng như các nhóm cải cách cánh tả.

Sẽ rất hữu ích nếu các giám mục trở nên quyết liệt hơn và bớt phòng thủ hơn về vấn đề này. Ví dụ, nhiều người Công Giáo, chứ đừng nói đến công chúng, đều có ấn tượng rằng bằng cách nào đó Giáo hội vẫn nắm giữ vấn đề này. Các giám mục có nghĩa vụ đạo đức phải nói với họ rằng điều đó không đúng.

Có bao nhiêu người biết về “hội chứng bạn trai bạo hành”? Họ cần biết rằng lạm dụng trẻ em trong gia đình là một tội ác lớn nhưng ít được báo cáo và những người sống chung không cùng huyết thống là những người có nhiều khả năng lạm dụng trẻ em nhất, chứ không phải các thành viên của giáo sĩ hay giáo viên. Họ cũng cần lưu ý thêm rằng khi các tiểu bang cho phép tạm đình chỉ thời hiệu khởi kiện, rất ít luật sư quan tâm đến các vụ án nhỏ. Hầu hết luật sư đều nhắm đến những vụ án có tiềm lực tài chính mạnh. Thật vậy, trong một số trường hợp mà chúng ta có dữ liệu, 95% các vụ án được luật sư chấp nhận liên quan đến việc kiện các tổ chức—đó là nơi có tiền. Như một người bệnh vực nạn nhân đã thừa nhận, “Họ sẽ rất vui khi nhận một vụ kiện để kiện giáo hội.” (1) Hơn nữa, đối với nhiều người, việc kiện Giáo hội đáp ứng cả nhu cầu về tư tưởng lẫn kinh tế. Giáo hội đã phải chi hơn 3 tỷ đô la để giải quyết những vụ kiện này.

Những người tín hữu và công chúng cần được biết rằng các cuộc cải cách thực sự đang có hiệu quả và Giáo hội đang làm nhiều hơn bất cứ tổ chức nào khác trong xã hội, với các chương trình bồi thường độc lập của mình để tiếp cận các nạn nhân. Quan trọng là, mọi người cần biết rằng Giáo hội hầu như là tổ chức duy nhất không chấp nhận các thỏa thuận bảo mật không tiết lộ thông tin. Khi bà Melinda Wolfe, cựu giám đốc nhân sự của Bloomberg L.P. từ năm 2008 đến 2013, nói rằng, “Tôi không biết công ty nào cung cấp trợ cấp thôi việc mà không yêu cầu những người được hưởng trợ cấp đó ký thỏa thuận bảo mật thông tin”, thì người Công Giáo cần nghe điều này từ các giáo phận của họ. (2)

Không nghi ngờ gì nữa, trong số những nạn nhân lớn nhất của vở kịch dàn dựng này là các linh mục bị buộc tội. Họ xứng đáng được đối xử bình đẳng theo pháp luật như mọi tầng lớp khác trong xã hội, và điều này thậm chí không cần phải nói ra. Nhưng nó vẫn phải được nói ra. Khi chúng ta có những người như Thẩm phán Tòa án Tối cao Illinois Anne Burke, người từng cố vấn cho các giám mục, lập luận rằng các linh mục nên bị cách chức khỏi chức vụ chỉ sau một cáo buộc vô căn cứ—bà ấy không nói rằng phán quyết của bà ấy nên áp dụng cho bất cứ ai khác ngoài linh mục—chúng ta đã có đủ bằng chứng cho thấy sự thù địch đối với quyền của các linh mục đã trở nên phổ biến. (3) Không có gì lạ khi tôi nhận được các cuộc gọi, thư, fax và email từ các linh mục bày tỏ lòng biết ơn đối với những nỗ lực của Liên đoàn Công Giáo trong việc bảo vệ quyền lợi của họ, cả ở tòa án lẫn trên diễn đàn dư luận. Quá nhiều người cảm thấy bị bỏ rơi.

Bất chấp tiến bộ, chúng ta vẫn có thể làm tốt hơn. Đặc biệt, tất cả chúng ta, nhất là những người làm việc với giới giáo sĩ, cần phải cảnh giác với những dấu hiệu cảnh báo, những dấu hiệu cho

thấy một linh mục đang gặp rắc rối và có thể có hành vi không đúng mực. Không phải mọi linh mục nghiện rượu đều có thể cũng là một kẻ lạm dụng tình dục, nhưng nếu vị linh mục đó thường xuyên tụ tập với những thanh niên trẻ, đặc biệt là trong phòng riêng của mình, thì điều đó không chỉ gây ra sự nghi ngờ mà còn phải làm rõ vấn đề: giám mục cần được thông báo và vị linh mục phải bị đối chất.

Việc thiếu trách nhiệm giải trình là một vấn đề nghiêm trọng trong Giáo Hội Công Giáo, và không chỉ liên quan đến lạm dụng tình dục của giáo sĩ. Mặc dù người ta thường nói Giáo hội là một định chế trừng phạt, nhưng trên thực tế, điều ngược lại mới đúng: có một nền văn hóa rất thoải mái trong các giáo phận, đến nỗi thật đáng ngạc nhiên là không có nhiều vấn đề hơn. Mặc dù việc trừng phạt nghiêm khắc không phải là biện pháp tối ưu—chắc chắn không phải thường xuyên—nhưng đôi khi nó là cần thiết. Nếu những nhân viên Giáo hội vô trách nhiệm nhất không bị trừng phạt, điều đó sẽ gửi một thông điệp đến tất cả mọi người rằng việc tuân thủ các chuẩn mực là điều không quan trọng. Ngược lại, nếu những người vi phạm nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm, thì mọi người sẽ hiểu được thông điệp đó.

Đây là một ví dụ. Năm 2018, hai nữ tu thuộc Tổng giáo phận Los Angeles bị cáo buộc biến thủ 500,000 đô la từ một trường học Công Giáo; tổng số tiền có thể lên tới 3 triệu đô la trong vòng 20 năm. Sau đó, các nữ tu thừa nhận đã lừa đảo trường học về học phí, lệ phí và tiền quyên góp. Và ban quản lý trường học đã làm gì? Họ từ chối khởi tố các nữ tu. Cảnh sát phải vào cuộc. (4) Sự ưu ái dành cho các nữ tu là điều dễ hiểu, và đó là điều mà nhiều giám mục đã làm khi xử lý các linh mục phạm tội, nhưng điều đó vẫn không thể chấp nhận được. Phản ứng kiểu này xuất phát từ sự thiên cận: Còn những bậc cha mẹ đã trả lương cho nhân viên nhà trường thì sao? Tình cảm không nên có vai trò gì trong việc đưa ra những quyết định khó khăn, nhưng nó lại thường xuyên xảy ra trong Giáo Hội Công Giáo.

Về vấn đề đồng tính luyến ái, sẽ rất hữu ích nếu các giám mục có thể thống nhất quan điểm. Quan điểm đó chính là quan điểm trong Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo. Khi Đức Hồng Y Joseph Tobin, Tổng Giám mục Newark, lên truyền hình nói với công chúng rằng ông không đồng ý với mô tả của Sách Giáo lý về hành vi đồng tính luyến ái là “lỗi lầm nội tại”, chúng ta đang đối diện với một vấn đề thực sự. Ngài gọi đó là “ngôn ngữ rất đáng tiếc”. (5) Tương tự, một linh mục đại diện cho người phụ trách vấn đề lạm dụng tình dục của Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Tổng Giám mục Charles Scicluna của Malta, đã nói với thánh giả đài phát thanh rằng “mối quan hệ yêu thương” giữa những người đồng tính luyến ái cũng “tốt” như mối quan hệ “yêu thương giữa các cặp đôi dị tính”. (6) Mặc dù ngài không đề cập đến vấn đề đồng tính luyến ái là “lỗi lầm nội tại”, nhưng rõ ràng là ngài cũng bác bỏ giáo huấn của Giáo hội.

Nhiều người trong Giáo hội đang vật lộn với vấn đề có người đồng tính luyến ái trong hàng giáo sĩ. Như chúng ta đã thấy, trong khi hầu hết các linh mục đồng tính luyến ái không phải là kẻ lạm dụng, thì hầu hết những kẻ lạm dụng lại là người đồng tính luyến ái. Do đó, mặc dù khuyến khích đồng tính luyến ái không khiến một người trở thành kẻ quấy rối tình dục, nhưng trong một số trường hợp, nó có thể làm tăng khả năng trở thành kẻ quấy rối. Điều này chủ yếu là do sự chưa trưởng thành về tình dục và cảm xúc, một tình trạng liên quan đến việc bị thu hút tình dục bởi trẻ vị thành niên.

Điều này đặt ra câu hỏi: Liệu người đồng tính có nên được phép trở thành linh mục? Trong một thế giới lý tưởng, tất cả đàn ông đều được chào đón vào hàng ngũ linh mục, miễn là họ có kỷ luật nội tâm cần thiết để chấp nhận lời thề độc thân. Đáng tiếc, dường như tiêu chuẩn đó khó thực hiện hơn đối với nhiều người đồng tính.

Trong khoảng thời gian từ khi tờ Boston Globe đăng tải các bài báo về vụ tai tiếng lạm dụng tình dục của giáo sĩ năm 2002 đến hội nghị các giám mục ở Dallas, Hồng Y Anthony Bevilacqua đã nói với các phóng viên điều mà các giám mục khác tin tưởng nhưng không thoải mái khi nói công khai: “Chúng tôi cảm thấy rằng một người có khuynh hướng đồng tính luyến ái không phải là ứng viên phù hợp cho chức linh mục, ngay cả khi người đó không phạm tội [quan hệ tình dục đồng tính].” Nguồn gốc của sự dè dặt này là gì? “Có thể chúng ta có những người đồng tính luyến ái rất trong sạch. Nhưng nguy cơ họ thất bại trong việc giữ việc sống độc thân cao hơn nhiều. Nguy cơ cao hơn, đó là tất cả những gì chúng ta đang nói.” (7)

Nhà thần học lỗi lạc Germain Grisez cũng đi đến kết luận tương tự: “Tình dục định hình sâu sắc cuộc sống của con người, và khuynh hướng đồng tính luyến ái, mặc dù ít kỳ lạ hơn so với các chứng lệch lạc tình dục [paraphilias] thường được công nhận, là một rối loạn nghiêm trọng. Đàn ông đồng tính luyến ái chắc chắn có thể hoàn toàn tiết chế, nhưng đặc sủng đời sống độc thân bao gồm nhiều hơn thế; đức khiết tịnh bình yên và sự thăng hoa năng lực tình dục thành sự phục vụ tư tế vì lợi ích của vương quốc”. (8) Điều này phù hợp với những gì nhiều người đàn ông đồng tính luyến ái đã thú nhận: ham muốn tình dục của họ mạnh hơn so với đàn ông dị tính. Nhà tâm lý học người Hoà Lan Gerard J. M. van den Aardweg cũng đồng ý. “Xu hướng đồng tính luyến ái thường mang tính ám ảnh”, và vì lý do này, ông nói, “không người đàn ông nào có khuynh hướng đồng tính luyến ái hoặc ấu dâm được thụ phong linh mục, cũng như không được nhận vào chủng viện.” (9)

Ngay cả khi ham muốn tình dục của nam giới đồng tính không khác gì so với người dị tính, thì việc đặt họ vào môi trường toàn nam giới, nơi mà cảm dỗ chắc chắn sẽ bùng phát, có ý nghĩa gì? Cha Robert Altier nêu ra một số vấn đề đáng suy gẫm. “Chúng ta không cho phép đàn ông vào các tu viện nữ vì sẽ không lâu nữa đâu, sẽ có người gặp rắc rối.” Chẳng phải đây là lẽ thường tình sao? Cha cũng kể lại một cuộc trò chuyện với một người bạn đồng tính mà cha quen biết ở chủng viện. Người bạn hỏi cha: “Cậu có bao giờ nghĩ đến việc tắm trong phòng thay đồ nữ không?” Cha trả lời: “Chắc chắn là không.” Sau đó, người bạn giải thích: “Giờ thì cậu biết tớ phải trải qua những gì khi vào phòng thay đồ nam rồi đấy.” (10)

Đức ông Andrew R. Baker chia sẻ quan điểm này: “Trong một môi trường rõ ràng là nam giới như chủng viện và chức linh mục, cảm dỗ luôn hiện hữu đối với những người mắc chứng rối loạn [đồng tính luyến ái].” Chính vì sự cảm dỗ “có thể khiến những nỗ lực sống trong sạch hoặc chữa lành chứng rối loạn của họ trở nên rất khó khăn” mà cha khuyến nghị không cho phép người đồng tính gia nhập hàng giáo sĩ. (11)

Đây là những mối quan ngại thực tế. Không ai nói rằng người đồng tính không thể là người Công Giáo tốt hoặc sự phục vụ của họ cho Giáo hội không được hoan nghênh. Chỉ là chủng viện và chức linh mục, là môi trường toàn nam giới, không thực tế đối với những người đàn ông có sự hấp dẫn đồng giới mạnh mẽ. Ít nhất, những người có “xu hướng đồng tính luyến ái sâu xa” không nên được nhận vào chức linh mục.

Quy tắc này, hiện đang được thực hiện, là lẽ thường. Có lý do tại sao những thanh niên trưởng thành làm cố vấn trại hè không được phép làm người giám hộ cho các bé gái trong các chuyến cắm trại qua đêm. Đáng tiếc, những thanh niên đồng tính đã trở thành cố vấn trại hè và người giám hộ trong Hội Hướng đạo sinh, và chúng ta biết điều gì đã xảy ra ở đó. Giả vờ rằng điểm yếu của bản chất con người không đáng kể thì chẳng có ích gì cho ai cả. Nó luôn luôn đáng kể.

Vai trò của sự bất đồng chính kiến trong Giáo hội có chức năng hợp pháp hóa hành vi quái rối của các linh mục. Khi các linh mục đồng tính luyến ái, những người bị thu hút bởi quan hệ tình

dục với trẻ vị thành niên, học được cách chấp nhận việc không đồng ý—thậm chí là lên án—giáo lý của Giáo hội về đạo đức tình dục ở một số nơi, thì chúng ta có thể mong đợi điều gì? Sự bất đồng không khiến các linh mục gặp rắc rối lắm dụng, nhưng nó tạo vỏ bọc, khiến họ dễ dàng hợp lý hóa hành vi của mình. Nếu một giáo viên nói với học sinh rằng việc bỏ qua những chỉ thị của cha mẹ mà họ cho là không công bằng là được phép, liệu chúng ta có buộc giáo viên phải chịu trách nhiệm khi bọn trẻ cư xử không đúng mực không?

Các giám mục đương nhiên thấy khó khăn trong việc kỷ luật các linh mục bất đồng; các bề trên của các dòng tu cũng vậy. Họ có thể bắt đầu bằng cách xử lý những trường hợp nghiêm trọng nhất. Nếu làm như vậy, những người khác ít bất tuân hơn sẽ hiểu được thông điệp. Không làm gì cũng mang tính phán xét như làm điều gì đó; cả hai đều có hậu quả, không chỉ đối với người phạm tội mà còn đối với tất cả mọi người khác.

Việc đối phó với các nhà hoạt động và các tổ chức không thuộc thẩm quyền của Giáo hội nhưng lại thúc đẩy sự bất đồng trong cộng đồng Công Giáo thì khó khăn hơn. Ít nhất, các giám mục cần phải quan sát kỹ hơn cách thức một số nhà hoạt động làm suy yếu đạo đức tình dục Công Giáo thông qua các nhóm. Những tổ chức tự nhận là ủng hộ giáo huấn xã hội của Giáo hội trong không gian công cộng. Điều này đòi hỏi phải đánh giá tốt hơn cương lĩnh, mục tiêu, đồng minh chính trị cũng như nguồn tài trợ của họ.

Đây là một ví dụ điển hình. Năm 2005, Alexia Kelley và Chris Korzen thành lập Catholics in Alliance for the Common Good, tổ chức này nhận được tài trợ từ nhà từ thiện vô thần George Soros: 100,000 đô la thông qua Quỹ Thúc đẩy Xã hội Cởi Mở (2009) và 300,000 đô la thông qua Viện Xã hội Cởi Mở của ông (từ năm 2007). (12) Kelley đã làm việc mười năm tại Chiến dịch Công Giáo vì Phát triển Con người (CCHD) của các giám mục. Năm 2004, bà là giám đốc phụ trách quan hệ tôn giáo cho Ủy ban Quốc gia Đảng Dân chủ trong chiến dịch tranh cử tổng thống của John Kerry. Trong chính quyền Obama, bà đứng đầu Trung tâm Quan hệ Đối tác Dựa trên Đức tin và Khu phố dưới quyền Bộ trưởng Y tế và Dịch vụ Nhân sinh Kathleen Sebelius. Trước khi làm việc với tư cách là một nhà tổ chức công đoàn và nhà hoạt động cho Pax Christi, Korzen đã đồng sáng lập và điều hành Catholics United, và trong Năm 2004 và 2005, ông chỉ đạo Dự án Bỏ phiếu Công Giáo, nhằm thuyết phục cử tri Công Giáo lựa chọn các ứng cử viên Đảng Dân chủ tranh cử dựa trên sự ủng hộ của họ đối với các chương trình dành cho người nghèo. (13)

Nhưng đây chỉ là bề nổi. Năm 2016, chúng ta đã biết được từ các tài liệu năm 2012 của WikiLeaks rằng John Podesta, cựu chánh văn phòng của Tổng thống Bill Clinton và chủ tịch chiến dịch tranh cử tổng thống của Hillary Clinton, đã nhận công lao tạo ra tổ chức Catholics in Alliance for the Common Good trong một email gửi cho Sandy Newman, chủ tịch của Voices for Progress. Newman đã gửi email cho Podesta về sự cần thiết của một “Mùa xuân Công Giáo” trong Giáo hội (ám chỉ đến các phong trào tự do “Mùa xuân Ả Rập” ở Trung Đông) để chống lại các giám mục Mỹ đang phản đối chỉ thị của Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh yêu cầu các tổ chức Công Giáo cung cấp bảo hiểm y tế cho nhân viên của họ đối với các biện pháp tránh thai và phá thai. Newman đã viết:

Toàn bộ cuộc tranh cãi này với các giám mục phản đối việc bảo hiểm chi trả cho các biện pháp tránh thai mặc dù 98% người phụ nữ Công Giáo (và bạn đời của họ) sử dụng biện pháp tránh thai khiến tôi suy nghĩ... Cần phải có một Mùa Xuân Công Giáo, trong đó chính người Công Giáo yêu cầu chấm dứt chế độ độc tài thời Trung cổ và bắt đầu một nền dân chủ nhỏ và tôn trọng bình đẳng giới trong Giáo Hội Công Giáo. Liệu việc chi trả cho biện pháp tránh thai có phải là vấn đề mà điều đó có thể xảy ra? Các Giám mục chắc chắn sẽ tiếp tục cuộc đấu tranh.

Liệu sự ủng hộ của Hiệp hội Bệnh viện Công Giáo đối với chính sách mới của Chính quyền, cùng với “98%” có tạo ra cơ hội nào không?

Podesta trả lời, “Chúng tôi đã thành lập Liên minh Công Giáo vì Lợi ích Chung để tổ chức cho một thời điểm như thế này.” (14)

Từ đây chúng ta sẽ đi đâu?

Câu trả lời cho tất cả những thách thức này là cam kết với giáo lý Công Giáo đích thực và theo đuổi chân lý. Làm điều này không chỉ đòi hỏi lòng can đảm; nó đòi hỏi tất cả các giám mục và linh mục phải chống lại những lời kêu gọi khăng định từ giới tinh hoa thế tục. Tôi nhớ có một ngày, Hồng Y John O'Connor gọi tôi vào văn phòng để thảo luận về một vấn đề nào đó, nhưng thấy tôi bồn chồn, ngài hỏi tôi có chuyện gì. Tôi bày tỏ sự bức bối của mình đối với những linh mục quan tâm đến việc lấy lòng giáo dân hơn là bảo vệ chân lý. Ngài nói, “Bill, họ muốn được yêu mến.” Tôi đáp lại, “Con cũng muốn được yêu mến, nhưng con cũng muốn được tôn trọng.” Ngài hoàn toàn hiểu.

Đây không chỉ là vấn đề của giới linh mục. Tôi đã tận mắt chứng kiến cách những người tổ chức Lễ diễu hành Ngày Thánh Patrick ở Thành phố New York sẵn sàng làm bất cứ điều gì, thậm chí đến mức phá bỏ truyền thống, để nhận được sự tán thưởng của giới tinh hoa thế tục. Ngay cả sau phán quyết nhất trí của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ năm 1995 cho rằng những người tổ chức lễ diễu hành không cần phải cho phép người đồng tính luyến ái được diễu hành dưới biểu ngữ riêng của họ—đó là một sự kiện tư nhân—hai thập niên sau, các quan chức đã nhượng bộ trước áp lực của giới tinh hoa và thay đổi các quy tắc của họ.

Trong hai mươi năm, tôi là người phát ngôn không chính thức cho Lễ diễu hành Ngày Thánh Patrick ở Thành phố New York, và tôi luôn nói với giới truyền thông rằng cuộc diễu hành không chống người đồng tính nhiều hơn là chống lại sự sống (người Công Giáo đồng tính và người Công Giáo ủng hộ sự sống có thể diễu hành nhưng không được dưới biểu ngữ riêng của họ). Vì vậy, khi các cuộc thảo luận về việc cho phép người đồng tính diễu hành như một đơn vị riêng biệt diễn ra vào năm 2014, các quan chức lễ diễu hành đã tiếp cận tôi và hỏi liệu tôi có phản đối hay không. Tôi không hài lòng về sự nhượng bộ này, nhưng tôi nói rằng tôi sẽ không phản đối công khai miễn là các nhóm ủng hộ sự sống cũng có thể diễu hành dưới biểu ngữ riêng của họ. Tôi được đảm bảo rằng họ có thể. Hóa ra đó là một lời nói dối: các nhóm ủng hộ sự sống đã bị cấm diễu hành. Sau đó, tôi đã rút đoàn đại biểu của Liên đoàn Công Giáo khỏi cuộc diễu hành. (15)

Nhu cầu được yêu thích rất mạnh mẽ trong tất cả chúng ta, nhưng phải trả giá rất đắt khi nó trở nên kiểm soát, và điều này đặc biệt đúng với các nhà lãnh đạo Công Giáo, cả thế tục lẫn tôn giáo. Hồng Y Sarah hiểu vấn đề này hơn ai hết. “Giáo Hội đang chết dần vì các mục tử của Giáo Hội sợ nói lên tất cả sự thật và sự rõ ràng. Chúng ta sợ truyền thông, sợ dư luận, sợ chính anh em mình!” (16) Tất cả các linh mục nên làm theo lời khuyên của ngài: “Tôi không ở đây để được nổi tiếng hay để tăng số lượng trong các nhà thờ hoặc trên mạng xã hội.” (17)

Giáo Hội luôn cần cải cách, nhưng điều chúng ta không cần là một Giáo Hội mới. Điều này đã được Đức Giáo Hoàng hưu trí Bê-nê-đíc-tô XVI nhấn mạnh rất nhiều. Thật vậy, ngài gọi những lời kêu gọi như vậy là công việc của ma quỷ. “Vâng, có tội lỗi và điều ác trong Giáo Hội. Nhưng ngay cả ngày nay vẫn có Giáo Hội Thánh, là bất khả hủy diệt.” (18) Hoặc, như Hồng Y Sarah nói, “Bất chấp sự bạo lực của các cuộc tấn công mà Giáo Hội có thể phải chịu đựng, Giáo Hội sẽ không chết. Đây là lời hứa của Chúa, và lời của Người là bất khả sai lầm.” (19)

Tất nhiên, đây không phải là công thức cho sự thụ động. Mà hoàn toàn ngược lại. Là người Công Giáo, chúng ta được kêu gọi thực hành Lời Chúa, và để làm được điều đó, chúng ta cần trung thành với giáo huấn của Giáo hội và có can đảm bảo vệ chúng. Đó là cách chắc chắn nhất để ngăn chặn các vụ tai tiếng nảy sinh ngay từ đầu.

LỜI CẢM ƠN

Một mặt, đây không phải là một cuốn sách dễ viết. Dù sao, những người trong chúng ta yêu mến Giáo Hội Công Giáo đã bị ảnh hưởng bởi vụ tai tiếng. Mặt khác, việc viết cuốn sách này đã cho tôi cơ hội để làm sáng tỏ mọi chuyện, xua tan nhiều lầm tưởng; quan niệm thông thường đã sai lầm gần như ở mọi khía cạnh. Thực tế là hầu hết các linh mục chưa bao giờ bị buộc tội làm điều sai trái, và quả thực họ là những người rất tốt, đáng được chúng ta ngưỡng mộ. Hơn nữa, sự tiến bộ đã đạt được là không thể phủ nhận.

Tôi xin cảm ơn Cha Joseph Fessio, S.J., và Mark Brumley của Nhà xuất bản Ignatius Press vì đã can đảm xuất bản cuốn sách này. Vivian Dudro, biên tập viên của tôi, đã làm việc chăm chỉ để hoàn thiện nó.

Các thành viên của Liên đoàn Công Giáo—họ là những người tuyệt vời nhất—là những người ủng hộ trung thành nhất trên thế giới. Tinh thần “Đừng sợ hãi” hiện rõ trên khuôn mặt họ. Điều tương tự cũng đúng với ban giám đốc của Liên đoàn Công Giáo, được dẫn dắt tài tình bởi Walter Knysz. Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn đặc biệt đến Mary Ann Glendon thuộc ban cố vấn của chúng ta; hơn ai hết, bà ấy đã truyền cảm hứng cho tôi viết cuốn sách này.

Nhiều ý tưởng hình thành nên cuốn sách này chịu ảnh hưởng từ những tương tác hàng ngày của tôi với đội ngũ hoạch định chính sách của Liên đoàn Công Giáo. Những cuộc trao đổi tôi đã có với Bernadette Brady-Egan, Michael McDonald, Donald Lauer và Nicholas Palczewski đã giúp đỡ rất nhiều.

Valerie, Caryn, Paul, Caitlin và Jay luôn ủng hộ tôi, và thiện chí của họ càng được củng cố bởi các cháu của tôi, Grant và Nina. Cũng xứng đáng được cảm ơn là những người bạn tốt của tôi là Maggie và Mike Mansfield, Linda và Tom Boyle, gia đình McGetrick, và những người náo nhiệt ở quán Doc's. Tôi nâng ly chúc mừng mọi người họ, rất nhiều lần.

Ghi chú

(1). Jay Tokasz, “Ít kẻ lạm dụng bị kiện khi các vụ kiện theo Đạo luật nạn nhân trẻ em nhắm vào các tổ chức”, *Buffalo News*, ngày 16 tháng 2 năm 2020, https://buffalonews.com/news/local/crime-and-courts/few-abusers-are-sued-as-child-victims-act-lawsuits-target-institutions/article_e106c644-7b285055-be2d-436d9a4c020d.html.
abc7.com/parents-say-torrance-nuns-embezzled-millions-over-20years.

(Thiếu các ghi chú 2-4)

(5). “Đức Hồng Y Tobin: Ngôn ngữ trong Giáo lý ‘rất đáng tiếc’ về đồng tính luyến ái”, *Catholic News Agency*, ngày 18 tháng 4 năm 2019, <https://www.catholicnewsagency.com/news/cardinal-tobin-catechism-language-very-unfortunate-on-homosexuality-45966>.

(6). Edward Pentin, “Người Công Giáo Malta chỉ trích sự lãnh đạo của Tổng Giám mục

Scicluna về các vấn đề ‘LGBT’”, *National Catholic Register*, ngày 17 tháng 3 năm 2019, <http://www.ncregister.com/daily-news/maltese-catholics-criticize-archbishop-sciclunas-leadership-on-lgbt-issues>.

(7) Ron Goldwyn, “Bevilacqua: Người đồng tính không thể làm linh mục; tại cuộc họp của các Hồng Y, ông nói rằng người đồng tính không phải là ứng cử viên ‘phù hợp’”, *Philadelphia Daily News*, ngày 27 tháng 4 năm 2002, trang 3-4.

(8) Thomas J. Gumbleton, “Vâng, người đồng tính nam nên được phong chức linh mục”, *America*, ngày 30 tháng 9 năm 2002, <http://www.americamagazine.org/issue/403/article/yes-gay-men-should-be-ordained>.

(9) Gerard J. M. van den Aardweg, “Nhà tâm lý học giải thích tại sao Giáo Hội Công Giáo đúng khi loại trừ người đồng tính khỏi chức linh mục”, *LifeSiteNews*, ngày 12 tháng 3 năm 2019, <http://www.lifesitenews.com/opinion/psychologist-explains-why-catholic-church-is-right-to-exclude-homosexuals-from-priesthood>.

(10) Robert Altier, “Kẻ thù bên trong”, *Catalyst* (tháng 10 năm 2018), <https://www.catholicleague.org/the-enemy-within/>.

(11) Andrew R. Baker, “Phong chức và sự hấp dẫn đồng giới”, *America*, ngày 30 tháng 9 năm 2002,

<http://www.americamagazine.org/issue/403/article/ordination-and-same-sex-attraction>.

(12) Patrick J. Reilly, “Tập hợp cánh tả Công Giáo”, *Capital Research*, ngày 4 tháng 7 năm 2012, <https://capitalresearch.org/article/rallying-the-catholic-left/>.

(13) Xem tiểu sử của Chris Korzen tại <https://www.huffpost.com/author/chriskorzen>, truy cập ngày 16 tháng 4 năm 2021.

(14) “Về: Mở cửa cho một mùa xuân Công Giáo? Chỉ là suy ngẫm...”, *WikiLeaks*, ngày 11 tháng 2 năm 2012, <https://wikileaks.org/podesta-emails>.

(15) Bill Donohue, “Chúng ta sẽ không tuần hành; Thảm họa diễu hành NYC ngày càng trầm trọng”, *Catalyst* (tháng 10 năm 2014), <http://www.catholicleague.org/will-march-nyc-parade-debacle-grows>.

(16) Hồng Y Robert Sarah, *Ngày đã tàn* (San Francisco: Ignatius Press, 2019), 15.

(17) Ibid., 160.

(18) Benedict XVI, “Toàn văn bài phát biểu của Benedict XVI: Giáo hội và vụ bê bối lạm dụng tình dục”, *Catholic World Report*, ngày 10 tháng 4 năm 2019, <http://www.catholicworldreport.com/2019/04/10/full-text-of-benedict-xvi-the-church-and-the-scandal-of-sexual-abuse>.

(19) Sarah, *Ngày đã tàn*, 13-14.